

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

金庸

Khảo
Luận
Văn
Học

KIM DUNG
GIỮA ĐỜI TÔI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Kim Dung
giữa đời tôi

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

KHẢO LUẬN VĂN HỌC

Kim Dung

GIỮA ĐỜI TÔI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1997

8(N453)
DN - 99 886 - 96

Chương 1 - Dẫn nhập

***Kim Dung
giữa đời tôi***

Tháng 1-1995, nhà nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã mời Tiến sĩ Kim Dung về Bắc Kinh, trao tặng ông hàm Giáo sư danh dự Bắc Kinh Đại học và công nhận ông như một nhà văn kỳ tài của dân tộc Trung Hoa. Cùng thời điểm này, những tác phẩm của ông đã được các nhà xuất bản tại Trung Hoa in lại rất trang trọng và phát hành đều khắp 17 thành phố lớn. Tại Bắc Kinh Đại học, ông đã có buổi diễn thuyết quan trọng trước nhiều nhà nghiên cứu, nhà giáo và sinh viên. Ở một nghĩa vừa hiện thực vừa ẩn dụ, ta có thể nói Kim Dung đã trở về giữa lòng cộng đồng dân tộc Trung Quốc.

Kim Dung tên thật là Tra Lương Dung, xuất thân trong một gia đình quan lại tại Hải Ninh, Triết Giang. Họ Tra của ông là một giòng tộc có truyền thống về văn học. Chính Tra Y Hoàng, Tra Kế Tá - hai nhân vật liên hệ đến vụ văn tự ngục Minh sử thời Khang Hy được phản ánh trong tác phẩm *Lộc Đình Ký* là tổ tiên của ông. Ông nội ông từng làm tri

phủ Hải Ninh thời vua Quang Tự và là tác giả của tập thơ *Hải Ninh Sát Thị Sao Thi*. Năm 1948, trước những tao loạn của Trung Quốc, Tra Lương Dung qua Hong Kong làm báo. Ông là chủ bút tờ *Minh Báo* ở Hong Kong. Chữ Dung, tên của ông, có nghĩa là quả chuông lớn, gồm bộ *kim* (thanh thép) và âm *dung* (bình thường). Ông đã tách tên mình ra thành hai chữ Kim Dung (thanh thép bình thường) và sử dụng nó làm bút danh. “Thanh thép bình thường” đó đã làm nên một kỳ tích trong văn học Trung Hoa : khai sáng hệ văn chương võ hiệp và viết thành công 11 bộ tiểu thuyết võ hiệp đồ sộ, cuốn hút gần 2 tỷ độc giả của Hong Kong, Đài Loan, Trung Hoa, Việt Nam, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Pháp và Hoa Kỳ. Ngay từ năm 1969, tại Pháp và Hoa Kỳ đã có hai Kim Dung học hội ra đời, chuyên nghiên cứu về tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung.

Các bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung gồm : 1. ***Độc Bá Quân Hùng***, 2. ***Võ Lâm Ngũ Bá***, 3. ***Xạ Điều Anh Hùng Truyện***, 4. ***Thần Điều Hiệp Lữ***, 5. ***Ỗ Thiên Đồ Long Ký***, 6. ***Hiệp Khách Hành***, 7. ***Lãnh Nguyệt Bào Dao*** tức ***Thần Dao Hồ Đại Đòm***, 8. ***Liên Thành Quyết*** tức ***Tổ Tâm Kiếm***, 9. ***Lục Mạch Thần Kiếm Truyện***, 10. ***Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*** và 11. ***Lộc Đình Ký***. Trừ ***Độc Bá Quân Hùng***, tác phẩm đầu tay chỉ có 1 quyển 600 trang Quan thoại, những bộ về sau của Kim Dung thường trên 10 cuốn. Riêng ***Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*** đã 16 cuốn (5 cuốn đầu có tựa đề là ***Thiên Long Bát Bộ***) và ***Lộc Đình Ký*** 16 cuốn; mỗi cuốn trung bình 500 trang, mỗi trang trung bình 600 chữ. Chúng tôi còn được biết Kim Dung còn có bộ ***Việt Nữ Kiếm*** và Hồ Nam Xuất bản xã (Trung Hoa) đã in lại. Ít có một nhà văn nào trên thế giới có bút lực hùng hậu như Kim Dung.

Tại Việt Nam, cuốn **Độc Bá Quân Hùng** được nhà xuất bản Đường Sáng, Sài Gòn in từ năm 1959, không rõ dịch giả là ai. Phải đợi đến những năm 1960 về sau, qua các cây bút dịch thuật Phan Cảnh Trung, Lão Sơn Nhân, Từ Khánh Phụng, Từ Khánh Vân, Bùi Giáng, và đặc biệt là Hàn Giang Nhạn tiên sinh; tác phẩm vô hiệp của Kim Dung mới thật sự “độc bá quân hùng” trong sinh hoạt văn học. Năm 1968, khi bộ **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** được in trên tờ **Minh Báo** dưới dạng feuilleton thì 44 tờ nhật báo ở Sài Gòn đều tranh nhau dịch và đăng lại, mỗi kỳ khoảng 1,500 chữ. Người ta nghiện Kim Dung đến nỗi báo nào không có **Tiểu Ngạo Giang Hồ** (Bản dịch Việt ngữ bỏ chữ Ký) vì máy bay Hong Kong qua trê thì tờ báo ấy chẳng có ai mua ! Đặc biệt, các bạn nữ sinh viên lúc bấy giờ rất thích đọc **Tiểu Ngạo Giang Hồ**. Tình trạng ấy còn kéo dài cho đến những năm 1972 - 1974, khi bộ **Lộc Đình Ký** ra đời. Chưa có một nhà văn nước ngoài nào gây được ấn tượng mạnh và chiếm nhiều cảm tình của độc giả như Kim Dung !

Kim Dung viết nhiều nhất là trong giai đoạn từ 1961 đến 1973. Văn tự ông sử dụng là Quan thoại, một thứ ngôn ngữ trong sáng, chân phương, kế thừa và phát triển phong cách của Lâm Ngữ Đường, Tào Ngụ, Lỗ Tấn. Nhưng những tác phẩm của ông chỉ thực sự được bạn đọc Trung Hoa biết đến và say mê từ sau năm 1978, khi Trung Quốc tiến lên 4 hiện đại hóa. Người Trung Quốc không ngờ rằng họ có một nhà văn viết Quan thoại lớn lao như Kim Dung. Những tác phẩm của ông được tuyển trạch, được in lại và được đưa vào giáo trình văn ở bậc trung học và đại học tại Trung Hoa, đảo Đài Loan và Hong Kong. Người ta ca ngợi văn phong đơn giản, lời cuốn và tràn đầy tính dân tộc của ông đồng thời khám phá ra chiều sâu kiến thức hàm chứa trong những tác phẩm đồ sộ của ông - cái mà những bậc tiền bối đã làm

nhưng chưa đầy đủ và hoàn chỉnh bằng ông. Chỉ riêng một phương pháp tiểu thuyết hoàn toàn hư cấu, lấy bối cảnh là xã hội phong kiến Trung Quốc trước ông ít nhất 3 thế kỷ mà vẫn lôi cuốn người đọc đương đại đã là một phép lạ.

Sau ngày thống nhất đất nước, đã có một số ý kiến phê phán tác phẩm Kim Dung. Làn gió đổi mới trong 10 năm qua đã cho phép chúng ta nhìn tác phẩm Kim Dung với một cái nhìn khác hơn. Những bộ phim dựa trên tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung như **Anh Hùng Xạ Điêu**, **Thần Điêu Hiệp Lữ**, **Tiểu Ngạo Giang Hồ**, **Lộc Đình Kỳ**, ... do Hong Kong và Đài Loan thực hiện đã tràn vào thị trường văn hóa phẩm Việt Nam và được chiếu rộng rãi dưới dạng điện thị (video). Tất nhiên, những tác phẩm video thương mại này thua xa tác phẩm tiểu thuyết về chiều sâu văn hóa nghệ thuật.

Tôi xin nhận định rằng : Chưa có một nhà văn nào vĩ đại như Kim Dung. Trả lời ông Yên Thị Đồ Cầu Khách trên tờ **Tân Họa Báo**, Đài Loan năm 1973, Kim Dung nói rằng ông chỉ làm văn hóa và không hề muốn xuyên tạc hình ảnh ai trong tác phẩm tiểu thuyết của mình. Ba mươi năm qua, tôi đã đọc Kim Dung thật kỹ và lạ thay mỗi lần đọc, lại cảm thấy thêm một lần thú vị. Những tác phẩm của ông ẩn tàng một chiều sâu đạo đức rất đáng trân trọng. Và thật thiệt thòi cho bạn trẻ nếu chưa được đọc Kim Dung.

Tôi đã đọc Kim Dung tiên sinh đúng 30 năm. Khi còn là học sinh trung học, tôi đọc tác phẩm của Kim Dung vì tò mò và vì những câu chuyện của ông quá hấp dẫn. Khi lên đại học, tôi may mắn được học Hán văn với Giản Chi tiên sinh và học Quan thoại với giáo sư Khưu Sĩ Huệ - người Đài Loan qua dạy, biết thêm được một chút văn chương Trung Hoa nên càng thích đọc Kim Dung hơn. Được sự động viên

của Khuê giáo sư, khi ra trường, tôi sưu tầm khá đầy đủ những tác phẩm của Kim Dung rồi đọc đi, đọc lại, đối chiếu bản dịch của Hàn Giang Nhạn tiên sinh với bản gốc Quan thoại. Tôi học cách làm người, cách đối xử nhân thế, đặc thù được những kiến thức hoàn toàn không có trong giáo trình đại học từ tác phẩm của một nhà văn nước ngoài chưa hề biết mặt. Trong những năm sau Giải phóng, ở trong ngành giáo dục và sau đó chuyển qua làm báo, tôi vẫn thường nghĩ tới những tác phẩm Kim Dung. Ủ nhỉ, tại sao người Trung Hoa đã có những công trình nghiên cứu về **Hồng Lô Mộng**, hình thành bộ môn Hồng học mà mình lại không viết được về Kim Dung, một nhà văn mình vốn yêu thích ? Thế là tôi hệ thống hóa tất cả những điều sở đọc, sở học và đem ra làm sở dụng.

Bài viết đầu tiên đăng trên tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay* số Xuân năm 1994 được khá nhiều bạn đọc và đồng nghiệp khen ngợi. Tôi viết tiếp một loạt các nội dung khác, đăng trên *Kiến Thức Ngày Nay*, *Thanh Niên*, *Phụ Nữ Tuần San*, *Thế Giới Mới*, *Tuổi Trẻ Cười* và liên tiếp nhận được nhiều sự động viên đóng góp của bạn đọc. Một số bạn đồng nghiệp giàu lòng thương yêu gọi tôi là nhà Kim Dung học. Tôi không dám nhận cụm từ Kim Dung học nhưng tôi tin rằng công việc biên khảo của mình đang đem lại những điều thú vị cho bạn đọc, tương đối có phương pháp và không đến nỗi sai sót về kiến thức, Trên tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay*, trả lời một bài phỏng vấn, nhà báo lão thành khá kính Trần Bạch Đằng có khen tặng tôi một lời. Được nhận một lời khen ngợi công khai của Trần tiên sinh, tôi vô cùng hạnh phúc và tăng thêm niềm tin tưởng. Chính từ những cơ sở đó, tôi mạnh dạn nhuận sắc, bổ cứu lại tập bản thảo và cho in bộ **Kim Dung Giữa Đời Tôi**.

Tôi xin đặc biệt cảm ơn Ban biên tập và các bạn đồng nghiệp của tôi ở Báo *Thanh Niên*, các ông *Hàn Tân Quang*, *Anh Đức*, *Lê Khắc Cường* trong Ban biên tập *Kiên Thức Ngày Nay*, Ban giám đốc Nhà xuất bản *Đồng Nai* đã hướng dẫn, giúp đỡ, gợi ý, phê bình, động viên tôi hoàn thành tập sách này. Bỏ ra ba mươi năm để đọc một nhà văn mình ưa thích và bàn về tác phẩm của nhà văn ấy dưới mọi khía cạnh quả thật là điều thú vị. Vâng, tác phẩm *Kim Dung sống giữa đời tôi*, trong lòng tôi suốt 30 năm qua, dù trong đau thương hay trong hạnh phúc.



Chương 2

Khái quát về phong cách xây dựng nhân vật

Trong những năm trước năm 1975 tại miền Nam, người đọc coi Kim Dung tiên sinh, tiểu thuyết gia của Hong Kong, là một nhà văn lớn. Những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông, được đăng báo dưới dạng feuilleton hoặc được in thành sách, đã hấp dẫn hàng triệu triệu người đọc ở Indonésia, Malaysia, Singapore, Việt Nam, Hong Kong, Đài Loan và cả Hoa Lục. Văn của ông đã được tuyển trạch để đưa vào giáo trình văn cấp trung học và đại học tại Đài Loan. Và ngay trong lòng nước Mỹ, người Hoa đã lập ra "Kim Dung học hội", chuyên nghiên cứu, giới thiệu và dịch những tác phẩm của ông ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha ... Điều mà người ta dễ nhận ra nhất là bút lực của Kim Dung rất hùng hậu. Mỗi tác phẩm của ông là một bộ (thường là trên 10 quyển, mỗi quyển dịch ra bản Việt ngữ trung bình 500 - 600 trang). Chúng tôi chỉ xin giới thiệu dẫn tiên một khía cạnh trong kỹ thuật tiểu thuyết của ông : phong cách xây dựng nhân vật.

Trước năm 1975, sách của Kim Dung đã được in gồm :

1. *Độc Bá Quân Hùng (quyển đầu tay)*
2. *Võ Lâm Ngũ Bá*
3. *Liên Thành Quyết Kiếm*
4. *Xạ Điều Anh Hùng Truyện*
5. *Thần Điều Hiệp Lữ*
6. *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*
7. *Hiệp Khách Hành (lấy theo tựa một bài hành của Lý Bạch)*
8. *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*
9. *Lãnh Nguyệt Bảo Dao*
10. *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện (gồm 5 cuốn đầu là Thiên Long Bát Bộ, 11 cuốn sau là Lục Mạch Thần Kiếm)*
11. *Lộc Đình Ký*

Một điều cần lưu ý là nếu chúng ta phân biệt rõ 3 khái niệm **Truyện** (tiểu thuyết hoàn toàn hư cấu), **Ký** (tác phẩm văn xuôi viết về người thật, việc thật) và **Lục** (cuốn sách) thì Kim Dung tiên sinh sử dụng 3 khái niệm đó với một ý nghĩa duy nhất để chỉ các bộ tiểu thuyết võ hiệp của ông.

Khuynh hướng của Kim Dung là thường đặt những cuốn tiểu thuyết của mình vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Trung Quốc. Bộ **Lục Mạch Thần Kiếm** gồm 795 nhân vật được đặt vào khung cảnh lịch sử triều nhà Tống (1127 - 1279) với sự tương tranh, tương giao của 6 thế lực phong kiến : Tống, Đại Lý, Khất Đan (Liêu), Tây Hạ, Thổ Phồn và Yên (Tiên Ty, đã suy tàn). Bộ **Lộc Đình Ký** được đặt vào khung cảnh lịch sử triều Khang Hy (1662 - 1722) nhà Thanh,

khi mà các thế lực chống nhà Thanh như hậu duệ của nhà Minh gồm Đường Vương, Quế Vương, Sùng Trinh và Thiên Địa Hội hoạt động mạnh ... Chính vì thế, trong tiểu thuyết của ông, có những nhân vật thật của lịch sử Trung Quốc như Triệu Hú (Tổng Thần Tôn), Gia Luật Hồng Cơ (Hoàng đế Đại Liêu), Đoàn Chính Minh (Hoàng đế Đại Lý), Khang Hy (đời vua thứ hai của nhà Thanh), Trần Vĩnh Hoa tức Trần Cận Nam (Tổng đường chủ Thiên địa hội) ... Bên cạnh những nhân vật thật đó là những nhân vật thuần túy hư cấu của tiểu thuyết và thường là nhân vật chính.. Trong **Lục Mịch Thần Kiếm**, đó là Kiều Phong, Đoàn Dự, Hư Trúc, Du Thần Chi, Đinh Xuân Thu ... Trong **Lộc Đình Kỳ**, đó là Vi Tiểu Bảo. Những nhân vật tiểu thuyết của ông kết hợp với những nhân vật lịch sử tạo ra một phong cách tiểu thuyết hư hư, thật thật. . Phong cách này khá đậm nét khi ông xây dựng cặp nhân vật Khang Hy - Vi Tiểu Bảo trong **Lộc Đình Kỳ**. Từ một đứa bé tiểu lưu manh trong động điểm Lệ Xuân viện thành Dương Châu, Vi Tiểu Bảo đã bị hoàn cảnh đẩy đưa lên Bắc Kinh giả làm thái giám rồi thân cận với vua Khang Hy, gia nhập Thiên địa hội làm một thứ gián điệp hai mang, trở thành Công tước của triều Thanh, nhận nhiệm vụ ký hòa ước lịch sử Hắc Long Giang 1684 với Phi Diêu Đa La (Féodore) của Nga La Tư ! Tác giả có ghi chú rõ về chuyện hư cấu của mình nhưng điều ấy vẫn không làm giảm đi sự thú vị trong lòng người đọc.

Một cách khái quát, nhân vật trong tiểu thuyết Kim Dung thường được chia ra làm hai tuyến : chính phái (hay bạch đạo) và tà phái (hay hắc đạo). Tuy nhiên, trong tất cả các tác phẩm, Kim Dung không hề rơi vào chủ nghĩa công thức : những kẻ mà ông xếp vào tà thường là những chính nhân quân tử, những kẻ mà ông giới thiệu như là chính nhân quân tử lại là kẻ chẳng ra gì. Bất kỳ người Trung

Quốc nào cũng gọi Minh giáo (tức Bái hòa giáo) từ Ba Tư truyền sang là tà đạo. Trong ***Ỗ Thiên Đồ Long Ký***, Kim Dung đã chứng minh ngược lại : Minh giáo là một chính giáo, nồng nàn tình cảm yêu nước, xả thân để cứu trăm họ ra khỏi ách thống trị của Mông Cổ. Những Trương Vô Kỵ, Dương Tiêu, Vỹ Nhất Tiêu, Phạm Dao, Hân Thiên Chính là những con người quang minh lỗi lạc, hành sự trong sáng, sống rất người. Và chính nghĩa thuộc về họ chứ không thuộc về nhân vật Chu Nguyên Chương, vốn đầy thủ đoạn chính trị, đã cướp công Minh giáo để lên ngôi mở ra nhà Minh. Còn có ai đẹp hơn Quân tử kiếm Nhạc Bất Quần, chương môn phái Hoa Sơn trong ***Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*** ? Thế nhưng từ cuốn 9 trở đi, Nhạc Bất Quần dần dần hiện hình là một kẻ độc ác; dùng con gái làm bậc thang để leo lên, giết cả rể, lừa vợ, giết học trò, quyết chiếm cho được ngôi Minh chủ Ngũ nhạc phái, tự thiên bộ sinh dục để trở thành kẻ lại cái. Nguy quân tử vẫn nguy hiểm hơn chân tiểu nhân !

Những nhân vật chính trong tác phẩm Kim Dung thường là những con người bao dung, đôn hậu, không hủ nho, câu nệ, không làm bộ làm tịch. Đó là Kiều Phong (***Lục Mạch Thần Kiếm***) tự tử ngoài Nhan môn quan để mưu cầu hòa bình cho trăm họ Tống - Liêu. Đó là tiêu anh hùng Hồ Phi (***Lãnh Nguyệt Bảo Dao***) tìm ra kẻ thù giết cha mà vẫn không xuống tay hạ sát. Đó là Quách Tĩnh (***Xạ Đâu Anh Hùng Truyện***) liều chết để giữ thành Tương Dương, là Thạch Phá Thiên (***Hiệp Khách Hành***) chỉ biết sống thuận pháp không hề hại ai ... Họ chính là mẫu “người hùng” lý tưởng theo nhận thức đạo đức Trung Quốc.

Chúng ta không nắm rõ lắm về thân thế Kim Dung. Nhưng truyện của ông thường dành tình cảm cho những con người xuất thân rất tầm thường, những đứa bé mồ côi

không cha mẹ hoặc không biết ai là cha mẹ : Lệnh Hồ Xung, Hồ Phi, Thạch Phá Thiên, Trương Vô Kỵ, Dương Qua là những chàng trai, những cậu bé như vậy. Đời đã dạy họ cách sống và vốn sống. Và họ đã thành người, những con người rất trung thực, đạo đức.

Kim Dung đặt tên cho những nhân vật của mình rất hay. Có nhân vật mà cái tên biểu hiện đầy đủ cho tính cách của mình : Nhậm Ngã Hành (chỉ làm theo ý của mình, không nghe ai khác), Nhạc Bất Quần (không chơi với ai) nhưng lại có rất nhiều bạn bè. Thông thường, trước mỗi tên nhân vật, tác giả đặt cho một ngoại hiệu. Điều thú vị là loại nhân vật càng xoàng xĩnh thì ngoại hiệu càng “kêu” : Đoạn Ngục tam quyền, Đoạt mệnh tam quyền, Nhất kiếm chấn Thiên Nam ... toàn là những nhân vật tào lao. Nhân vật có ngoại hiệu dài nhất là Giang dương đại đạo vạn lý độc hành thái hoa dâm tặc khoái đao Điền Bá Quang (tên tướng cướp đường sông biển, giặc dâm chuyên hãm hiếp phụ nữ, ngàn dặm đi một mình đánh đao rất nhanh tên là Điền Bá Quang - **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**) và Đá biển thiên hạ vô địch thủ kim diện Phật Miêu Nhân Phượng (kẻ đánh khắp thiên hạ không ai địch nổi Phật mặt vàng **Miêu Nhân Phượng - Lãng Nguyệt Bảo Đao**). Có ngoại hiệu cứ làm cho người đọc nhận lầm là ba nhân vật khác nhau như Côn Luân tam thánh Hà Túc Đạo (**Ỗ Thiên Đồ Long Ký**). Thực sự, “tam thánh” là lời người đời xưng tụng Hà Túc Đạo cầm thánh, kiếm thánh, kỳ thánh chứ không phải là “ba ông thánh”. Có những nhân vật thoát độc ngoại hiệu cứ nghĩ là một người lại hóa ra hai người như Hoàng Hà Lão Tổ (Lão Đầu Tử và Tổ Thiên Thu sống trên sông Hoàng Hà - **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**). Những nhân vật chính, siêu việt thường không có ngoại hiệu hoặc ngoại hiệu rất ngắn : Kiều Phong, Đoàn Dự, Hư

Trúc, Bắc cái Hồng Thất Công, ... Ngay cách đặt tên nhân vật đã nói lên tài năng của Kim Dung. Đây cũng là chỗ giúp người đọc phân biệt truyện thật của Kim Dung và những ngụ tác do kẻ khác giả mạo bút danh ông, viết ra.

Truyện của Kim Dung thường có những nhân vật quái dị, mỗi nhân vật mang một phong cách riêng, không giống ai. Đó là Tiêu Tương Dạ Vũ Mạc Đại tiên sinh (**Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**) làm chương môn, vẫn ăn mặc rách rưới, giấu cây kiếm mỏng như lá lúa trong dây đàn; là Đoàn Dự, Du Thân Chi (**Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**) suốt đời si tình, chạy theo nhan sắc; là Vi Tiểu Bảo (**Lộc Đỉnh Ký**) lưu manh nhưng chẳng bao giờ cần che giấu tình lưu manh ... Loại nhân vật này tiêu biểu cho quan điểm "hòa nhi bất đồng" (co hoa mình nhưng vẫn không giống được) của Nho giáo. Những nhân vật của ông sống với cả cái tính cách, đặc điểm của mình. Họ có thể rất tốt, cũng có thể rất xấu nhưng mỗi con người như vậy - dù chỉ xuất hiện trong một đoạn ngắn ngủi - vẫn để lại những ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc. Điều ấy đã bao nhiêu nhà văn làm được?

Kim Dung sử dụng phong cách xây dựng nhân vật như một cách đánh lừa độc giả và gây cho độc giả sự thú vị khi được "bị lừa" như vậy. Mở đầu **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** là hình ảnh tốt đẹp của Lâm Bình Chi. Sau đó, Lâm Bình Chi bị lâm nạn nhà tan, người chết, phải lưu lạc tha hương. Ai cũng nghĩ Lâm Bình Chi là nhân vật trung tâm, con người chính nhân quân tử. Nhưng không. Đọc hết bộ sách chúng ta mới thấy cái rơm dơi của Lâm Bình Chi, cái chân thật của Lệnh Hồ Xung. Hạnh phúc thuộc về những con người chân thật. Đọc **Hiệp Khách Hành**, ta cứ ngỡ Thạch Phá Thiên là một tên tiểu ma đầu tàn bạo, dâm ác, lừa lọc. Nhưng không, cậu bé ấy là một mô hình tiêu biểu của một trái tim

thơ ngây và nhân hậu, thậm chí cậu không biết một chữ nào. Cậu chỉ có một cái tội : giống hệt như người anh ruột tàn ác, dâm dăng của mình là Thạch Trung Ngọc. Chỉ có đôi mắt trẻ thơ của A Tú mới nhìn ra được chỗ khác biệt tốt đẹp đó, điều mà tất cả mọi người lớn không nhìn ra. . Và cuối cùng, Thạch Phá Thiên đã tìm ra được pho võ công siêu việt trong bài **Hiệp Khách Hành** của Thi tiên Lý Bạch, không phải do nghiên cứu được ý nghĩa của bài hành, mà nhờ chỉ nhìn nét viết (vì cậu không biết chữ). Kim Dung muốn chứng minh một điều : cái chân thật, cái dốt nát vẫn thắng được cái cơ tâm, cái hiểu biết rộng rãi nhất. Ai không thú vị với những định đề như vậy ?

Sẽ rất thiếu sót nếu như chúng ta bỏ quên những nhân vật nữ trong tác phẩm Kim Dung tiên sinh. Tuy mang danh là truyện võ hiệp nhưng tác phẩm Kim Dung thực chất là những tiểu thuyết về tình yêu đôi lứa. Các nhân vật nữ của ông xuất thân trong xã hội phong kiến nhưng sống và yêu rất lãng mạn - tất nhiên trong sự cho phép của lễ giáo Trung Quốc. Đó là những con người biết yêu say đắm và biết xả thân vì người yêu : Nhậm Doanh Doanh đối với Lệnh Hồ Xung (**Tiểu Ngạo Giang Hồ**), Triệu Minh đối với Trương Vô Kỵ (**Ỗ Thiên Đồ Long Ký**), Viên Tử Y đối với Hồ Phi (**Lân Nguyệt Bảo Dao**), A Tú đối với Thạch Phá Thiên (**Hiệp Khách Hành**), A Châu đối với Kiều Phong (**Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**). Tuy nhiên, trong mọi tình huống, họ vẫn giữ được tiết sạch giá trong của người phụ nữ phương Đông.

Nói như vậy, không có nghĩa là Kim Dung vẫn giữ nhân vật nữ của mình bo bo trong vòng tư duy cổ điển của lễ giáo Trung Quốc. Không, ông đã tạo ra những tình huống có vấn đề : Kỳ Hiệu Phù đã hứa hôn với Hân Lợi Hanh

nhưng lại thất thân với Dương Tiêu, sinh ra đứa con gái và đặt tên là Bất Hối (không hối hận) trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**; Tiểu Long Nữ là sư phụ đã bị kẻ khác cưỡng dâm nhưng vẫn yêu say đắm đồ đệ của mình là Dương Qua trong **Thần Điêu Hiệp Lữ**. Những nhân vật nữ của ông biết đánh kiếm, đánh chuông, dùng ám khí, đánh độc dược, uống rượu, làm thơ, thương nhớ, chờ mong, ghen tuông, giận hờn, đau xót vì chia xa. Họ có một vẻ đẹp riêng từ ngoại hình đến tâm hồn, rất lý tưởng, nhưng cũng rất thật.

Cũng có thể nói Kim Dung là nhà văn lớn phương Đông của thế kỷ 20. Về mặt trước tác, tác phẩm của ông đồ sộ hơn bất cứ một nhà văn nào khác. Bút pháp của ông lôi cuốn, hấp dẫn người đọc một cách lạ lùng. Và hệ thống kiến thức của ông từ y học đến địa lý, sử học, võ thuật, tâm lý học, bệnh lý học, tôn giáo học ... hoàn chỉnh một cách vô song. Tiếc thay một nhà văn như vậy lại chưa có tên trong những nhà văn được nhận giải thưởng Nobel của văn học quốc tế. Nhưng dù gì đi nữa, những nhà văn khác cũng đã học tập được từ Kim Dung nhiều kinh nghiệm tiểu thuyết. Ông xứng đáng là nhà văn bậc thầy của những bậc thầy trong thế kỷ chúng ta sống.



連城訣

金庸

Chương 3

***Võ công
trong
tiểu thuyết
của Kim Dung***

Trong một bài viết trước đây trên *Kiến Thức Ngày Nay*, tôi đã có dịp được hầu chuyện cùng bạn đọc về phong cách xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Những nhân vật ấy hợp lại thành một giới - giới võ lâm - và đương nhiên, sinh hoạt của họ là sự thể hiện võ công để giết người, mưu đồ địa vị quyền lực; võ công để cứu người, trừ gian, diệt bạo, biểu dương cái lẽ công bằng ở đời. Nói đến nhân vật của Kim Dung, không thể không nói đến võ công.

Một cách khái quát, Kim Dung đã đặt vào cho những nhân vật của mình những loại hình võ công (hay công phu - kung fu) mà họ cần phải có. Các loại hình võ công bao gồm chương pháp (phép đánh bằng bàn tay), quyền pháp (phép đánh bằng nắm tay), chỉ pháp (phép đánh bằng ngón tay), cầm nã thủ pháp (phép đánh bằng câu, bắt, móc, giật), trào pháp (phép chụp bằng cả năm ngón tay), cước pháp (phép đá), bộ pháp (phép đi, chạy), khinh công (phép đi nhanh). Nếu các nhân vật của ông chuyên sử dụng vũ khí thì mỗi loại vũ khí được kết hợp với một pháp để hình thành võ

công riêng cho họ : đao pháp, thương pháp, kiếm pháp, bồng pháp, trượng pháp, côn pháp... Đối với một số nhân vật đặc biệt, Kim Dung đã tạo ra cho họ những thứ võ công đặc biệt : thần công Sư tử hồng (tiếng rống của sư tử) của Tạ Tốn (trong *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* - YTDLK), Hấp tinh đại pháp (phép hút kinh lực và công lực của kẻ khác vào làm kinh lực và công lực cho mình) của Nhậm Ngã Hành (trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*), Nhiếp hồn đại pháp (phép thôi miên, lấy hồn kẻ khác) của Đinh Xuân Thu (trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* - LMTKT)...

Kim Dung tạo ra cho nhân vật của mình những hoàn cảnh, những tình huống để họ đắc thủ võ công. Có những nhân vật không chịu học võ, suốt ngày chỉ lo học sách Thánh hiền, học kinh Phật như Vương tử Đại Lý Đoàn Dự hay như nhà sư trẻ Hư Trúc (trong LMTKT) cũng bị đẩy đưa vào hoàn cảnh, phải học võ công để tự cứu mình và cứu người, trở thành bậc thượng thừa. Có kẻ say mê võ công, đi tìm suốt đời mà chẳng thấy. Có kẻ lười biếng, thậm chí chán ghét không muốn học võ công mà cơ duyên vẫn đến với họ. Con đường mà Kim Dung dẫn dắt những nhân vật trung tâm của mình đến với các thứ võ công không khỏi khiến cho người đọc cười thầm.

Nhân vật của Kim Dung thể hiện võ công qua kinh lực. Đứng trên quan điểm triết học Trung Quốc, ông chia kinh lực ra làm hai loại : dương cương và âm nhu. Dương cương là loại kinh lực mãnh liệt, khi xuất chiêu phát ra tiếng động. Âm nhu là kinh lực mềm mại, khi xuất chiêu không phát ra tiếng động. Hai loại kinh lực đó loại nào cũng có thể giết người, làm tan bìa vỡ đá ! Ông lấy Nhu chế Cương, lấy Cương chế Nhu. Kẻ thắng cuộc là kẻ có công lực cao hơn... Căn cứ vào võ học Trung Quốc, Kim Dung để cho các

nhân vật của mình thi triển võ công theo 2 cách : trực tiếp và gián tiếp. Trong cách đánh trực tiếp; chưởng, trảo, chỉ, quyền... phải đụng đến người địch thủ. Trong cách đánh gián tiếp; chưởng, trảo, chỉ, quyền không đụng đến địch thủ. Kim Dung gọi đó là cách không. Cách không điểm huyết chi pháp của Kiều Phong, Lục mạch thần kiếm của Đoàn Dự (trong LMTKT), Thất thương quyền của Tạ Tốn (trong YTDLK) đều có cái khả năng cách không này. Đặc biệt, Kim Dung có đề cập đến Cách sấm đả ngư thân công (thần công đánh vào con trâu qua trái núi). Trong LMTKT, ông đã để cho quốc sư nước Thổ Phồn dùng Ban Nhược chưởng đánh vào đỉnh đồng bên này, đỉnh đồng không phát ra tiếng động và vẫn lạnh lặn nhưng phía bên kia lại lùng. Cách diễn tả như vậy nghe hơi phi khoa học nhưng lại làm thỏa mãn trí tưởng tượng vốn phong phú của người.

Kim Dung đặt tên cho các loại võ công rất độc đáo và riêng trong khía cạnh này, ông cũng đã tự chứng minh được trình độ viết tiểu thuyết của mình. Một là - võ công thường gắn liền với nguồn gốc xuất thân. Thí dụ các nhà sư xuất thân từ phái Thiếu Lâm thì phải biết sử La Hán quyền, Niêm hoa chỉ, Thiếu Lâm trường quyền, Di Đà chưởng, Giáng ma trượng... Ai xuất thân từ đạo gia Võ Đang thì có Thái cực quyền, Võ Đang miên chưởng. Hư Trúc học được võ công của phái Thiên Sơn thì võ công đó được gọi là Thiên Sơn lục dương chưởng, Thiên Sơn lục dương chỉ, Thiên Sơn chiết mai thủ... Hai là - Tên của môn võ công thường gắn liền với những chiêu thức, đòn thế của môn võ công ấy. Trong tinh thần này, người đọc tìm thấy Giáng long thập bát chưởng (mười tám chưởng hạ rồng), Liên hoàn thập tam cước (mười ba thể đá liên nhau), Độc Cô cửu kiếm (chín thể kiếm của Độc Cô Cầu Bại). Ba là - tên của môn võ công thường gắn liền với sinh hoạt, đặc điểm của động vật. Trong tinh thần

này, ta thường gặp trong tác phẩm của Kim Dung những Xà quyền (quyền rắn), Đại thánh quyền (quyền khi), Áp hình công (công phu đánh sát đất như tướng đi của con vịt), Hàm mô công (công phu ngồi hét như con ếch), Ung trảo công (vuốt chim ưng), Kê trảo công (vuốt móng gà). Ngay đến con rồng - một động vật trong linh thoại cổ Trung Quốc - cũng có công phu: Long trảo công. Bốn là - tên của võ công gắn liền với tính chất, hậu quả khi sử dụng võ công đó. Trong tinh thần này, ta thường gặp Tam tiểu tiêu dao tán (thuốc bột gây ra cái chết mà trước khi chết, người ta cười ba lần), Thất thương quyền (loại quyền muốn luyện thành phải chịu 7 thứ nội thương trong phủ tạng), Tồi tâm chương (loại chương đánh vào người không bầm dập mà vỡ trái tim), Hóa thi phần (loại thuốc bột rắc vào xác người làm tiêu ra nước)...

Kim Dung có một bề dày kiến thức về y học cổ Trung Quốc. Một số nhân vật của ông thường vừa giỏi võ công, vừa tinh thâm y thuật, phối hợp y thuật với võ công hoặc để cứu người, hoặc để chế ngự người. Trong TNGHK, ta bắt gặp nhân vật Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ, cứu người chỉ cần 1 ngón tay và giết người cũng chỉ cần 1 ngón tay. Trong TNGHK, ta gặp Điệp cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu và sau đó, là Trương Vô Kỵ, giỏi về chữa thương, phục hồi kỳ kinh bất mạch. Thuốc độc và phóng độc cũng là một loại võ công. Trong TNGHK, ta gặp Lam Phượng Hoàng, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam. Trong *Lãnh Nguyệt Bảo Đạo*, ta gặp Độc vương chuyên đánh thuốc độc.

Cũng theo Kim Dung, âm nhạc là một dạng võ công có thể chế ngự được địch thủ. Một số nhân vật của ông như Côn Luân tam thánh Hà Túc Đạo (trong YTDLK), Cẩm tiên Khang Quảng Lang (trong LMTKT), Nhậm Doanh Doanh

và Lưu Chính Phong (trong TNGHK)... đã dùng tiếng dân, tiếng sáo, hoặc để chữa thương, hoặc để khắc chế địch thủ. Trong TNGHK, đoạn cảm động nhất là đoạn Doanh Doanh đàn khúc Thanh Tâm Phổ Thiện Trú để xoa dịu thần kinh cho Lệnh Hồ Xung khi chàng trai này bị trọng thương.

Viết về võ công nên kiến thức võ học của Kim Dung rất uyên bác. Ông Yên Thị Đồ Cầu Khách trên tờ **Tân Họa Báo** cho biết rằng Kim Dung thường tham khảo ý kiến của các võ sư về đòn thế, về cách xuất chiêu, nhả kinh lực của từng thế võ. Ông dung hợp võ công với y học Trung Quốc, tạo cho người đọc sự thú vị tuyệt vời, điều mà những tác giả truyện võ hiệp khác chưa làm được. Đặc biệt, khi viết về những võ công của các bang hội, giáo phái khác ngoài lãnh thổ Trung Quốc, kiến thức võ học của ông đã được thực hiện rất tinh tường. Đại thi hào Ba Tư Omar Khayan đã ghi nhận võ công Bái hòa giáo (Minh giáo) Ba Tư được ghi lại trên 8 tấm thẻ Thánh hỏa lệnh và tâm pháp thì được ghi lại trên những tấm da dê. Kim Dung đã nghiên cứu đoạn kinh mở đầu của Bái hòa giáo Ba Tư, đã dung hợp ý kiến của Omar Khayan để xây dựng nên những đoạn mô tả về sinh hoạt của Minh giáo Trung Quốc và thần công Càn khôn đại nã di của Minh giáo Trung Quốc (YTĐLK).

Một điều cần chú ý là Kim Dung không lạm dụng khuynh hướng đa sát trong tiểu thuyết võ hiệp, điều mà ta thường gặp trong các loại phim Viễn Tây (Mỹ) và phim chương Hồng Kong cũng như ở một số tiểu thuyết gia khác viết truyện võ hiệp. Trong 12 bộ tiểu thuyết, Kim Dung có mô tả 2 trận đa sát: một là đoạn Kiều Phong bị quần hùng Trung Nguyên vây hãm ở Tụ hiền trang (LMTKT), hai là đoạn phái Tung Sơn bịt mắt giả làm người của Ma giáo vây

hâm phái Hằng sơn ở Long Xuyên (TNGHK). Chữ Nhân của đạo Khổng đã được ông tôn trọng một cách hết sức nghiêm túc đúng như quan niệm của Khổng Tử: “Nhân giả nhân dã” (Đạo nhân là đạo của con người vậy). Đọc văn của ông, người ta chỉ thấy cái thiện chế ngự được cái ác, cái chính nghĩa thắng cái gian tà và tinh thần nhân đạo được đề cao triệt để. Những nhân vật bình thường nhất cũng biết tha thứ cho kẻ thù, cũng nói được “Oán thù nên giải chứ không nên kết” hoặc “Hồi đầu thị ngạn” (quay đầu lại là nhìn thấy bờ) ... Và họ đã tha thứ cho nhau. Những nhân vật ma đầu, đầy mình tội lỗi như Đinh Xuân Thu, Du Thần Chi, Lâm Bình Chi, Thạch Trung Ngọc ... cuối cùng rồi cũng chỉ bị phê vô công, đưa cho những người nhân hậu quản chế để khỏi đi gieo rắc cái ác. Không có ai bị giết, bị hành hạ, bị trả thù đau đớn.

Tất cả nỗ lực của Kim Dung nhằm minh họa một nguyên tắc lớn: chữ Vô không bằng chữ Hiệp. Các nhân vật chính phái của ông hành hiệp cứu đời, xả thân vì cuộc sống, cứu vớt kẻ trầm luân, đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ hòa bình hạnh phúc cho trăm họ. Họ không mưu cầu lợi danh, địa vị riêng cho mình. Đoạn tiêu biểu nhất cho cái Hiệp trong tác phẩm Kim Dung là đoạn Trương Vô Kỵ, giáo chủ Minh giáo Trung Quốc, chỉ huy các lực lượng kháng Nguyên, bị một thuộc tướng của mình là Chu Nguyên Chương đánh thuốc độc và bắt giam. Chu Nguyên Chương có tham vọng lên ngôi thống lãnh. Trương Vô Kỵ có thể giết Chu Nguyên Chương chỉ với một ngón tay nhưng đã không làm điều đó. Anh đã lặng lẽ bỏ ra đi để được suốt đời ngồi về lồng mây cho người yêu là Triệu Minh. Chu Nguyên Chương kháng chiến chống Nguyên thành công lên ngôi cửu ngũ, mở ra nhà Minh, truyền được 263 năm (1380 - 1643).

Cái mà người ta tìm được trong tác phẩm Kim Dung chính là lòng nhân ái. Lòng nhân ái đó đặt trên cơ sở của tư tưởng Không giáo, Phật giáo, Đạo giáo phương Đông. Trong khi các nhân vật của ông sử dụng võ công để đánh nhau, họ vẫn tôn trọng lòng nhân ái mà “hạ thủ lưu tình” (xuống tay vẫn giữ được tình người). Hai kẻ thù đánh nhau, đến khi chia tay vẫn có thể nói được lời từ biệt : “Non xanh trơ đó, nước biếc còn đây, còn ngày gặp gỡ”. Chiêu thức võ công nào có cái tên gọi độc ác quá, được đổi tên ngay : Thê Lương bại câu thương (đôi bên cùng chết) của phái Võ Đang được đổi tên thành Thiên địa đồng thọ (đất trời cùng cùng tồn tại) và được khuyến khích không đem ra sử dụng. Võ công làm nên tiểu thuyết võ hiệp nhưng không quyết định nội dung tiểu thuyết võ hiệp. Cái quyết định chính là chữ Hiệp, đứng sau chữ Võ.



Chương 4

***Rượu
trong truyện võ hiệp
Kim Dung***

Cũng như nhiều dân tộc khác ở vào vùng khí hậu lạnh, dân tộc Trung Quốc thường thích rượu. Khái niệm rượu đã được người xưa kết hợp với khái niệm lễ, không có rượu không thành lễ nghi (vô tửu bất thành lễ). Rượu là thức uống kích thích niềm sáng khoái, được dùng trong y được Trung Quốc như là một chất xúc tác. Thời Tam hoàng, Ngũ đế đã có những bài thuốc ngâm rượu, những cách xông hơi rượu ra đời. Trong những tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, rượu luôn luôn có mặt, dân trải khắp cả câu chuyện.

Chắc hẳn những bạn đọc tác phẩm Kim Dung đều đồng ý rằng đoạn *Tửu luận* của Tô Thiên Thu trong TNGHK là đoạn gây sáng khoái nhất. Với đoạn văn này, Kim Dung đã nâng nghệ thuật uống rượu lên thành một thứ đạo - tửu đạo và với cách diễn đạt tài tình, dãn cảnh oái oăm, Kim Dung đã thực sự cuốn hút người đọc hơn tất cả những đoạn văn nào khác trong toàn bộ truyện. Tô Thiên Thu biết được Lệnh Hồ Xung, người yêu của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh đang

bị bệnh mất hết công lực. Anh ta bèn ăn cấp Tục mệnh bát hoàn (8 viên thuốc duy trì mạng sống) của một người bạn thân là Lão Đầu Tử, hòa vào rượu để dẫn dụ cho Lệnh Hồ Xung uống. Nguyên Lão Đầu Tử đã bỏ ra 18 năm để ăn cắp những kỳ trân dược vật trên khắp thế gian, chế ra 8 hoàn thuốc thuần âm, chữa trị chứng “Tiên thiên bất túc” (một dạng suy dinh dưỡng) cho con gái mình là Tiểu Dy. Trong khi đó bệnh của Lệnh Hồ Xung thuộc trạng thái dư khí âm hàn. Cho nên đem thuốc thuần âm cho kẻ dư khí âm hàn uống khác nào sông Trường Giang, sông Dương Tử nước đã đầy lại được tháo nước hồ Bán Dương, hồ Động Đình đưa vào cho nước đầy thêm lên, hóa ra hại càng thêm hại. Tổ Thiên Thu biết Lệnh Hồ Xung là người khảng khái, không chịu uống thuốc ăn cắp nên y bầy đặt ra chuyện tử luận, kích thích tinh thần Lệnh Hồ Xung. Theo y, bậc danh sĩ phải biết uống từng thứ rượu với từng thứ chung riêng : rượu bồ đào uống chung dạ quang; rượu trúc điệp thanh phải uống với chén Dương chi bạch ngọc mà phải là Dương chi bạch ngọc thời Bắc Tống; rượu trắng phải uống trong sừng trâu, lấy mùi tanh của sừng chế ngự mùi men nồng của rượu; rượu bách thảo mỹ tửu được chế với 100 thứ hoa cỏ thơm phải được uống với chung bằng trúc để thơm hơn, ngon hơn ... Y nói một hơi 8 thứ rượu và móc trong bọc ra 8 thứ chén, rót rượu vào mời Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung tức khi, nuốt sạch 8 chén rượu; có chén thum thum mùi cá ươn, có chén cay sè, có chén rất rạt như ngàn dao đâm vào cổ họng ... Thiện ý của Tổ Thiên Thu là cứu người nhưng vì hấn dốt nát về y lý hóa ra đã làm hại người.

Trong TNGHK, Kim Dung xây dựng nhân vật Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử phái Hoa Sơn, là một chàng *du tử lãng mạn, quý rượu hơn tính mạng mình*. Đoạn buồn cười nhất là đoạn Lệnh Hồ Xung xin rượu lão khiêu hóa (ăn mây)

dưới chân núi Hành Sơn. Lệnh Hồ Xung chỉ xin lão khiêu hóa cho uống một tợp và lão cũng đồng ý cho uống một tợp mà thôi. Nào ngờ, nghe hơi rượu ngon, Lệnh Hồ Xung đã vận Hồn nguyên khí công, uống sạch bầu rượu của lão khiêu hóa. Lão khiêu hóa lăn đùng ra khóc vì tiếc bầu rượu. Lệnh Hồ Xung đành phải xin lỗi và mời lão vào tửu lâu, đãi lão một trận tàn khôn tùy lụy.

Trong khi uống rượu, các nhân vật của Kim Dung thường thể hiện phẩm cách người đối ẩm với mình. Đoạn uống rượu đẹp nhất và khiến cho người đọc kinh ngạc nhất là đoạn Điền Bá Quang mời rượu Lệnh Hồ Xung. Lệnh Hồ Xung bị sư phụ phạt giam trên đỉnh Ngọc Nữ phong để ăn năn, sám hối. Biết bạn rất nhớ rượu, Điền Bá Quang đã vượt 5000 dặm về tới kinh đô Lạc Dương, vào hoàng cung của vua Tống, ăn cắp 2 hũ Thiệu Hưng nữ nhi hồng. Điền Bá Quang phóng cước đá bể tất cả các hũ rượu còn lại để *"bạn vua quan không còn được uống thứ rượu quý này nữa"* vì trên đời này *"chỉ còn Điền mỗ với Lệnh Hồ huynh đệ mới xứng đáng được uống nó mà thôi"*. Tuy nhiên, gánh hai hũ rượu lên Ngọc Nữ phong là chuyện dễ mà được đối ẩm với Lệnh Hồ Xung mới là chuyện khó bởi Điền Bá Quang rất sợ sư phụ của Lệnh Hồ Xung là Nhạc Bất Quần. Hắn bèn nghĩ ra một mảnh lối rừng rợn : gây một số án mạng ở vùng Giang Bắc rồi về ký hiệu của khoái đao Điền Bá Quang lưu lại. Quả nhiên, Nhạc Bất Quần mắc mưu diệu hồ ly sơn, xuống núi đi tìm Điền Bá Quang. Hắn ung dung gánh rượu lên Ngọc Nữ phong đối ẩm, cười giỡn với Lệnh Hồ Xung mà chẳng còn úy kỵ ai nữa !

Nhà nho có câu : "Bạc quân tử lấy văn chương để kết bạn" (quân tử dĩ văn hội hữu). Kim Dung đã mượn chén rượu cho những nhân vật vô lâm của mình kết bạn với nhau.

Trong tình bạn hay trong tình yêu, chén rượu vẫn làm vai trò của cơ duyên hội ngộ.

Đọc LMTKT, ta thấy cuộc hội ngộ giữa Kiều Phong - bang chưa Cái bang và Đoàn Dự - vương tử nước Đại Lý, là cuộc hội ngộ trong hương rượu nồng. Thoát ra khỏi cảnh giam cầm ở Thái Hồ, Đoàn Dự tìm đến một quán rượu ngoài thành Vô Tích thì bắt gặp : *"Một đại hán hai mắt sáng như điện, trạc ngoài 30, thân thể cao lớn, mặc áo vải màu tro, phục sức sơ sài, mộc mạc"* đang ngồi độc ẩm. Đoàn Dự nhận định : *"Đây chắc chắn là hảo khách của Yên, Triệu ; Giang Nam quyết không thể có nhân vật thể này"*. Ngoại hình Kiều Phong đã khiến cho Đoàn Dự kinh ngưỡng. Anh mời Kiều Phong uống rượu. Kiều Phong gọi tất cả 30 cân rượu (tương đương 18 lít) và đề nghị Đoàn Dự uống bằng bát lớn. Đoàn Dự nào đâu biết uống rượu ? Cho nên, uống xong bát đầu tiên, anh đã muốn gục xuống tại chỗ ; Kiều Phong chỉ nhìn anh mà tùm tùm cười. Đến đây thì Kim Dung "cứ" nhân vật của mình. Vốn Đoàn Dự đã học được tuyệt kỹ Lục mạch thần kiếm, quy khí lực vào huyết Đan điền rồi vận công phóng kiếm khí vô hình ra 6 ngón tay. Từ kiếm khí, Kim Dung cho phép nhân vật của mình phóng ra ... kiếm tử. Đoàn Dự nạp hết số rượu vào huyết Đại trụy, rồi dẫn rượu đi qua các huyết Thiên tôn, Kiên chân, Tiểu hải, Chi chính, Dương lão, Dương cốc, Hậu thoát và "phóng" rượu ra nơi ngón tay Thiếu trạch (ngón út). Anh ta cứ gác tay trái lên vách quán rượu, uống bao nhiêu vận nội lực phóng rượu ra bấy nhiêu khiến Kiều Phong kinh hoàng, tưởng là tửu lượng chàng thư sinh này cao không kể xiết ! Từ cuộc đấu rượu hy hữu đó, họ nhận ra phẩm chất của nhau và kết nghĩa làm anh em. Cuộc đối ẩm giữa Kiều Phong và Đoàn Dự làm cho người đọc vừa sảng khoái lại vừa buồn cười.

Rượu nối kết tình bạn và cũng chính rượu tạo ra hào khí. Trong LMTKT, có đoàn nhà sư Hư Trúc, cung chủ cung Linh Thứu bái kết Kiều Phong làm đại ca trước mặt quần hùng Trung Nguyên khi Kiều Phong đang bị quần hùng vây hãm. Từ nước Khất Đan, Kiều Phong dẫn 18 tên lính trung thành gọi là Yên vân thập bát ky, mang theo 36 bao da trâu đựng rượu quay về chùa Thiếu Lâm, tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc). Nơi đây, anh bị quần hùng vây hãm. Trong cảnh nguy nan, bỗng dưng Đoàn Dự xuất hiện. Hai anh em đang bưng rượu lên uống thì một nhà sư xấu xí trong đội ngũ chùa Thiếu Lâm chạy ra : *"Đại ca với tam đệ uống rượu sao không gọi ta ?"*. Nhà sư đó là Hư Trúc. Hư Trúc đã kết nghĩa với Đoàn Dự nhưng chưa được bái kiến Kiều Phong. Mặc dù quy luật giới tửu (cấm rượu) của chùa Thiếu Lâm rất khắt khe nhưng khi đã thấy đại ca và tam đệ uống rượu để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu, Hư Trúc cũng nổi hào khí, muốn uống rượu trước mặt quần hùng để chia sẻ với hai người anh em những hoạn nạn sẽ xảy ra. Và quả nhiên, bầu rượu nghĩa tình đó đã làm nên đại sự. Kiều Phong chế ngự được kẻ đại ác Du Thân Chi, vươn tay xách cổ Cô Tô Mộ Dung Phục như người ta xách một con gà. Đoàn Dự sử dụng 6 ngón tay vận Lục mạch thần kiếm đánh cho Mộ Dung Phục thất điên bát đảo, phơi bày toàn bộ âm mưu đen tối của nhà Mộ Dung. Hư Trúc vận Bắc minh chân khí, biến những giọt rượu hóa thành băng làm một thứ *Sinh tử phù* cấy vào người gã đại ác Đinh Xuân Thu, chế ngự và sanh cầm gã. Bọn Yên vân thập bát ky, mỗi người một túi rượu, phanh cổ áo để lộ hình tượng con chó sói được xăm trên ngực của dân tộc Khất Đan, hú lên những tiếng hoang dã, ngửa cổ uống rượu, thể hiện quyết tâm liều chết với chủ tướng Kiều Phong. Chưa có một đoạn nào trong tiểu thuyết có kim miêu tả hào khí của con người trước gian nan thử

thách hay hơn đoạn của Kim Dung viết về cuộc hội ngộ của 3 anh em Kiều Phong - Hư Trúc - Đoàn Dự dưới chân núi Thiếu Thất.

Nhưng rượu trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung không chỉ uống trong lúc đoàn viên mà còn uống trong những khi lâm biệt đày máu và nước mắt. trong bài *Vô Công Trong Tác Phẩm Kim Dung* đăng trên *Kiến Thức Ngày Nay*, tôi đã nhắc sơ lược đến trận ác đấu của Kiều Phong tại Tụ hiền trang. Từ khi biết mình là người Khất Đan, Kiều Phong chỉ mong tìm về bên kia Nhạn Môn quan để suốt đời săn chồn đuổi thỏ, tuyệt không dính dấp gì đến giới võ lâm Trung Quốc nữa. Nhưng hoàn cảnh đã bó buộc ông phải cứu lấy cô bé A Châu và ông đã bế nàng đến Tụ hiền trang ra mắt Tiết Mộ Hoa, nhờ viên thân y này giúp đỡ. Hóa ra, Kiều Phong đã tự đưa thân vào chỗ hung hiểm : quần hùng Trung Quốc đang họp nhau tại Tụ hiền trang để bàn kế sách tuyệt diệt ông, loài Liêu cầu man rợ ! Kiều Phong nhìn những kẻ đang vây hãm mình. Họ là những anh em ruột thịt của ông ngày trước ở Cái bang, là những bạn bè tốt của ông thuộc các võ phái Trung Quốc, là những người mà ông chưa bao giờ có ý niệm thù hằn, căm ghét. Nhưng cuộc hội diện giữa Tụ hiền trang lúc đó là một mất một còn, là ta sống thì người chết. Kiều Phong đã đề nghị anh em Du Ký - Du Câu, chủ nhân Tụ hiền trang - cho xin mấy vò rượu lớn. Ông rót rượu ra bát lớn, mời anh em Cái bang uống trước để nói lời cuối cùng dứt tình đoạn nghĩa. Ông uống với bạn bè các môn phái mỗi người một bát. Có kẻ bưng tó rượu uống dứt tình với Kiều Phong mà nước mắt tuôn rơi. Rồi sau đó, Kiều Phong đại khai sát giới, tìm con đường sống riêng cho mình, chạy về bên kia Nhạn Môn quan ngàn trùng xa cách.

Có trường hợp uống rượu tưởng như là chia biệt hóa ra lại là đoàn viên. Đó là trường hợp uống rượu kỳ cục của Câu Tập Chúng (Thạch Phá Thiên), một thiếu niên ngây thơ, trong trắng trước hai ông anh kết nghĩa đầy mưu mô xảo quyệt là Trương Tam và Lý Tử. Trương Tam, Lý Tử thật ra chỉ là tên giả mạo; họ chính là 2 sử giả Thường Thiện và Phạt Ác của đảo Long Mộc ngoài biển Đông. Trương Tam và Lý Tử cũng giả vờ kết nghĩa với Thạch Phá Thiên, cũng thế đồng sinh đồng tử nhưng trong bụng hai lão chỉ muốn chàng thiếu niên này chết đi cho khuất mắt. Trương Tam có bầu rượu dương cương, Lý Tử có bầu rượu âm nhu, mỗi lão tự uống bầu rượu của mình và lão này rất sợ thứ rượu của lão kia. Kết nghĩa xong, chàng thiếu niên Thạch Phá Thiên đề nghị ... uống rượu. Thạch Phá Thiên ngây ngô, xin được uống đủ hai thứ rượu trong cả hai bầu. Trương Tam, Lý Tử cả mừng vì định ninh thể nào thằng nhỏ này cũng chết tươi do hai thứ rượu. Một lần nữa, Kim Dung lại "cứu" nhân vật ngây thơ trong trắng của mình: Thạch Phá Thiên đã từng ngộ kỹ duyên, con người chàng ta dung hòa được cả hai loại chất độc dương cương và âm nhu. Cho nên, uống rượu xong chẳng những chàng trai trẻ không chết mà công lực còn tăng tiến. Trương Tam, Lý Tử hối hận và xấu hổ vô cùng. Từ tình bạn giả trá, họ đã đổi ra tình bạn chân thành. Câu Tập Chúng (chó lộn giống) trở thành người em tốt của Thường Thiện và Phạt Ác. Đó là chương uống rượu thú vị nhất trong toàn bộ truyện.

Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung còn làm nên tình yêu lứa đôi, giàu chất thơ lãng mạn. Có những lứa đôi gặp gỡ lần đầu tiên qua chén rượu và tình yêu bắt nguồn từ đó. Trong *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*, Trương Thúy Sơn làm quen với Hàn Tô Tô qua chén rượu trên đảo Vương Bàn Sơn.

Trương Vô Ky cũng gặp gỡ và yêu quận chúa Triệu Minh qua chén rượu. Đoạn giàu chất thơ nhất của **Ỗ Thiên Đồ Long Ký** là đoạn Triệu Minh nhớ Vô Ky, tìm lên từ lâu ở Đại Đô (Bắc Kinh) và ngồi đứng vào cái bàn mà hai người đã từng ngồi đối ẩm. Thiếu vắng Vô Ky, cô cũng gọi một bình rượu, thức ăn, hai cái chén, hai đôi đũa, hai chung rượu. Cô rót rượu ra đủ hai chung, uống một chung và nước mắt rơi. Đúng lúc đó thì Trương Vô Ky xuất hiện. Và họ tìm lại được hơi ấm tình yêu trong chung rượu đối ẩm. Trong TNGHK, Lệnh Hồ Xung thương đối ẩm với người yêu là Doanh Doanh. Một nhân vật khác, Lam Phượng Hoàng, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam - cũng rất say đắm Lệnh Hồ Xung. Cô mang vò rượu Ngũ độc mỹ tửu, trong đó ngâm 5 thứ trùng độc, từ Vân Nam về đến Giang Nam để chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung. Cảm xúc trước tấm thanh tình đó, Lệnh Hồ Xung đã uống rượu cho cô vui lòng. Tác giả đã để cho Lam Phượng Hoàng hôn Lệnh Hồ Xung trước mặt mọi người, trước sự phụ của Lệnh Hồ Xung là Nhạc Bất Quần. Trong con mắt của Lam Phượng Hoàng, kẻ biết uống rượu của cô mới là người tốt. Trong LMTKT, mỗi khi trở về Nhạn Môn quan, Kiều Phong nhớ A Châu là tìm đến chung rượu giải sầu. Đoạn đẹp nhất trong mối tình hai người là đoạn Kiều Phong ngồi nghe A Châu tâm sự : *"Đại gia ơi, tiểu nữ nguyện suốt đời đi theo đại gia về bên kia Nhạn Môn quan săn chồn đuổi thú, sống cuộc đời ung dung khoái lạc"*. Nghe cô bé tâm sự, Kiều Phong cao hứng. Trong cái quán nghèo ngoài biên giới không có một giọt rượu, ông cũng giả vờ nâng cái chén không lên, ngửa cổ ra như đang thực sự thưởng thức men rượu nồng. Trong **Xạ Điều Anh Hùng Truyện**, có cô bé Quách Tường 16 tuổi, say mê người anh họ mình là Thần điều đại hiệp Dương Qua. Mặc dù Dương Qua chạy

theo hình bóng của sư phụ là Tiểu Long Nữ, không hiểu đến nỗi tình si của Quách Tường, Quách Tường vẫn vượt ngàn dặm ra đi tìm anh. Trong túi hành trang của cô bé luôn luôn có một bầu rượu. Cô chỉ có một ước mong : cùng Dương Qua đôi ẩm. Nhưng ước mong đó không bao giờ thành hiện thực, Quách Tường lên núi đi tu, trở thành sư tổ phái Nga My.

Những lứa đôi yêu nhau trong tác phẩm Kim Dung uống rượu như ta uống cà phê. Họ gặp nhau là mời nhau chén rượu, trang trọng, cung kính. Không có ai uống rượu đèn nôi quần áo xộc xệch, ong bướm la lối. Chén rượu trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung mang theo tính cách đạo đức lạ lùng mặc dù khung cảnh lãng mạn vô kể : uống trong quán khuya vắng người, uống trong căn phòng chỉ có hai người giữa đêm mùa đông tuyết rơi lá tả, uống trên con thuyền nhỏ chơi vơi giữa đêm trăng trên giòng trường giang mệnh mông ...

Nhân vật Tiêu Tương đa vũ Mạc Đại tiên sinh, chương môn phái Hành Sơn trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* luôn luôn gắn liền tâm hồn mình với chén rượu. Kim Dung mô tả Mạc Đại : “*Tướng mạo tiên sinh điều linh cổ quái, lúc nào cũng như ba phần tỉnh, bảy phần say*”. Mạc Đại có cây dao cầm rất cũ kỹ, trong đáy dao cầm lại giắt một lưỡi kiếm mỏng như lá lúa. Tiên sinh xuất hiện dưới chân núi Hành Sơn, trong quán rượu, đầy ấn tượng. Quán hùng gồm 9 gã, uống 9 chung rượu, đang ngồi nghị luận rằng võ công Mạc Đại còn kém thua sư phụ mình là Lưu Chính Phong vì Lưu Chính Phong đánh ra một đường kiếm là đứt đầu đến 7 con chim nhạn. Lúc đang nói chuyện cao hứng thì một ông già gầy gò đi đến, ngoẹo cổ nhìn các hán tử và bảo : “Các người

nói thúi lăm”. Rồi bỗng dưng, các gã hán tử chỉ thấy trước mắt hoa lên một cái như có một luồng ánh sáng lấp lánh. Ông già gầy gò bỏ đi, tiếng đàn tình tang xa dần. Một cơn gió nhẹ thổi qua trên bàn rượu, 9 cái miệng chén bị cắt đứt lia lắt lẻo rơi xuống mặt bàn, vỡ tan. Hóa ra, kẻ lam lũ ấy là Mạc Đại tiên sinh. Ông già say ấy rút kiếm ra khi nào, chém 9 miệng chén khi nào, đứt kiếm vào đáy cây dao cầm khi nào, không ai nhìn rõ được. Chỉ với 1 đường kiếm tiện đứt 9 miệng chung rượu thì 7 đầu chim nhạn phóng có là bao ! Rõ ràng, trong đoạn văn này có hai thứ rượu : một thứ rượu say sinh ra nói bậy của 9 hán tử và một thứ rượu cực kỳ tinh tảo của Mạc Đại tiên sinh.

Rượu trong truyện võ hiệp của Kim Dung cũng biến thành một thứ vũ khí. Trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**, bọn Dư bà bà của cung Linh Thửu tung bì rượu lên thành ra thể Mãn thiên hoa vũ (mưa hoa đầy trời) cho chủ nhân của mình là Hư Trúc dùng Bắc minh chân khí, hóa rượu thành băng, không chế địch thủ. Rượu được dùng để pha độc dược, trừng trị những anh hào sắc. Vợ của Mã Đại Nguyên là Ôn thị tư tình với Đoàn Chính Thuần, em ruột nhà vua nước Đại Lý. Giận Chính Thuần lòng dạ lang chạ, Ôn thị đã pha bình Mê xuân tửu dụ cho Đoàn Chính Thuần uống, rồi trói lại và bắt đầu ... cắn từng miếng thịt của Đoàn Chính Thuần để trả thù. Trong **Lộc Đình Ký**, Vi Tiểu Bảo đã biết dùng Mê xuân tửu từ thuở bé. Mẹ của y là Vi Xuân Phương, làm điểm trong thành Dương Châu, đã từng pha thuốc mê vào rượu cho bọn làng chơi uống để trấn lột tiền tài, vật dụng. Đắc thủ được bài học lưu manh đó, khi làm quan lớn ở Bắc Kinh, Vi Tiểu Bảo cũng pha chế những bình Mê xuân tửu để hãm hại, vu cáo những kẻ thù của mình. Từ rượu độc, Vi Tiểu Bảo nghĩ ra những trò đầu độc

khác tệ hại hơn và tất nhiên, mức độ lưu manh hạ cấp cao hơn. Rượu trợ lực cho những màn tác oai tác quái của bọn quan lại triều Thanh. Để hành hạ Trịnh Khắc Sáng, kẻ tình địch ngày trước của mình, Vi Tiểu Bảo đã cho tiền để bọn thị vệ dưới quyền uống rượu thoải mái. Uống xong, chúng kéo qua tư dinh Trịnh Khắc Sáng, đòi nợ cho “bá tước” Vi Tiểu Bảo. Chúng đập phá nhà cửa, tài sản, lãng nhục Trịnh Khắc Sáng và vợ con, bắt cóc, giết người rồi vu cáo ...

Đọc tác phẩm của Kim Dung, ta biết được Trung Quốc có nhiều thứ rượu danh tiếng. Những nước phương Tây thường chỉ có vài ba tên rượu thì Trung Quốc có rất nhiều : Thiệu Hưng nữ nhi hồng, Thiệu Hưng trạng nguyên hồng, Trúc điệp thanh, Mai quế lộ, Bách thảo tửu, Biên tái tửu, Hầu nhi tửu, Bồ đào tửu, Ngũ gia bì, Kim tước tửu ... Đọc Kim Dung, ta mới biết được phong cách uống rượu của người Trung Quốc : rượu thường được hâm nóng trước khi uống, nhất là vào mùa đông. Thỉnh thoảng, trong vài tình huống đặc biệt, khi công nghiệp làm nước đá chưa ra đời, tác giả đã cho nhân vật mình làm ra băng để uống rượu. Trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** có đoạn lệnh Hồ Xung cùng Hương Vân Thiên tìm về Cô mai sơn trang ở Giang Nam gặp gỡ Giang Nam tứ hữu. Để mời rượu Lệnh Hồ Xung giữa mùa hè nóng bức, Đan Thanh tiên sinh đã nhờ anh mình là Hắc Bạch Tử dùng Hàn băng chỉ hóa nước ra thành đá, ướp lạnh rượu Bồ đào Thổ Lỗ Phồn ! Đọc Kim Dung, ta mới biết được những cách uống rượu khác nhau. Đối ẩm là hai người uống thường là tình nhân hoặc bằng hữu thân thiết. Độc ẩm là uống một mình, trong lòng đang có điều lo nghĩ hoặc tưởng nhớ. Cộng ẩm hay quần ẩm là một nhóm người cùng ngồi uống với nhau. Loạn ẩm là một đám đông cùng uống. Trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**, đoạn loạn ẩm hay nhất là đoạn bọn tà ma ngoại đạo thết tiệc Lệnh Hồ Xung trên gò Ngũ Bá

Cương đề lấy lòng Thánh cô Doanh Doanh. Thương nhau, quý nhau, người ta mới tặng rượu. Quân hào Cái bang Trung Quốc, tuy là đi ăn mày, đáng lẽ chỉ xin cơm, thì người ta còn xin cả rượu nữa !.

Chén rượu của Kim Dung đã làm cho những nhân vật của ông nổi tiếng. Hồng Thất Công nổi tiếng chuyên uống rượu với thịt chó. Kiều Phong nhờ uống rượu mới phát huy được thần oai, càng uống càng mạnh, càng uống càng tỉnh táo. Hư Trúc nhờ uống rượu, phá giới mà tìm ra được cô vợ sắc nước hương trời : công chúa Văn Nghi nước Tây Hạ. Thạch Phá Thiên nhờ uống hai thứ rượu độc mà hóa giải được sự xung đột của âm dương nhị khí, đạt đến mức thượng thừa trong võ học ... Ở chừng mực nào đó, Kim Dung đã nghĩ đến câu cổ thi :

*Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch
Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh*
(Thơ Lý Bạch)

(Xưa, nay thánh hiền đều lặng lẽ
Chỉ người uống rượu mới còn danh)

Tác phẩm của Kim Dung tràn đầy rượu và rượu. Trừ những nhà sư ra, các nhân vật khác của ông ít nhiều đều biết đến chén rượu. Rượu làm nên sự hưng phấn cho cuộc đấu tranh chống cái Ác, biểu dương cái Thiện và lẽ công bằng ở đời.

Uống rượu nhiều, tất có tình trạng say rượu xảy ra. Những người say trong tác phẩm Kim Dung cũng say một cách tử tế. Trong những hội loạn âm, họ xai quyền thách đấu hoặc cãi cọ chửi bới. Duy nhất trong 12 bộ truyện, có 1

nhân vật say rượu phạm vào tội đại ác, trở thành một thứ tửu tặc. Nhân vật đó là Thành Khôn, sư phụ của Tạ Tốn trong *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*. Thành Khôn say rượu, đã làm nhục và giết hại vợ con của đồ đệ mình. Y lên vào chùa Thiếu Lâm làm một nhà tu giả mạo dưới cái pháp danh Viên Chân. Kẻ tửu tặc ấy đã bị phát hiện, bị trừng trị.

Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung khác xa với rượu ở miền Viễn Tây Mỹ trong phim cao bồi, khác xa với rượu trong các hộp đêm trên toàn thế giới và càng khác xa với “rượu” trong các quán bia ôm, tiệm nhậu trong cả nước ta. Chính vì thế, tôi mạnh dạn gọi rượu trong truyện Kim Dung là một loại rượu đạo đức. Rượu thể hiện một thứ triết lý nhân sinh gần gũi cuộc sống, nó làm nên tình yêu, tình bạn, hận thù, sự tha thứ, mối hoài cảm, niềm hối tiếc. Qua rượu, tác giả Kim Dung hé mở cho chúng ta nhìn thấy một khoa học mới : tửu học. Với một chữ “rượu”, Kim Dung đã vượt xa hơn bất kỳ một nhà văn nào khác. Rượu của ông có bài bản, có tính chất triết lý tề chỉnh. Nó góp phần làm nên cái đẹp cho đời sống con người. Men rượu kết hợp với men tình, men võ khiến ta không “uống” được tác phẩm mà lòng vẫn say.



Chương 5

***Âm nhạc
trong truyện võ hiệp
Kim Dung***

Trong chương *Vô Công Trong Truyện Vô Hiệp Kim Dung*, tôi đã trình bày khái quát với các bạn rằng Kim Dung quan niệm âm nhạc cũng như một thứ võ công, có thể giúp người ta dưỡng thương, chữa bệnh, mê hoặc và khắc chế địch thủ. Trên một đất nước Trung Quốc rộng lớn, đa chủng tộc và sắc tộc, nhiều loại hình âm nhạc đã ra đời và đã hình thành. Trong những tác phẩm võ hiệp của mình, Kim Dung đã dành cho âm nhạc một vị trí quan trọng. Âm nhạc có ở khắp mọi nơi. Trong tác phẩm võ hiệp của ông, ta bắt gặp cái võ là sự đấu tranh của võ lâm đầy đau thương, sát máu nhưng cái ruột chính là tâm hồn nghệ sĩ khoáng đạt, thanh thoát.

Có những tác phẩm mà âm nhạc như một sợi chỉ xuyên suốt, trở thành cốt lõi, chi phối toàn bộ và tạo nên cái hồn cho tác phẩm. Đó là trường hợp của *Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ* (TNGHK). Tác phẩm này lấy chủ đề từ một bản nhạc cầm tiêu hợp tấu giữa bạch đạo và hắc đạo, giữa chính và tà. Đó là bản nhạc hợp soạn giữa hai người nghệ sĩ, hai nhân vật võ lâm tiêu biểu : Lưu Chính Phong, sư đệ của

chương môn phái Hành Sơn và Khúc Dương, trưởng lão của Triều Dương thần giáo. Vốn xưa, họ là người đứng ở hai thái cực, hai thế lực đối nghịch với nhau, coi nhau như cừu hận. Nhưng rồi âm nhạc đã nối kết tình bạn của Lưu - Khúc lại và người này nhìn ra bản chất nghệ sĩ tài hoa của người kia. Khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ* ra đời như kết quả của hai tâm hồn đồng thanh, đồng điệu và đồng cảm, một khúc nhạc có khả năng hóa giải sự biền biệt giữa chính và tà, xóa nhòa biên giới thù hận giữa hắc và bạch. Lưu Chính Phong và Khúc Dương, một cầm một tiêu, đã tấu khúc nhạc này đạt tới đỉnh cao nhất của âm nhạc "khoan hóa trung chính, khi mau sầm sập, khi khoan thai, chỗ trầm lắng, chỗ cao vút", tương thông tâm ý. Lưu Chính Phong ăn mừng thọ 60, muốn rửa tay gác kiếm để tìm những tháng ngày ung dung tự tại giữa một đời đấu tranh trá ngụy. Thế nhưng phái Tung Sơn mà lãnh tụ là Tà Lãnh Thiên đã huy động hết lực lượng của Hoa Sơn, Hằng Sơn, Thái Sơn nhằm ngăn cản hành động của Lưu Chính Phong, vu cáo rằng "Lưu Chính Phong kết bạn tà ma", buộc Lưu phải tìm cách giết Khúc Dương, chặt đứt mối quan hệ với Triều Dương thần giáo. Không đồng ý với cách bán bạn cầu vinh, Lưu Chính Phong đã bị một trận thâm kịch đau đớn : nhà tan người chết, bản thân bị trọng thương. Khúc Dương nhanh tay cứu bạn, đưa bạn chạy về dưới núi Hành Sơn. Nơi đây, hai đại cao thủ đã hợp tấu lần sau cùng trước khi qua đời rồi trao bản nhạc lại cho đệ tử phái Hoa Sơn là Lệnh Hồ Xung.

Phải chăng, khát vọng *Tiểu Ngạo Giang Hồ* không bao giờ có thể thực hiện được giữa một cuộc sống đầy đua tranh, thù hận, chia rẽ và bạo lực? Cầm bản đàn của hai bậc tiền bối, Lệnh Hồ Xung phiêu bạt giang hồ, thân danh tàn tạ, bị khinh miệt, bị đánh, bị vũ nhục, bị vu cáo. Người ta cứ đinh ninh rằng đó là một loại bị lực võ công thượng thặng ! Lệnh

Hồ Xung gặp nàng Doanh Doanh trong ngõ Lục Trúc thành Lạc Dương, ngộ hết nỗi đau thương của đời mình, trong đó có niềm đau về mối tình đầu tan vỡ. Doanh Doanh đã dạy cho Lệnh Hồ Xung khúc đàn *Thanh Tâm Phổ Thiện Trú* để duy trì mạng sống. Âm nhạc trở thành một liều thuốc chữa bệnh tâm thần, tạo nên sự hưng phấn, đem lại nguồn sống cho Lệnh Hồ Xung. Đoạn dễ thương nhất của TNGHK là đoạn Doanh Doanh đàn *Thanh Tâm Phổ Thiện Trú* ru cho Lệnh Hồ Xung ngủ. Cuối cùng, âm nhạc cũng không đủ tác dụng vực dậy một tâm hồn đau thương trong một thể xác đã suy tàn, nàng đành cống tình lang lên chùa Thiếu Lâm, chịu bị cầm tù để tình lang được chữa trị. Kết thúc của TNGHK là một kết thúc thật đẹp : Lệnh Hồ Xung chữa được thương thế, cùng Doanh Doanh hợp tấu bản *Tiểu Ngao Giang Hồ*, sống một đời hòa bình, hạnh phúc, ung dung, khoái lạc.

TNGHK đưa ra một luận điểm triết lý sâu sắc : con người sinh ra không thể sống một mình, cũng không thể sống hai mình khi tâm ý chẳng tương thông. Khát vọng của *Tiểu Ngao Giang Hồ* chính là tình thương yêu con người đậm thắm. Sự giao hòa âm nhạc tạo nên giao hòa tình yêu và chỉ có tình yêu chân chính mới đạt đến hạnh phúc làm người.

Trong TNGHK, ta bắt gặp một loại hình âm nhạc khác - âm nhạc lang thang của phường môn phái Hành Sơn Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Với vóc dáng "điều linh có quái", người phường môn ấy từ chối quyền lực và danh vọng, mang một cây dao cắm trong đó có dấu một thanh kiếm mỏng như lá lúa, vui chơi bốn biển năm hồ. Kiếm để trừ diệt kẻ ác, dao cắm để di dưỡng tâm hồn. Mạc Đại tiên sinh chính là hình tượng mà *Nam Hoa Kinh* của Trang Tử thường

mơ ước : “*Khi cao lên 9000 dặm, nương mây cỡi gió mà bay*”. Tiếc thay, ông ta chưa đạt được phong cách thần tiên thoát tục do bởi cái khúc *Tiêu Tương Dạ Vũ* mà tiên sinh thương hay hát là một “bài ca buồn bã có đi mà không có lại”. Tiếng hát của tiên sinh là tiếng hát lênh đênh trong ảo ảnh sương khói và suốt đời, tiên sinh chỉ là một nghệ sĩ lang thang. Mặc Đại là nhà du ca lớn nhất trong TNGHK và trong toàn bộ tiêu thuyết võ hiệp của Kim Dung, một thứ thần tiên bị đọa phải nhập thế và nhập thế. Nếu Doanh Doanh chơi nhạc thính phòng thì âm nhạc của Mặc Đại là nhạc du ca.

Nhưng TNGHK không phải chỉ có chừng đó dạng âm nhạc. TNGHK còn có khúc *Sơn Ca Phúc Kiến* của Lâm Bình Chi mang về núi Hoa Sơn, dạy cho Nhạc Linh San hát. “Chị em lên núi hái chè” - câu sơn ca đó làm tan hồn nát ruột Lệnh Hồ Xung vì mỗi khi Nhạc Linh San hát lên, anh biết nàng ta đang nghĩ tới Lâm Bình Chi và phụ rầy mối tình đầu của mình. TNGHK còn có một bài ca bợ dút rất buồn cười mà bọn giáo chúng Triều Dương thần giáo đồng thanh hợp ca để tâng bốc Nhậm Ngã Hành khi lão vừa chiếm lại được ngôi giáo chủ. “*Thánh giáo chủ văn thành võ đức, nhân nghĩa anh minh, thiên thu trường trị, nhất thống giang hồ. Bọn thuộc hạ đưa lời cung nghinh thánh giáo chủ thương sinh trạch bị, ơn khắp lê dân ...*”. Nguyên cái loại “âm nhạc” này phát xuất từ thời giáo chủ Đông Phương Bất Bại. Khi Bất Bại đã trở thành “tất bại”, bọn giáo chúng Triều Dương thần giáo mới dùng nó để ca ngợi Nhậm Ngã Hành. Cả ngàn con người cùng ngoác miệng hò ca chấn động cả lỗ tai người nghe ! Thứ “âm nhạc” này bị coi là nhạc sến !

Trong bộ *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* (YTDLK), Kim Dung đã để cho âm nhạc xuất hiện trước tiên với nhân vật Côn Luân tam thánh Hà Túc Đạo. Hà Túc Đạo tuổi ngoài 40,

khuôn mặt xương xương, giỏi kiếm, giỏi cờ, giỏi đàn, được xưng tụng là Tam thánh, từ Côn Luân xuống Trung Nguyên. Ông ta có một khúc đàn tuyệt vời, có thể sai khiến trăm chim tụ hợp về nhảy múa, ca hát gọi là *Không Sơn Điếu Ngủ*. Cô bé Quách Tường, 16 tuổi đi tìm Dương Qua, đã gặp người trung niên tài hoa Hà Túc Đạo ngoài rừng chùa Thiếu Lâm, được nghe khúc *Không Sơn Điếu Ngủ* và tiếng muôn chim ca hát. Hình ảnh trong sáng, tươi đẹp của cô đã in ngay vào trong tâm hồn chàng nghệ sĩ trung niên. Hôm sau, khi chiến đấu với 3 cao thủ Thiếu Lâm Tây Vực trước sự chứng kiến của Quách Tường, Hà Túc Đạo chỉ chiến đấu một tay, tay còn lại vận Cách không chỉ phóng vào cây đao cầm đang để dưới đất, mời Quách Tường nghe bản nhạc mình mới sáng tác tặng cô, kiếm chường thì sát phạt sát máu, tiếng đàn lại lãng mạn xuân tình, u uất những thương nhớ. Cái công phu phân ý của Hà Túc Đạo quả thật hy hữu ! Cô bé Quách Tường thơ ngây nghe hết cung đàn, cảm động và đỏ mặt vì biết Hà Túc Đạo đang dùng âm nhạc tỏ tình với mình. Thế nhưng, mối tình của Hà Túc Đạo cũng chẳng tới đâu. Hà Túc Đạo đánh thua sư Giác Viễn, hổ thẹn chạy về núi Côn Luân. Quách Tường yêu Dương Qua mà tìm nhau không gặp, lên núi Nga My đi tu, mở ra phái Nga My. Âm nhạc của Hà Túc Đạo cũng “có đi mà không có lại”. Nó trở thành bài biệt ca của tình yêu.

Nhưng âm nhạc hay nhất, đẹp nhất, mang giá trị nhân bản cao nhất vẫn là bài *Hòa Ca* của giáo chúng Minh Giáo (tức Bái hòa giáo), truyền từ Ba Tư (tên cũ : Perse - thời ấy chưa gọi Iran) sang Trung Quốc. Đây là bài ca được hát trên Quang Minh Đình khi quần hùng Minh giáo bị quần hùng Trung Quốc vây hãm, vu cáo họ là tà giáo, có ý định đuổi tận diệt tuyệt. Theo tác giả Kim Dung, bài *Hòa Ca* lấy từ thơ của nhà thơ lớn Ba Tư Omar Khyan có những câu

được dịch thoát ra như thế này :

*Đốt tàn thân xác của ta
Ngon lửa thánh bốc cháy lên đỏ rực
Sống đã chẳng có chi là hạnh phúc
Thì chết đi nào có khổ đau gì
Vì thiện lương, ta trừ cái ác
Nặng quang minh củ vậy mà đi
Hy, Lạc, Sầu, Bi xin gửi về cát bụi
Tội nghiệp thay người đời hoạn nạn lắm khi*

Giữa cảnh đang bị cường địch bao vây, giáo chúng Minh giáo vẫn ung dung tự tại hát lên bài *Hòa Ca* dâng lên đức giáo chủ Minh Tôn Di Lạc, bày tỏ tấm lòng của mình với cuộc đời và thể hiện khí phách hiên ngang trước cái chết. Trương Vô Kỵ đã nghe được bài ca đó và nhận ra rằng Minh giáo là một đạo nhân bản, rằng những lời kết án Minh giáo là bằng môn tả đạo là những lời xuyên tạc, rằng việc chống lại người Minh Giáo là hành động phi nhân. Và anh đã xả thân cứu quần hùng Minh giáo, nguyện hiến thân vì trăm họ để cho giáo chúng Minh giáo được sống. Anh được Minh giáo Trung Quốc bầu lên làm giáo chủ, huy động các lực lượng Minh giáo chống lại quân Nguyên, dành lại được giang sơn từ giống nòi dị tộc. Chu Nguyên Chương lên ngôi cũng còn biết nhớ nguồn gốc của mình xuất thân từ Minh giáo nên đặt đế hiệu là Minh Thái Tổ. Người Minh giáo mặc áo đạo bào trắng, trước ngực áo có vẽ ngọn lửa đỏ, gấp nhau chào bằng hai bàn tay chắp lại thành hình ngọn lửa. Và Thánh ca của họ chính là bài *Hòa Ca*, bài ca mang một giá trị nhân bản, nhân đạo tuyệt vời.

Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* (LMTKT), âm nhạc mới phong phú làm sao. Trước hết, người ta dễ nhận

ra bài ca “chiến thắng” của của bọn lính Khất Đan sau những cuộc “hành quân” qua thảo nguyên ngoài Nhạn Môn quan. Bọn chúng bắt dân bà, giết trẻ em, tước đoạt tài vật của những gia đình lương dân Trung Quốc. Ấy thế mà chúng vẫn hát được ! Cũng trong bộ truyện này, người đọc thật sự cảm thấy thú vị với bài ca bợ dít của bọn đệ tử phái Tinh Tú nhằm ca ngợi Tinh Tú hải lão ma Đinh Xuân Thu. Mỗi khi Đinh Xuân Thu xuất hiện hay lâm trận, bọn đệ tử đồng thanh hát :

*Tinh Tú lão tiên
Danh lừng Trung thổ
Oai lực vô biên
Đánh đâu thắng đó*

Nhân vật Phong Ba Ác, một thuộc hạ của Cô Tô Mộ Dung Phục đã làm cho phái Tinh Tú mất hứng khi cất giọng solo bài này dưới chân núi Thiếu Thất chùa Thiếu Lâm để bọn đệ tử Tinh Tú “hợp ca” theo :

*Tinh Tú lão tiên
Danh lừng Trung thổ
Oai lực vô biên
Thối hơn rơm chó.*

Dem “rơm chó” vào trong bài ca để hướng dẫn bọn đồ đệ Tinh Tú hát theo làm trò cười cho thiên hạ, cách phê phán thói nịnh của Kim Dung vừa bình dân, vừa bác học hết chỗ nói !

Nói đến âm nhạc trong LMTKT, ta không thể quên hai nhân vật quái dị trong nhóm Hâm Cốc bát hữu (tám người bạn ở Hâm Cốc) là Cầm tiên Khang Quảng Lăng và Lý Quý Lỗi. Cầm tiên Khang Quảng Lăng đánh địch bằng 6

cây dao cầm. Nghe tiếng đàn của lão, trái tim người ta nhảy loạn lên đầu, đầu óc trở thành u mê, hồ đồ. Thế nhưng lão tay chân mà chơi được một lúc 6 cây đàn ? Kim Dung đã giải quyết vấn đề một cách thú vị : Khang Quảng Lăng đặt 6 cây đàn ở 6 nơi khác nhau rồi vận chỉ công Cách không đánh vào phím đàn. Hóa cho nên tiếng đàn của lão thoát đông, thoát tây; khi trên, khi dưới khiến người ta tưởng khinh công của lão xuất thần nhập hóa. Nhạc sĩ Khang Quảng Lăng này rất hồ đồ. Lão tin rằng tiếng đàn của lão có thể làm người chết sống lại : “*Vậy mộ của Huyền Khô đại sư chôn ở đâu ? Dẫn ta đến mau, ta đàn cho đại sư nghe một khúc không chừng đại sư có thể sống lại (?)*”. Ngược lại với Khang Quảng Lăng, nhân vật Lý Quý Lỗi là một con hát, anh ta vừa đánh, vừa hát bội, thậm chí khi bị đánh gãy chân, thay vì rên la, anh ta lại mở miệng hát (!). Hai nhân vật chơi nhạc trong Hàm Cốc bát hữu là hai con người hồn nhiên như trẻ con. Họ xuất hiện rất ngắn nhưng để lại ấn tượng rất sâu trong lòng người đọc.

Trong LMTKT, người ta còn nghe tiếng sáo của bọn Hồ tăng, chuyên thổi trên những con trăn lớn và thổi sáo để kích thích đàn rắn xung phong tấn công. Tác giả Kim Dung chỉ nói sơ lược rằng Ba La Tinh và Triết La Tinh là những Hồ tăng nước Tây Vực nhưng người đọc cũng có thể hiểu được đây là những nhà sư Ấn Độ, một đất nước vốn có những fakhr có thủ thuật dùng tiếng sáo để kích thích rắn. Cũng trong LMTKT, người ta còn nghe bài ca *Xin Cơm* của anh em Cái bang, một bài hát không dùng vào việc xin cơm thông thường mà để kết Đà cầu trận, khắc chế địch nhân dũng mãnh.

Khi viết về âm nhạc, kiến thức âm nhạc của Kim Dung tiên sinh cũng rất tinh tường và phong phú. Trong **Lộc Đình**

Ký (LDK), ông đã trích lại bài ca *Viên Viên Khúc* của nhà thơ Ngô Mai Thôn - một danh kỹ cuối Minh đầu Thanh, người tình của Lý Sấm và Bình Tây Vương Ngô Tam Quế. Trần Viên Viên được mô tả "*Mặt đẹp như Quan Âm*", sống một cuộc đời đau thương chìm nổi đúng như định đề cổ điển của văn học "Hong nhan đa truân". Tất cả những đau thương đó đều được đúc kết thành *Viên Viên Khúc*. Khi đi tù, Viên Viên vẫn hát khúc ca với cây dao cầm. Ngô Tam Quế nghe được vài chục câu, Mỹ đạo vương Hồ Dật Chi nghe được ba bốn câu. Chỉ có Vi Tiểu Bảo, một kẻ chẳng hiểu âm nhạc là gì, lại có hồng phúc nghe được trọn bài. *Viên Viên Khúc* nghe thật buồn bã, đúng là một bài ca mất nước chẳng khác gì *Hậu Đình Hoa* của Trần Hậu chủ trong thơ Đỗ Mục :

*Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xứng Hậu Đình Hoa
(Gái chơi dẫu biết hờn vong quốc
Bên sông còn hát Hậu Đình Hoa)*

LDK còn có một loại "âm nhạc" ngộ nghĩnh khác nữa : những bài ca nịnh bợ của bọn Thần long giáo. Đó là những bài ca mang tính chất tự kỷ ám thị dùng trong lúc đánh nhau, đã được Kim Dung viết với một giọng văn thô thiển, phù hợp với "trình độ" của bọn giáo chúng ngu muội :

*Hồng giáo chủ thân thông quảng đại
Giáo chúng ta đánh bại khắp nơi
Dịch nhân thấy bóng chạy tơi bời
Cứng rắn cũng tan tành xác pháo
Hong giáo chủ ra oai sấm sét
Chúng đồ nhi sức mạnh phi thường
Ta một người trăm địch khôn đương
Dịch hằng vạn trăm quân đủ thắng*

*Hồng giáo chủ thần kinh như điện
Chiếu nhân quang ra khắp muôn phương ...*

Những bài hát như vậy mang tính kinh điển, khẩu hiệu, mê muội, tự nó nói lên được kiểu lừa bịp trá ngụy của những tà giáo thứ thiệt. Cái hay của Kim Dung là ông chỉ mô tả sự kiện, tường thuật vấn đề không bình luận. Nhưng thông qua sự kiện, vấn đề, người đọc nhận biết được ý đồ của ông, hiểu được ông muốn nói lên điều gì. Bài ca tập thể lạ lùng của giáo chúng Thần long giáo sau đây khiến cho người ta nghĩ đến sự kiện Vệ binh đỏ ở Trung Quốc trong thời Cách mạng văn hóa :

*Bảo huấn của giáo chủ
Thời khắc ghi trong lòng
Lập công và thắng địch
Trường thọ với non sông*

Trong truyện võ hiệp của Kim Dung, âm nhạc xuất hiện khắp mọi nơi trên đất nước Trung Hoa rộng lớn. Trong **Lãnh Nguyệt Bảo Dao** (LNBD), ta nghe được tiếng hát vùng Đông - Triết Giang của tiểu anh hùng Hồ Phi. Trong **Độc Bá Quần Hùng** (ĐBQH), ta nghe được tiếng hát Y Tư Mỹ (Islam) - tiếng hát của những giáo chúng Hồi giáo - khởi nguyên từ *Khả Lan Kinh* (Kinh Coran), thể hiện khát vọng về cuộc sống hòa bình, hạnh phúc, thương yêu con người dưới đêm trăng thanh, bên ánh lửa hồng giữa sa mạc Qua Bích (Gobi). Trong **Xạ Điều Anh Hùng Truyện** (XDAHT), ta nghe được khúc sáo ma quái, nhiếp hồn của Đông tà Hoàng Dược Sư. Trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ**, ta nghe được tiếng hát của dân tộc Miêu Cương của giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam Lam Phượng Hoàng. Trong **Lộc Đình Ký**, ta nghe được bài ca *Trầm Giang* hùng tráng trích từ tác phẩm dân

ca *Đào Hoa Phiến*, ca ngợi cái chết anh hùng của nhà yêu nước *Sử Các Bộ*, người chịu hy sinh để dành lại đất nước trong bàn tay dị tộc. Nhưng không phải ai cũng có thể hát được khúc *Trầm Giang*. Di trên sông *Liêu Giang* giữa đêm mưa gió, cả mấy chục người mà chỉ có *Trần Cận Nam* - Tổng đường chủ của *Thiên địa hội* - và *Ngô Lục Kỳ* - Đường chủ *Hồng Thuận* đường của *Thiên địa hội* - mới đủ công lực cất lên tiếng hát át cả tiếng cuồng phong sậu vũ :

*Đầy lòng phần nộ ngò cùng ai
Giọt lệ già nua dạ ái hoài
Trong chôn cô thành mong cứu viện
Tàn quân quyết chiến luống bi ai
Đoái trông cố quốc lòng đau xót
Trùng vây khôn nổi vượt ra ngoài
Trường giang một giải ba ngàn dặm
Nỡ để về tay kẻ khác loài ...*

Và :

*Non nước ngàn thu để tiếng truyền
Đau lòng huyết lệ khắp Tây Xuyên ...*

Trong *Lục Mạch Thần Kiến Truyện* (LMTKT), ta nghe được tiếng hát bài ca *Hải Sen Ở Giang Nam* (*Giang Nam Khả Thái Liên*) hòa với tiếng đàn hồ cầm thánh thót của cô gái đẹp *A Bích* tại *Yên tử ô*, *Giang Nam* :

*Giang Nam khả thái liên
Liên điệp hà diên diên
Ngu hý liên điệp đông
Ngu hý liên hiệp tây ...*

Tạm dịch là :

*Giang Nam ta hãy hái sen
Lá sen dày khít mọc chen thành đồng
Cá đùa bên lá phía đông
Cá đùa bên lá sen lòng phía tây ...*

Nhưng tiếng hát đẹp nhất, mang nặng tính chất triết lý nhất vẫn là tiếng hát của Tiểu Siêu, cô gái lai người Ba Tư. Tiểu Siêu là cô bé 16 tuổi, được mẹ là Đại Ý Ty đưa vào “nằm vùng” trong Minh giáo Trung Quốc, len lỏi lên đỉnh Quang Minh để tìm cách đánh cắp bộ *Thần Công Đại Nã Di Tâm Pháp*. Cô trở thành con hầu của giáo chủ Trương Vô Kỵ và thâm yêu trộm nhớ Trương Vô Kỵ. Nhưng cô đã tiên cảm được rằng môi tình đó không đi đến đâu, số phận của cô không biết trôi dạt về đâu. Nỗi u oán đó biểu hiện lên trong những khi hát cho giáo chủ Minh giáo Trương Vô Kỵ nghe. Lời ca nguyên là 1 trong 101 bài thơ của Nga Mạc (Omar Khayan) - thi hào Ba Tư đã được Quách Mạt Nhược dịch qua tiếng Quan thoại. Triết lý trong lời ca là khát vọng cất nghĩa cho được những vấn đề gần gũi nhất của con người : cuộc sống, tình yêu và cái chết :

*Lai như lưu thủy hề thế như phong
Bất tri hà xứ lai hề hà sở chung*

Tạm dịch là :

*Chợt đến như dòng nước chảy
Thoắt tan như gió qua mau
Chẳng biết từ đâu mà đến
Cũng chẳng biết về nơi đâu*

Bài ca này là một bài Thánh ca của Bái hỏa giáo Ba Tư và tiếng hát cuối cùng là tiếng hát của Hân Ly trong con mê sang trước khi chết trên một hải đảo vùng Đông-Bắc Trung Quốc.

Trong lịch sử văn minh Trung Quốc, không có biên giới giữa thi và ca. Trường phái thơ Đường đã dung nạp một cách tự nhiên âm nhạc vào thi ca, biên phong cách này trở thành truyền thống :

*Sở phong thanh dịch ly đình văn
Quán hương Tiêu Tương ngà hương Tần*

Hoặc :

*Khuong dịch hà tu oán dương liễu
Xuân phong bất độ Ngọc Môn quan*

Kim Dung tiên sinh đã đưa âm nhạc vào tiểu thuyết đúng như truyền thống của Đường thi nhưng lãnh vực phản ánh của ông rộng hơn và mức độ phản ánh sâu sắc hơn. Âm nhạc đó hóa giải được tính chất đấu tranh gay gắt, phức tạp của bản chất câu truyện võ hiệp. Nó làm nên cái hồn tính lãng mạn cho tiểu thuyết võ hiệp, đem lại chất hài hước vui nhộn cho tiểu thuyết võ hiệp. Nói là âm nhạc nhưng nó chính là võ công, là công phu, là y đạo, là vũ khí chiến đấu và đồng thời, là phương thức biểu lộ tình yêu. Ngay chính trong cách dung nạp này, Kim Dung đã chứng tỏ được rằng ông là bậc thầy trong lĩnh vực viết tiểu thuyết. Đọc Kim Dung và lắng nghe chất âm nhạc trong tiểu thuyết của Kim Dung, nhờ âm nhạc, người ta thấy được niềm tin, dù trong đau thương hay trong hạnh phúc.

Chương 4

*Hoa
trong tiểu thuyết
Kim Dung*

Văn chương tiểu thuyết, kể cả văn chương tiểu thuyết vô hiệp, luôn có những đoạn tả cảnh. Cảnh quan thiên nhiên hiện ra trong văn chương đã trở thành một thứ quy luật tất yếu, không thể thiếu được. Và chẳng, người Trung Quốc đã quan niệm “Vạn vật đồng nhất thể” mà con người cũng là một vật trong vạn vật cho nên con người không thể tự tách mình ra khỏi thiên nhiên, ra khỏi cảnh quan và môi trường sống. Văn chương tiểu thuyết vô hiệp Kim Dung cũng vậy. Con người trong tiểu thuyết của ông luôn luôn gắn liền với thiên nhiên, sống giữa thiên nhiên và hoạt động với thiên nhiên.

Nhưng vượt lên trên tất cả cung cách mô tả thiên nhiên, Kim Dung đã dành cho hoa nhiều cảm tình nhất. Hoa xuất hiện trong 11 bộ vô hiệp tiểu thuyết của ông như là biểu tượng cho 4 mùa. Hoa tiêu biểu cho chiều sâu trí tuệ và tâm hồn của người trồng hoa và chơi hoa. Hoa là sản phẩm đặc trưng của từng vùng đất, mà đất nước Trung Quốc vô cùng rộng lớn nên hoa cũng cực kỳ phong phú về chủng loại, đặc sắc về hình. Ở một chừng mực nào đó, ta có thể thấy Kim Dung đã thể hiện kiến thức của một nhà hoa học trong những bộ tiểu thuyết của mình.

Trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**, theo gót chân lằng du của vương tử Đoàn Dự, người nước Đại Lý; tác giả đưa chúng ta đi về vùng Giang Nam của nước Tống. Mùa xuân trên vùng Thái Hồ, Giang Nam ta bắt gặp hoa sen và hoa hồng lằng khoe thắm sắc, thoang thoang đưa hương trong gió. Rồi tác giả đưa chúng ta về Mạn Đà sơn trang của Vương phu nhân (gốc người Tiên Ty nước Đại Yên, đã nhập cư nước Tống), thưởng thức hoa trà. Đoạn lý luận về hoa trà của Đoàn Dự có thể coi là một chương hoa học kỳ thú trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**.

Hoa trà - tiếng Phạn gọi là hoa Mạn Đà La - là một loài hoa nổi tiếng được trồng phổ biến trên khắp vùng Vân Nam. Lúc bấy giờ, Vân Nam thuộc nước Đại Lý. Hoa trà trở thành quốc hoa của Đại Lý: Vân Nam có khí hậu ẩm, mưa nhiều quanh năm, dân dã bình thường cũng biết trồng hoa trà để thưởng ngoạn. Thế nhưng Vương phu nhân lại đem hoa trà Vân Nam (nước Đại Lý) về trồng ở vùng Giang Nam (nước Tống) mà lại trồng sai quy cách vì thiếu kinh nghiệm chăm sóc khiến cho cái gọi là Mạn Đà sơn trang của phu nhân dưới mắt Đoàn Dự chẳng đáng một đồng xu. Vốn ghét tính cách tàn bạo, ngang ngược của Vương phu nhân, Đoàn Dự đã thẳng thừng phê phán sự dốt nát của bà khi trồng trà: *"Tỷ như khóm trà hoa này chắc phu nhân cho là quý lắm? Cái lan can bên cạnh mới thực là đẹp"*. Khen như vậy khác nào khen quyển sách in đẹp mà nội dung rỗng tuếch. Những kiến thức về hoa trà của Đoàn Dự khiến Vương phu nhân vừa kinh hãi, vừa thẹn thùng. Chậu hoa mà phu nhân gọi là *"Ngũ sắc trà hoa"* (hoa trà 5 màu) thì Đoàn Dự gọi là *"Lạc đệ tử tài"* (tử tài thi hỏng). Đoàn Dự cho biết loại hoa trà quý nhất có tên là *"Thập bát học sĩ"* (18 vị học sĩ) gồm 18 bông, màu sắc không bông nào giống bông nào (toàn hồng,

toàn trắng, toàn tia ... không được hỗn tạp), cùng nở một lúc và cùng tàn một giờ. Sau "*Thập bát học sĩ*" là loại trà "*Bát tiên quá hải*" (8 vị tiên qua biển) chỉ có một gốc, nở ra một lúc 8 bông với 8 màu khác nhau. Sau trà "*Bát tiên quá hải*" là loại trà "*Thất tiên nữ*" (7 vị nữ tiên) chỉ có 1 gốc, nở ra 7 bông. Sau trà "*Thất tiên nữ*" là loại trà "*Phong trần tam hiệp*" (3 người hiệp khách sống đời gió bụi), chỉ có 1 gốc, nở đúng 3 bông. Loại "*Phong trần tam hiệp*" có hạng chánh thì bông màu tia lớn nhất, tượng trưng cho Cầu Nhiễm Khách; bông màu trắng nhỏ hơn một chút, tượng trưng cho Lý Tĩnh; bông màu hồng nhỏ nhất tượng trưng cho Hồng Phát Nữ. Nếu bông hồng mà lớn hơn bông trắng (tức Hồng Phát Nữ lớn hơn Lý Tĩnh) thì loại trà "*Phong trần tam hiệp*" chỉ đứng vào hạng phó, giá trị thua xa hạng chánh. Sau trà "*Phong trần tam hiệp*" là trà "*Nhị Kiều*" gồm 2 bông, 1 lớn và 1 nhỏ, tượng trưng cho Đại Kiều và Tiểu Kiều - hai người đẹp danh tiếng đất Giang Đông thời Tam Quốc. "*Nhị Kiều*" phải thuần chất, hai bông phải có một sắc như nhau, nếu bông hồng có pha trắng hoặc bông trắng có pha hồng thì là hạng kém cỏi, không đáng để chơi !

Lý luận một hơi về 5 loại danh trà, Đoàn Dự mới kết luận chậu hoa của Vương phu nhân chỉ xứng đáng gọi là "*Lạc đệ tứ tài*" - vì nó gồm 17 bông, màu sắc pha tạp, to nhỏ không đều, nở sớm, nở muộn khác nhau y như 17 cậu đi thi kém người ta đủ mọi thứ điểm nên phải hồng thi (lạc đệ). Vùng Cô Tô (Giang Nam) khen ngợi loại trà "*Mãn Nguyệt*" (trăng tròn). Đoàn Dự bác ngay ý kiến đó, lý luận rằng loại trà nở bông trắng có nhiều sắc tia hồng phơn phớt phải gọi tên là "*Ỗ Lan Kiều*" (Nàng Kiều thẹn thùng, dựa vào lan can). Trông "*Ỗ Lan Kiều*" phải chọn nơi nửa kín nửa hở để xứng với câu thơ :

*E then ôm đàn che nửa mặt
Ai kêu ai gọi cũng làm thính*

Nếu đúng là loại trà "*Mãn nguyệt*" thì bông phải có cánh trắng nổi lên những vân đen. Vân đen ấy tượng trưng cho cánh quế trên cung trăng. Còn nếu hoa có cánh trắng mà lẫn vân hồng thì phải được gọi là "*Hồng trang tô lý*" (có sắc trắng ở trong khuôn mặt hồng). Nếu hoa trà cánh trắng mà có những tia nhỏ như tơ màu đỏ thì gọi là "*Trào phá mỹ nhân kiếm*" (móng tay cào xước má người đẹp). Đoàn Dự thuyết như nước chảy : "*Đã gọi là mỹ nhân thì phải thuần nhã ôn nhu. Còn kẻ khắp mặt xây xát, tỏ ra đã bao phen cùng người đánh đấm thì còn gọi mỹ nhân sao được*". Câu lý luận về hoa đó đã làm Vương phu nhân nổi hung, tưởng là Đoàn Dự cố ý mạ sát mình. Bà ra lệnh cho gia nhân chặt tay, móc mắt, chặt chân Đoàn Dự nhưng rồi tiếc tài am hiểu về hoa của chàng; bà buộc Đoàn Dự phải đi trồng trà và tìm cho ra những giai phẩm về hoa như đã nói chỗ bà thường ngoạn.

Viết đến đây, Kim Dung trích dẫn thơ ca đến đó :

*Xuân câu thủy động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng
(Giòng xuân nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây vương trái vải hồng)*

Hoặc :

*Thanh quân ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt trà hoa mãn lộ khai
(Quần xanh vóc ngọc như từng gặp
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)*

Thật sự, Trung Quốc đã từng có tác phẩm **Điền Trung Trà Hoa Ký** nghiên cứu về hoa trà trong đó có đoạn : “*Đại Lý trà hoa tôi giáp hải nội, chủng loại thất thập nhị, đại u mẫu đơn. Nhất vọng nhược hòa tễ vân cảm, thuộc nhật chung hà*”. Xin tạm dịch : “Hoa trà nước Đại Lý đứng đầu thiên hạ, gồm 72 loại khác nhau, có loại lớn hơn cả hoa mẫu đơn, khiến ta đứng xa vẫn trông rõ một góc trời như mây gấm hòa vào cho màu trắng ban mai thêm rực rỡ”. Thật ít có nhà văn đạt được kiến thức hoa học và vận dụng kiến thức ấy - vốn thuộc phạm vi sinh học - vào văn chương một cách nhuần nhuyễn như Kim Dung.

Đúng là Kim Dung đã đưa hoa vào tác phẩm văn chương vô hiệp của mình, dùng hình ảnh tươi đẹp của hoa để chế ngự bớt tính chất căng thẳng và đôi khi tàn nhẫn của thế giới vô hiệp. Hoa là biểu tượng cho một dạng công lực thượng thừa, kẻ luyện nội công đến mức cao siêu nhất được gọi là “Tam hoa tụ điểm”. Hoa được dùng để đặt tên cho các pho võ công : Niêm hoa chương, Niêm hoa chỉ của phái Thiếu Lâm, Thiên sơn chiết mai thủ của Hư Trúc phái Tiêu Dao; Lạc anh chương pháp của Hoàng Dược Sư ở Đào hoa đảo. Hoa trở thành mệnh lệnh tấn công như khi bang chúng Cái bang hát bài *Liên Hoa Lạc* (Cánh sen rơi) thì có nghĩa là họ kết Dã cầu trận để chống lại kẻ địch, bao vây kẻ địch. Hoa trở thành đòn thức, chiêu thế của người sử dụng võ công, và khi sử dụng, giới võ lâm phải thể hiện cho được yếu tính của đòn thức, chiêu thế mang tên hoa đó. Nhà sư Cưu Ma Tri nước Thổ Phồn khi đánh ra chiêu Niêm hoa vi tiểu trong Niêm hoa chỉ vẫn giữ được khuôn mặt tươi cười, tư thế ung dung của khái niệm niêm hoa (cánh hoa chưa mở ra). Nhà sư Hư Trúc sử dụng Thiên Sơn chiết mai thủ với phong cách nhẹ nhàng, khuôn mặt trầm tĩnh đúng như người đang

bẻ cánh mai trên núi Thiên Sơn mà kinh lực có thể làm tan bia, vỡ đá. Phái Thiếu Lâm có chiêu Hoa khai kiến Phật (Hoa nở thấy Phật) bó buộc đệ tử Thiếu Lâm chấp hai tay lên trước ngực, vừa hàm ý chào kính kẻ địch, vừa thể hiện đức Từ bi của nhà Phật: đấu nhau là phải đấu chứ không muốn giết hại lẫn nhau. Ta bắt gặp trong tiểu thuyết của Kim Dung những tên gọi Lạc hoa lưu thủy (hoa rụng nước trôi), Mãn thiên hoa vũ (mưa hoa đầy trời), Liên hoa phát huyết thủ (tư thế đánh vào trọng huyết như phát cánh hoa sen), Hồ điệp xuyên hoa (bướm len lỏi vào vườn hoa), Thiên nữ tán hoa (gái trời rắc hoa) ...

Hoa muôn đời là biểu tượng của người phụ nữ đẹp, là biểu tượng của cô gái trong trắng, thơ ngây. Kinh Thi có câu: "*Xước ước như xử nữ*" (mềm mại như gái trinh) và từ *xước ước* cũng đồng thời là từ diễn tả dáng thanh lịch của ngàn hoa. Những nhân vật nữ của Kim Dung như Doanh Doanh, Nhạc Linh San, Nghi Lâm, Lam Phượng Hoàng trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* (TNGHK); Hoàng Dung, Quách Tường, Tiểu Long Nữ, Hân Tố Tố, Triệu Minh, Chu Chi Nhược, Tiểu Siêu (trong *Thần Điêu Hiệp Lữ* - TĐHL - và *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* - YTDLK) đều có "*khuôn mặt đẹp như hoa nở, nụ cười tươi như hoa nở*". Những cô gái trinh bạch, xinh đẹp ấy được gọi chung là *Hoàng hoa khuê nữ* (cô gái trong phòng khuê dịu dàng như hoa cúc) nhưng lĩnh vực hoạt động của họ không phải là phòng khuê nữa mà là giới giang hồ. Họ là hào khách võ lâm rất biết yêu hoa: Vương phu nhân yêu hoa trà; Mộc Uyển Thanh yêu hoa mai côi (hoa hồng) và con người cô toát ra mùi hương tự nhiên của mai côi đến nỗi cô có ngoại hiệu là Hương Dược Xoa (trong LMTKT); Lăng Sương Hoa, con gái của tri phủ Giang Lăng thành Lăng Thoái Tư yêu hoa cúc (trong LTQ).

Kẻ nào manh tâm chiếm đoạt trình tiết người phụ nữ bị Kim Dung gọi là tên Thái hoa dâm tặc (giặc dâm chuyên hái hoa). Trong TNGHK có gã Giang dương đại đạo thái hoa dâm tặc vạn lý độc hành khoái đạo Diên Bá Quang. Hắn góm ghiếc đến nỗi phụ nữ nhà lành cũng bị cha mẹ cấm không được gọi đến tên hắn. Nhà sư Bát Giới đã trừng trị tội dâm dật của hắn bằng cách điểm vào trọng huyệt, xuyên một cặp tụ tiển (mũi tên nhỏ) vào bộ phận sinh dục để hắn không còn được phép “hái hoa” nữa. Ngoại hiệu của nhà sư là Bát Giới (không cấm cản chi hết) nhưng nhà sư buộc Diên Bá Quang phải cạo đầu làm sư, đặt lại ngoại hiệu cho hắn là Bát Khả Bát Giới (không thể không cấm cản). Cách trừng trị kinh khủng như vậy là để nhằm bảo vệ đời hoa !

Hoa là biểu tượng của tình yêu lứa đôi, và đặc biệt trong võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, là biểu tượng của tình yêu chung thủy. Thời đôi mươi, Vương phu nhân say mê Đoàn Chính Thuần, thất thân với y và sinh ra Vương Ngọc Yến. Đoàn Chính Thuần là Hoàng thái đệ của Đoàn Chính Minh, vua nước Đại Lý ; không thể cưới được Vương phu nhân. Tương tư tình lang, Vương phu nhân đem trà Đại Lý về trồng tại Giang Nam, lập nên cái gọi là Mạn Đà sơn trang (trong LMTKT). Còn trong LTQ, Kim Dung đã thực sự tạo cho hoa cúc một tâm hồn riêng khi ông xây dựng môi tình Đình Diễm - Lăng Sương Hoa. Đình Diễm luyện thành thần công *Thần Chiêu Kinh*, chỉ cần vươn tay ra chụp một cái là kẻ thù phải chết. Anh yêu tiểu thư Lăng Sương Hoa, con gái trị phủ Lăng Thoái Tư thành Giang Lăng, nên ẩn thân vào nhà tù thành Giang Lăng để ngày ngày được ngắm màu hoa cúc vàng trên cửa sổ do chính Lăng Sương Hoa chăm sóc. Lăng Sương Hoa ra sức chăm

bón hoa, giữ cho hoa tươi mãi để tạ lòng người yêu. Tình yêu lặng lẽ giữa người tù và cô tiểu thư diễn ra thật nên thơ nhưng cũng rất mạnh mẽ. Tri phủ Lăng Thái Tư biết được điều đó; lão cố tìm mọi cách giết Đinh Diễm để chiếm đoạt bộ *Liên Thành Quyết* - một bí lục mô tả đường đi nước bước của một kho báu trị giá liên thành. Lão bức tử con gái, đặt cô vào quan tài rồi tẩm thuốc độc lên vỏ quan tài, chờ Đinh Diễm sa bẫy. Quả nhiên một hôm Đinh Diễm nhận ra rằng chậu hoa cúc trên cửa sổ của người tình đã héo úa. Biết rằng Lăng Sương Hoa đã gặp điều gì đó chẳng lành, Đinh Diễm vượt ngục, thâm nhập vào tư dinh Lăng Thoái Tư. Thấy tẩm bài vị để "Lăng Sương Hoa ái nữ chi linh vị" trên nắp quan tài, anh đau xót ôm lấy quan tài khóc rống lên và lập tức bị trúng độc. Đinh Diễm chết, dấn dò lại nghĩa đệ là Dịch Vân phải hợp táng xương cốt của anh và Lăng Sương Hoa chung một nơi. Lăng Sương Hoa được chôn trong nghĩa địa phía tây thành Giang Lăng còn Đinh Diễm thì chết ở vùng Quan ngoại. Cuối truyện LTQ, chàng Dịch Vân mang bọc xương cốt của nghĩa huynh Đinh Diễm từ ngàn dặm trở lại Giang Lăng, đào mả của Lăng tiểu thư lên và hợp táng hai người chung một hòm, hoàn thành lời hứa với Đinh Diễm. Anh còn mua hoa cúc, cuốc đất chung quanh mộ rồi trồng cho hai người mấy cụm với ước mong hương hồn họ nhìn thấy bóng hoa và được sống lại với tình yêu cũ. LTQ có cái buồn và chất thơ lãng mạn xuyên suốt toát ra từ bóng hoa cúc vàng - mối tình của Đinh Diễm và Lăng Sương Hoa.

Người yêu hoa thì rất quý hoa, xem hoa là bạn; còn kẻ ghét hoa thì rất giận hoa, xem hoa là thù địch. Đó là trường hợp của Vi Tiểu Bảo, một tiểu lưu manh bất học vô thuật, may mắn trở thành quan lớn triều Khang Hy trong *Lộc Đình Ký* (LĐK). Vua Khang Hy ra lệnh cho Vi Tiểu Bảo

làm khâm sai đại thần, trở về quê quán thành Dương Châu xây dựng tòa Trung liệt từ. Nghe đồn Vi Tiểu Bảo là một thiếu niên, tướng gã là người có tài năng văn học, các quan ở Dương Châu bèn mời gã vào uống rượu ngâm thơ trong chùa Thiên Trí. Mùa ấy, hoa thược dược đang nở mà thược dược ở Dương Châu và chùa Thiên Trí là thứ hoa tươi đẹp nhất thiên hạ. Nhìn thấy thược dược tươi hơn hẳn. Vi Tiểu Bảo tức muốn sôi gan. Nguyên lai, lúc mới lên chín, mười tuổi, gã đã từng cùng bọn tiểu lưu manh thành Dương Châu đột nhập chùa Thiên Trí hái trộm hoa thược dược. Một nhà sư nào đó đã rượt cả bọn chạy. Vi Tiểu Bảo nhỏ con, chạy chậm bị nhà sư nắm áo kéo lại, tát cho một cái. “Mối thù” ấy âm ỉ mãi trong lòng gã nên khi quay về Dương Châu, thấy lại thược dược đại đóa phô hồng khoe tia trong chùa Thiên Trí là gã nổi nóng. Gã đặt chuyện nói rằng vua Khang Hy đang nuôi bầy ngựa chiến và ra lệnh cho gã phải chặt hết thược dược trong thiên hạ để làm thức ăn cho ngựa. Nghe câu nói đó, bá quan văn võ ở Dương Châu và các nhà sư trong chùa Thiên Trí đều vỡ mặt, kinh tâm. May mắn là viên tuần phủ Dương Châu học rộng, biết nhiều. Viên tuần phủ phải nịnh Vi Tiểu Bảo rằng thược dược là tượng trưng cho người đàn ông thành đạt, công danh hiển hách; rằng Vi Tiểu Bảo về Dương Châu đúng mùa thược dược mãn khai là điều tốt lành, ngày sau ắt thăng quan tiến chức cao sang không biết bao nhiêu mà lường. Cho nên việc chặt thược dược cho ngựa ăn là chuyện rất uống. Viên tuần phủ còn ngắt một đóa hoa thược dược kính cẩn gái lên mũ của khâm sai đại thần và chúc phúc. Quả nhiên lời nói khôn khéo đó của tuần phủ đã làm nguôi mối thù thược dược của Vi Tiểu Bảo, cứu được ngàn hoa chùa Thiên Trí và thành Dương Châu!

Kiến thức về hoa của Kim Dung thật phong phú. Loại hoa gì, tính năng ra sao, nở mùa nào, có nhiều ở địa phương nào đều được ông lý giải một cách cặn kẽ. Mỗi mùa hoa, mang theo một loại chứng khí. Chứng khí là hậu quả của cây lá rụng xuống ao đầm, rồi bốc lên, tạo ra những dịch bệnh cho con người. Tháng ba âm lịch có Đào hoa chứng, tháng năm có Lưu hoa chứng, tháng tám có Phù dung chứng. Kim Dung cho biết người Trung Quốc vốn yêu hoa trà, coi hoa trà là một loài hoa quý cho nên không lấy tên hoa trà để gọi chứng khí.

Hoa làm đẹp thêm cho tác phẩm võ hiệp của Kim Dung, tạo nên chiều sâu cho tác phẩm. Hoa là nơi gửi gắm tâm tình con người. Chất thơ tự có trong hoa biến thành chất thơ cho tác phẩm. Đọc Kim Dung càng nhiều lần, ta càng khám phá ra thêm nhiều vẻ đẹp, càng nhận ra làn u hương thuần nhã của hoa.

*Giòng xuân nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây vương trái vải hồng*

Có người nói bóng hoa trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung là hình ảnh của Hạ Mộng, người tình của ông. Hạ Mộng đã xa ông như lạc hoa lưu thủy. Và tiểu thuyết của ông giàu bóng hoa, hương hoa bởi Hạ Mộng vẫn sống trong trái tim ông.





Dương Qua (*Cò Thiên Lạc*)

Tiểu Long Nữ (*Lý Nhược Đồng*)

Bộ ***Thần Điêu Hiệp Lữ*** (mới), sản xuất năm 1995

Chương 7

***Y học
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung***

Xưa nay, bệnh tật vốn gắn liền với đời sống con người. Khi có bệnh tật, con người phải nghĩ đến cách chữa bệnh để bảo vệ sự sống. Sử Ký Tư Mã Thiên đã từng ghi lại rằng Tần Thủy Hoàng rất sợ chết nên năm 221 trước Công nguyên, nhà vua đã sai bọn Tử Phúc ra Đông Hải tìm thuốc trường sinh bất lão. Câu chuyện ấy vị tất đã là sự thật nhưng khát vọng sống lâu, mạnh khỏe chắc chắn là có thật, không chỉ với Tần Thủy Hoàng, với Trung Quốc mà còn là với toàn thể nhân loại. Trung Quốc là một đất nước có một nền y học cổ truyền rất thâm hậu và những hoạt động y học cổ truyền của đất nước này đã hình thành khái niệm Đông y. Hơn 1800 năm trước, danh y Hoa Đà đã có những công trình nghiên cứu y học thời danh, trong đó có nguyên tắc luyện khí công gọi là *Ngũ Thủ Khí Công*, mô phỏng chiều thức hoạt động của cọp, gấu, nai, khỉ và chim hạc. Quan điểm cơ bản của Hoa Đà có thể tóm tắt là mô phỏng hoạt động của 5 động vật trên, hít làn không khí thanh lương vào phổi và nạp xuống Đan điền, được vận dụng vào từng bộ phận trên cơ thể, giúp con người khỏe mạnh. Võ học thấy rằng sức mạnh đó có thể dùng để chế ngự được kẻ khác. Truyện võ hiệp Kim Dung tràn đầy kiến thức y học.

Đọc truyện võ hiệp Kim Dung, người ta thường bắt gặp hai khái niệm nội công và ngoại công. Nội công là tiềm lực, sức mạnh bên trong của một hảo khách giang hồ. Ngoại công là chiêu thức, quyền cước bên ngoài. Kẻ có nội công cao, theo Kim Dung, là kẻ hái một chiếc lá, bẻ một bông hoa cũng có thể sát thương địch thủ. Kẻ có ngoại công cao thì Thái dương huyết gồ cao, khi vũ lộng tay chân, gân cốt nổi lên, các khớp xương kêu răng rắc. Nội công là cái gốc, ngoại công là cái ngọn. Luôn luôn, kẻ có nội công cao là kẻ hơn người. Trong 11 bộ tiểu thuyết, có trường hợp cá biệt Kim Dung để cho ngoại công thắng nội công. Đó là **Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ**. Nhạc Bất Quần, sư phụ Lệnh Hồ Xung, chương môn phái Hoa Sơn, theo phe Khí tông (lấy khí làm chủ). Y dạy Lệnh Hồ Xung rằng phải vận khí trước rồi mới phóng chiêu thức ra sau, mỗi chiêu thức đều có thuốc tắc, bộ vị nhất định. Khi Lệnh Hồ Xung tình cờ được gặp thái sư thúc tổ Phong Thanh Dương, theo phe Kiếm tông (lấy kiếm thức làm chủ), đang ẩn cư trong hang núi Hoa Sơn thì Phong Thanh Dương dạy Lệnh Hồ Xung rằng chỉ cần kiếm chiêu liên miên bất tuyệt, đánh ra theo ý muốn của mình như trước chầy mây trôi đã đủ khắc chế được địch thủ. Lệnh Hồ Xung đã lĩnh hội được phép sử kiếm ý (ý nghĩ đến đâu, kiếm phóng ra đến đó) chứ không sử kiếm chiêu và gọi đó là biện pháp "liệu địch tiên cơ" (ra tay, chiếm thời cơ trước kẻ địch). Và rõ ràng, phương pháp Kiếm tông đã thắng Khí tông: Lệnh Hồ Xung mất hết công lực vẫn đánh ra một chiêu, đâm mù mắt 15 tên địch thủ hùng mạnh.

Các khái niệm nội công, ngoại công, chiêu thức - đầu tiên, là khái niệm của y học chứ không phải của võ học.

Trong mỗi bộ sách của mình, Kim Dung thường xây dựng một hoặc vài ba nhân vật thầy thuốc. Những thầy thuốc này được gọi rất trang trọng : danh y, thần y. Bên cạnh thứ thuốc cứu người, Kim Dung còn xây dựng những nhân vật chuyên đánh thốc độc, đầu độc kẻ khác. Quan điểm của ông rất mới lạ : thuốc độc cũng là một dạng thuốc cần thiết phải dùng đến. Trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**, người ta gặp Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ. Cả ngoại hiệu và tên của con người này cũng rất lạ lùng : thầy thuốc nổi tiếng (danh y) nhưng cứu 1 người thì phải giết 1 người (sát nhân) và khi cứu hay giết người, đều chỉ dùng đến 1 ngón tay (bình nhứt chỉ). Bên cạnh Bình Nhứt Chỉ, TNGHK cũng có 1 độc vương. Đó là Lam Phượng Hoàng, cô gái Miêu Cương, giáo chủ Ngũ độc giáo Vân Nam (ngũ độc : rắn, rết, trùng, bò cạp, nhện). Tài năng của Bình Nhứt Chỉ hay đến nổi mới bắt mạch Lệnh Hồ Xung, đã biết Hồ Xung được uống rượu và truyền máu của bọn Ngũ độc giáo ! Trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**, người ta gặp Thần y Tiết Mộ Hoa. Đối lập với Tiết Mộ Hoa chuyên cứu người là một tay độc vương dễ sợ chuyên đầu độc người. Đó là Tinh Tú hải lão ma Đinh Xuân Thu, giáo chủ phái Tinh Tú. Trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, có hai danh y là Điệp Cốc y tiên Hồ Thanh Ngưu và vợ là Vương Nạn Cô. Hai vợ chồng kinh chống nhau bằng cách Hồ Thanh Ngưu chữa thương cho thân chủ ban ngày thì ban đêm, Vương Nạn Cô lén đến đầu độc cho thân chủ bệnh trở lại.

Tác phẩm võ hiệp Kim Dung đã đề cập đến những phương pháp y học, biện pháp chữa bệnh lâm sàng mà ngày nay, nhân loại vẫn đang thực hiện. Trong cách *truyền máu*, Kim Dung đã mô tả phương pháp dùng đĩa hút máu để tiếp máu ấy qua cho người bệnh. Đó là đoạn Lam Phượng Hoàng cùng các nữ đệ tử Ngũ độc giáo tiếp máu cho Lệnh Hồ Xung

trong TNGHK. Chỉ có một điều đáng tiếc là y lý của Lam Phụng Hoàng còn non sót nên đã đem máu thuần âm của phái nữ truyền vào cho một người bệnh dư khí âm hàn, khác nào sông Dương Tử và sông Hoàng Hà đã đẩy áp nước nay lại được tiếp thêm nước của hồ Bàn Dương, hồ Động Đình vào nên hại càng thêm hại. Sách võ hiệp Kim Dung đã đề cập đến việc *dùng thuốc*. Thuốc cổ truyền của Trung Quốc gồm cao (thuốc dán), đơn (thuốc thang còn gọi là thang), hườn (thuốc viên), tán (thuốc bột). Những nhân vật của Kim Dung đã dùng thuốc cứu chữa cho bệnh nhân của mình : trong YTĐLK, Trương Vô Kỵ ra toa, cắt thuốc thang cho Thường Ngô Xuân; trong TNGHK, bọn bàng môn tả đạo ăn cắp thuốc cho Lệnh Hồ Xung lại bắt 8 vị thầy thuốc đến coi mạch cho chàng. Truyện võ hiệp Kim Dung cũng nói nhiều đến chuyện dùng *nội công chữa thương* cho những người bị chấn thương vì nội công. Trong trường hợp này, nội công của người thầy thuốc phải cao hơn hoặc tương đương với nội công của người bị thương thì động tác chữa thương mới thực hiện được. Thí dụ như Trương Vô Kỵ dùng Tiên thiên Cửu dương công chữa trị cho Trương Tam Phong, Hân Thiên Chính và bọn quần hào trên Quang Minh Đình, Nhậm Vô Cương vô Bách hội huyết truyền nội công chữa cho Đào Thực Tiên, Bất Giới hòa thượng trút công lực chữa trị cho Lệnh Hồ Xung.

Triết học Trung Quốc cổ phân biệt rất rõ khái niệm *Lưỡng nghi* (2 mặt âm và dương). *Lưỡng nghi* sinh tứ tượng (thái dương, thái âm, thiếu dương, thiếu âm), tứ tượng sinh bát quái (càn, khảm, chấn, tốn,坎, ly, khôn, đoài). Võ công cũng như y học trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng triết để dựa trên nền tảng triết học ấy. Nội công dương cương và tính năng dương cương hoàn toàn mâu thuẫn với nội

công âm nhu và tính năng âm nhu. Cho nên, bọn Tổ Thiên Thu ăn cắp Tục mệnh bát hoàn của Lão Đầu Tử dùng cho con gái là Tiểu DY để cứu chữa cho Lệnh Hồ Xung, bọn Lam Phượng Hoàng truyền máu các cô gái Miêu Cương cho Lệnh Hồ Xung là sai nguyên tắc y học (và cả triết học nữa). Chính Bình Nhứt Chỉ khi cầm tay Lệnh Hồ Xung chẩn mạch đã khám phá ra lập tức tình trạng pha trộn âm dương trong con người Lệnh Hồ Xung. Lão lại khám phá ra thêm rằng thân chủ của mình bạc nhược tinh thần, bị tình yêu hành hạ, bị rượu làm cho con người khô héo. Lão chửi toáng lên : *"Mẹ cha nó ! Thật là nát bét đến năm bảy tầng. Người thật là con người chẳng ra gì"*. Nếu Lệnh Hồ Xung không phải là người yêu của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, nếu không phải đích thân Nhậm Doanh Doanh mời lão đến chữa thương cho Lệnh Hồ Xung thì lão đã tát cho Lệnh Hồ Xung mấy cái ra trò vì đã uống thuốc tào lao, nhận máu của bọn Lam Phượng Hoàng, mất hết nội công mà còn nát rượu và bạc nhược tinh thần vì gái. !

Thế nhưng, thỉnh thoảng âm và dương cũng có thể hòa hợp nhau trong một con người. Đó là trường hợp của Thạch Phá Thiên trong *Hiệp Khách Hành*. Sau khi kết nghĩa kim lan với Trương Tam và Lý Tứ của đảo Long Mộc, Thạch Phá Thiên cao hứng xin hai vị ca ca cho uống rượu. Trương Tam có hũ rượu dương cương, Lý Tứ có hũ rượu âm nhu, suốt đời hai gã chỉ sợ uống nhầm một giọt trong hũ của người kia nên giữ hũ của mình rất thận trọng. Khi Thạch Phá Thiên nạp đủ hai thứ rượu vào người, hai lão yên chí thể nào thằng lỏi này cũng chết. Thế nhưng Thạch Phá Thiên đã ngộ được kỳ duyên trước đó, chẳng những không chết mà lại còn trở thành nhân vật giang hồ đệ nhất. Truyện của Kim Dung cũng mô tả tình trạng dùng lý trí chống lại cơn

khao khát tình dục. Người Trung Quốc gọi tác động tính giao giữa nam nữ là âm dương hòa hợp. Chính vì vậy, để phá thanh danh của hoàng gia nước Đại Lý, Thanh bào khách Đoàn Diên Khánh đã buộc thế tử Đoàn Dự và cô bé Mộc Uyển Thanh (con tư sinh của Đoàn Chính Thuần, nghi là cùng cha khác mẹ của Đoàn Dự, uống một loại thuốc kích dục cực mạnh gọi là Âm dương hòa hợp tán. Mộc Uyển Thanh không đủ công lực, cơn khát khao tình dục nổi lên nhưng Đoàn Dự vốn là người học đạo Nho, vẫn giữ được lý trí sáng suốt, không thể loạn luân với em gái.

Tác phẩm võ hiệp của Kim Dung đã đề cập đến các động tác *chấn thương chỉnh hình*. Trong YTĐLK, Dư Đại Nham của phái Võ Đang bị Phục ma kim cương chỉ đánh gãy hết các khớp xương, phải nằm thoi thóp 20 năm. Trương Vô Kỵ học được y thuật của Hồ Thanh Ngưu, xin phép Dư Đại Nam gỡ vỡ hết các khớp xương để dán thuốc cao chỉnh hình trở lại. YTĐLK cũng nói đến một ca chấn thương sọ não rất lạ kỳ. Tổng Thanh Thư mưu phản môn phái, bị tứ sư thúc là Liên Châu dùng Thái cực quyền của phái Võ Đang đánh vỡ xương sọ. Trương Vô Kỵ nhận chữa bệnh cho bệnh nhân này. Anh điểm huyết để gây mê, cạo hết tóc Thanh Thư, ráp xương sọ lại rồi băng bó. Sau đó, Tổng Thanh Thư chết vì bị Trương Tam Phong trừng trị nhưng sách võ hiệp vẫn còn để lại cho chúng ta một ca chữa chấn thương sọ não khá thú vị.

Thế nhưng, dù y học có tài giỏi đến đâu, y thuật có thâm hậu đến đâu, người ta vẫn phải đầu hàng những trường hợp bệnh cấp tính, đặc là bệnh vi trùng chất kịch độc. Trong trường hợp đó, Kim Dung sử dụng biện pháp cuối cùng : *chặt bỏ*. **Lộc Đình Kỳ** có đoạn thuật lại chuyện bọn Lạt ma Tang Kết từ Tây Tạng xuống Trung Quốc, truy đuổi Cửu

Nạn sư thái và Vi Tiểu Bảo để lấy cho được bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*. Vi Tiểu Bảo chống không lại, đã nghĩ ra cách đầu độc Tang Kết bằng một chất kịch độc trong Hoàng cung Thanh triều mà y vẫn hằng mang theo bên người : Hóa thi phần. Y phun nước cho *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* ướt đi rồi rắc Hóa thi phần vào đó. Quyển kinh bị nhiễm độc : những ngón tay dùng để giữ các tờ kinh bị ướt đã nhanh chóng nhiễm độc, cụt đi và chảy thành nước vàng. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* có đoạn chúa đảng Thần Nông Tư Không Huyền bị rắn độc cắn, phải chặt bỏ cánh tay.

Muốn ngăn nọc độc vào tim phổi

Trắng sùi già gan chặt cẳng tay

(Thơ Kim Dung)

Truyện võ hiệp của Kim Dung đề cập đến khá nhiều động tác *phong tỏa huyết đạo*. Muốn phong tỏa huyết đạo, người học võ phải hiểu được toàn bộ hệ thống huyết đạo của con người, phải nhả vào huyết đạo bao nhiêu kinh lực mới đủ sức phong tỏa. Phong tỏa huyết đạo nhằm khắc chế một địch thủ, nhằm chữa thương cho một người, giúp người đó tránh được cảm giác đau đớn hoặc giảm cảm giác đau đớn. Phong tỏa huyết đạo còn nhằm ngăn chặn quá trình nhiễm độc, an tỉnh và trấn định thần kinh. Những nhân vật của Kim Dung đã sử dụng *thủ pháp châm cứu* để phong tỏa huyết đạo như vậy. Hồ Thanh Ngưu, Trương Vô Kỵ đã dùng gai, dùng tấm tre thay cho kim sắt, châm cứu cho bệnh nhân. Từ vị trí các huyết đạo của y học, Kim Dung đã mô tả những đòn thế đánh vào các huyết đạo để giải khai tình trạng bị phong tỏa, để gây những chấn thương trầm trọng cho địch thủ. Thí dụ huyết Đan điền (dưới rốn, chính giữa bụng), huyết Thái dương (hai bên màng tang), huyết Bách

hội (trên đỉnh đầu) là những trọng huyết. Đánh vào đúng những huyết này có thể làm đối thủ chết hoặc bị thương nặng.

Tác phẩm kiếm hiệp của Kim Dung cũng đề cập đến động tác *đả thông huyết đạo*, giúp người luyện võ thăng tiến công lực, đột giai đoạn trong quá trình rèn luyện để đạt nhanh tới mức thượng thừa. Ông thường nói đến những nhân vật đã được đả thông hai trọng điểm Sinh Tử huyền quan. Đặc biệt, trong YTDLK, Trương Vô Kỵ mới 12 tuổi đã bị thương vì Huyền Minh chương, kinh lực âm nhu khiến con người rét lạnh, được Trương Tam Phong đem lên chùa Thiếu Lâm nhờ chữa trị. Nhà sư giả hiệu Viên Chân đã dùng Cửu dương công của phái Thiếu Lâm để khắc chế khí âm Huyền Minh chương trong con người Vô Kỵ. Tuy nhiên, với bản tính ác độc, Viên Chân đồng thời giúp Vô Kỵ đả thông luôn 2 đường huyết Nhâm Đốc, mong cho khí âm hàn Huyền Minh chương tái phát, Trương Vô Kỵ có thể chết sớm !

Tác phẩm võ hiệp Kim Dung cũng phác thảo những ca *phẫu thuật* hy hữu. Đào Thục Tiên bị kiếm đâm lòi ruột được Bình Nhất Chỉ khâu vết thương. Trương Vô Kỵ ở trên tuyết sơn mổ vết thương cho con vợ già, tìm ra được bộ *Cửu Dương Chân Kinh*. Các nhân vật của Kim Dung thường thông thạo cách băng bó, sát trùng, giữ vệ sinh cho những người bị ngoại thương.

Vượt xa những tác phẩm đương đại, Kim Dung hay đề cập đến cách *luyện độc* và *dùng độc* bởi vì thuốc độc cũng là thuốc ! Có kẻ tự nguyện luyện độc như Hân Ly trong YTDLK luyện môn Thiên thủ tuyệt hộ thủ bằng cách cho loài nhện chứa cực độc hút máu bàn tay của mình và truyền vào đôi tay mình chất kịch độc của nọc nhện nhện. Với cách luyện

này, nếu thành công, hơi thở của Hân Ly sẽ thơm như mùi hoa lan (?) và khi cô chộp vào một địch thủ nào, thì dầu địch thủ ấy có được sống đi chăng nữa cũng không thể sinh con đẻ cái (tuyệt hộ) được. Du Thân Chi trong LMTKT đã bị băng tâm trùng độc do nhà sư Tam Tĩnh mang từ Tây Vực về truyền hết chất âm hàn vào người. May mà hân không chết vì trước đó, hân đã học ... trật bộ *Dịch Cân Kinh* của chùa Thiếu Lâm khiến toàn bộ huyết đạo trong người đều đảo lộn. Với nội công âm hàn, hân chỉ khê vô vào địch thủ một chiêu cũng khiến cho địch thủ lên cơn rét và hóa thành nước đá ngay (!). Có luyện độc, tất phải có dùng độc. Một cách dùng độc khá hy hữu nhưng cũng rất mới lạ của cung Linh Thửu là cây Sinh tử phù vào người đối thủ. Hư Trúc, dưới chân núi chùa Thiếu Lâm, đã dùng Bắc Minh chân khí hóa những giọt rượu của đệ tử tạt lên trong không gian thành những miếng băng nhỏ, cấy vào 3 trọng huyết của Đinh Xuân Thu, khắc chế lão ma đầu này phải quy thuận. Nói theo y học hiện đại, đó là phương pháp cấy một chất kháng nguyên vào người bệnh nhân và khi kháng nguyên phát tác thì bệnh nhân chỉ còn biết đến năn nỉ thầy thuốc chữa trị. Trong *Lộc Đình Ký*, những nhân vật dùng độc khá nhiều. Hải lão công dùng Hủ cốt tán (thuốc bột làm nát xương dần dần) bỏ vào trà cho Vi Tiểu Bảo uống. Giáo chủ Hồng An Thông của Thần long giáo dùng Độc long dịch cân hoàn cho bọn thuộc hạ uống. Giáo chủ Đông Phương Bất Bại của Ma giáo trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* lại cho bọn thuộc hạ uống Tam thi não thần đan. Tên thuốc thì rất hay nhưng đó là thuốc độc, uống vào phải trung thành (hoặc giả bộ trung thành) với người cho uống. Nếu có hành vi chống đối, tất không có thuốc giải, phải chịu nhận cái chết thảm thương. Kim Dung cũng mô tả những thủ pháp đánh độc được rất vi tế, đặc biệt là dạng thuốc bột. Thuốc độc

được bôi lên quan tài (trong **Liên Thành Quyết**), được phủ trong khăn mặt, được hòa vào rượu, được trộn vào thức ăn, được rải bay trong gió ...

Công lực là tiềm lực võ thuật của từng cá nhân, không thể đem cho kẻ khác được. Nhưng tiểu thuyết gia Kim Dung cực kỳ lãng mạn : ông cứ cho các nhân vật của mình đem công lực cho kẻ khác. Chính vì vậy, Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Ma giáo, đã hút công lực của kẻ khác bằng thủ pháp Hấp tinh đại pháp làm công lực của chính mình. Đào Cốc lực tiên và Bất Giới hòa thượng đem công lực truyền cho Lệnh Hồ Xung. Đoàn Dự hút công lực của các đệ tử Huỳnh Mi Tăng là Phá Tham, Phá Sân và Phá Si, biến tất cả thành những người võ công tàn phế. Càng lãng mạn hơn nữa, Kim Dung cho phép thủ pháp xóa hẳn công lực của một người khác, tu theo một môn phái khác để truyền công lực mới của một môn phái mới vào. Đó là chuyện Vô Nhai Tử xóa hết công lực phái Thiếu Lâm của Hư Trúc để đưa công lực của phái Tiêu Dao vào, biến nhà sư trở thành đại biểu của phái Tiêu Dao cung Linh Thứu, núi Phiêu Diêu !

Huyệt đạo trên cơ thể con người thường ở vào những vị trí cố định, ai cũng như ai. Nhưng với trí tưởng tượng phong phú của Kim Dung, theo tình huống đưa đẩy câu chuyện, ông đã để cho những nhân vật cá biệt của mình luyện tập sai phương pháp; huyệt đạo không còn ở đúng chỗ cũ nữa. Đó là trường hợp Du Thán Chi luyện trật *Dịch Cân Kinh* của chùa Thiếu Lâm. Đó cũng là trường hợp của Âu Dương Phong trong **Võ Lâm Ngũ Bá** và **Xạ Điều Anh Hùng Truyện** luyện trật bài bản Hàm mô công (công phu con éch) đến nỗi suốt đời phải đi bằng tay, chúc đầu xuống đất !

Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung cũng đề cập đến những vị thuốc mà thường là thuốc quý dùng trong y học. Đọc LMTKT, ta thật sự xúc động khi Tiêu Phong đánh nhằm A Tử, hồi hận vì hành động thiếu anh hùng của mình, đã bỗng cô ra vùng Đông Bắc Trung Quốc kiếm nhân sâm, tay gấu chữa bệnh cho cô. Tác phẩm của ông cũng từng đề cập đến Linh chi thảo hoặc Thiên niên tuyết liên tử (hạt sen ngàn năm trên đất tuyết) có giá trị hồi dương. Trong LMTKT, Đoàn Dự nuốt lộn hai con nhái đỏ gọi là Măng cổ chu cấp mà trở thành người có nội công đệ nhất. Trong YTDLK, Vô Kỵ ăn nhầm những con ếch xanh trong Bích hàn đầm mà sức đề kháng bệnh được phát huy, vượt qua nguy cơ chết vì Huyền Minh chương và hậu quả đã thông hai mạch Nhâm Đốc của Viên Chân hòa thượng. Vị thuốc nằm trong toa thuốc. Tuy nhiên, có những toa thuốc mang ý nghĩa ẩn dụ một cách tuyệt vời mà các thầy lang bình thường chưa chắc khám phá được. Thí dụ toa thuốc mà Hồ Thanh Ngưu y tiên viết cho Vô Kỵ: Phòng phong, Độc hoạt, Đương quy, Xuyên sơn giáp, mỗi thứ 3 chỉ. Cậu bé Trương Vô Kỵ 15 tuổi đọc toa thuốc này, hoàn toàn hoài nghi về cách ra toa bừa bãi với các vị thuốc phổ thông của Hồ Thanh Ngưu. Nhưng trí thông minh đã giúp cậu hiểu ra nghĩa ẩn dụ nằm trong những vị thuốc bình thường: nên coi chừng (Phòng phong), kiếm đường sống một mình (Độc hoạt), phải quay về chỗ cũ (Đương quy), bằng cách đi qua núi (Xuyên sơn giáp). Hồ Thanh Ngưu đang gặp lúc lâm nguy, muốn cứu Vô Kỵ nên ra một toa thuốc bảo chàng trốn đi đúng vào canh 3 đêm nay ra khỏi Hồ Điệp cốc ngay!

Trong chương *Tình Yêu Trong Truyền Võ Hiệp Kim Dung*, tôi đã nhắc sơ lược đến hai chữ “tình yêu” khá lạ lùng của Kiến Ninh công chúa (trong LDK) và cặp Đông Phương

Bất Bại - Dương Liên Đình (trong TNGHK). Nếu nhìn dưới nhãn quan y học thì các nhân vật vừa nói ít nhiều đã bị chứng bệnh tâm thần và Kim Dung đã mô tả cho chúng ta (chứ không bình luận) về trạng thái bệnh lý của họ. Kiến Ninh công chúa, cô bé mới 14 tuổi, là một nhân vật bị chứng khổ dâm (Masochisme). Chứng khổ dâm được định nghĩa là *"trạng thái mà trong đó chủ thể chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục qua sự đau đớn về thân xác"* (Perversion dans laquelle le sujet recherche le plaisir sexuel dans la douleur physique - Petit Larousse). Kiến Ninh công chúa chỉ thực sự tìm thấy khoái lạc khi thái giám giả hiệu Vi Tiểu Bảo bóp cổ, đánh đập, lấy dao rạch, lấy dây quật vào người cô trước khi chần gối. Còn Đông Phương Bất Bại đã tự thiên bộ phận sinh dục để luyện *Quy Hoa Bảo Điển* (một tên gọi khác của *Tịch Tà Kiếm Phổ*) nên y thành ái nam ái nữ. Y chỉ tìm thấy được khoái lạc tình dục khi có Dương Liên Đình, một nhân vật tốt tướng đẹp trai, ăn mặc xa hoa như một nhà phú hào. Khi bị bốn cường địch là Nhậm Ngã Hành, Hương Vân Thiên, Doanh Doanh và Lệnh Hồ Xung bao vây, y chỉ cần chống đỡ bằng một cây kim thêu mà đã đâm được Nhậm Ngã Hành mù một mắt. Phải đợi đến lúc Doanh Doanh hành hạ Dương Liên Đình, Đông Phương Bất Bại nhìn thấy và đau đớn, mới chịu thua và chết dưới tay sát thủ của Nhậm Ngã Hành.

Võ học luôn luôn kết hợp chặt chẽ với y học. Môn phái nào trong võ hiệp Kim Dung cũng biết dùng thuốc, chữa thương, nuôi nấng và săn sóc người bị thương. Tất cả đều dựa trên y thuật cổ truyền của người Trung Quốc và do vậy, những điều mà Kim Dung diễn đạt đều có cơ sở khoa học. Thỉnh thoảng, trong vài bộ tiểu thuyết của ông cũng có những điều phi khoa học hoặc không được khoa học hiện

đại kiểm chứng như chuyện thay đổi công lực, đã thông Nhâm Độc hai huyết. Người ta có thể hoài nghi các giả thuyết đó. Nhưng ai cấm được sự hư cấu, vốn là tinh thần và nguyên tắc của sáng tạo tiểu thuyết? Ai cấm được nhà văn diễn đạt một cách lãng mạn, vượt ra ngoài quy luật thông thường của cuộc sống? Một điều rõ ràng là Kim Dung chỉ viết tiểu thuyết chứ không hề viết sách nghiên cứu về y học Trung Quốc. Nhưng dù là nhà tiểu thuyết, rõ ràng là ông đã nghiên cứu kỹ lãnh vực y học của dân tộc ông để dung nạp một cách hài hòa với lãnh vực võ học, tạo ra những kiến thức y học phong phú cho tác phẩm và đem lại hứng thú cho người đọc. Kiến thức y học cũng như võ học ấy được xây dựng trên nền tảng kiến thức triết học Trung Quốc. Tất cả khởi đi với âm dương và cùng trở về trong cái lẽ huyền nhiệm của âm dương. Và chỉ ngay trong khía cạnh dung nạp y học, y thuật, y đạo vào trong tiểu thuyết, Kim Dung cũng xứng đáng được xưng tụng là nhà văn bậc thầy của thiên hạ vì chưa có một nhà văn lớn nào trên thế giới, kể cả những tên tuổi đã nhận được giải Nobel văn chương, làm được công việc ấy như Kim Dung.



Chương 8

***Tình Yêu
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung***

Tuy tên gọi là tiểu thuyết vô hiệp nhưng bản chất những tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung là tình yêu lứa đôi nồng thắm. Chính tình yêu đã làm nên tính cách nhân bản và khiến cho hàng tỷ người say mê tác phẩm của Kim Dung.

Hột cách khái quát, Kim Dung đã xây dựng những cặp nhân vật hoặc những cụm nhân vật rồi tạo điều kiện cho họ gặp gỡ, hiểu biết và yêu nhau. Ông đã rất tinh tế để cho nhân vật chính phái yêu tà phái, bạch đạo yêu hắc đạo để tạo nên những *mâu thuẫn chiều dọc* xuyên suốt chiều dài của tác phẩm và những *mâu thuẫn chiều sâu* trong tâm hồn của từng nhân vật. Điều đặc biệt là những nhân vật nữ của ông thường rất đẹp, rất thông minh, xuất thân từ Ma giáo hoặc ít nhất cũng mang “một chút tà khí trong người”. Đó là những cặp và những cụm nhân vật Lệnh Hồ Xung - Nhậm Doanh Doanh (trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ** - TNGHK), Trương Thúy Sơn - Hân Tố Tố; Trương Vô Kỵ - Triệu Minh - Chu Chi Nhược - Hân Ly - Tiểu Siêu (trong **Ỗ Thiên Đồ Long Kỳ** - YTDLK); Kiều Phong - A Châu, Đoàn Dự - Vương Ngọc Yến, Mộc Uyển Thanh - Chung Linh; Du Thần Chi - A Tử; Hư Trúc - Vân Nghi công chúa

(trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* - LMTKT); Thạch Phá Thiên - A Tú (trong *Hiệp Khách Hành* - HKH); Hồ Phi - Viên Tử Y (trong *Lãnh Nguyệt Bảo Dao* - LNBD); Quách Tĩnh - Hoàng Dung - Hoa Tranh công chúa, Dương Qua - Tiểu Long Nữ (trong *Xạ Địch Anh Hùng Truyện* - XDAHT) ...

Những mối tình được Kim Dung dựng lên là những mối tình thật trong sáng và do vậy, thật đẹp. Tác phẩm Kim Dung lấy bối cảnh lịch sử từ đầu thời nhà Thanh (thế kỷ 17) trở về trước, khi mà tư duy phong kiến và nguyên tắc lễ giáo của đạo Nho đang giữ vai trò độc tôn chi phối toàn bộ những sinh hoạt xã hội. Cho nên, những nhân vật của Kim Dung yêu trong sự cho phép của những tư duy và nguyên tắc ấy. Thế nhưng, tính chất lãng mạn - một thuộc tính không thể thiếu trong yêu đương - thì rất phong phú.

Những nhân vật của Kim Dung đã yêu theo phong cách của võ lâm. Trước hết, họ đánh nhau, sau đó hiểu nhau rồi mới yêu nhau. Hân Tố Tố, con gái của Bạch Mi ứng vương Hân Thiên Chính, một nữ ma đầu, đã dùng Kim đầu muối khổng lồ chế Trương Thúy Sơn của phái Võ Đang rồi sau đó mới yêu Trương. Triệu Minh, đại quân chúa của Nhữ Nam Vương triều Nguyên, đã lừa cho Trương Vô Kỵ lọt xuống hầm sâu rồi sau đó mới yêu Vô Kỵ (YTDLK). Mộc Uyển Thanh đã đánh cho vương tử Đoàn Dự nước Đại Lý thừa chết thiếu sống, sau đó mới nhận Đoàn Dự làm lang quân. Ở một chừng mực nào đó, các nhân vật này vượt qua hàng rào của nghi thức phong kiến và ràng buộc giáo điều của lễ giáo: họ tự quyết định tình yêu của mình và cảm thấy hạnh phúc khi được lựa chọn như vậy.

Tình yêu được mô tả trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung mang tính phần đấu rất cao. Các nhân vật vượt lên trên hoàn cảnh, vượt qua những sự chống đối để bảo vệ tình yêu của mình. Trương Thúy Sơn cưới Hân Tô Tô, Trương Vô Kỵ bỏ hết sự nghiệp đi theo Triệu Minh, Nhậm Doanh Doanh lang thang qua ngàn trùng để bảo vệ Lệnh Hồ Xung, A Châu vượt ngàn dặm ra Nhạn Môn quan để chờ đợi Kiều Phong ... là những chuyện tình thật đẹp.

Tình yêu được mô tả trong tác phẩm Kim Dung luôn luôn kinh qua một quá trình hy sinh vô tận. Trương Thúy Sơn vì vợ mà tự tử khiến Hân Tô Tô cũng tự tử để giữ gìn danh tiết, xứng đáng với chồng. Triệu Minh từ bỏ cha và anh ruột để ra đi cùng Trương Vô Kỵ. Tiểu Siêu về Ba Tư, lên ngôi Thánh nữ Minh giáo mà lòng đau như cắt, cảm thấy cuộc đời hoàn toàn vô vị vì cô chỉ muốn suốt đời được hầu hạ cho Vô Kỵ thay áo, chải đầu. Nhậm Doanh Doanh cống tình quân Lệnh Hồ Xung lên núi Thiếu Thất, chịu để cho phái Thiếu Lâm cầm tù mình đổi lấy lời hứa của Phương Chứng đại sư nhận chữa thương cho Lệnh Hồ Xung. Kim Dung đã thực sự biến tác phẩm võ hiệp của mình trở thành những bản tình ca tươi đẹp. Những bản tình ca ấy hóa giải được biên giới của chánh - tà, hắc - bạch, hận - thù. Chúng bành trướng cảm xúc cho người đọc khi đọc tác phẩm.

Kim Dung đã tạo ra được những nhân vật si tình kinh điển, những "giáo chủ" của đạo tình, hoặc là yêu, hoặc là chết. Vương tử Đoàn Dự suốt đời lèo đèo đi theo Vương Ngọc Yến chỉ để chờ lúc nàng nguy nan là ghé vai cồng nàng chạy trốn. Du Thần Chi chịu bịt chiếc lồng sắt vào đầu, làm một tên thiết sù giúp vui cho A Tử chỉ để được ngắm khuôn mặt thiên kiều bá mỹ nhưng tràn đầy ác độc của cô. Mỹ dao

vương Hồ Dật Chi say mê Trần Viên Viên, hầu thiếp của Bình Tây Vương Ngô Tam Quế đến nỗi chịu hóa thân thành một kẻ làm vườn, tưới rau trong mấy chục năm để được lên nhìn Trần. Truyện võ hiệp của Kim Dung đã xây dựng thành công những chàng si tình bậc nhất thiên hạ, xứng đáng đoạt huy chương vàng trong lịch sử tiểu thuyết cổ kim.

Người ta còn tìm thấy trong tác phẩm tiểu thuyết của ông những tình yêu ngang trái, rất người, thoát ra khỏi khuôn mẫu cho phép của lễ giáo phong kiến Trung Quốc.. Đó là Tiểu Long Nữ sư phụ, một cô gái trong sáng bị kẻ tà tâm cưỡng bức, yêu say mê đồ đệ Dương Qua. Đó là Kỳ Hiểu Phù, vợ chưa cưới của Hân Lợi Hanh phái Võ Đang, đã yêu và thất thân với một ma đầu của Minh giáo là Dương Tiêu. Sinh ra đứa con gái, Hiểu Phù đã can đảm đặt tên cho con là Dương Bất Hối (không hối hận). Đó là Hồng phu nhân, vợ của giáo chủ Thần long giáo và A Kha, một thiếu nữ mất hết trinh tiết, đã trở thành vợ của Vi Tiểu Bảo.

Tiểu thuyết của Kim Dung cũng đặt ra những trường hợp sa đọa tình dục hết sức quái dị. Đó là Kiến Ninh công chúa, em gái vua Khang Hy, đã sa ngã với Vi Tiểu Bảo, một gã thái giám giả mạo, từ năm 14 tuổi. Kiến Ninh chỉ muốn được Vi Tiểu Bảo cột trói, đánh đập cho vỡ da tóa máu mới được thấy lạc thú của sự trao thân. Cá biệt, có trường hợp của Đông Phương Bất Bại, giáo chủ Ma giáo, luyện Tịch Tà Kiếm Phổ phái “dân đao tự cung” (tự thiên bộ sinh dục của mình), trở thành kẻ ái nam ái nữ, quan hệ “yêu đương” với gã bộ thuộc là Dương Liên Đình. Khi xây dựng những nhân vật, những loại “tình yêu” này, ông đã nghiên cứu rất kỹ những biểu hiện của tính cuồng dâm và đồng tính luyến ái.

Trong 11 bộ sách của Kim Dung, có một nhân vật duy nhất không biết yêu là gì nhưng cuộc sống tình dục thì lại cực kỳ phong phú. Đó là Vi Tiểu Bảo. Xuất thân trong dòng dõi Lê Xuân viện thành Dương Châu, quen với cảnh là lời ong bướm của khách chơi và gái, Vi Tiểu Bảo mới 12 tuổi đã hình thành những khái niệm lơ mơ về chuyện nam nữ. Cho đến khi lên Bắc Kinh, làm đến bá tước, Vi nghĩ rằng phụ nữ đơn giản là chỉ để làm việc ấy. Sang đất Nga, hắn đã dám mò đến cả công chúa Tô Phi Á (Tonía), Nhiếp chính Sa hoàng Nga La Tư ! Về Trung Quốc, hắn có một bảy vợ sắc nước hương trời : Hồng phu nhân, Phương Dy, Tăng Nhu, Mộc Kiếm Bình, A Kha, Song Nhi, Kiên Ninh công chúa ... Bảy vợ của hắn đẹp đến nỗi khi được đưa về Dương Châu, mẹ hắn đã thầm nghĩ : Với cái “dàn” này mà lập nên một “viện” ở đất Dương Châu thì chẳng còn viện nào cạnh tranh nổi. Đối với một nhân vật hạ cấp, lưu manh như Vi Tiểu Bảo, Kim Dung chỉ để cho hắn hưởng lạc thú của tình dục mà chẳng có tình yêu và chẳng biết đến tình yêu.

Tác phẩm của Kim Dung có những đoạn nói đến tình yêu thật đẹp. Những nhân vật của ông không bao giờ thốt ra miệng chữ yêu nhưng tình yêu của họ nồng nàn trong ánh mắt, trong hành động và trong trái tim. Đó là A Châu trở về Nhạn Môn quan chờ Kiều Phong để được suốt đời “theo đại gia cùng đi săn chồn, đuổi thỏ”. Đó là Tiểu Siêu chia tay với Trương Vô Kỵ trên biển “về Ba Tư, đừng nói lên ngôi Thánh nữ, dẫu có làm đến Nữ hoàng đi nữa mà xa công tử thì cuộc đời cũng rất vô vị”. Đó là Nhậm Doanh Doanh bán tin cho giới ma đầu trên giang hồ phải giết ngay Lệnh Hồ Xung vì “ta muốn người ở mãi bên ta để ta chở che, bảo vệ. Ta không muốn người phải chết trong tay những tên mặt hạng giang hồ”. Đó là Triệu Minh với Trương Vô Kỵ :

"Lông mày thiếp đã nhạt màu rồi. Công tử kẻ lại giùm cho thiếp đi". Những lời tỏ tình mang đầy tình chất ẩn dụ và biểu tượng như thế khiến tác phẩm vừa sâu, vừa không dung tục.

Một điểm khác cũng đáng bàn đến là trong tác phẩm của Kim Dung vẫn có những tình yêu trá ngụy. Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung để làm vợ gã ái nam ái nữ Lâm Bình Chi đáng kiêu cho được pho Tịch Tà Kiếm Phổ cho cha là Nhạc Bất Quần. Chu Chi Nhược đánh lừa hứa hôn với Trương Vô Kỵ để đánh cắp bộ Cửu Âm Chân Kinh theo di huấn của sư phụ là Diệt Tuyệt sư thái. Nhưng tuổi trẻ của Nhạc Linh San, của Chu Chi Nhược không nghĩ ra được sự trá ngụy ấy. Phận trá ngụy, âm mưu thuộc về sự xếp đặt của những người lớn, của thầy, của cha.

Đọc tác phẩm Kim Dung, người ta khám phá ra cái đẹp của tình yêu. So với những tác giả đồng thời, tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp của ông trong sáng, lành mạnh. Thông qua tình yêu, ông giáo dục cho con người cái mỹ cảm về đạo đức. Nói rằng tác phẩm võ hiệp, thật ra chỉ là một cách nói. Chính tình yêu đã làm nên cái hồn, sự sống cho tiểu thuyết võ hiệp. Mỗi tác phẩm của ông ra đời trở thành một bức thông điệp ngọt ngào cho tình yêu lứa đôi.





Quách Tường (Lý Ý Hồng)

trong *Thần Điều Hiệp Lữ*, 1985

Chương 9

*Tình dục
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung*

Trong ngôn ngữ Trung Hoa, chữ dâm được viết với bộ thủy, có nghĩa là ham mê sắc dục quá độ. Dâm được coi là một cái gì đó rất tự nhiên đối với xã hội phong kiến Trung Quốc : vua được toàn quyền có nhiều phi tần, quan lại và nhà giàu có quyền cưới nhiều thê thiếp. Người phụ nữ trở thành món đồ chơi, phương tiện giải trí của người đàn ông. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung phản ánh về xã hội phong kiến Trung Quốc nhưng cái nhìn của ông đối với thói dâm dăng nói riêng và tình dục nói chung là một cái nhìn nghiêm túc và nghiêm khắc.

Tác phẩm Kim Dung xây dựng khá nhiều những nhân vật dâm dăng chuyên lợi dụng tình dục. Và ông đã dành những hình phạt nặng nề theo luật giang hồ để trừng trị những loại nhân vật đó.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, nhân vật dâm dăng là Điền Bá Quang. Hắn vừa là tên cướp, vừa là giặc dâm, khinh công rất giỏi và đao pháp rất nhanh. Hắn có ngoại hiệu đúng 14 chữ : Giang dương đại đao, thái hoa dâm tặc, vạn lý độc hành khoái đao Điền Bá Quang. Nhà sư Bát Giới đã trừng trị hắn : xuyên hai mũi tự tiển vào bộ phận sinh dục và cho uống Đoạn trường tán - một loại thuốc độc - để

hắn khởi chạy nhanh và buộc hắn cạo đầu làm nhà sư với pháp danh Bất Khả Bất Giới (không thể không cầm cán được). Chính nhờ hình phạt đó mà Diên Bá Quang bỏ được con đường tà dâm, trở thành người tử tế. Trong **Xạ Điều Anh Hùng Truyện**, nhân vật dâm dăng là Âu Dương công tử. Hắn là cháu của Tây Độc Âu Dương Phong, từ Tây Vực xuống Trung Hoa, võ công cao cường, chuyên hãm hại lương gia phụ nữ. Da mặt hắn lúc nào cũng trắng bệch ! Nhưng Âu Dương công tử tà môn vẫn chưa nguy hiểm bằng Doãn Chí Bình chính phái. Doãn Chí Bình là đệ tử hàng thứ 3 của phái Toàn Chân. Hắn đi ngang qua núi Chung Nam thì gặp ngay lúc Tiểu Long Nữ của phái Cổ Mộ đang thoát y để luyện võ công trong **Ngọc Nữ Chân Kinh**. Thế là hắn quên mất môn quy, điểm huyết cô gái, lấy chiếc áo đạo bào phủ lên mặt cô và đưa cô vào bụi rậm. Tiểu Long Nữ cứ ngỡ đó là Dương Qua, người học trò thân yêu của mình. Doãn Chí Bình ăn mắm mà Dương Qua khát nước !

Kim Dung nói về những hoạt động tình dục, điều mà người ta cho là dung tục, với một bút pháp tinh tế và trang nhã. Chính vì thế mà trong lần trở về thăm và nhận hàm Tiến sĩ danh dự đại học Bắc Kinh - đại nhã chỉ đường của Trung Quốc - vào tháng 1 - 1995, người ta đã mạnh dạn bàn đến cái nhã và cái tục và ca ngợi Kim Dung là một nhà văn thanh nhã từ văn phong đến nội dung. Khi nói đến những hoạt động tình dục, Kim Dung không bao giờ mô tả. Ông chỉ thuật lại bằng một vài câu ngắn gọn và dành phần suy nghĩ, đánh giá hành vi nhân vật cho độc giả.

Trong **Liên Thành Quyết**, Kim Dung xây dựng nhân vật Huyết Dao lão tổ từ Tây Tạng xuống như một nhân vật dâm ác hạng nhất. Suốt ba quyển đầu, cái nhìn của Kim Dung về nhân vật này rất nghiêm khắc, phản ánh quan

điểm dân tộc hẹp hòi của ông đối với những con người ngoài Hán tộc. Huyết Dao lão tổ nhận Dịch Vân làm đệ tử. Mọi người gọi Dịch Vân là tiểu dân tộc. Nhưng hai thầy trò Dịch Vân chẳng hề có một hành động dâm dật với ai, ngược lại Dịch Vân còn là một chinh nhân quân tử. Nếu Huyết Dao lão tổ là tên “giặc dâm” già nhất thì trong bộ **Hiệp Khách Hành**, Thạch Trung Ngọc lại là một gã giặc dâm trẻ nhất. Khi được gọi lên phái Thiên Sơn học, gã thiếu niên 15 tuổi đó đã có hành vi cưỡng bức cô bé A Tú, con của sư phụ mình khiến cô bé phải nhảy xuống lưng sâu để tự bảo vệ tiết sạch giá trong. Thạch Trung Ngọc có đứa em ruột rất giống mình là Thạch Phá Thiên, thường chỉ được gọi với cái tên Cầu Táp Chùng (chó lộn giống). Khi Cầu Táp Chùng xuất hiện, mọi người trong phái Thiên Sơn đều tưởng cậu bé là Thạch Trung Ngọc nên muốn giết cậu. Chỉ có đôi mắt ngây thơ của A Tú mới nhìn ra được “*vị đại ca hiền lành này không phải là tên tiểu tặc đó*”. Ấy vậy mà Cầu Táp Chùng cũng bị mọi người chửi mắng trăm lần là “tiểu dân tộc”.

Nhưng trong 11 bộ tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung, nhân vật dâm dăng số một phải thuộc về Vi Tiểu Bảo trong **Lộc Đình Kỳ**. Xuất thân trong kỹ viện thành Dương Châu, ngay từ tuổi thơ, Vi Tiểu Bảo đã thấy được những cảnh ông bướm là lời giữa đám làng chơi và các kỹ nữ. Cơ duyên đã đưa hần lên Bắc Kinh, làm thái giám giả mạo trong cung nhà Thanh. Mới 13 tuổi đầu, hần đã ôm Mộc Kiếm Bình, quận chúa Mộc Vương phủ Vân Nam và chót nhả với Phương Di, lớn hơn hần 2 tuổi. 15 tuổi, hần quan hệ thân xác với công chúa Kiến Ninh, 18 tuổi trôi giạt sang Nga, hần quan hệ với công chúa Tô Phi Á (Sonyca), con gái Sa Hoàng ! Từ thái giám, hần lên độ thống hoàng kỳ, khâm sai đại thần, bá tước rồi công tước. Trong lần đi công cán về thành Dương Châu, hần quan hệ một hơi với 4 người phụ nữ : Tô Thuyền

(vợ của Hồng giáo chủ), A Kha (con gái Ngô Tam Quế và Trần Viên Viên), Song Nhi (nữ tỳ), Tăng Nhu (một cô gái trong lực lượng kháng Thanh). Rồi hần ăn ở luôn với cả 4 người trên, lấy luôn cả Kiến Ninh, Phương Di, Mộc Kiếm Bình. Suốt đời Vi Tiểu Bảo, chỉ có tình dục, không hề biết đến tình yêu chân thật là gì. Kim Dung đã tước đoạt cái hạnh phúc được yêu của Vi Tiểu Bảo. Hôm hần trở lại Dương Châu thăm mẹ dẫn theo một đoàn thể thiếp, Vi Xuân Phương phải thăm khen con trai mình có mắt. Trong nhân giới của một kỹ nữ hồi hưu, bà cho rằng với cái đàn gái này mà lập lên ở Dương Châu một kỹ viện thì những kỹ viện khác, trong đó có cái Lệ Xuân viện mà bà đã từng phục vụ, ắt phải sụp tiệm !

Trong tác phẩm Kim Dung, không thiếu những lời thóa mạ : dâm tặc, quân rùa đen, phường chó lộn giống. Ông đứng trên quan điểm của một nhà nhân bản để nhận xét, đánh giá những hành vi tình dục của các nhân vật do mình tạo ra. Ông phán xét họ một cách nghiêm khắc - tất nhiên là với cái nghiêm khắc của một nhà văn chứ không phải một quan tòa. Ông để cho những nhân vật dâm đảng tự rước lấy sự trừng phạt công minh của cuộc sống, trừ nhân vật Vi Tiểu Bảo !

Cá biệt, có một môi trường mở đầu bằng hành vi cường bức nhưng kết thúc bằng tình cảm tốt đẹp. Đó là Dương Tiêu (Quang minh sứ của Bái hòa giáo) đã bắt cóc và cưỡng bức Kỷ Hiểu Phù (đệ tử phái Nga My). Hiểu Phù sinh ra đứa con, đặt tên là Dương Bất Hối để tỏ ý không hề hối hận vì đã thất thân với Dương Tiêu. Diệt Tuyệt sư thái, sư phụ của Hiểu Phù, đã tìm giết Hiểu Phù. Dương Tiêu ở vậy nuôi con, không cưới vợ nữa để giữ mãi hình bóng của người phụ nữ từng là nạn nhân của anh ta.

Người ta thường nói: "Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén" để chỉ những quan hệ tất yếu giữa nam và nữ trong những hoàn cảnh thuận lợi. Câu nói đầy tính ẩn dụ ấy không thể có trong tác phẩm Kim Dung. Nhiều lứa đôi trong tác phẩm của ông thương yêu nhau, sống với nhau một nơi nhưng trai vẫn giữ được phong độ của người quân tử, gái vẫn giữ được tiết sạch giá trong. Đó là Vô Kỵ với Triệu Minh - Chu Chi Nhược - Tiểu Siêu; Trương Thúy Sơn với Hân Tố Tố; Lệnh Hồ Xung với Doanh Doanh; Quách Tĩnh với Hoàng Dung; Đoàn Dự với Mộc Uyển Thanh - Vương Ngọc Yến - Chung Linh; Hồ Phi với Viên Tử Y; Thạch Phá Thiên với A Tú; Dịch Vân với Thủy Phương; Kiều Phong với A Châu. Họ đều rất trẻ, sống giang hồ phiêu bạt nhưng vẫn tôn trọng chữ Lễ, biết yêu say đắm, có thèm khát nhưng không vượt quá giới hạn của tình yêu. Có những lứa đôi thành vợ thành chồng, có lứa đôi ly tán nhưng tựu trung, họ đã sống thật đẹp và yêu thật đẹp. Tôi cho rằng đây là một khía cạnh rất đạo đức trong tác phẩm Kim Dung. Nó đem lại cho người đọc - nhất là người đọc trẻ - những nhận thức đúng đắn về tình yêu và tình dục và giúp con người vươn lên để sống đúng nghĩa với khái niệm con người.



Chương 10

***Chất hài
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung***

Trước nay, văn học thế giới đã để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm của các bậc thầy hài hước. Đưa nụ cười vào văn chương, tạo ra sự hứng thú cho người đọc đã có từ những vở kịch của Molière (Pháp), Azit Neshin (Thổ Nhĩ Kỳ), Slavemir Mrojek (Ba Lan). Và trong thời đại chúng ta, tiếng cười có nhiều trong các tờ báo chuyên hài hước, các tiểu phẩm trào phúng, châm biếm. Văn học Trung Quốc cũng đã trước bạ tên tuổi của các bậc thầy cười : ông Ngô Thừa Ân với siêu phẩm *Tây Du Ký*, Lỗ Tấn với tác phẩm *A. Q Chính Truyện*. Trên nền tảng cái cười Trung Quốc, Kim Dung tiên sinh cũng đưa nụ cười vào văn chương của ông, dù văn chương đó ở phạm trù văn chương kiếm hiệp.

Những tình huống trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung luôn luôn sôi động với tính chất đấu tranh, bạo lực, mưu toan, thủ đoạn. Vậy thì việc đưa tiếng cười vào trong những tình huống này quả là một điều khó thực hiện nhất là giữ làm sao cho chất cười đó không phá vỡ cái tổng thể của khái niệm võ hiệp tiểu thuyết. Kim Dung đã làm được việc đó với ngòi bút khéo léo của một bậc thầy và trong 11 bộ võ hiệp tiểu thuyết của ông, chất hài hước đã được dàn trải khắp các chương tạo ra niềm hứng thú cho độc giả.

Trong tác phẩm của ông, có những nhân vật khá hài hước về ngoại diện, tâm hồn thật trẻ thơ và hành sự rất tếu. Với bộ **Võ Lâm Ngũ Bá** và bộ **Xạ Địch Anh Hùng Truyện**, ta bắt gặp một nhân vật đáng yêu như vậy : Lão Ngoan Đồng Châu Bá Thông. Châu Bá Thông là nhân vật số 2 của phái Toàn Chân, sư đệ của Vương Trùng Dương, dưới tay có ca một đám sư đệ đệ già nua cổ thụ nhưng tâm hồn ông vẫn là tâm hồn của một đứa bé ngây thơ, trong sáng. Ngay ngoại hiệu Lão Ngoan Đồng (ông già mà chơi như con nít) cũng đủ để mô tả đặc điểm tính cách nhân vật Châu Bá Thông. Theo sư huynh Vương Trùng Dương sang hoàng cung nước Đại Lý, Châu Bá Thông đã quan hệ tình dục với một cung phi của hoàng gia, đẻ ra một đứa con nhưng nuôi không được. Châu Bá Thông là một cao thủ, suốt đời chẳng biết sợ hãi ai nhưng mỗi khi nghe đến tên nàng cung phi đã lỡ thất thân với mình là ông ta chạy dãi. Suốt đời Châu Bá Thông chuyên làm những việc cổ quái. Ngay đến môn võ công ông tự suy nghĩ ra cũng có cái tên kỳ dị không kém : Song thủ hổ bác (hai tay vừa giúp nhau vừa đánh nhau). Đó là kết quả của một cách phân ý thật lý tưởng : tay trái vẽ hình vuông, tay mặt vẽ hình tròn cùng một lúc, sao cho vuông ra vuông, tròn ra tròn. Chỉ có Châu Bá Thông là làm được việc ấy và luyện thành công kỹ thuật Song thủ hổ bác. Võ công ông ta đạt đến trình độ kinh người nhưng chẳng hề giết chóc ai, hãm hại ai. Mỗi khi ông ta xuất hiện là tình huống trở nên vui nhộn.

Trong **Tiểu Ngộ Giang Hồ Ký**, ta gặp rất nhiều nhân vật hài hước. Đó là Lệnh Hồ Xung, đại đệ tử phái Hoa Sơn, một nhân vật được mô tả là *"lãng tử vô hạnh, thanh danh tàn tạ"*. Phái Hoa Sơn nổi tiếng về sự nghiêm khắc giữ gìn thanh quy giới luật nhưng khi cao hứng lên, Lệnh Hồ Xung

sẵn sàng bỏ tất cả ra sau gáy. Anh đánh bạc với bọn du thủ, uông rượi xai quyền cùng anh em giang hồ hào sĩ, đánh cho bọn đệ tử Thanh Thành phải “*thí cổ hướng hậu bình sa lạc nhận*” (chống đít ra sau tan tác như nhận rơi bãi cát). Bị mù ni - cô vợ của Bất Giới hòa thượng, má của ni cô Nghi Lâm - cao đầu và suýt thiên bộ sinh dục vì từ chối tình yêu của Nghi Lâm, Lệnh Hồ Xung đã “trả thù” hết sức ngộ nghĩnh. Anh hướng dẫn cho Bất Giới đại sư cách điểm huyết mục, đưa mục vào khách sạn và ... cởi quần áo mục ra làm sao mục còn chạy thoát khỏi tay Bất Giới, học được kinh nghiệm quái chiêu đó, Bất Giới đã quỳ xuống lạy Lệnh Hồ Xung, xưng tụng là Lệnh Hồ sư phụ, thậm chí là Lệnh Hồ gia gia !

Bất Giới hòa thượng cũng là nhân vật hài hước số một. Lỡ yêu một ni cô, ông ta cũng cạo đầu đi tu. Nhưng quy luật của Phật gia có ngũ giới cấm, trong đó có cấm tà dâm, mà mục đích của Bất Giới là đi tu để ăn ở cho được với người ni cô đó. Ông ta tự đặt cho mình ngoại hiệu là Bất Giới (chẳng cấm cản gì ráo), đã lấy được ni cô và đẻ ra Nghi Lâm. Nghi Lâm cũng đi tu, làm ni cô của phái Hằng Sơn. Cô thâm yêu trộm nhớ Lệnh Hồ Xung, ân nhân đã cứu mình ra khỏi tay dâm tặc Diên Bá Quang. Thế là Bất Giới phải đi tìm Lệnh Hồ Xung, ép buộc anh làm nhà sư để cưới Nghi Lâm vì trên đời này “*chỉ có ông sư là cưới được bà vãi*”. Đối với Diên Bá Quang, Bất Giới trưng trị thẳng tay : cạo đầu buộc làm sư , đặt pháp hiệu là Bất Khả Bất Giới (không thể không cấm được), lại xuyên hai mũi tỳ tiện vào bộ phận sinh dục của Diên Bá Quang để hấn khỏi gian dâm được với ai nữa, buộc Diên Bá Quang tôn Nghi Lâm làm sư phụ rồi buộc Diên Bá Quang làm mai “sư phụ” mình với Lệnh Hồ Xung.

Tuy nhiên, nói đến tiếng cười trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, người đọc vẫn nhớ đến Đào Cốc lục tiên nhiều nhất. Đó là 6 anh em sinh ra cùng một lúc, tên thật là Đào Hoa Tiên, Đào Chi Tiên, Đào Diệp Tiên, Đào Thực Tiên, Đào Cán Tiên, Đào Căn Tiên. Họ gồm đủ hoa, nhánh, lá, cành, gốc, rễ nhưng bị cái tội hồ đồ, không phân biệt được ai là Lão Tam; ai là Lão Tử ! Võ công cao cường, tâm ý tương thông, họ không sợ bất kỳ địch thủ nào trên đời. Suốt ngày họ đánh nhau, văng tục, cãi lộn. Mà cái kiểu cãi lộn của anh em nhà họ Đào cũng rất hoạt kê, càng cãi câu chuyện càng rối rắm. Nhìn dưới khía cạnh triết lý, Đào Cốc lục tiên chính là những nhà luận lý học hình thức (logique formelle) của phương Đông. Đào Cốc Lục Tiên mỗi năm miệng mười, suốt ngày chỉ nói, nói và nói; đến vua nhà Tống cũng không cấm họ im miệng được. Nhưng có một người duy nhất có thể buộc họ câm miệng. Đó là Sát nhân danh y Bình Nhứt Chỉ. Bình Nhứt Chỉ có lẽ cứu được một người là ra lệnh cho người đó hoặc anh em người đó đi giết một người khác. Trong một lần Đào Thực Tiên bị trọng thương, bọn ngũ tiên bèn khiêng đến cho Bình Nhứt Chỉ chữa nhưng miệng vẫn nói thiên hô bách sát. Bình Nhứt Chỉ quát một tiếng im là năm lão im ngay bởi vì nếu không im, Bình Nhứt Chỉ sẽ buộc bọn ngũ tiên giết tên Đào Thực Tiên ! Khi Lệnh Hồ Xung được đưa lên gò Ngũ Bá Cương, Bình Nhứt Chỉ thú nhận rằng không thể chữa thương cho chàng được. Bọn Đào cốc lục tiên bèn trả thù, đặt ra câu hỏi : "Cứu một người thì giết một người. Nay không cứu được người thì giết ai ?" Chính cái luận lý học hình thức của bọn lục tiên đã khiến Bình Nhứt Chỉ tự suy nghĩ và cuối cùng, tự vận kinh mạch cho đứt, chết đi để xứng với ngoại hiệu Sát nhân danh y !

Lệnh Hồ Xung, Bất Giới hòa thượng, Bất Khả Bất Giới Diên Bá Quang, Đào cốc lục tiên là cái trục hải hươc của

Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ. Chung quanh cái trục đó còn có nhiều nhân vật hài hước khác như Hương Vân Thiên, Quang minh tả sứ của Triều dương thần giáo; Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh, chương môn phái Hành Sơn; bọn quần ni phái hàng sơn; bọn giang hồ thảo khấu 36 động 72 đảo... góp thêm tiếng cười cho tác phẩm. Vì thế, **Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ** tràn đầy tiếng cười lạc quan, ngay trong những tình huống bị thương nhất.

Chất hài hước trong kiếm hiệp Kim Dung thường xuất hiện trong những tình huống nghịch lý, thoạt tiên thì có vẻ kỳ quái nhưng đọc kỹ thấy thú vị vô cùng. Ta có thể tìm ra một hồi như vậy trong bộ **Hiệp Khách Hành**. Phái Tuyết Sơn có nội biến, bọn Liêu Tự Lệ, Thành Tự Học, Tề Tự Miễn, Lương Tự Tiến bắt giam chương môn rồi quay ra đánh nhau để dành chức chương môn. Ai cũng tự khoe khoang võ công mình cao cường và họ đánh nhau với những chiêu thức độc ác nhất, tinh vi nhất. Giữa khung cảnh như vậy thì Trương Tam và Lý Tứ, hai sứ giả của đảo Mộc Long đến phát thiệp mời chương môn phái Tuyết Sơn đi ăn Lạp bát cước ngoài biển Đông. Mà “ăn lạp bát cước” có nghĩa là ra đi không có ngày về. Cả bọn Tề Tự Miễn, Lương Tự Tiến, Liêu Tự Lệ, Thành Tự Học sợ quá, chẳng ai muốn tranh cái chức chương môn nữa. Trương Tam và Lý Tứ bó buộc bọn họ phải đấu võ cho phân thắng bại để xác định chương môn. Thế là anh nào anh nấy chỉ đấu cầu thua, thậm chí còn đưa tay chân của mình vào đao kiếm địch thủ để được bị thương và dĩ nhiên, càng bị thương nặng càng tốt. Trận đấu có kiếm bay, có máu chảy nhưng chất hài hước của bốn nhân vật cầu thua lại hóa giải được chất sát máu kia và làm cho chương tiểu thuyết cực kỳ sống động, thú vị.

Trong truyện võ hiệp của Kim Dung, có những nụ cười rất nóng và có những nụ cười rất lạnh. Cười nóng là cười ha hả, cười đau cả ruột, mọi người cùng cười kể cả độc giả. Trong **Lục Mạch Thần Kiếm** mỗi khi Tinh Tú hải lão ma Đinh Xuân Thu và bọn đệ tử của lão xuất hiện thì tiếng cười nóng lại rộ lên. Ấy bởi vì với phái Tinh Tú, thói nịnh là một thứ võ công hàng đầu so với những thứ võ công khác trên đời. Đã có những tên đệ tử phái Tinh Tú đem sự phụ Đinh Xuân Thu của mình so sánh với Đức Khổng Tử và kết luận Đức Khổng Tử thua Đinh Xuân Thu vì Khổng Tử không có võ công. Giá mà Đức Khổng Tử sống dậy, đọc được những dòng này, chắc hẳn ngài cũng phải bật cười khoan khoái. Ngược lại với cười nóng là cười lạnh, buồn mà cười, thương mà cười. Đó là mối tình của Du Thần Chi với A Tử. Đoàn A Tử là cô bé ác độc, đệ tử của Đinh Xuân Thu, bắt được Du Thần Chi để hành hạ cho thỏa tính tàn bạo. Cô đã ra lệnh đánh Du Thần Chi thừa sống thiếu chết rồi nướng cái lồng sắt đỏ chup vào đầu y, biến y thành thành tên Thiết sừ giải trí cho cô. Nhưng oái oăm thay, ngay từ cái nhìn đầu tiên, Du Thần Chi đã say mê tấm dung nhan mỹ miều của A Tử. Hắn có thể hứng chịu cả trăm ngàn đau khổ để được nhìn thấy A Tử nở một nụ cười. Đôi mắt hắn long lên cảm hờn khi có ai hướng về phía A Tử một cái nhìn thiện cảm. Hắn có một pho võ công rất kỳ bí là Hàn khí của Kim tâm trùng độc làm nội công và đồ hình của *Dịch Cân Kinh* làm chiêu thức. Hắn đánh ai một chiêu thì người đó hóa thành băng tuyết ngay. A Tử đui hai mắt, không còn nhìn thấy gì trên đời. Thế là Du Thần Chi đi nhờ người ta tháo cái lồng sắt ra khỏi đầu mình và khuôn mặt của hắn trở thành khuôn mặt dị dạng của quỷ sứ. Hắn kiếm một cái khăn trùm đầu, tìm về với A Tử và tự đổi giọng nói, xưng mình là Vương Tinh Thiên, chúng môn phái Cực Lạc ! Rõ

ràng là khi có mặt A Tử, hần đã đánh cho nhiều người thất điên bát đảo nên A Tử hết lòng tin cậy. Chương môn phái Cực Lạc Vương Tinh Thiên dẫn cô bé chu du giang hồ, khoe với cô rằng mình là kỳ nam tử, đẹp như Phan An, Tống Ngọc. Chính vì để bảo vệ bí mật cho những lời khoe khoang khoác lác đó, hần đã phải năn nỉ nhiều người khen hộ hần anh tuấn, đẹp trai để vừa lòng A Tử. Cái hài hước khi xây dựng cặp nhân vật A Tử - Du Thần Chi của Kim Dung tràn đầy nước mắt, bảo cười cũng được mà bảo khóc cũng không sai. Đó cũng là chất hài hước của Lỗ Tấn trong *A Q Chính Truyện* khi A Q được đưa ra pháp trường !

Được cười với những nhân vật của Kim Dung thật là một điều sáng khoái. Cái sáng khoái đó nằm trong những diễn tiến ngộ nghĩnh của câu chuyện, khiến người ta không tin cũng phải tin. Một thí dụ sinh động nhất là chuyện tuyển phu của công chúa Văn Nghi nước Tây Hạ. Công chúa Văn Nghi đã từng bị Thiên Sơn Đồng Mỗ bắt, cỡi trần truồng và đem vào hầm nước đá tối thui cho nằm cạnh nhà sư Hư Trúc. Mục đích của Đồng Mỗ là phá giới Hư Trúc và quả nhiên, nhà sư trẻ đã không thoát qua khỏi vòng trần lụy. Lòng anh vừa đau khổ nhưng cũng vừa cảm thấy hạnh phúc. Và suốt đời anh vẫn nhớ người trong mộng nhưng không biết nàng tên gì, ở đâu. Đùng một cái, nước Tây Hạ ra bằng chiêu phu cho công chúa Văn Nghi. Những thế lực chính trị cảm thấy đây là thời cơ để phục hưng nền quân sự của quốc gia vì kẻ nào làm phò mã nước Tây Hạ là kẻ đó có thể nắm thực quyền về quân đội. Đoàn Chính Thuần nước Đại Lý buộc con là thế tử Đoàn Dự phải đi. Cô Tô Mộ Dung Phục cũng đi đến cầu hôn với hy vọng phục hưng binh lực nước Đại Yên. Hoắc Đô vương tử nước Thổ Lô Phồn cũng đến tranh thủ. Chỉ có chàng Hư Trúc là đi chơi, hoàn toàn không

nghe đến chuyện tuyển phu. Tất cả chương trình tuyển phu chỉ gồm có 3 câu : “Trên đời, người thích ai nhất ? Người ấy tên gì ? Ở đâu ?”. Các vương tử, thế tử đều đáp xong. Đến lượt, người ta đưa cột, đẩy Hư Trúc vào. Đáp câu thứ nhất, Hư Trúc bảo : “Trên đời ta chỉ thích nàng nhất”. Câu thứ hai : “Tôi quá, ta không biết tên”. Câu thứ ba : “Trong hầm nước đá”. Và chỉ 3 câu đó, Hư Trúc tìm ra người tình nhân - Mộ Dung Cô - của mình, trở thành phò mã nước Tây Hạ giữa sự ngạc nhiên của mọi người. Hóa ra, trò tuyển phu đó không phải là một đòn phép chinh trị nhằm đối địch với ai cả. Đó chỉ là một cách để tìm ra người đàn ông mà công chúa đã từng yêu dấu và trao thân gởi phận.

Thế nhưng, không có tác phẩm nào tập trung cao độ tính hài hước bằng bộ **Lộc Đình Kỳ**. Từ cách xây dựng nhân vật trung tâm đến tình huống diễn tiến câu chuyện, đến ngôn ngữ nhân vật, **Lộc Đình Kỳ** là một bộ hài kịch lớn. Không chương nào của tác phẩm thiếu tiếng cười. Chuyện bắt đầu khi Vi Tiểu Bảo, một tiểu lưu manh trong động điểm Lệ Xuân viện thành Dương Châu được Mao Thập Bát, một hào khách giang hồ đem lên Bắc Kinh. Bằng thủ đoạn ma mãnh, Vi Tiểu Bảo đã giết được Tiểu Quế Tử thái giám, hóa thân làm Tiểu Quế Tử. Từ đó, hần thân cận được với vua Khang Hy, trở thành bạn nhỏ của nhà vua, giúp vua giết được loạn thần Ngao Bái, gia nhập Thiên địa hội và hoạt động gián điệp. Hần trở thành Chánh đô thống hoàng kỳ, phong tước tước hiệu Ba Đồ Lão; Khâm sai đại thần đi công cán Văn Nam; Tứ hôn sứ; Bá tước; Nguyên soái cầm quân chinh phạt quân La Sát ! Công lao hần lớn hơn bất kỳ một vị cố mệnh đại thần nào của triều Khang Hy. Để đạt được tột đỉnh vinh quang đó, hần chỉ áp dụng hai thứ kinh nghiệm : một là kinh nghiệm sống trong động điểm và hai là những câu chuyện truyền kỳ trong bộ *Anh Liệt Truyện*

mà hần nghe được thư còn ở Dương Châu. Thông qua nhân vật Vi Tiểu Bảo, người ta nhận ra một định đề bất ngờ : “Trên đời này, kỹ viện và hoàng cung là hai nơi trá ngục nhất”. Đặc thủ kinh nghiệm từ kỹ viện đến hoàng cung, Vi Tiểu Bảo trở thành nhân vật đệ nhất trá ngục. Nhân vật trá ngục ấy đã từng trở thành Hối Minh hòa thượng, sư đệ của Hối Thông, Phương trượng chùa Thiếu Lâm; rồi sau đó lại trở thành trụ trì chùa Thanh Lương trên Ngũ Đài Sơn ! Nhân vật ấy đủ sức “trị” tên đại Hán gian Ngô Tam Quế; trở thành cố vấn đặc biệt cho Sa hoàng Nga La Tư; thay mặt Khang Hy Hoàng đế quan hệ giao hảo với Mông Cổ và Tây Tạng.

Thế nhưng, nhân vật quan trọng ấy không biết chữ. Trong 3 chữ họ tên của mình, Vi Tiểu Bảo chỉ đọc được chữ Tiểu vì chữ này dễ nhận ra với 3 nét. Ấy thế mà bọn nhà văn có tên tuổi trong lịch sử văn học triều Thanh như Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng phục lặn phục lóc, hết lời ca ngợi. Nhân vật ấy đưa vào trong văn chương một mô ngôn ngữ thóa mạ bình dân, tục tĩu như *con mẹ nó, tổ bà quân rùa đen, phường chó đẻ* ... Vi Tiểu Bảo “sáng tạo” ra những thuật ngữ mà chưa một thời đại nào người ta dám đem gán ghép cho những nhân vật cao quý trong xã hội phong kiến : công chúa Kiến Ninh được gọi là *con đười non*, thái hậu được gọi là *mụ điểm già*. Mô ngôn ngữ ấy đã được “truyền bá”. Trần Cận Nam, thầy của Vi Tiểu Bảo, cũng biết gọi thái hậu là “mụ điểm già”. Vua Khang Hy cũng học thứ ngôn ngữ bình dân của Vi Tiểu Bảo mà mở miệng thóa mạ “con mẹ nó”. Chẳng những thế, nhà vua cũng sẵn sàng làm những việc làm hết sức “bình dân”, chẳng ra thể thống một Đại Thanh Hoàng đế chút nào. Tôi cho rằng đoạn trích sau đây có thể nói lên chất hài hước cao độ của **Lộc Đình Ký** :

"Sách Thánh hiền đọc nhiều quá, toàn những đoạn khô khan. Đột nhiên, nhà vua được nghe những câu "Tổ bà nó", "Tê dái vãi phân", tuy thô tục nhưng cũng thấy vui vui liền bắt chước nhưng chỉ khi nói với Vi Tiểu Bảo mới đưa ra. Hôm nay, nhà vua gặp phụ hoàng, vừa hoan hỷ vừa bi thương, nhưng thân cận chưa được nửa giờ đã bị đẩy ra ngoài cửa chẳng biết từ nay còn có dịp nào gặp lại, trong lòng rất là khó chịu. May có Vi Tiểu Bảo nói năng thú vị làm vui nổi uất ức đi nhiều. Khi bàn tới đại sự trừ phản dẹp loạn, ngài lại nổi hùng tâm.

Nhà vua đứng dậy đi ra ngoài sân mấy bước, hai tay bẻ mấy hòn đá bầy ra dưới đất, miệng nói :

- Hán quân có tứ vương, nào Đông vương, nào Tây biên, nào Bắc biên, phải phân chia ra không thể để bọn chúng liên hiệp với nhau được. Lại còn Định Nam Vương Khổng Hữu Đức nhưng may thằng cha này chết rồi, chỉ để lại một đứa con gái thì cách đối phó chẳng khó khăn gì.

Nhà vua dứt lời, vung chân đá một hòn đá ra ngoài rồi nói tiếp :

- Cảnh Tinh Trung thân dũng hơn đời nhưng lại là kẻ vô mưu nên chẳng có chi đáng ngại. Chỉ cần làm cho hắn không liên minh được với họ Trịnh ở Đài Loan là xong.

Nhà vua lại đá một hòn đá nữa đi rồi nói tiếp :

- Thượng Khả Hỷ thì phụ tử bất hòa. Giữa hai cha con hắn cũng thành thế nước lửa nhằm khuynh loát nhau, chắc chẳng làm nên trò trống gì.

Khối đá thứ ba bị hất tung đi. Chỉ còn lại một khối đá lớn nhất. Nhà vua nhìn chăm chăm vào khối đá này, ngỡ ngàng xuất thần.

Vì Tiểu Bảo cất tiếng hỏi :

- Tàu Hoàng thượng ! Phải chăng đây là Ngõ Tam Quế ?

Vua Khang Hy gật đầu.

Vì Tiểu Bảo mắng liền :

- Thằng giặc thói tha này. Sao mi không chết đi khiến cho Đức Hoàng đế phải vì mi mà tổn thương cân não. Tàu Hoàng thượng ! Xin Hoàng thượng dãi vào người hần.

Vua Khang Hy cười ha hả, nổi dạ trê thờ, vạch quần dãi vào phiến đá.

Ngài cười nói :

- Người cũng dãi vào đi.

Vì Tiểu Bảo cười rộ. Gã vừa dãi vừa nói :

- Hồi sách này kêu bằng Vạn tuế gia cao sơn lưu thủy.
Tiểu Quế Tử ... Tiểu Quế Tử ...

Gã chợt nhớ thầy đồ nói chuyện **Tam Quốc** có một hồi kêu bằng "Quan Vân Trường thủy yểm thất quân" liền nói tiếp :

- "Tiểu Quế Tử thủy yểm thất quân"

Vua Khang Hy không nín được, lại cười ha hả. Ngài vừa thất quân lại vừa nói :

- Sau này mà ta bắt được tên giặc thói tha kia thật sự thì sẽ đái hẳn vào người hẳn.

Vi Tiểu Bảo thấy Tiểu Hoàng đề ra điều cấm hận Ngô Tam Quế thì trong bụng mừng thầm tự nhủ :

- Ta cùng bọn Mộc vương phủ đánh cuộc về vụ này. Thế là phe mình ăn chắc đến quá nửa rồi."

Và gần như không có nhân vật nào trong **Lộc Đình Kỳ** không có tính hại hước. Công chúa Kiến Ninh cũng biết chửi tục "Con mẹ nó, té đái vãi phân" và gây ra một hành động kinh thiên động địa mà không phải người phụ nữ nào cũng dám làm : lấy súng bắn nát bộ phận sinh dục của chồng chưa cưới. Hối Thông đại sư, trụ trì chùa Thiếu Lâm, ca ngợi sư đệ của mình là Hối Minh (tức Vi Tiểu Bảo) định lực cao cường khi đối đầu với bọn Cốt Nhĩ Đan vương tử mà chẳng biết Vi Tiểu Bảo sợ quá, thỏ cũng không nổi và đã đi tiểu ra đầy cả quần. Trùng Quang đại sư cầm đầu Thập bát La hán chùa Thiếu Lâm ngày thơ đến nổi nghe Vi Tiểu Bảo đi chơi kỹ viện (động điểm) cũng cho rằng kỹ viện là một "viện" tương đương với Đạt Ma viện của chùa Thiếu Lâm. Thậm chí khi Trùng Quang đại sư nghiên cứu võ công cũng phải nhờ Vi Tiểu Bảo chỉ điểm, hướng dẫn !

Có người cho rằng **Lộc Đình Kỳ** là tác phẩm của thời đại chúng ta, Vi Tiểu Bảo là con người sống trong thời đại chúng ta. Tôi nghĩ là nhận định đó hết sức nghiêm túc và hợp lý. Với chất hài hước của **Lộc Đình Kỳ**, thế kỷ 20 hiện thân rành rành trong tiểu thuyết võ hiệp, với những con người, những tình huống, những suy nghĩ của nó.

Không dễ đưa chất hài hước vào văn chương như đưa vào sân khấu hay thơ ca. Tôi đã đọc Kim Dung nhiều lần

trong đời. Với Du Thần Chi trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyền**, tôi nhỏ nước mắt. Với Vi Tiểu Bảo trong **Lộc Đình Kỳ**, tôi cười ha hả. Nhiều đêm, chợt tỉnh giấc ngủ, nhớ đến Vi Tiểu Bảo, tôi bật cười một mình. Con người ngộ nghĩnh, thú vị, sống rất chân thật đó đã trở thành một biểu tượng hài hước của thế kỷ thứ 20 chứ không riêng gì trong tác phẩm võ hiệp của Kim Dung.

Trong hoàn cảnh đất nước chưa hòa bình, chiến tranh vẫn còn tiếp diễn nhiều nơi, lòng người hoang mang ly tán như xã hội miền Nam trước năm 1975, tác phẩm võ hiệp Kim Dung với những màn hài hước đặc sắc vụt trở nên phương tiện giải trí đắt giá. Tâm trạng chung của bạn đọc lúc đó là tìm ra một cái gì vui trong một đời sống có nhiều bế tắc và niềm bi thảm. Ta không thấy làm lạ khi người đọc đón nhận từng chương, từng hồi của tác phẩm Kim Dung đăng trên báo dưới dạng feuilleton. Tôi chưa nói đến giá trị văn học, giá trị tư tưởng, giáo dục. Chỉ một chức năng giải trí, văn chương Kim Dung đã đáp ứng đầy đủ cho người đọc. Hài hước trở thành một thang thuốc bổ, đem lại cho đời nụ cười ý vị.



Chương 11

***Ghen
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung***

Ghen (jalousie) là một tình cảm tự nhiên của con người, đặc biệt là ở phụ nữ. Tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, tuy trọng tâm phản ánh về những sinh hoạt võ lâm, cũng đã có những nhân vật ghen tuông, tình huống ghen tuông thú vị. Nhận định về tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp của ông mà không nhận định về cái ghen quả thật là một thiếu sót.

Một cách khái quát, Kim Dung dùng khái niệm rất cụ thể để nói về cái ghen. Ghen được gọi là *bình giấm chua* hoặc là *ghè tương*. Còn các bình giấm chua và ghè tương đó đổ bể trong tình huống nào, đổ bể ở đâu thì lại là chuyện khác.

Ở mức độ sơ cấp, người phụ nữ bày tỏ lòng ghen tuông một cách nhẹ nhàng, đôi khi không khỏi khiến độc giả buồn cười, thương hại. Đó là trường hợp Á bà bà (bà già cảm) trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ*. Ở tuổi đôi mươi, bà đã xuất gia đi tu và là một nữ tu xinh đẹp. Có một chàng lãng tử giang hồ, cảm mến sắc đẹp đó, cứ theo tán tỉnh hoài. Và hán cũng cạo đầu đi tu, tự đặt pháp hiệu cho mình là Bất Giới. Hán cho rằng “chỉ có ông sư mới có thể yêu bà vài” (?).

Họ thành vợ chồng và sinh ra cô gái xinh đẹp Nghi Lâm. Một lần, Bất Giới đại sư nhìn thấy Ninh Trung Tắc, vợ của Nhạc Bất Quân. Ông ta lỡ miệng khen Ninh Trung Tắc đẹp, thế là Á bà bà nổi ghen vì “đã có vợ rồi, sao lại còn khen kẻ khác đẹp?”. Bà ta bỏ luôn Bất Giới, vào phái Hằng Sơn giả làm mù già câm điếc, chuyên việc quét chùa, lau tượng trong 18 năm, báo hại Bất Giới đi tìm muốn chết !

Ở mức độ trung cấp, cái ghen bắt đầu có “bài bản” hơn. Đó là trường hợp ghen của Vệ Tứ Nương trong **Hiệp Khách Hành**. Vệ Tứ Nương thâm yêu trộm nhớ Thạch Thanh nhưng Thạch Thanh chỉ yêu và cưới Mẫn Nhu. Họ sinh được 2 con trai giống nhau như đúc : Thạch Trung Ngọc và Thạch Phá Thiên. Thạch Phá Thiên mới 6 tháng tuổi thì bị ... mất tích. Ai bắt ? Chính là Vệ Tứ Nương. Nàng đem cậu bé về hoang sơn dã lĩnh ở Triết Giang nuôi nấng, đặt tên cho bé là Cầu Táp Chủng (chó lợn giống) để mỗi khi lòng ghen tuông với hạnh phúc của Mẫn Nhu nổi lên, nàng kêu mấy tiếng Cầu Táp Chủng cho đỡ buồn ! Cầu Táp Chủng lớn lên, thành một chàng trai tuấn tú, hiền lành nhưng hoàn toàn dốt nát. Nhưng chính nhờ cái dốt nát đó mà chàng trở thành một con người đệ nhất võ công trong lịch sử võ học Trung Quốc, khác xa người anh ruột gian ác và tàn bạo Thạch Trung Ngọc. **Hiệp Khách Hành** - một bài thơ danh tiếng của Lý Bạch, đi vào tiểu thuyết Kim Dung, trở thành một bài thơ ca ngợi lòng dũng cảm, đức hy sinh và tâm hồn trung hậu của chàng trai Cầu Táp Chủng Thạch Phá Thiên.

Ở mức độ cao cấp, cái ghen được Kim Dung nâng lên thành những âm mưu, thủ đoạn cao cường. Đó là cái ghen của Chu Chỉ Nhược, chương môn phái Nga My trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký** (Từ Khánh Phụng dịch là **Cô Gái Đồ Long**). Trương Vô Kỵ, giáo chủ Minh giáo (tức Bái hỏa giáo,

nguồn gốc từ Ba Tư - lúc bấy giờ chưa gọi là Iran mà gọi là Perse) có 4 người bạn gái : Tiểu Siêu, Triệu Minh, Hân Ly và Chu Chi Nhược. Khi Tiểu Siêu về Ba Tư, Chu Chi Nhược nghĩ đến cách độc chiếm kiếm Ý thiên, đao Đồ long và Trương Vô Kỵ. Trên hoang đảo, cô đánh thuốc độc cho mọi người mê man, lấy kiếm rạch mạch và giết Hân Ly, trói Triệu Minh và bỏ lên một con thuyền lênh đênh trên biển để Triệu Minh chết đói. Trở về Trung thổ, Chu Chi Nhược lập tức tiến hành hôn lễ với Trương Vô Kỵ. Ngay trong lúc cô và Trương Vô Kỵ bái thiên địa thành vợ chồng thì Triệu Minh xuất hiện. Triệu Minh chỉ đưa ra một sợi tóc vàng của Tạ Tốn, thế là Trương Vô Kỵ bỏ hôn lễ và chạy theo Triệu Minh ngay. Đó là sợi tóc đặc biệt của Tạ Tốn. Chu Chi Nhược vừa thẹn, vừa sợ âm mưu của mình bại lộ, đã sử dụng một chiêu ác độc nhất trong Cửu âm bạch cốt trảo, định đánh vỡ sọ Triệu Minh. Nhưng may mắn Triệu Minh chỉ bị thương ở bả vai. Và chính nhờ vết thương đó, Trương Vô Kỵ mới hiểu được rằng Chu Chi Nhược đã đánh cắp kiếm Ý thiên và đao Đồ long của mình, đã luyện được Cửu âm bạch cốt trảo giấu trong thân kiếm, đã bắt cóc Tạ Tốn, đã giết chết Hân Ly ...

Cái ghen tuông không chỉ có trong những bậc nữ lưu binh thường. Cái ghen trong bậc nữ lưu quý tộc còn ghê gớm hơn. Đó là trường hợp của Thư Bạch Phụng, người dân tộc Bài Di, vợ Đoàn Chính Thuần, vương phi nước Đại Lý và Vương phu nhân, người dân tộc Tiên Ty, nước Đại Yên, nhập cư nước Tống, tình nhân của Đoàn Chính Thuần. Thư Bạch Phụng là vương phi, ghen vì chồng đã có mình mà còn quan hệ ân ái với Tu la đao Tần Hồng Miên, Nguyễn Tinh Trúc, Ôn Khang, Chung phu nhân và Vương phu nhân.. Thế là bà ta đem tám thân vương phi ngàn vàng cho một gã

ân mày dơ dáy ân ái. “Mối tình” chớp nhoáng đó đã sinh ra vương tử Đoàn Dự, trên danh nghĩa là con của Đoàn Chính Thuần nhưng trong huyết thống là con của Đoàn Diên Khánh. Vương phu nhân ghen còn ghê gớm hơn. Hễ bất kỳ ai thuộc họ Đoàn nước Đại Lý lọt vào trong sơn trang của bà là bà ra lệnh giết rồi đưa thi thể vào Hoa phi phòng để chế biến làm phân bón hoa.

Tuy nhiên, cái hay của Kim Dung là không biến những tình huống ghen tuông trong tác phẩm của mình trở thành những vụ án hình sự có nhà tan, người chết. Những nhân vật của ông chỉ ghen như một cách bày tỏ thái độ; chẳng có ai chết cả. Trên kia, ta vừa nói Chu Chi Nhược giết Hân Ly, nhưng Hân Ly không chết. Những vết kiếm Chu Chi Nhược rạch vào mặt cô khiến cho độc tính của Thiên thủ tuyết hộ thủ theo máu thoát ra ngoài và nhờ đó, cô mới ... sống lại được.

Đứng trên quan điểm hôn nhân của chế độ phong kiến, Kim Dung cho phép những nhân vật nam của mình có nhiều vợ; nhiều tình nhân. Đoàn Chính Thuần có 1 vợ và 5 tình nhân. Vì Tiểu Bảo trong *Lộc Đình Kỳ* lại có đến 7 vợ: Tô Thuyền, A Kha, Song Nhi, Kiến Ninh công chúa, Phương Di, Mộc Kiếm Bình, Tăng Nhu và 1 tình nhân là công chúa Tô Phi Á (Sonya) của nước La Sát (nước Nga). Tuy nhiên, Kim Dung cũng đã để cho những nhân vật nữ của mình đấu tranh chống lại quan điểm đa thê sai trái đó. Một cách tích cực, ghen tuông được coi là một cách thể hiện phản ứng quan điểm đa thê. Những Á bà bà, Vệ Tứ Nương, Thư Bạch Phụng, Vương phu nhân là những con người đã phản ứng như vậy.

Quả thật đáng buồn nếu có những nhân vật (và ngay cả những người thật) không biết yêu và cũng chẳng biết ghen. Trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, người ta yêu tha thiết nhưng ghen tuông cũng cháy chời lá! Rõ ràng, tuy lấy bối cảnh là xã hội phong kiến Trung Quốc nhưng tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung lại đi sát cuộc đời bởi vì tâm tình trong đó là tâm tình của xã hội phương Đông hiện đại.



Chương 12

***Chất thơ
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung***

Đưa thơ vào trong tiểu thuyết, cho tiểu thuyết có chất lãng mạn nhằm tạo thi hứng cho cả người viết lẫn người đọc là đặc điểm cố hữu của 300 tiểu thuyết chương hồi thời Minh - Thanh. *Hồng Lâu Mộng* của Tào Tuyết Cần có trên vài trăm bài thơ và khi thực hiện phim *Hồng Lâu Mộng*, các nghệ sĩ Bắc Kinh đã biến những bài thơ này thành nhạc từ - một dạng nhạc phủ - được hát lên, làm giàu thêm chất liệu nghệ thuật cho tác phẩm điện ảnh. Nhà văn Kim Dung đã kế thừa phong cách đưa thơ vào tác phẩm tiểu thuyết như các nhà văn tiền bối mặc dù tiểu thuyết chương hồi của ông là tân văn tiểu thuyết. Ở chừng mực nào đó, Kim Dung là một nhà thơ thực sự; ông đã viết cả vài trăm bài thơ, đặc biệt là thơ Thiền tông. Những bài thơ này chưa được in ra; người đời chỉ biết ông là nhà văn chứ chưa hề hiểu được ông còn là một nhà thơ. Chúng ta cũng lưu ý rằng ông nội Kim Dung đã từng làm tri huyện huyện Đơn Dương, Triết Giang và là một nhà thơ khá nổi tiếng cuối đời Thanh với thi tập *Hải Ninh Sát Thị Sao Thệ*. Có lẽ âm vang của truyền thống tiểu thuyết Minh - Thanh, âm vang của truyền thống gia đình đã khiến Kim Dung

mạnh dạn đưa thơ vào tiểu thuyết võ hiệp, làm cho những tác phẩm văn xuôi của ông mệnh mang một màu thi ca lãng mạn, trữ tình.

Có những tác phẩm của Kim Dung lấy thơ làm nguồn cảm hứng chủ yếu. Đó là trường hợp bộ *Hiệp Khách Hành*, gồm 12 quyển. *Hiệp Khách Hành* là tựa đề một bài thơ dài của nhà thơ Lý Bạch, một trong Đường - Tống bát đại gia mà lịch sử văn học Trung Quốc rất đời tự hào. Thơ Lý Bạch có nhiều thể tài : Diễm ca (ca ngợi cái đẹp), Túy ca (viết trong lúc say), Biệt ca (viết lúc chia tay nhau), Biên tải ca (viết về cuộc đời chinh chiến), Tình ca (ca ngợi tình yêu), Hành ca (ca ngợi chuyện giang hồ mạo hiểm), ... *Hiệp Khách Hành* là một bài thơ ngũ ngôn, thuộc thể *Hành ca*, ca ngợi Ngụy Vô Kỵ, tức Tín Lãng Quân, công tử của nước Ngụy và 2 hiệp khách - Hầu Doanh, người giữ cửa Di Môn cùng Chu Hối, anh hàng thịt. Hai người đã có công giúp Tín Lãng Quân đưa quân sang cứu nước Triệu, bảo vệ Hàm Đan, chống lại quân Tần thời Chiến quốc.

*Triệu khách mạn hồ anh
Ngô câu sương tuyết minh
Ngân yên chiêu bạch mã
Táp nập như lưu tinh ...*

Đi vào trong tiểu thuyết Kim Dung, cả bài thơ *Hiệp Khách Hành* vẫn được giữ nguyên nhưng nó không còn là một bài thơ nữa. Nó chính là một pho võ công mà ai có tâm lòng chơn chất nhất, ít cơ tâm nhất mới nhận ra được. Con người đó là một chàng trai không hề biết chữ : Thạch Phá Thiên tức Cầu Táp Chủng. Anh cóc cần bài thơ nói lên ý nghĩa gì, câu thơ biểu đạt điều gì. Anh chỉ nhìn nét chữ. Ví dụ chữ *Hành* gồm 6 nét thì anh khám phá ra 6 thể võ tương

ứng với 6 nét đó chứ không cần biết *Hành* là đi hay chạy. Anh cứ lảng lạng khám phá tự dạng như thế cho đến chữ cuối cùng và đặc thù một môn thần công, điều mà có những người bỏ ra mấy chục năm vẫn không khám phá được. Kim Dung gọi đó là *lối trước ý*.

Lục Mạch Thần Kiếm Truyền mệnh mang một không khí lãng mạn, trữ tình của thơ. Đó là những câu thơ của Kim Dung làm ra để ca ngợi hoa trà, một quốc hoa của nước Đại Lý :

*Thanh quân ngọc diện như tương thức
Cửu nguyệt trà hoa mãn lộ khai*
(Quần xanh, vóc ngọc tuồng quen mặt
Tháng chín, hoa trà rợp lối đi)

Hoặc :

*Xuân câu thủy động trà hoa bạch
Hạ cốc vân sinh lệ tử hồng*
(Giòng xuân nước gợn hoa trà trắng
Non hạ mây trôi trái vải hồng).

Đó là những câu thơ do chính Kim Dung làm ra nhưng được gắn vào cho những nhân vật của mình, để các nhân vật tỏ tình trước tình nhân. Thí dụ Trần Nam vương gia Đoàn Chính Thuần, một con người phong tình rất mực, thường “nói” với các tình nhân Vương phu nhân và Tu la đao Tần Hồng Miên. Với Vương phu nhân, một người rất yêu hoa, Đoàn Chính Thuần đọc :

*Dưới khóm mầu đơn dành bỏ mạng
Chết làm quý sử cũng oai phong*

Với Tần Hồng Miên, một người chuyên phóng Tu la đao, Đoàn Chính Thuần chỉ “biên tập” hai chữmẫu đơn :

*Dưới lưỡi Tu la dành bỏ mạng
Chết làm quý sứ cũng oai phong*

Thi ca, từ phú không thể tách rời với thi pháp. Trong những ngày sống chung với Nguyễn Tinh Trúc, Đoàn Chính Thuần đã chép tặng bà nầy bài *Sâm Viên Xuân*, một bài từ danh tiếng :

*Sóng thu dường điểm mực
Tóc phượng rủ bên tai
Dung nhan tuấn nhã
Về thiên nhiên càng ngấm càng tươi
Cách hoa nhìn bóng dáng
Vàng vạc ánh sao thưa
Ngồi tựa lan can ngắm
Mặt hồ gương phẳng lặng như tờ
... Bao giờ quên được
Hình ảnh lúc chia phôi
Khăn là ướt đầm
Ly biệt đôi hàng giọt lệ rơi.*

Đoàn Chính Thuần là một vương gia phong nhã, có riêng một thư pháp. Chính nhờ đó, Tiêu Phong đã đối chiếu nét chữ trên bài từ với nét chữ của một nhân vật ẩn danh được gọi là “Thủ lĩnh đại ca” trong lá thư viết về chuyện giết cha ông ngoài Nhạn Môn Quan và biết Đoàn Chính Thuần không phải là người chủ mưu vụ giết cha mình.

Thơ luôn luôn gắn liền với tình yêu, đặc biệt là những mối tình dang dở. Gần như Kim Dung tôn trọng triệt để mô thức đó.. Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, Lệnh Hồ Xung

và Nhạc Linh San thương yêu nhau. Rồi một người thứ ba - Lâm Bình Chi - hiện ra và Nhạc Linh San say mê Lâm Bình Chi, phụ rầy mối tình của Lệnh Hồ Xung. Nàng lấy Lâm Bình Chi khi Lâm Bình Chi đã tự hiến bộ phận sinh dục (dẫn đao tự cung) để luyện Tịch tà kiếm phổ. Biết chồng mình không còn là đàn ông nữa, Nhạc Linh San đau đớn nhớ thương chàng Lệnh Hồ Xung. Cô đã đề lên trên tấm vải một bài thơ của danh sĩ Lý Thương Ẩn, mượn thơ người để biểu đạt tâm trạng của mình :

*Nhớ xưa luyện ái Hàn công tử
Xương trắng thành tro hận chữa tan.*

Ngày Nhạc Linh San chết đi, Lệnh Hồ Xung trở về núi Hoa Sơn. Anh vào căn phòng riêng của Nhạc Linh San và đọc được hai câu thơ ấy, biết được tâm trạng Nhạc Linh San và cảm thấy thương yêu cô gái bất hạnh hơn bao giờ hết.

Cũng trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**, ta đọc được những câu thơ bình dân khá nổi tiếng của người Trung Hoa. Gần như bọn giang hồ hào sĩ thường lấy những câu thơ này làm câu cửa miệng, đọc lên trong những tình huống thích hợp. Thí dụ khi chia tay nhau, họ đọc :

*Thanh sơn bích thủy
Hậu hội hữu kỳ
(Non xanh trời đỏ
Nước biếc vẫn đây
Còn ngày gặp gỡ)*

Thí dụ khi khuyên ai xuống tay giết một người, phản lại một môn phái, họ thường đọc hai câu thơ :

*Tiểu lượng phi quân tử
Vô độc bất trượng phu*

(Lượng nhỏ chẳng thành người quân tử
Không độc sao nên đáng trượng phu)

Những câu thơ thông tục, đặt đúng vào vị trí trong văn cảnh, đã làm tác phẩm tăng thêm chất văn học.

Thơ luôn luôn gắn liền với kinh điển của các tôn giáo, bang hội. Trong kinh của Bái hỏa giáo Ba Tư, có đến trên 100 bài thơ của Nga Mạc, đã được nhà thơ Quách Mạt Nhược dịch ra bản Quan thoại. Kim Dung đã khéo léo sử dụng một bài thơ ngắn nói về số phận con người, gắn bài thơ đó vào thân phận Tiểu Siêu, cô gái lai Ba Tư - Trung Hoa trong **Ý Thiên Đồ Long Ký**. Tiểu Siêu thương yêu Trương Vô Kỵ nhưng không hề nói lên lòng thương yêu đó. Cô chỉ vẫn thường hát cho anh nghe :

*Lai như lưu thủy hề, thệ như phong
Bất tri hà xứ lai hề, hà sở chung*

Chỉ có 17 chữ nhưng bài thơ cực kỳ hàm súc. Tôi xin tạm dịch :

*Chợt đến như dòng nước chảy
Rồi tàn như gió thoảng mau
Chẳng biết từ nơi nào đến
Và chẳng biết tàn nơi đâu*

Cho đến khi Tiểu Siêu hôn Trương Vô Kỵ, từ biệt anh để trở về Ba Tư, Trương Vô Kỵ mới khám phá ra ý nghĩa của tình yêu nằm trong lời kinh Bái hỏa giáo. Cuộc đời con

người ngán ngùi thì tình yêu cũng thế; cũng *Lai như lưu thủy hê, thế như phong* và *bất tri hà xứ lai hê, hà sở chung*. Tôi cho đoạn Tiểu Siêu chia tay Trương Vô Kỵ trên biển là đoạn hay nhất, giàu chất thơ nhất trong cả 11 pho tiểu thuyết đồ sộ của Kim Dung.

Thơ chính là *Đạo*. Kim Dung muốn bạn đọc của mình nhận ra điều ấy. Ông đã để cho những nhân vật của mình xuất khẩu thành thơ, ngôn từ đơn giản nhưng ý tứ - cái *Đạo* bên trong - lại rất bao la, thâm diệu. Thí dụ như bài thơ của nhà sư Trí Quan đọc cho Kiều Phong nghe khi Kiều Phong lên núi Thiên Thai, chùa Chi Quán, yết kiến ông và hỏi thăm gốc gác của mình. Tự thâm tâm, Kiều Phong rất xấu hổ, rất đau đớn vì mình là người Khất Đan; mình không thuộc dân tộc Hán. Nhà sư Trí Quan đã giải quyết mọi ưu tư nội tại của Kiều Phong bằng một bài thơ mang chất Thiền mênh mông :

*Khất Đan với Hán nhân
Bất luận giả hay chân
Ân oán cùng vinh nhục
Không hơn đám bụi trần*

Kim Dung đã đẩy tiểu thuyết của mình đi đến bờ cõi bao la của triết học. Và tùy trình độ nhận thức, cảm thụ; các nhân vật của ông ngộ hay không ngộ vấn đề. Tất nhiên, thơ như thế này rất gần gũi với con người, không đến nỗi bí hiểm như những công án của Thiền tông.

Trong 11 pho tiểu thuyết vô hiệp của Kim Dung, thơ Trung Hoa và thơ của chính Kim Dung xuất hiện đều đặn. Nó trung hòa với tính chất sắt máu của cuộc đấu tranh chánh - tà, thể hiện cái hồn của văn học tiểu thuyết chương hồi

truyền thống. Nó kết hợp với thư pháp (phép viết chữ), hình thành nên những pho võ công cho phán quan bút, kiếm pháp, chương pháp. Nó làm nên tố chất lãng mạn cho tình yêu, chất triết lý cho tôn giáo, chất trí tuệ cho đời sống. Đưa thơ vào truyện kiếm hiệp như ông quả là thủ pháp của một nhà văn cao cường. Có thể nói, Kim Dung đã vượt xa những bậc tiền bối của mình trong hệ tiểu thuyết chương hồi Minh-Thanh. Điều này cũng rất dễ hiểu bởi Kim Dung là một nhà thơ có tài và tài năng của ông thực sự phát triển rực rỡ khi người tình Hạ Mộng ra đi khỏi vòng tay ông.



Truyền thông. Nó kết hợp với thủ pháp (phép viết chữ), hình
thành nên những pho võ công cho phần quan sát, kiểm



Pa-nô phim *Thiên Long Bát Bộ*, 1985

Chương 13

***Ngôn ngữ bình dân
trong
văn chương
Kim Dung***

Trước hết, ngôn ngữ văn chương là ngôn ngữ nghệ thuật. Tuy nhiên, không ai cấm nhà văn đưa hệ thống ngôn ngữ bình dân, đặc biệt là ngôn ngữ thôa mạ, vào trong tác phẩm của mình. Có nhiều khi, một từ thôa mạ thô thiển, thậm chí tục tĩu, nằm đúng vào ngữ cảnh của câu văn hoặc tình huống của chương hồi lại tạo ra được yếu tố nghệ thuật bất ngờ, thú vị cho văn chương.

Đọc văn chương Trung Hoa, chúng ta bắt gặp ngôn ngữ thôa mạ gần như là yếu tố khá phổ biến, bàng bạc trong tác phẩm. Bộ tiểu thuyết sử thi *Tây Hán Chí* (Hán - Sở Tranh Hùng) có nhiều đoạn mô tả phương pháp thôa mạ mà các tướng lĩnh của Hán vương Lưu Bang và Tây Sở bá vương Hạng Vũ dùng để chửi bới lẫn nhau với mục đích chọc giận kẻ thù, buộc kẻ thù không chịu nhục được, phải mở cửa thành ra đánh. Gặp kẻ thù ngoan cố, chịu nhục giỏi, các tướng lĩnh còn ra lệnh cho bọn mạ thù cời trưởng ra mà thôa mạ. Trong *A.Q Chính Truyện*, Lỗ Tấn đã cho phép nhân vật A.Q của mình thực hiện phép “thắng lợi tình thần”, thỉnh thoảng cũng thôa mạ cụ Triệu, Vương râu xồm, Đôn oắt tỳ và Tây giả cây : “Mày là cái thứ đồ gì. Con ông về sau còn hơn gấp mười lần mày” hoặc “Nó đánh mình như đánh

bồ nó” Văn chương vô hiệp của Kim Dung cũng thế. Thế giới văn chương của ông là thế giới của bọn hào sĩ giang hồ; trong đó một nửa là bằng môn tả đạo, bắt gà, trộm chó, cướp của, giết người, lại bắt học võ thuật cho nên chuyện thóa mạ đối với họ là chuyện cơm bữa.

Bộ **Hiệp Khách Hành** là bộ tiểu thuyết có lối thóa mạ kỳ lạ nhất. Vệ Tử Nương thâm yêu Thạch Thanh nhưng Thạch Thanh lại lấy Mẫn Nhu sinh ra được Thạch Trung Ngọc và Thạch Phá Thiên. Vệ Tử Nương bắt cóc Thạch Phá Thiên về vùng hoang sơn nuôi, đặt tên là Cầu Táp Chủng (Chó Lộn Giồng). Mỗi khi nghĩ đến tình địch. Vệ Tử Nương kêu tên Cầu Táp Chủng chửi mấy tiếng cho đỡ buồn. Đối với người đàn bà ghen tuông ghê gớm này, một nửa Thạch Phá Thiên có chất người của Thạch Thanh, một nửa còn lại có chất “chó má” của Mẫn Nhu ! Cậu bé phải mang cái tên Cầu Táp Chủng cho đến năm 20 tuổi mới biết được tên mình là Thạch Phá Thiên.

Bộ **Lục Mạch Thần Kiếm Truyền** cũng có một hệ thống ngôn ngữ thóa mạ phong phú. Một nhà sư trẻ Phật lực cao cường, kinh điển tinh thông, lòng dạ đoan chính như Hư Trúc cũng bị Thiên Sơn Đồng Hồ cung Linh Thửu núi Phiêu Diêu thóa mạ là “xú hòa thượng, nhà sư chết chém, thầy chùa chết đâm”. Bọn “quần tiên” 36 động, 72 đảo là một phường bằng môn tả đạo ô hợp; đàn ông thì tự xưng là “lão gia, lão tử”, đàn bà thì tự xưng là “lão nương”. Bọn đệ tử của Tinh Tú lão ma Đinh Xuân Thu tán tụng thầy : “Tinh Tú lão tiên thần thông quảng đại thiên hạ vô song. Lão gia đá một phát như trời long đất lở, vẫy tay một cái nhật nguyệt lu mờ” và đối với các phái khác, bọn họ coi chẳng ra gì. Thế nhưng khi Đinh Xuân Thu bị Hư Trúc đánh ngã, cả bọn lại nịnh Hư Trúc và quay ngược thóa mạ

Đinh Xuân Thu : “Ánh lửa đom đóm mà dám tranh sáng với mặt trời mặt trăng. Người là kẻ tiểu nhân gian tà, độc ác”. Kiểu thóa mạ như vậy gây cho người đọc những nụ cười thú vị về thói nịnh, thói xu viêm phụ nhiệt. Mà không chỉ có bọn đàn ông mới thóa mạ. Trong **Lục Mịch Thần Kiếm Truyện**, Kim Dung xây dựng một hình tượng phụ nữ khá độc đáo : nàng hoa khôi Ôn Khang, vợ của Mã Đại Nguyên. Người đàn bà đẹp này bình thường khép nép, nghiêm cẩn, rõ ràng là tượng của một thiếu phụ khá kinh. Nhưng trước khi nàng ta chết, người đọc mới hiểu ra rằng nàng là kẻ dâm loạn với Đoàn Chính Thuần, Bạch Thế Kinh. Trước khi chết, Ôn Khang còn ráng thu hết tàn lực, thóa mạ Kiều Phong một hồi với mớ ngôn ngữ vừa tục tĩu vừa độc ác. Và càng thóa mạ, đôi mắt nàng càng sáng lên, gương mặt lại có vẻ cao hừng, phấn khởi !

Bọn quần hào 4 châu Tề, Lỗ, Dự, Ngạc trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** có trình độ thóa mạ cũng thuộc hạng thượng thừa. Chúng kết hợp với 6 anh em Đào Cốc lục tiên một giuộc, hễ mở miệng ra là “con mẹ nó, mười tám đời tổ tôn quần rùa đen, phường dê tiện”. Đặc biệt, ngôn ngữ thóa mạ trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** được dùng như một thứ mặt khẩu để nhận ra nhau. Lệnh Hồ Xung, chương môn phái Hằng Sơn, bị vây hãm trong hang động tối đen. Một bọn đệ tử Tung Sơn đã từng bị Lệnh Hồ Xung đánh cho đui mắt, tìm mọi cách để giết chàng. Khi phóng kiếm ra trong bóng tối, họ thường chửi : “Cút con bà mày đi”. Hóa ra, đó là mặt khẩu để nhận ra nhau. Lệnh Hồ Xung thoát chết nhờ biết học và dùng câu “Cút con bà mày đi”. Những kẻ khiếm thị kia cứ ngỡ chàng là đồng bọn !

Nhưng không ở tác phẩm nào, ngôn ngữ thóa mạ được hệ thống hóa một cách tinh xảo và nâng cao thành ngôn

ngữ văn học lạ lùng như trong bộ **Lộc Đình Ký**. Vì Tiểu Bảo xuất thân từ Lệ Xuân viện thành Dương Châu, 13 tuổi đã lĩnh hội trọn vẹn mớ ngôn ngữ tục tĩu của khách làng chơi và đám kỹ nữ. Khi được vào trong cung nhà Thanh, hẳn lại tu nghiệp thêm với bọn thái giám và thị vệ, trở thành một chuyên gia thóa mạ hạng nhất. Hẳn gọi tổng quản thái giám của nhà Thanh là “Hải lão con rùa”, gọi thái hậu là “mụ điểm giả”, gọi công chúa Kiên Ninh là “con đười non”, gọi Bình Tây vương Ngô Tam Quế là “lão đại Hán gian”, gọi phò mã Ngô Ứng Hùng là “tiểu Hán gian”. Tiền quân ra biên giới Đông Bắc đánh nhau với nước Nga, hẳn gọi quân Sa hoàng là “bọn quí Hồng mao”. Bắt được một số hàng binh Nga, hẳn buộc những người này phải ra trận làm mạ thù, chửi bới viên tư lệnh quân Nga là Phi Diêu Đa La, chọc giận cho quân Nga khai thành tiếp chiến. Tuy nhiên, hẳn cực kỳ thất vọng khi hàng binh Nga chỉ biết chửi “ngươi là đồ heo, đồ chó”. Hẳn vỡ lẽ ra rằng về phương pháp thóa mạ, người Trung Quốc cao cường hơn người Nga; nội dung phong phú hơn mà tiết tấu cũng nhịp nhàng hơn. Nghệ thuật chửi bới của Vi Tiểu Bảo xuất thân nhập hóa đến nỗi hai ông thầy của hắn cũng học theo mớ ngôn ngữ tào lao đó. Vua Khang Hy và Trần Cận Nam cũng theo cách chửi của Vi Tiểu Bảo, chửi tục. Chửi cho vui !

Văn chương là sự phản ánh cuộc sống xã hội nhất định trong một giai đoạn nhất định. Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung nói về bọn hào sĩ giang hồ thời phong kiến. Mà cái mặt bằng văn hóa thời phong kiến của xã hội Trung Hoa quá thấp, là sản phẩm của một nền kinh tế nông nghiệp nhỏ và lạc hậu. Chính trong một xã hội như vậy, một nền kinh tế như vậy, một mặt bằng văn hóa như vậy thì việc đưa ngôn ngữ thóa mạ vào miệng những nhân vật của mình

là một cái gì hết sức tự nhiên. Vấn đề còn lại là ngôn ngữ thỏa mạ ấy hiện ra trong ngữ cảnh nào, trong trường hợp nào. Kim Dung đã làm một chuyện hết sức tài hoa : viết được những bộ tiểu thuyết trường thiên, giàu tính nghệ thuật bằng sự pha trộn ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân, trong đó có ngôn ngữ thỏa mạ. Ông sáng tác tiểu thuyết tại Hong Kong. Đài Loan nhưng văn chương Quan thoại trong tác phẩm của ông cực kỳ trong sáng và nghệ thuật; rất gần gũi với Quan thoại Trung Quốc. Tháng 1 - 1995, ông về Bắc Kinh diễn thuyết và nhận hàm Giáo sư danh dự Đại học Bắc Kinh; các học giả Trung Hoa đã ca ngợi cách thể hiện của Kim Dung, coi ông là nhà văn lớn của nền văn chương Quan thoại hiện đại. Kim Dung đã biết dung nạp cái *nhã* và cái *tục*, sử dụng cái *tục* để tạo ra cái *nhã*. Thủ pháp diễn đạt của ông là thủ pháp của nhà văn thượng thừa. Có lẽ vì thế mà hôm nay, 11 bộ tiểu thuyết với trên 200 cuốn dày 400 - 500 trang của ông đã được các nhà xuất bản Trung Hoa in lại và được bày bán, trân trọng đón nhận trên toàn cõi Trung Hoa. Kim Dung có thêm cả tỷ độc giả chính thức.



Chương 14

***Những vụ án
tình báo gián điệp
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung***

Trước hết, khái niệm vụ án tình báo - gián điệp là khái niệm mới mẻ của thời đại chúng ta. Tuy nhiên, như Kim Dung tiên sinh đã nói chuyện với báo giới Đài Loan ngày 18-4-1994 thì : *"Tiểu thuyết là viết cho người hiện đại đọc, kể cả tôi cũng hiện đại"*. Điều này có nghĩa là tất cả mọi khái niệm hiện đại đều có thể có trong tác phẩm võ hiệp của tiên sinh dù những tác phẩm ấy hư cấu về sinh hoạt của giới võ lâm, sống trước thời đại chúng ta trên 3 thế kỷ. Cho nên, chúng ta không ngại khi đề cập đến những vụ án tình báo - gián điệp trong tác phẩm của tiên sinh, và, điều này hoàn toàn tự nhiên không thể coi là khiên cưỡng.

Vụ án đơn giản nhất nhưng cũng lạ lùng nhất là vụ án đầu độc trong ***Liên Thành Quyết*** tức ***Tổ Tâm Kiếm***. Đinh Diễm là một hào khách võ lâm, thương yêu cô tiểu thư trong trắng, con gái một viên tri phủ. Viên tri phủ đầy tham vọng, muốn chiếm cho được bộ ***Liên Thành Quyết*** mô tả đường đi tìm một kho báu mà chưa ai khám phá nổi. Và hắn dùng con gái làm một miếng mồi, quyết "câu" cho được Đinh Diễm. Đinh Diễm nhớ người tình, đã tự đem thân mình làm một tên trọng phạm trong nhà lao của viên tri phủ. Đêm đêm, với bản lĩnh kinh người, anh vượt lao lung đến thăm và nói chuyện với người yêu. Cô gái nhân hậu biết Đinh Diễm yêu

hoa nên đặt trước cửa phòng mình một chậu hoa tươi để ngày ngày, Đinh Diễm được nhìn thấy màu hoa. Thế rồi, một ngày kia Đinh Diễm chợt khám phá ra chậu hoa đã tàn. Biết là có việc không lành xảy ra với người yêu, anh phá lệ tìm đến dinh tri phủ. Hóa ra cô tiểu thư đã chết. Người anh hùng ôm lấy quan tài khóc sụt sùi thì bị trúng độc. Té ra, viên tri phủ gian ác đã bức tử cô con gái xinh đẹp của mình. Hắn biết mình không địch lại Đinh Diễm và thế nào Đinh Diễm cũng đến ôm quan tài khóc nên đã bôi thuốc độc lên khắp quan tài, đầu độc và không chừa Đinh Diễm. Vụ án khá đơn giản nhưng mưu mô quá rất thâm hậu, thể hiện bản lĩnh, trình độ xây dựng chất “hình sự gián điệp” trong tác phẩm Kim Dung.

Mỗi bộ tác phẩm của Kim Dung thường có nhiều vụ án và các vụ án ấy kết hợp, ăn khớp với nhau một cách tài tình khiến người đọc không thể bỏ được tác phẩm, không thể bỏ được một chương một hồi nào. Xây dựng tác phẩm trên nền tảng những vụ án là một biệt tài của Kim Dung. Nhưng cái biệt tài cao nhất - theo tôi - là tiên sinh đã nắm tay người đọc đi từng bước, từng bước vào trong những pho sách đồ sộ của mình một cách tự nhiên đến nỗi khi đọc xong tác phẩm, ta mới khám phá ra mình đã đọc tiểu thuyết hình sự - gián điệp.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung xây dựng một nhân vật làm gián điệp rất tài tình. Đó là Lao Đức Nặc, đệ tử phái Tung Sơn được chương môn Tả Lãnh Thiên “cấy” vào nằm vùng trong nội bộ phái Hoa Sơn để do thám những âm mưu của chương môn Nhạc Bất Quần. Lao Đức Nặc đã già nhưng vẫn gọi chàng thanh niên Lệnh Hồ Xung là đại sư huynh. Nước cờ của Tả Lãnh Thiên đã cao nhưng đòn phản gián của Nhạc Bất Quần lại cao hơn. Nhạc Bất Quần

nhận Lao Đức Nặc làm đệ tử và ra lệnh cho gã giám sát Lệnh Hồ Xung để tìm ra bộ *Tịch Tà Kiếm Phổ*. Thực sự bộ kiếm phổ ấy đã lọt vào tay Nhạc Bất Quần và Nhạc ung dung dẫn đao tự cung (tự thiên bộ phận sinh dục) để tu luyện, mong chờ một ngày trấn áp quân hùng 4 phái Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hằng Sơn để lên ngôi chưởng môn Ngũ nhạc kiếm phái. Nhạc Bất Quần còn chơi một trò độc chiêu khác : sao ra một bản *Tịch Tà Kiếm Phổ* giả, tạo điều kiện cho Lao Đức Nặc ăn cắp để đưa về cho Tả Lãnh Thiên. Tả Lãnh Thiên mắc mưu họ Nhạc, cũng ung dung luyện kiếm phổ giả, mơ một ngày trấn áp Nhạc Bất Quần. Cho đến khi Nhạc Bất Quần chặc chán mình đã đủ bản lĩnh, trong đại hội Ngũ nhạc kiếm phái, Nhạc Bất Quần đã đem kiếm pháp thật đấu với kiếm pháp giả của Tả Lãnh Thiên, đâm đui được đôi mắt địch thủ, lên làm minh chủ Ngũ nhạc !

Đòn phản gián của Nhạc Bất Quần cực kỳ tinh vi nhưng có một người khám phá ra được. Đó là Ninh Trung Tắc, vợ Nhạc Bất Quần. Bà ngủ bên cạnh chồng, cảm thấy lạ lùng vì chồng xao lãng chuyện chăn gối, mỗi sáng lại thấy râu chồng rụng trong chăn, nghe tiếng nói của chồng đôi âm sắc trở thành eo éo. Đó là những biểu hiện của một người đàn ông bị biến đổi phái tính. Bà biết chồng đã tự thiên để luyện *Tịch Tà Kiếm Phổ* của nhà Lâm Bình Chi truyền lại đồng thời còn vu cáo cho Lệnh Hồ Xung ăn cắp kiếm phổ này. Bà khuyên chồng nên vứt chiếc áo cà sa chếp bộ kiếm phổ ấy xuống khe núi Hoa Sơn. Chiều ý vợ, Nhạc Bất Quần đã làm hành động ấy. Đến đây thì nhân vật gián điệp thứ hai xuất hiện. Đó là tên tiểu tử Lâm Bình Chi. Lâm Bình Chi nghi ngờ sư phụ đã ăn cắp được bộ kiếm phổ của nhà mình và đêm nào, y cũng đến rình mò bên cạnh phòng ngủ của vợ chồng Nhạc Bất Quần. Khi Nhạc Bất Quần vứt chiếc áo cà

sa đi, y đã nhanh chóng chớp lấy được và cũng “dẫn đao tự cung” để nhanh chóng luyện *Tịch Tà Kiếm Phổ*. Nhạc Bất Quần kiểm tra khe núi, không thấy chiếc áo cà sa đâu, bèn nghi ngờ chính Lâm Bình Chi đã lấy lại được kiếm phổ. Lão đi tiếp một nước cờ khác rất cao : đem Nhạc Linh San gả cho Lâm Bình Chi làm vợ. Từ khi lấy vợ, Lâm Bình Chi vẫn ngủ riêng, Nhạc Linh San mang tiếng có chồng nhưng chưa hề biết đến chuyện mặn nồng chân gối. Nhạc Bất Quần thường hỏi con gái chuyện sinh hoạt ăn ở với chồng ra sao. Nhạc Linh San đành nói dối với cha rằng cuộc sống lứa đôi của cô rất hạnh phúc. Chính câu nói dối đó đã cứu được mạng của Lâm Bình Chi vì rằng nếu cô nói thật Lâm Bình Chi không hề chân gối với cô lần nào, Nhạc Bất Quần sẽ khám phá ra được ngay là chàng rể đã “dẫn đao tự cung” và sẽ giết Lâm Bình Chi trước khi Lâm có thể luyện thành công *Tịch Tà Kiếm Phổ*.

Những mưu mô, diễn tiến của vụ án “*Tịch Tà Kiếm Phổ*” được viết một cách hết sức tinh vi. Toàn bộ vụ án gián điệp - phản gián điệp này chỉ có thể được kiểm chứng rõ ràng khi Lệnh Hồ Xung phát tay vào nơi hạ bộ của “sư phụ” xác nhận thực sự là Nhạc Bất Quần không còn bộ phận sinh dục đàn ông nữa. Đến đó thì Lệnh Hồ Xung mới nhận ra được rằng con người mình kính ái nhất trên đời - sư phụ Nhạc Bất Quần - chỉ là một quỷ quân tử, một kẻ đầy tham vọng và thủ đoạn gian manh.

Một vụ án thứ hai với một kịch bản thật tuyệt vời đưa độc giả đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác là vụ giải thoát Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Triều dương thần giáo, bị giam giữ dưới đáy Tây Hồ. Hướng Vân Thiên, Quang minh hữu sứ của Triều dương thần giáo, kết bạn anh em với Lệnh Hồ Xung. Hắn đặt tên mới cho Lệnh Hồ Xung là Phong Nhị

Trung. Hắn bọc theo trong người nào là bút thiếp, kiếm phổ và rù Phong Nhị Trung đi chơi ở Cô mai sơn trang, Tây Hồ. Đây là nơi trú ngụ của Giang Nam tứ hữu gồm Hoàng Chung Công, Hắc Bạch Tử, Ngốc Bút Ông và Đan Thanh tiên sinh. Đến nơi, hắn khoe bút thiếp, kiếm pháp, và cả bản cầm phổ *Tiểu Ngạo Giang Hồ* của Lệnh Hồ Xung ra rồi đánh cuộc trong sơn trang này, không một ai đánh lại kiếm pháp của Phong Nhị Trung, truyền nhân của Phong Thanh Dương, sư tổ phái Hoa Sơn. Quả nhiên, cả Giang Nam tứ hữu không địch lại Độc Cô cửu kiếm của Phong Nhị Trung. Hắn lật đật dẫn Phong Nhị Trung ra đi thi tứ hữu cản lại và cho biết nơi đây còn có một kẻ khác địch lại Phong Nhị Trung. Đến lúc đó Hưởng Vân Thiên mới nhét vào tay của Lệnh Hồ Xung một vật gì tròn tròn, cứng cứng. Lệnh Hồ Xung một mình được tứ hữu dẫn xuống địa lao dưới đáy Tây Hồ, nơi đang giam giữ một kẻ trọng phạm. Đến nơi, Lệnh Hồ Xung đưa vọi cái vật kia cho người bị giam giữ trong địa lao và sau đó, hai người mới quyết đấu. Nhân vật ấy đã kéo Lệnh Hồ Xung vào trong nhà lao, dùng thần công khắc chế Lệnh Hồ Xung bất tỉnh, cởi quần áo và nón chụp đầu của Lệnh Hồ Xung để hóa trang rồi ung dung thoát ra khỏi địa lao sau khi đã nhốt Lệnh Hồ Xung lại. Người đó là giáo chủ Nhậm Ngã Hành và cái vật tròn tròn kia là một mũi cương ty nhằm cưa đứt xiềng khóa cho y. Hưởng Vân Thiên đã dẫn một kịch bản hoàn chỉnh vô tiền khoáng hậu để cứu giáo chủ. Sau đó, y cùng giáo chủ trở lại Cô mai sơn trang, trừng trị bọn Giang Nam tứ hữu - một phe phản đồ của Triều dương thần giáo - và giải cứu Lệnh Hồ Xung ra khỏi trại giam dưới đáy Tây Hồ. Chết hình sự trong vụ án này thật đậm đặc nhưng rất hợp lý khiến ngay cả người đọc tinh tế nhất cũng không nhận ra được những âm mưu sâu sắc của Hưởng Vân Thiên. Những chương này trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* còn hay hơn những pha tấn công vào trại

giám của bọn Mafia nhằm cứu các ông trùm ma túy ở Italia hay Colombia trong thời đại chúng ta.

Tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung cũng xây dựng những nhân vật nữ điệp viên xuất sắc mà một nhân vật tiêu biểu là Tiểu Siêu trong *Ý Thiên Đồ Long Kỳ*. Tiểu Siêu nguyên là cô gái lai; cha là Hàn Thiên Bằng, người Trung Quốc, mẹ là Đại Ý Ty, người Ba Tư. Mẹ cô là Thánh nữ Bai hòa giáo Ba Tư nhận lệnh sang Trung Quốc “nằm vùng” trong Minh giáo Trung Quốc để đánh cắp chân kinh *Càn Khôn Đại Mã Di Tâm Pháp*. Thế nhưng, bà đã yêu Hàn Thiên Bằng và vi phạm lời khấn nguyện của một Thánh nữ. Sợ bị bắt tội, bà tìm cách “cấy” con gái vào nội bộ Minh giáo Trung Quốc và bản thân thì thay hình đổi dạng, làm một người phụ nữ xấu xí tên gọi là Kim Hoa bà bà. Tiểu Siêu đã đóng vai gián điệp một cách xuất sắc. Quang minh tả sử của Minh giáo Trung Quốc là Dương Tiêu bắt gặp cô bé 16 tuổi đang ngồi khóc trên sa mạc, thương tình đem cô về nuôi để hậu hạ cho con gái mình là Dương Bất Hối. Tiểu Siêu, trong vai một nữ tỳ xấu xí, đã khám phá ra con đường hầm dưới lòng Quang Minh Đình, thường ra vào để tìm bản đi cảo *Càn Khôn Đại Mã Di Tâm Pháp*. Dương Tiêu là một nhân vật tinh tế. Y biết cô bé này có âm mưu nhưng âm mưu ấy là gì thì y không rõ. Y đã dùng xích sắt xiềng chân Tiểu Siêu để mỗi khi cô đi đến đâu, tiếng leng keng vang lên đến đó. Vụ án gián điệp của Tiểu Siêu sẽ không lộ bí mật nếu không có một ngày chia tay Trương Vô Kỵ, giáo chủ Minh giáo Trung Quốc. Cô đã tự thú nhận rằng mình “nằm vùng” là để tìm kiếm tâm pháp. Nhưng vì tình yêu, cô hứa với Vô Kỵ rằng không bao giờ cô đem nội dung tâm pháp ấy truyền lại trên đất Ba Tư, rằng xa Vô Kỵ về Ba Tư làm giáo chủ Minh giáo Ba Tư cô cảm thấy cuộc đời cực kỳ vô vị.

Trong **Ý Thiên Đồ Long Ký** còn có một vụ án gián điệp rất lớn mà người thực hiện là Thành Khôn, sư phụ của Tạ Tốn. Ghen tức với sư huynh của mình là Dương Pha Thiên, Thành Khôn đã dụ dỗ và chiếm đoạt người vợ của sư huynh. Hắn thề phá tan nát Minh giáo Trung Quốc để thỏa mối hận tình. Hắn uống rượu say, làm nhục và giết hại vợ con của đồ đệ mình là Tạ tớn, biến Tạ Tốn từ một kẻ có lương tri trở thành một kẻ cuồng sát. Rồi hắn trốn vào chùa Thiệu Lâm, giả dạng nhà sư với pháp danh Viên Chân. Hắn kích động cho phái Thiệu Lâm cầm đầu các bang phái giang hồ khác bao vây và tấn công Quang Minh Đình để tiêu diệt Minh giáo - một lực lượng yêu nước, kháng Nguyên, và đặt sẵn thuốc nổ trên Quang Minh Đình để tiêu diệt phái Thiệu Lâm và các bang phái kia. Có thể nói Thành Khôn (tức Viên Chân) là một gián điệp có nghiệp vụ số 1 trong những tay gián điệp mà Kim Dung xây dựng nên.

Tùy theo những thời gian khác nhau, căn cứ vào những sự kiện lịch sử có thật, tác giả Kim Dung xây dựng những vụ án trên cơ sở các cuộc đấu tranh, khuynh loát lẫn nhau giữa các thế lực thù địch, các quốc gia lân cận Trung Quốc. Những vụ án như vậy kéo dài qua 30, 40 năm, diễn biến theo suốt chiều dài cuốn truyện. Và ở đây, nổi bật lên tài năng gây dựng, bố trí nhân vật của Kim Dung tiền sinh.

Lục Mạch Thần Kiếm Truyện là một bộ truyện lấy bối cảnh lịch sử là triều đại nhà Tống, Trung Quốc. Khởi đầu, người đọc bắt gặp một hình ảnh của đại sư Cưu Ma Trí, có võ công tuyệt luân, người nước Thổ Phồn, xuống nước Đại Lý gây hấn với các vị sư chùa Thiên Long (trong đó có Đoàn Chính Minh, hoàng đế Đại Lý). Đánh không lại Lục mạch thần kiếm của vương tử Đại Lý Đoàn Dự, Cưu Ma Trí đã bắt cóc Đoàn Dự đưa về Giang Nam (Trung Quốc), nói là

để tế sòng trước mộ người bạn thân là Mộ Dung Bác. Thế nhưng, Mộ Dung Bác là ai ?

Mộ Dung Bác thuộc giống Tiên Ty, nguyên là hậu duệ của nước Đại Yên đã bị nhà Tống tuyệt diệt. Canh cánh bên lòng giấc mộng phục hồi đế hiệu Đại Yên, Mộ Dung Bác giả vờ chết nhưng thực ra, ông ta lén vào chùa Thiếu Lâm để học trộm 72 thần công của phái Thiếu Lâm. Từ suy nghĩ phải làm cho thiên hạ đại loạn mới có thời cơ khôi phục nước Đại Yên, Mộ Dung Bác phao tin rằng quân nước Khất Đan (Đại Liêu) sắp đưa cao thủ tấn công qua Nhận Môn Quan của nhà Đại Tống. Quân hùng yêu nước Trung Quốc phong thanh được tin ấy, đã vội vàng cử Huyền Từ phương trượng chùa Thiếu Lâm làm thủ lĩnh, ra Nhận Môn Quan mai phục. Ở đây, họ đã tàn sát nhằm gia đình của Tiêu Viễn Sơn thuộc giòng họ hoàng tộc Khất Đan. Trước khi nhảy xuống vực sâu tự vận, Tiêu Viễn Sơn liệng đứa con trai mình lên cho những người Trung Nguyên vì không nỡ để con chết theo mình. Huyền Từ đưa đứa bé ấy về gởi ông bà Kiều Tam Hòe nuôi dưỡng. Lớn lên, đứa bé ấy trở thành Kiều Phong, bang chúa Cái bang Trung Quốc. Thế rồi có âm mưu tố cáo Kiều Phong là người Khất Đan khiến ông phải bỏ ngôi vị bang chúa ra đi. Trở về bên kia ải Nhận Môn Quan, Kiều Phong trở thành Nam viện đại vương của Khất Đan, đóng tại Yên Kinh, bị hoàng đế của Khất Đan buộc phải tiến công xuống phương Nam để tiêu diệt Tống Thần Tôn (Triệu Hú). Thế nhưng, Tiêu Viễn Sơn không chết, ông ta cũng giả làm một nhà sư vào “nằm vùng” trong chùa Thiếu Lâm. Biết con mình đang lâm nguy, Tiêu Viễn Sơn ám trợ cho con. Ông ra tay giết chết Huyền Khổ đại sư (sư phụ của Kiều Phong), giết vợ chồng Kiều Tam Hòe và một số nhân vật khác có liên quan đến vụ án Nhận Môn Quan

ngày trước. Khuôn mặt Kiều Phong giống y như Tiêu Viễn Sơn cho nên những kẻ chứng kiến được những vụ giết người ấy cứ nghĩ chính Kiều Phong đã xuống tay để trả thù cho vụ mất ngôi bang chúa. Tiêu Viễn Sơn nằm vùng trong chùa Thiếu Lâm và khám phá được vụ quan hệ tình ái giữa Huyền Từ và Diệp Nhị Nương. Ông bắt cóc đứa con của họ - Hư Trúc - rồi đem đứa bé ấy bỏ lên chùa Thiếu Lâm. Hư Trúc lớn lên, làm sư, lưu lạc lên Thiên Sơn trở thành cung chủ cung Linh Thú, ẩn ở với công chúa nước Tây Hạ và trở thành phò mã nước Tây Hạ.

Kiều Phong (tức Tiêu Phong), Hư Trúc, Đoàn Dự kết nghĩa anh em, trở thành cái trục chính nắm quyền bính 3 nước Khất Đan, Tây Hạ và Đại Lý. Đến lúc đó, Tiêu Viễn Sơn và Mộ Dung Bác mới xuất hiện, khoa trương thành tích "nằm vùng" trong chùa Thiếu Lâm. Tiêu Viễn Sơn đã hạ Huyền Từ không phải bằng võ công mà bằng chính câu chuyện Huyền Từ có con với Diệp Nhị Nương, phạm vào sắc giới. Huyền Từ và Diệp Nhị Nương phải tự tử trước mặt mọi người. Còn Mộ Dung Bác? Ông ta thực sự thất vọng về người con của mình - Cô Tô Mộ Dung Phục. Ông ta đã làm tất cả để phục hưng một nước Đại Yên, kể cả âm mưu ly gián Tống - Liêu, câu kết với Thổ Phồn ... Nhưng cuối cùng, tất cả đã trở về con số không. Nghe theo lời dạy của nhà sư già trong Tầng kinh các chùa Thiếu Lâm, ông ta đã cùng Tiêu Viễn Sơn xuống tóc quy y, từ chối những tham vọng điên cuồng. Giác mơ của Cô Tô Mộ Dung Phục cũng tan thành mây khói. Anh ta mất đi tình yêu của Vương Ngọc Yến, phụ rẫy những người đã theo mình để dựng lại nước Đại Yên. Cuối cùng, anh ta phát điên và chỉ còn làm hoàng đế với bọn trẻ chăn trâu trong xóm.

Nhưng không tác phẩm nào qua mặt được **Lộc Đình Ký** về tính chất tình báo - gián điệp. Câu chuyện khởi đầu của **Lộc Đình Ký** là vụ án văn tự ngục khi gã nho sĩ Ngô Chí Vinh tham danh háms lợi, đã làm tờ bảms về triều đình Mãn Thanh - lúc bấy giờ do Ngao Bái nắm quyền bính - những âm mưu chống đối triều đình của các nhà nho chân chính như Trang Kiến Long, Cổ Viêm Võ, Tra Y Hoàng thể hiện trong bộ *Mĩnh Sử*. Thế là Ngao Bái đã bắt rất nhiều nhà văn đời Thanh hạ ngục, trong đó, toàn thể đàn ông nhà họ Trang bị giết. Ngô Chí Vinh là kiểu mẫu của một thứ Hán gian, về sau được bổ làm quan tri phủ ở Dương châu, đã bị Vi Tiểu Bảo cùng bọn nhà văn Cổ Viêm Võ, Tra Y Hoàng dựng văn tự giả, vu hãm vào tội quan hệ phản loạn với bọn Ngô Tam Quế tại Vân Nam để chống Khang Hy, bị đem về cho con cháu nhà họ Trang lột thịt, moi gan tế lễ.

Nhưng những âm mưu, thủ đoạn gián điệp - tình báo rõ rệt nhất trong **Lộc Đình Ký** tập trung chung quanh bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, một bộ kinh Phật bình thường gồm 42 chương, được người Trung Quốc dùng đọc hàng ngày. Khi Bát kỳ của Mãn Châu tiến quân vào Bắc Kinh tiêu diệt nhà Minh, người Mãn Châu thu tóm toàn bộ của cải trân châu quý của Minh triều đem giấu vào một nơi bí mật ở Lộc Đình Sơn thuộc Đông Bắc Trung Quốc, cạnh giòng sông Hắc Long Giang (mà tiếng Hán gọi là Oa Tập Sơn và Mộc Nhi Hà). Tuy chiếm được Trung Quốc nhưng người Mãn Châu vẫn nghĩ rằng họ khó mà có thể cai trị được Trung Quốc. Vì thế, Thuận Trị hoàng đế đã vẽ một bản đồ về nơi chôn giấu bảo vật, giảng giải rằng đó là đất phát tích long mạch của triều Thanh rồi cắt nhỏ bản đồ đó ra chia thành 8 phần bỏ vào bìa của 8 tập *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* khác nhau, ở ngoài bìa bọc 8 màu trắng, xanh, đỏ, đen, vàng, tím,

lam, hồng đúng với màu cờ của Bát kỳ và giao cho 8 thủ lĩnh của Bát kỳ giữ gìn. Thuận Trị xuất gia đi tu ở Ngũ Đài Sơn vì buồn chán nội tình trong cung cấm nhưng vẫn dặn Khang Hy hoàng đế rằng : *"Nếu sau này không nắm giữ được thiên hạ thì ta ở đâu nên quay về nơi đó"*. Khang Hy lên ngôi trong thuở thiếu niên nhưng ông là một vị vua thông minh, sáng suốt, có hùng tài đại lược. Ông đã cai trị Trung Quốc với một trái tim nhân hậu và thực tâm muốn chuộc lại những lỗi lầm của người Mãn Châu khi tiến quân vào Trung Quốc. Chính vì vậy, Khang Hy là nhà vua dị tộc đầu tiên ở ngôi lâu nhất - 60 năm- trong lịch sử 37 thế kỷ phong kiến Trung Quốc (1662-1722) và sau đó là cháu của ông - Kiền Long - cũng ở ngôi được 60 năm (1736-1796). Tất cả những âm mưu chống triều Thanh đều tập trung vào việc tìm kiếm và chiếm đoạt 8 pho *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*. Đầu tiên là Thiên địa hội , một tổ chức yêu nước do Trần Cận Nam (tức Trần Vinh Hoa) làm Tổng đường chúa, "cây" Vi Tiểu Bảo vào hoạt động gián điệp cạnh vua Khang Hy. Tiếp theo là bọn Mộc Kiếm Anh, con cháu của Mộc vương phủ ở Vân Nam; bọn Cửu Nạn sư thái (con gái của vua Sùng Trinh triều Minh); bọn Thân long giáo, một giáo phái thân Nga La Tư ở quần đảo Liêu Đông; bọn Tang Kết lạt ma ở Tây Tạng; bọn Cát Nhĩ Đan vương tử ở Mông Cổ hoặc "cây" người nằm vùng, hoặc thực hiện những âm mưu bất cóc để tranh đoạt bộ kinh.

Thế nhưng, âm mưu thâm độc nhất vẫn là âm mưu của Tam phiên, gồm Ngô Tam Quế, Thượng Khả Hỷ, Cảnh Tinh Trung muốn chia quyền lực với Khang Hy mà kẻ đứng đầu là Ngô Tam Quế. Ngô Tam Quế đã từng cầm quân thời Sùng Trinh chống lại người Mãn Châu, được phong tước vương, trấn tại Sơn Hải Quan, sau đó đầu hàng quân Mãn

Châu, quay lại bức tử Sùng Trinh. Khang Hy phong Ngô Tam Quế làm Bình Tây vương, trấn thủ Vân Nam nhưng trong thâm tâm, Khang Hy vẫn muốn triệt hạ Ngô Tam Quế vì biết trước sau gì, Ngô Tam Quế cũng tạo phản.

Chính trong những điều kiện lịch sử cụ thể như vậy, Kim Dung tiên sinh đã để cho nhà vua thiếu niên mạnh dạn sử dụng một gã tiểu lưu manh ở thành Dương Châu, lọt vào cung làm giả thái giám với một sơ yếu lý lịch hết sức hồ đồ, trở thành một “điệp viên hai mang” nhằm chống lại những âm mưu thù địch. Trong *Lộc Đình Kỳ*, Vi Tiểu Bảo trở thành một điệp viên xuất sắc, tiến hành công tác do thám, tình báo khá chuẩn xác : bảo vệ được Thuận Trị hoàng đế, khám phá ra âm mưu liên kết giữa Ngô Tam Quế - Cát Nhĩ Đan - Tang Kết, khám phá ra sự thỏa hiệp của Thần long giáo và Nga La Tư, thúc đẩy cho việc tạo phản của Ngô Tam Quế sớm hình thành, ăn cắp được đủ 8 bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, vô hiệu hóa âm mưu của Thần long giáo trong nội cung ... Vua Khang Hy được xây dựng thành một nhà phản gián xuất sắc : đưa Phong Tế Trung vào nằm vùng nội bộ Thiên địa hội theo dõi hoạt động của thầy trò Trần Cận Nam - Vi Tiểu Bảo, phái Vi Tiểu Bảo đi công cán Ngũ Đài Sơn bảo vệ Thuận Trị hoàng đế, phái Vi Tiểu Bảo đi Vân Nam do thám Ngô Tam Quế. Trên mặt trận chính trị, Khang Hy tiến hành những đòn phép ngoại giao ngoại mục : gả Kiên Ninh công chúa làm vợ Ngô Ứng Hùng để giải vờ cầu thân với Ngô Tam Quế, hòa hoãn với lực lượng chống đối ở Đài Loan của con cháu Trịnh Thành Công, phong Tang Kết làm ma ở Tây Tạng làm Tăng Kết Hoạt Phật, phong Cát Nhĩ Đan ở Mông Cổ danh hiệu Chuẩn Cát Nhĩ Hãn. Trong công tác nội trị, Khang Hy nghe theo lời vua cha dặn dò “vĩnh bất gia phú” (mãi mãi không tăng thuế), cho xây dựng

“Trung liệt tử” thờ những người Hán yêu nước tại Dương Châu, tha thuế cho dân Dương Châu 3 năm, chuẩn bị binh lực đánh Ngô Tam Quế, thăm dò ý kiến bọn trọng thần trong triều đình để biết những ai dộc hạ trung trinh với mình. Khang Hy trở thành một nhà tình báo chiến lược đầy kinh nghiệm. Ngay việc học tiếng Mông Cổ, tiếng Tây Tạng, sử dụng hai người Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng vào việc chế tạo đại bác, sử dụng hàng tướng Thi Lang của Đài Loan vào chức vụ Đô đốc hải quân đã nói lên tầm nhìn cao thâm viễn lự của ông vua trẻ này. Kết quả của công tác tình báo - phản gián đó là nhà vua đã dẹp yên được loạn Ngô Tam Quế, triệt tiêu được thế lực của Cảnh Tinh Trung và Thượng Khả Hỷ, bình định được đảo Đài Loan, phá hỏng âm mưu của Thiên địa hội, đánh dẹp được bọn Thần long giáo, biến Tây Tạng, Thổ Phồn và Mông Cổ thành chư hầu triều Thanh, tiến hành thương thuyết với Nga La Tư qua hòa ước Hắc Long Giang để phân định biên giới hai nước Trung - Nga.

Bên cạnh những vụ án lớn xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, **Lộc Đình Ký** còn có những vụ án tình báo - gián điệp khác khá thú vị. Thần long giáo “cây” được Mao Đông Châu vào cung giả Thái hậu để đánh cắp *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*. Thái giám Hải lão công biết được âm mưu đó, âm thầm theo dõi. Để thử coi phán đoán của mình có đúng hay không, lão đã dạy cho Vi Tiểu Bảo quyền thuật của phái Không Động để đấu với vua Khang Hy (dưới tên Tiểu Huyền Tử), nhờ cho Mao Đông Châu (đang làm giả thái hậu) đem quyền thuật của Thần long giáo dạy cho vua Khang Hy chống lại Vi Tiểu Bảo. Hải lão công cũng biết rõ Vi Tiểu Bảo không phải là tên Tiểu Quế Tử, thái giám đã hầu hạ mình nhưng lão vẫn giả vờ gọi hắn là Tiểu Quế Tử, dùng hắn vào mục

tiêu do thám cho lão. Tuy nhiên, áp dụng thủ pháp sát nhân diệt khẩu, lão cũng đã thận trọng đầu độc cho Vi Tiểu Bảo chết dần chết mòn. Nhân vật Hải lão công đã được Kim Dung tiên sinh xây dựng một cách hoàn chỉnh, có phong cách của một nhà tình báo lớn dù đã bị đui hai mắt. Vua Khang Hy cũng là một nhân vật tiên hành các điệp vụ rất hay, đầy tính khoa học. Để có người bảo vệ cho cha mình là Thuận Trị hiền tu ở Ngũ Đài Sơn đủ sức chống lại bọn Tây Tạng và Mông Cổ, nhà vua đã sắc phong Vi Tiểu Bảo lên làm sư chùa Thiếu Lâm, trở thành sư đệ của Hối Thông. Rồi từ đó, nhà vua lại ra lệnh cho Hối Minh về làm trụ trì chùa Ngũ Đài Sơn, lại đem theo bọn Thập bát La Hán chùa Thiếu Lâm làm tay chân cho Hối Minh đại sư (tức Vi Tiểu Bảo). Điệp vụ đó quả thật kín đáo và cao cường, khiến độc giả bất ngờ một cách thú vị. Học theo cách của Khang Hy, Vi Tiểu Bảo cũng tiên hành một số điệp vụ nho nhỏ, thành công ngoài sức tưởng tượng của y. Đó là điệp vụ truy bắt Ngô Ung Hùng; điệp vụ yểm trợ công chúa Tô Phi Á (Tonya) ly gián bọn Hòa thương thủ với bọn cố mệnh đại thần để giành lại chính quyền ở Nga La Tư; điệp vụ chống lại bọn Thần long giáo.

Trong tác phẩm của Kim Dung cũng có những pha y hệt tình huống của đời tình báo - gián điệp : tự tử bằng độc dược để bảo vệ bí mật; cho thuộc hạ uống độc dược để không chế bảo đảm lòng trung thành; giết người bịt miệng; thủ tiêu xác người để phi tang; dựng nên bằng chứng giả mạo để đánh lạc hướng điều tra hoặc vu hãm kẻ khác; dùng tiền bạc hoặc mỹ sắc để mua chuộc những kẻ hoạt động cho hàng ngũ địch, trừng phạt những kẻ không trung thành ... Những nhân vật hoạt động tình báo - gián điệp trong tác phẩm của Kim Dung tiên sinh cũng có những câu nói lóng, những

động tác theo quy ước để giúp họ nhận ra nhau, ngăn ngừa những kẻ nội gián. Kim Dung vượt qua những tác giả truyện võ hiệp đồng đại với ông, tạo ra trong tác phẩm của mình những tình huống bí mật, sự kiện bí mật, nhân vật bí mật. Kẻ thắng trong truyện võ hiệp của ông không chỉ là những người có võ công cao cường, nắm thiên binh vạn mã trong tay mà còn là những điệp viên biết đánh đòn cân não, biết lung lạc kẻ thù, biến thù thành bạn. Đó là trường hợp “điệp viên” Vi Tiểu Bảo thuyết công chúa Tô Phi Á giành lại chính quyền ở Nga, thuyết Tang Kết ở Tây Tạng và Cát Nhĩ Đan của Mông Cổ thuận phục triều Thanh.

Tất nhiên, những vụ án tình báo - gián điệp trong phạm vi tiểu thuyết là sản phẩm của sự hư cấu. Tuy nhiên, như tôi đã giới thiệu khái quát trong “Phong cách xây dựng nhân vật trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung”, tiểu thuyết võ hiệp của ông hư cấu trên cơ sở thực tế của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Vì thế, một số vụ án tình báo - gián điệp trong tiểu thuyết võ hiệp của ông là những sự kiện có thật. Khang Hy chuẩn bị binh lực chống cuộc bạo loạn của Bình Tây vương Ngô Tam Quế là có thực. Khang Hy sử dụng những hàng tướng của Đài Loan để đánh vào đảo Đài Loan là có thực. Tang Kết, Cát Nhĩ Đan là có thực. Còn “điệp viên” Vi Tiểu Bảo và những điệp vụ thần sầu quỷ khốc của y là sản phẩm của hư cấu, khó mà kiểm chứng được.

Người ta đã từng say mê những Cornan Doyle, những James Bond của Âu Mỹ. Người ta đã từng biết đến những điệp viên quốc tế như Mata Hari, Nikos Kazanski. Nay thì qua tác phẩm Kim Dung, người ta lại gặp những điệp viên siêu hạng cỡ Vi Tiểu Bảo, Phong Tế Trung, Lao Đức Nặc, Tiểu Siêu, Lâm Bình Chi, Tiêu Viên Sơn, Mộ Dung Bác ...

Người ta cũng gặp các nhà tình báo, phản gián chiến lược cổ Khang Hy, Hải lão công, Nhạc Bất Quần. Âm mưu và thủ đoạn. Đối sách và chiến thuật. Liệu pháp và hành động. Tất cả đều nhằm tạo nên chất hấp dẫn cho câu chuyện, những câu chuyện rất đồ sộ nhưng cũng rất mạch lạc, hợp lý. Ở khía cạnh này, Kim Dung là bậc thầy trong loại truyện vụ án mặc dù những bộ sách của ông vẫn được gọi là võ hiệp tiểu thuyết.





Thần Điêu Hiệp Lữ, 1985

Lưu Đức Hoa vai Dương Qua

Trần Ngọc Liên vai Tiểu Long Nữ

Chương 15

***Số phận
những bộ sách
trong
tác phẩm võ hiệp
Kim Dung***

Trước khi là một nhà văn viết tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã là nhà văn hóa. Và là một nhà văn hóa cho nên ông rất chú trọng đến các vấn đề văn hóa, đặc biệt là các vấn đề về thế giới sách. Ông đã dành cho sách một vị trí khá quan trọng, không phải chỉ trong những bài viết trên tờ *Minh Báo* mà còn ngay trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp vốn đầy tính đấu tranh của giới võ lâm. Ta có thể tìm trong thế giới võ hiệp của ông một thế giới về sách và số phận của những bộ sách đó cũng đầy sống động như số phận những nhân vật chính trong tác phẩm của ông.

Một cách khái quát, Kim Dung có cách gọi tên sách rất phong phú. Sách được gọi là *Thu*. Thí dụ như bộ *Võ Mục Di Thu* của Nhạc Phi tức Nhạc Vô Mục được giấu trong bảo đao Đồ long (*Ỗ Thiên Đồ Long Ký*); bộ *Minh Thư Tập Lục* của Cố Viêm Võ và Tra Y Hoàng (*Lộc Đình Ký*). Sách được gọi là *Phổ*. Thí dụ như *Tịch Tà Kiếm Phổ* của nhà họ

Lâm ở Phúc Châu (**Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**) hay **Cầm Phở** và **Tiêu Phở**, hài tác phẩm âm nhạc lâm nên khúc hợp tấu **Tiểu Ngạo Giang Hồ**. Sách được gọi là **Kinh**. Thí dụ như **Thần Chiêu Kinh** của Đinh Điền trong **Liên Thành Quyết**; **Lục Mạch Thần Kiếm Kinh** của chùa Thiên Long và **Dịch Cân Kinh** của phái Thiếu Lâm trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**; **Tứ Thập Nhị Chương Kinh** của Bát kỳ triều Thanh trong **Lộc Đình Ký**; **Dược Vương Kinh** trong **Lãnh Nguyệt Bảo Đạo**. Sách được gọi là **Điện**. Thí dụ như **Quý Hoa Bảo Điện** trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**. Sách được gọi là **Lục**. Thí dụ như bộ **Tử Hà Bí Lục** cũng trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**. Sách được gọi là **Tâm Pháp**. Thí dụ bộ **Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp** trong **Ý Thiên Đồ Long Ký**. Sách được gọi là **Ký**. Thí dụ **Minh Giáo Lưu Truyền Trung Thổ Ký** của Dương Tiêu viết về quá trình hình thành Bái hỏa giáo (Minh giáo) trên đất nước Trung Quốc trong **Ý Thiên Đồ Long Ký**.

Những bộ sách mà Kim Dung đề cập tới được ghi chép với nhiều dạng văn tự khác nhau trên những phương tiện khác nhau. **Vũ Mục Di Thư**, **Cửu Âm Chân Kinh**, **Cầm Phở**, **Tiêu Phở** chép bằng chữ Hán (văn ngôn) trên những tờ giấy mỏng vàng khè. **Lục Mạch Thần Kiếm Kinh** chép bằng chữ Hán, có đồ hình hướng dẫn trên lụa quý. **Tịch Tà Kiếm Phở** lại chép trên chiếc áo cà sa. **Dịch Cân Kinh** chép bằng tiếng Phạn (Sanskrit), trên giấy. **Thiết Bản Thần Công** của Nhậm Ngã Hành truyền cho Lệnh Hồ Xung lại chép trên sắt. Võ công phái Tiêu Dao lại chép trên đá. **Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp** được chép bằng tiếng Ba Tư trên da dê. Võ công của Minh giáo Ba Tư lại được chép trên 8 tấm gọi là Thánh hỏa lệnh dài ngắn khác nhau, xương không ra xương, ngà

không ra nga bằng chữ Ba Tư. Nói cách khác, những bộ sách mà Kim Dung đề cập đến khá phong phú về văn tự, về vật liệu làm sách. Ngay cả cách chép sách cũng lạ : phải vận chỉ công vào đầu ngón tay để khắc chữ trên sắt, trên đá; phải đem Thánh hỏa lệnh nhúng một lớp sáp rồi viết chữ lên lớp sáp và dùng cường toan (acide-không nói rõ là thứ gì) đồ theo những chữ đã viết mới ra tự dạng trên Thánh hỏa lệnh.

Sách đã lạ, cách đọc sách cũng lạ hơn. Lệnh Hồ Xung sẽ không đọc được *Thiết Bàn Thân Công Ký* của Nhậm Ngã Hành nếu không cời trần trướng ra nằm trên tấm sắt cho những chữ khắc trên đó hằn lên da thịt. Trương Vô Kỵ sẽ không hiểu được võ công trên Thánh hỏa lệnh nếu như Bảo Thụ Vương của Ba Tư không bị đánh Thánh hỏa lệnh trúng vào má cho chữ hằn lên để Tiểu Siêu đọc và dịch ra chữ Hán cho Vô Kỵ nghe. Vô Kỵ cũng không thể hiểu tấm da dê là *Càn Khôn Đại Nã Di Tâm Pháp* nếu Tiểu Siêu không trích máu ngón tay nhỏ vào cho chữ hiện ra. Du Thần Chi đọc được *Dịch Càn Kinh* và lãnh hội được yếu quyết của kinh chỉ khi nào cúi đầu xuống đất, chống chân lên trời. Tựu trung, những bộ sách trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung mang theo nhiều điều bí ẩn khó tả, có người cầm nó trong tay nhưng chẳng biết được giá trị; có người thoáng qua một cách tình cờ và tìm được giá trị liên thành - chiều sâu chứa đựng trong bộ sách.

Số phận của những bộ sách được Kim Dung hư cấu trong tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của ông đã thực sự cuốn hút người đọc, đưa người đọc đi vào một thế giới tiểu thuyết vừa siêu thực nhưng cũng rất hiện thực. Có những bộ sách trở thành tựa đề luôn cho tác phẩm. Đó là trường hợp *Cầm*

Phổ và *Tiểu Phổ*, hai bản nhạc hợp thành tấu khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, đã khiến cho Kim Dung chọn luôn tựa sách của mình là ***Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký***. Đó là tác phẩm hợp soạn của hai con người thanh nhâ : Lưu Chính Phong, cao thủ phái Hành Sơn phe bạch đạo và Khúc Dương, trưởng lão của Triều dương thần giáo, phe hắc đạo. Xưa nay, người ta vẫn sống theo công thức : hắc bạch không thể hòa, chính tà không thể gặp. Cả Lưu Chính Phong và Khúc Dương đều muốn chứng minh rằng khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ* của họ có thể hóa giải những biên giới của chia rẽ và hận thù. Kết quả là cả Phong lẫn Khúc đều bị hại bởi những con người tự xưng là danh môn chính phái. Bộ sách được truyền cho Lệnh Hồ Xung, phái Hoa Sơn. Lệnh Hồ Xung mang nó trong người, gặp phải không biết bao nhiêu điều đau khổ : bị sư môn nghi ngờ đã ăn cắp *Tịch Tà Kiếm Phổ*, bị Nhạc Linh San phụ bạc mỗi tình đầu, bị đuổi ra khỏi phái Hoa Sơn. Nhưng cũng chính *Tiểu Ngạo Giang Hồ* đã đưa chàng lãng tử vô hạnh này gặp được một ngọc nữ : Doanh Doanh, đại tiểu thư của giáo chủ Triều dương thần giáo Nhậm Ngã Hành. Họ yêu thương nhau, đến với nhau, hóa giải được biên giới chính tà, hợp tấu cầm tiêu trong bộ *Tiểu Ngạo Giang Hồ* đi đến chỗ tâm linh-tương thức - điều mà hai vị tiền bối Lưu Chính Phong và Khúc Dương không thể làm được.

Bộ sách thứ hai được nhắc đến trong ***Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*** là *Tịch Tà Kiếm Phổ* (quyển sách về đường kiếm chuyên trị những bọn tà đạo) tương truyền là của giòng họ Lâm. Lâm Viên Đồ xuất thân tiêu sư, có kiếm phổ này, bèn “dẫn đạo tự cung” (phải tự thiên bộ phận sinh dục) để luyện. Kiếm pháp *Tịch tà* quá đổi ác độc, ông ta chép lại vào áo cà sa, đi tu và dặn con cháu không được dỡ ra coi. Con ông là Lâm Chấn Nam vô công tâm thường, bị phái Thanh Thành

của Dư Thương Hải tấn công nhằm tranh đoạt *Tịch Tà Kiếm Phổ* mà không đánh trả được. Kẻ đoạt được pho kiếm phổ này là chủ môn Hoa Sơn Nhạc Bất Quần. Một mặt Nhạc tự thiên để luyện kiếm; một mặt Nhạc vu cáo cho học trò là Lệnh Hồ Xung đã ăn cắp *Tịch Tà Kiếm Phổ*. Khi Nhạc luyện xong, vứt áo cà sa đi thì Lâm Bình Chi, con trai Lâm Chân Nam, lấy được và cũng tự thiên để luyện. Nhạc Bất Quần gả con gái là Linh San cho Lâm Bình Chi và thường xuyên theo dõi xem con gái có hạnh phúc chân gối hay không. Lâm Bình Chi đã “tự cung” thì làm sao có thể chân gối được. Nhưng Nhạc Linh San đã cứu mạng Lâm Bình Chi : cô trả lời rằng Lâm đối với cô rất tốt. Nhạc Bất Quần tin lời đó mới tha mạng Lâm Bình Chi. Lệnh Hồ Xung đã dùng kiếm pháp của phái Hoa Sơn đánh bại kiếm pháp *Tịch tà*. *Tịch Tà Kiếm Phổ* đã khiến ba con người thân bại danh liệt : Nhạc Bất Quần, Lâm Bình Chi và Tả Lãnh Thiền, chủ môn phái Tung Sơn. Đúng ra, phải gọi nó là *Tà môn kiếm phổ*.

Những pho sách mà Kim Dung đề cập đến trong tác phẩm của ông có khi là sản phẩm tưởng tượng, cũng có khi là sản phẩm thực tế được lồng vào cốt truyện. *Vũ Mục Di Thu* trong *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*, *Dịch Cân Kinh* trong *Lục Mạch Thần Kiếm*, *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* và *Minh Thu Tập Lục* trong *Lộc Đỉnh Ký* là những tác phẩm có thực trong lịch sử văn hóa Trung Hoa. Dù là sản phẩm hư cấu hay sản phẩm thực tế, Kim Dung đã khoác cho những bộ sách của mình một hành tung kỳ bí, một số phận oái oăm, khiến người đọc càng cảm thấy thú vị. Thí dụ bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* - một bộ kinh Phật thông thường mà mọi người Trung Hoa đều có thể biết, trong *Lộc Đỉnh Ký*. Bất kỳ nước Mãn Châu tiến công Trung Quốc, tiêu diệt nhà Minh. Đời vua thứ nhất của nhà Thanh là Thuận Trị

giao cho Bát kỳ 8 bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*, mỗi cuốn có bìa sách đúng như màu cờ của Bát kỳ : Bạch kỳ bìa trắng, Hắc kỳ bìa đen, Hồng kỳ bìa đỏ, Thanh kỳ bìa xanh... Tám quyển kinh có gì đặc biệt ? Có. Thuận Trị đã cắt nhỏ một bản đồ khu vực Oa Tập Sơn (tiếng Mãn Châu, dịch ra tiếng Trung Quốc là Lộc Đình Sơn) rồi chia các miếng vải đã cắt vào trong bìa sách, chia cho Bát kỳ. Thuận Trị dặn con cháu : “Nếu không giữ được thiên hạ (tức đất Trung Quốc - ghi chủ của người viết) thì ta ở đâu hãy trở về nơi đó”. Có ít nhất 5 thế lực tìm mọi cách để cướp cho được bí mật trong 8 quyển *Tứ Thập Nhị Chương Kinh*. Đó là Khang Hy, con vua Thuận Trị. Đó là con gái vua Sùng Trinh triều Minh, muốn trả thù cho cha. Đó là bọn Thần long giáo, một giáo phái bí mật thông đồng với người La Sát (Nước Nga La Tư). Đó là Thiên địa hội, một tổ chức chống triều đình Khang Hy do Trần Vinh Hoa làm Tổng lý. Và đó là Ngô Tam Quế, phản thần của triều Minh, được nhà Thanh phong cho tước Bình Tây Vương, trấn vùng Vân Nam. Mỗi thế lực tin rằng tám bản đồ giấu trong 8 bìa sách có một bí mật riêng. Khang Hy muốn có để đi, bảo vệ long mạch của tổ tiên tại Hắc Long Giang, Lộc Đình Sơn miền Đông Bắc Trung Quốc. Con gái vua Sùng Trinh Chu Hồng Anh và Thiên địa hội muốn phá được long mạch của nhà Thanh nhằm đuổi người Mãn Châu ra khỏi Trung Quốc. Thần long giáo tin rằng bản đồ vẽ kho vàng... Cuối cùng, 8 bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* lọt hết vào tay Vi Tiểu Bảo, một gã giả thái giám dốt nát, không biết viết tên mình thế nào trừ chữ Tiểu (3 nét). Vi Tiểu Bảo lấy hết các mảnh vải nhỏ sai nữ tỳ là Song Nhi kết lại thành một bản đồ hoàn chỉnh. Hắn giắt bản đồ trong mình còn các pho *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* được may bìa lại để biếu cho vua Khang Hy, Trần Cận Nam (thầy Vi Tiểu Bảo) và công chúa Hồng Anh (cũng là thầy Vi Tiểu Bảo)!

Một số nhân vật của Kim Dung là nhà văn nên đi đâu, họ cũng mang sách theo. Sách trở thành vũ khí trong khi chiến đấu chống kẻ thù, tranh biện với kẻ khác. Nhân vật Chu Đan Thần, trong Tứ ẩn của nước Đại Lý, có nhiệm vụ bảo vệ Trấn Nam vương Đoàn Chính Thuần, đi đâu cũng cầm theo các tập thơ của Lý Bạch và Đỗ Phủ. Trước khi chiến đấu, Chu hay ngâm thơ ! Trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**, Chu nhiều khi đã bàn luận thơ ca với Đoàn Dự, con Đoàn Chính Thuần. Nhân vật Tuân Tản trong nhóm Hàm Cốc Bát hữu ra trận thường lục túi, đem sách ra... đấu võ miệng. Trong trận đấu chống nhà sư Huyền Thông chùa Thiếu Lâm, Tuân Tản đã đem đủ các sách *Luận Ngữ*, *Mạnh Tử* ra chất vấn Huyền Thông. Huyền Thông vẫn mặc kệ, đánh trán. Sự nhớ ra rằng nhà sư không đọc sách đạo Nho, Tuân Tản đổi sang trích dẫn kinh điển đạo Phật. Y đọc lên câu : “Biển khổ mênh mông, quay đầu lại là thấy bờ” khiến Huyền Thông chột ngừng trận đấu. Nhà sư đã ngộ Thiền cơ trong câu kinh đó và đứng tim, viên tịch tại chỗ với nụ cười thư thái giải thoát trên môi.

Sách của Kim Dung đã đề cập đến trong truyện võ hiệp đương nhiên là sách quý, giá trị không biết bao nhiêu mà lường. Trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, nhà sư Giác Viễn trước khi chết, đọc một vài đoạn thuộc lòng trong bộ **Cửu Dương Chân Kinh**. Quách Tương học lóm vài câu mà có thể dựng nên phái Nga My; Trương Quân Bảo học lóm vài câu mà có thể dựng nên phái Vô Đang. Bọn Doãn Khắc Tây, Tiêu Tương Tử ăn cắp bộ sách này của chùa Thiếu Lâm, rạch bụng con vượn ra mà nhét vào. Trước khi chết, chúng di ngôn lại cho Hà Túc Đạo ở núi Côn Luân là “Kinh để trong hàu”. Hà Túc Đạo nghe gà hóa cóc, nói lại với phái Thiếu Lâm là “Kinh để trong dàu” ! Chỉ sau này, Trương Vô

Kỳ giải phẫu cho con vượn già mới tìm ra bộ sách trân quý của chùa Thiếu Lâm.

Sách quý nên việc bảo quản cũng rất công phu. Những nơi chứa sách được gọi là Tàng kinh lâu, Tàng kinh các, có quy định rất nghiêm ngặt, cấm người lai vãng. Càng cấm nên sách càng gọi trí tò mò. Từ đó xuất hiện những kẻ ăn cắp sách. Trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, nhà sư Ba La Tinh từ Ấn Độ sang chùa Thiếu Lâm, Trung Quốc, ăn cắp sách và bị nhốt. Tiêu Viễn Sơn, quan lớn của nước Khất Đan, muốn trả thù cho vợ cũng giả cạo đầu làm sư vào Tàng kinh các phái Thiếu Lâm đọc lên võ kinh và học võ công Trung Quốc. Mộ Dung Bác, người hoàng tộc nước Đại Yên giống Tiên Ty cũng giả bộ trá tử, cạo đầu làm sư, vào chùa Thiếu Lâm nằm vùng đọc hết 72 quyển võ kinh của Thiếu Lâm, nuôi mộng trung hưng nước Đại Yên.

Những nhân vật của Kim Dung thường có trí nhớ tuyệt vời. Cô Vương Ngọc Yến đọc thuộc lòng các sách võ trong thiên hạ, trở thành nhân vật ai cũng hâm mộ. Vương Tử Đoàn Dự coi qua bộ *Lục Mạch Thần Kiếm Kinh* một lần tại chùa Thiên Long mà tâm đã lãnh hội trọn vẹn. Trong 11 bộ tiểu thuyết, chỉ có một nhân vật của Kim Dung ghét sách thậm tệ, thấy quyển sách và chữ nghĩa là mắt hoa đầu váng. Đó là Vi Tiểu Bảo, Lộc Đình công của triều Khang Hy. Vốn hán chỉ thích chơi gái, đánh bạc, uống rượu, nói tục và dốt đặc cán mai. Ấy thế mà trời lại trao cho hắn 8 bộ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* !

Sách chiếm một vai trò lớn trong các bộ tiểu thuyết võ hiệp. Kim Dung đưa các bộ sách vào, tạo cho tác phẩm của mình những tình tiết hấp dẫn, những mâu thuẫn lạ lùng. Ở

chừng mực nào đó, sách làm nên chất văn hóa cho tác phẩm võ hiệp tiểu thuyết vốn nặng về âm mưu, thủ đoạn, sự tranh đấu, sự giết chóc. Chỉ ngay trong khía cạnh đưa sách vào tiểu thuyết võ hiệp, Kim Dung đã là một bậc thầy trong văn chương tiểu thuyết hiện đại.



Chương 16

***Lược khảo về các
tôn giáo, bang hội
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung***

Đọc tác phẩm văn học Tây phương, ta cảm nhận được những tư tưởng của đạo Thiên Chúa. Cá biệt, trong một vài tác phẩm như *Những Con Chim Ăn Minh Chờ Chết*, những tư tưởng và sinh hoạt của đạo Thiên Chúa trở thành độc tôn. Văn học phản ánh các hình thái sinh hoạt xã hội và một trong những hình thái gần gũi nhất của văn học chính là tôn giáo. Chính vì thế, khi Kim Dung tiên sinh chọn loại tác phẩm võ hiệp để sáng tác, ông tất yếu phải đưa vào tác phẩm của mình những sinh hoạt tôn giáo, bang hội. Dù không sống trong xã hội phong kiến nhưng những tác phẩm võ hiệp của ông đã phản ánh một cách khá sinh động xã hội phong kiến Trung Quốc, khi mà các thế lực phong kiến tập quyền chưa đủ mạnh để diệt hết các thứ bàng môn tả đạo, các đảng cướp cát cứ một phương, các thế lực tiến bộ đối kháng với các triều đại phong kiến. Và chẳng, khi mà khoa học chưa ra đời, thì niềm tin của con người đặt vào thần quyền rất mạnh. Chính vì thế, tác phẩm võ hiệp Kim Dung luôn luôn gắn liền với sinh hoạt và tư tưởng các tôn giáo bang hội.

Đối với các tôn giáo, Kim Dung đã tỏ ra hết sức ưu ái và kính trọng đạo Phật. Đạo Phật xuất hiện trong tác phẩm của ông với hình ảnh của các nhà sư phái Thiếu Lâm và tư tưởng Phật giáo được ông mến mộ nhất là tư tưởng Thiền tông, một trong 10 tông phái Phật giáo. Trong 12 bộ tiểu thuyết của Kim Dung, người ta biết đến đạo Phật qua hình ảnh ngôi chùa Thiếu Lâm đặt tại tỉnh Hồ Nam, Tung Sơn Thiếu Lâm Tự. Dưới ngòi bút tài tình của Kim Dung, những nhà sư Thiếu Lâm chân chính là những hiệp sĩ chuyên hành hiệp cứu đời, giúp người, luôn xả thân vì đại nghĩa, chống các thế lực ngoại xâm của Khất Đan, Kim Quốc, Mông Cổ, Tây Hạ để bảo vệ dân tộc Trung Quốc và bờ cõi Trung Quốc. Thông qua ngòi bút của Kim Dung, những nhà sư Thiếu Lâm đã được thần thánh hóa về cuộc đời và võ công, luôn luôn có mặt trong những tình huống nguy kịch nhất và trở thành biểu tượng tươi đẹp của võ lâm Trung Quốc. Ông thường dùng những cụm từ "*Núi Thái sơn, sao Bắc đẩu*" khi nói về phái Thiếu Lâm. Những nhà sư trong tác phẩm Kim Dung có vai vế, thứ tự hẳn hoi, pháp danh được gọi theo từng đời, mỗi đời là một chữ riêng biệt : *Độ* - *Độ Ách*, *Độ Nạn*, *Độ Kiếp*; *Viên* : *Viên Chân*, *Viên Tâm*, *Viên Âm*, *Viên Thành*; *Phá* : *Phá Tham*, *Phá Sân*, *Phá Si*... Đó là những người đức cao trọng vọng, thâm nhuần Phật pháp và thanh quy giới luật của nhà chùa, say mê tu luyện võ công gồm 72 tuyệt kỹ được gọi là Thất thập nhị huyền công. Hình bóng những chiếc tăng bào màu vàng, màu xám, màu nâu luôn luôn xuất hiện trong tác phẩm Kim Dung, từ Thiểm Tây tới Cam Túc, từ Vân Nam tới Triết Giang, từ Nhạn Môn Quan tới Sơn Hải Quan. Các nhà sư Thiếu Lâm không hiếu chiến, không đa sát, luôn luôn tôn trọng chữ Từ bi, mở đường phương tiện cho kẻ thù địch. Trong *Lục Mịch Thần Kiếm Truyện*, *Y Thiên Đồ Long Ký* hay *Tiểu Ngạo Giang Hồ*

Ký: giữa chốn đao kiếm hung hiểm, các nhà sư đạt đạo vẫn ung dung ngồi tọa thiền thuyết *Phap Hoa Kinh*, *Kim Cang Kinh*, *Niem Hoa Kinh*...

Trong tiểu thuyết của Kim Dung cũng có một hình thái Phật giáo khác được xem là bàng môn tả đạo. Đó là đạo Phật của các nhà sư Thiên Trúc, Thổ Phồn, Tây Tạng, Mông Cổ mang xuống Trung Quốc. Đó là giáo chủ Huyết đao môn của Mật tông Tây Tạng (trong *LiênThành Quyết*), Ba La Tinh và Triết La Tinh người Ấn Độ (trong *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*), Cưu Ma Trí (trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*). Do hạn chế của quan điểm dân tộc, Kim Dung đã xây dựng những nhân vật nhà sư ngoại nhập này như những người tàn ác, cũng ăn cắp võ công bí lục, hãm hiếp gái tơ, phá hoại nền hòa bình của Trung Hoa. Phái sư áo đỏ của Mật tông Tây Tạng bị Kim Dung xem nhẹ nhất. Trong *Lộc Đình Ký*, họ là những người âm mưu đánh vào Ngũ Đài Sơn để bắt vua Thuận Trị làm áp lực chính trị với Khang Hy. Những Lạt Ma cao cả của Tây Tạng như Đạt Lai Hoạt Phật, Ban Thiên Hoạt Phật và Tang Kết Hoạt Phật cũng bị Kim Dung xem là không đúng đắn.

Phái Võ Đang do Trương Tam Phong (Trương Quân Bảo) sáng lập, là một môn phái tiêu biểu của tư tưởng Lão Trang tức Đạo gia. Căn cứ trên chủ trương “vô vi thanh tịnh” của Đạo gia, phái Võ Đang là một võ phái “vô vi nhi vô bất vi” (không làm nhưng không có gì là không làm). Trong *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* và trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*; Kim Dung đã dành nhiều tình cảm đặc biệt cho các đạo gia của phái Võ Đang. Dưới ngòi bút của Kim Dung, những đạo sĩ hay đệ tử tục gia của Võ Đang là những con người luôn luôn hành hiệp trọng nghĩa, tế khốn phò nguy, yêu nước

nông nân. Một nhân vật tiêu biểu cho Đạo gia Võ Đang là Trương Tam Phong, được tác giả gọi một cách kính trọng là Chân nhân. Võ công Võ Đang đặt nền tảng trên nguyên lý âm dương, là một dạng võ công huyền môn chánh tông. Một số công phu của Võ Đang hiện còn được lưu truyền đến bây giờ như Thái cực quyền, Thái cực kiếm pháp, khinh công Thế vân tung. Nếu võ công Thiếu Lâm chú trọng dương cương, nhanh mạnh thì võ công Võ Đang chú trọng âm nhu, uyển chuyển thư thái. "*Nặng như Thái sơn nhưng cũng nhẹ như lông chim*" - đó là nguyên tắc luyện tập cơ bản của đệ tử Võ Đang.

Phái Nga My - do Quách Tường, con gái của Quách Tĩnh sáng lập - là một nhánh khác của Phật giáo Trung Quốc. Bản thân Quách Tường có ngoại hiệu là Tiểu Đông Tà nên dù lập ra một chính phái, cũng ăn chay niệm Phật và đệ tử chủ yếu là nữ ni xuất gia, phái Nga My vẫn mang một chút tà môn trong căn bản võ công. ***Ỗ Thiên Đồ Long Ký*** xây dựng một chương môn Diệt Tuyệt sư thái và chỉ cái tên thôi, ta đã hình dung ra được mức độ khốc liệt của bà chương môn này : diệt hết, không chừa một ai. Trong thực tế, Nga My là tên một ngôi chùa danh tiếng của Trung Quốc, hình thành gần 1.000 năm, là nơi tu hành của nhiều sư nữ đạo cao đức trọng.

Trong ***Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký***, Kim Dung xây dựng 5 môn phái chuyên sử kiếm, gọi là Ngũ nhạc kiếm phái, lấy tên theo 5 hòn núi : Tung Sơn, Thái Sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn, và Hằng Sơn. Trong 5 phái, chỉ có phái Hằng Sơn là theo Phật giáo, gồm toàn nữ ni cầm đầu, đệ tử có nữ ni, có cả tục gia. Vì toàn là nữ cho nên kiếm pháp Hằng Sơn khác hẳn kiếm pháp 4 phái kia, chiêu thức uyển chuyển, tư thế

mỹ lệ, ứng theo nguyên lý “miên lý tàng thâm” (trong cái gói bông có chứa cây kim nhọn): hễ kẻ địch đánh càng mạnh thì càng bị nguy hiểm nhiều.

Kim Dung xếp những môn phái trên đây vào “danh môn chính phái”. Nói đến danh môn chính phái tất phải nói đến bảng môn tả đạo. Vậy, bảng môn tả đạo trong tác phẩm của ông gồm những môn phái nào ?

Trước hết, người ta bắt gặp khái niệm Ma giáo được nhắc đi nhắc lại trong nhiều tác phẩm. Trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, chữ Ma giáo được nhiều hào khách giang hồ gán cho Minh giáo Trung Quốc, một chi nhánh của Bái hỏa giáo Ba Tư. Nguyên Bái hỏa giáo Ba Tư phát tích từ Ba Tư (Perse), thờ ngọn lửa thánh. Tên gọi của đạo này phiên âm ra Quan thoại là Ni Na giáo, rồi từ âm Na, người Trung Quốc gọi luôn ra âm Ma, thành ra Ma giáo. Sử Trung Quốc chép vào thời Võ Hậu nhà Đường, người Ba Tư là Hốt Đa Đán đã cầm quyền *Tam Tôn Kinh* từ Ba Tư đi về Trung Quốc và đến triều kiến Võ Hậu. Trong tác phẩm *Minh Giáo Lưu Truyền Trung Thổ Ký* của Dương Tiêu, một hệ pháp giáo vương của Minh giáo, thì ngày Minh giáo truyền vào Trung Quốc được xác định là 22 tháng 6 Đường Đại Lịch tam niên.. Nhà Đường thấy Bái hỏa giáo là một tôn giáo đúng đắn, lại có kinh điển tư tưởng hẳn hoi nên cho phép Bái hỏa giáo lập chùa, quy tụ tín đồ. Kinh đô Lạc Dương có ngôi chùa Bái hỏa giáo đầu tiên, gọi là Đại Văn Quang Minh Tự; sau đó chùa được xây dựng nhiều thêm ở Thái Nguyên, Hồng Châu, Kim Châu, Việt Châu. Năm thứ ba đời Hậu Xương, nghe lời sàm tấu của một số quan lại, nhà vua ra lệnh giết hại những tín đồ Minh giáo. Minh giáo phải rút vào bí mật. Trong cuộc chiến đấu gian nan, người Minh giáo

văn ăn chay, cữ rượu và một lòng thờ phượng thánh Minh Tôn. Từ đó, Minh giáo đứng hẳn về phía dân nghèo, khởi nghĩa chống những thế lực phong kiến. Vào thời vua Tuyên Hòa (Bắc Tống), giáo chủ Phương Liệt khởi nghĩa chống bọn tham quan ở Việt Châu, tên tuổi nổi ngang hàng với Tống Giang. Vào thời vua Kiến Điện, Vương Tôn Thạch lãnh đạo tín đồ và nông dân, trí thức khởi nghĩa tại Tín Châu; Dư Ngũ Bà khởi nghĩa ở Từ Châu (Thiệu Hưng); Trương Tam Thương khởi nghĩa ở Quảng Đông. Khi quân Nguyên xâm lăng Trung Quốc, tín đồ Minh giáo tập trung lên Quang Minh Đình vùng sa mạc Gobi, lập tổng dân khởi nghĩa kháng Nguyên. Đệ tử Minh giáo là Chu Nguyên Chương thống lĩnh đại binh về Hồ Bắc, chiếm được vùng đất rộng, đánh ra Hoài Tử, đuổi được quân Nguyên. Chu Nguyên Chương lên ngôi, nhớ mình là đệ tử Minh giáo nên đặt đế hiệu là Minh Thành Tổ. Từ đó, nhà Minh ra đời.

Như vậy, Minh giáo không phải là bàng môn tả đạo mà là một môn phái yêu nước, sẵn sàng xả thân vì đại nghĩa. Những nhân vật Trương Vô Kỵ, Vi Nhất Tiểu, Hân Thiên Chính ... là những nhân vật của tiểu thuyết. Nhưng Chu Nguyên Chương, Từ Đạt, Thường Ngộ Xuân, Dương Tiêu lãnh đạo tín đồ Minh giáo là những anh hùng có thật trong lịch sử Trung Quốc. Trong *Ý Thiên Đồ Long Ký*, ta còn gặp một tà giáo khác là Bạch mi giáo. Bạch mi giáo hoạt động trên vùng sông Trường Giang, thờ hàng lông mày trắng, thủ đoạn rất tàn độc. Nhưng trong cuộc khởi nghĩa kháng Nguyên, anh hùng Bạch mi giáo đã về quy thuận dưới trướng Minh giáo, trở thành những con người có công, xa hẳn những chủ trương tàn độc cũ.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ*, Ma giáo cũng được nhắc đến với tên gọi là Triều dương thần giáo. Đây là một giáo phái tưởng tượng do Kim Dung đặt ra, hành động rất tàn độc, có một lối nhìn vô tiền khoáng hậu. Giáo chủ của Triều dương thần giáo được xưng là “Thánh giáo chủ”. Trong *Lộc Đình Kỳ*, cũng có một giáo phái tương tự là Thần long giáo. Giáo phái này thờ rắn (địa long) và từ địa long, người ta tôn xưng thành thần long. Thần long giáo kết hợp với Nga La Tư, định dâng 3 tỉnh miền Đông Bắc Trung Quốc cho Nga và để đổi lại, người Nga giúp họ đem binh chống lại triều đình nhà Thanh do Khang Hy lãnh đạo.

Nếu trong các phái, phái Thiếu Lâm đứng đầu thì bên các bang hội, Cái bang là bang tiêu biểu. Trong truyện võ hiệp Kim Dung, hình ảnh quần hùng Cái bang luôn luôn hiện diện bên cạnh các nhà sư Thiếu Lâm. 11 tác phẩm của Kim Dung đã dành nhiều chương hồi nói về Cái bang, bang quy tụ những người ăn mày nhưng giàu lòng yêu nước, chuyên hành hiệp trượng nghĩa, tế khốn phù nguy. Tác phẩm Kim Dung đã để lại cho đời những huyền thoại đẹp về các bang chúa Cái bang như Hồng Thất Công (*Võ Lâm Ngũ Bá và Xạ Diêu Anh Hùng Truyện*), Hoàng Dung (*Thần Điêu Hiệp Lữ*), Tiêu Phong (*Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*). Bạn đọc tiểu thuyết võ hiệp có thể nhận ra được tâm lòng ưu ái của tác giả dành cho giới ăn mày khổ rách áo ôm, đầu đường xó chợ. Các nhân vật Cái bang ăn nói đơn giản, đi xin nhưng không bao giờ ăn cắp, hành động tinh tế và tư duy bén nhạy như bất kỳ một con người có học nào. Cái bang xuất hiện trong tiểu thuyết Kim Dung với thứ bậc hần hoi: một túi là mới gia nhập, tám túi là lên trưởng lão, có bài ca *Liên Hoa Lạc* (Hoa sen rụng) làm dấu hiệu liên kết tấn công kẻ địch, có Đá cầu trần vây hãm kẻ địch, có Đá cầu

bông pháp làm bảo vật trấn bang. Trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, Kim Dung có đề cập đến hai chi của Cái bang : chi Ô y (áo dơ) và chi Thanh y (áo sạch). Những trưởng lão của Thanh y cũng đeo nhân vàng, ăn mặc xa hoa như phú thương, dùng tiền như nước. Thuyết này nghe rất mới lạ.

Trong tiểu thuyết Kim Dung, có một số bang khác cũng được nhắc đến như Thần Nông bang, Cự kinh bang, Mao sơn bang, Hải sa bang ... Đại để, đây là những bang nhỏ, cát cứ ở một vùng nhất định, có những hoạt động đi ra ngoài sự kiểm soát của chính quyền phong kiến địa phương và hành vi của họ thường là hành vi tàn ác. Trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**, Thần Nông bang là một bang chuyên dùng thuốc độc, cát cứ vùng núi Vô Lượng. Trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, Cự kinh bang; Hải sa bang và Mao sơn bang là 3 bang hoạt động trên vùng sông biển, hành vi cơ bản là giết người cướp của. Cự kinh bang cát cứ sông Trường Giang, Hải sa bang cát cứ vùng Quảng Tây, Mao sơn bang cát cứ vùng Thiểm Bắc. Tuy nhiên, những hành vi tàn độc của 3 bang này không qua mặt nổi mặt bọn Bạch mi giáo !

Đặc biệt, trong 11 bộ tiểu thuyết, Kim Dung chỉ đề cập đến 1 hội. Đó là Thiên địa hội, một tổ chức chính trị - quân sự có tầm ảnh hưởng lớn, có tổ chức quy mô gồm toàn người Hán, hoạt động chống lại triều đình Khang Hy. Thiên địa hội là một tổ chức có thật do Trần Cận Nam tức Trần Vinh Hoa làm Tổng đàn chủ, đóng tại Đài Loan, thế lực bành trướng ra khắp 12 tỉnh thành Trung Quốc. Trần Cận Nam là một nhân vật có thật, làm quân sư cho Trịnh Thành Công, người cầm đầu đảo Đài Loan, chống lại triều đình Khang Hy. Trần Cận Nam vốn là một nhà văn làm chính trị nhưng khi xây dựng ông thành nhân vật tiểu thuyết, Kim Dung đã

tạo nên một Trần Cận Nam văn võ toàn tài, đầy đủ bản lĩnh, điều hành một cách khoa học những hoạt động quân sự và tình báo gián điệp nhằm chống lại người Mãn Châu. Hoạt động quân sự và tình báo của Thiên địa hội trong lịch sử triều Thanh là có thực. Nhưng tài trí của Khang Hy và những tư duy chiến lược của ông vua Mãn Châu này dù sức vô hiệu hóa các lực lượng thù địch trong đó có lực lượng Thiên địa hội. Trần Cận Nam bị con thứ của Đài Loan vương Trịnh Thành Công là Trịnh Khắc Sản giết vì nghi kỵ ông có lòng phản nghịch. Tổ chức Thiên địa hội tan rã, lớp bị triều đình Khang Hy bắt, lớp bỏ trốn tha phương mai danh ẩn tích. Tuy nhiên, Thiên địa hội đã để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng người đọc **Lộc Đình Ký** bởi vì họ là tổ chức tiêu biểu cho lực lượng yêu nước phản Thanh phục Minh, giấc mơ lớn của mọi người Trung Quốc trong thế kỷ 17. Chính từ những hoạt động của Thiên địa hội mà một số hội đoàn chính trị chống nhà Thanh sau này cũng mô phỏng cách hoạt động ấy. Một thí dụ cụ thể là Hồng hoa hội, hoạt động chống lại triều vua Hàm Phong.

Một cách khái quát, khi xây dựng những tôn giáo, môn phái, bang hội trong truyện võ hiệp, Kim Dung đã hé mở cho ta thấy sự tôn trọng quan điểm “tam giáo đồng nguyên” của ông. Phật giáo có Thiếu Lâm, Nga My, Hằng Sơn. Đạo giáo theo tư duy Lão Trang có Võ Đang, Tiêu Dao, Thiên Sơn. Nho giáo có Thiên địa hội, một tổ chức nhập thế và nhập thể. Tác giả Kim Dung cũng đồng thời tôn trọng những tư tưởng tôn giáo ngoại nhập. Ngoài tình cảm dành cho Bái hỏa giáo Ba Tư, Ông còn nhắc tới Hồi giáo (trong **Độc Bá Quân Hùng**), Thiên Chúa giáo (thông qua 2 nhân vật người Tây dương là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng trong **Lộc Đình Ký**) với những tình cảm chân thật, nhận định

trung thực về bản chất lương thiện của các tôn giáo. Ông cũng tỏ ra tôn trọng những tình cảm khác của dân tộc Trung Quốc khi đưa ra một số bang phái khác dù hoạt động của họ khi tà khi chính, chẳng đứng hẳn về một hệ tư tưởng nào như các phái Lao Sơn, Không Động, Thanh Thành ...

Tất cả các tôn giáo, bang hội được xây dựng trong tác phẩm Kim Dung đều có người tà, kẻ chánh, người xấu, kẻ tốt. Có người đưa ra luận điểm cho rằng Kim Dung muốn dung hòa, trộn lẫn hai thái cực của chính và tà, của thiện và ác. Tôi cho rằng đó là một nhận định mang tính võ đoán. Thực ra, tác giả Kim Dung đi tìm cái Thiện trong cái Ác, đi tìm người chính nhân quân tử trong cái dư luận về tiểu nhân đê tiện, đi tìm chất ngọc con người trong mớ hỗn độn của xã hội lẫn lộn trắng đen. Và ông đã tìm thấy, đã phân biệt cho chúng ta thấy. Những nhân vật đức cao trọng vọng như Nhạc Bất Quần, như Cam Lâm Huệ thất tình Thang Bái, như Thích Trường Phát, như Vạn Khuê của cái gọi là chính phái là những kẻ thủ đoạn, lưu manh và tất yếu phải nhận sự trừng phạt. Những con người xuất thân từ bàng môn tả đạo, từ tà phái như Diên Bá Quang, Bất Giới, Tổ Thiên Thu, Lão Đầu Tử, Trương Tam, Lý Tứ, ... là những chính nhân quân tử, những con người trung thực. Hành động phân biệt chính tà không thể bị lẫn lộn với hành động dung hòa chính tà. Tác giả muốn cho chúng ta hiểu rõ hơn về chính và tà và đừng nhận định chính tà, thiện ác theo những quan điểm đơn điệu, công thức.

Đọc Kim Dung, ta thấy được một hiện tượng sinh động của xã hội phong kiến Trung Quốc từ thế kỷ 17 trở về trước : sự cát cứ của các thế lực chính trị và quân sự giữa lòng xã hội phong kiến. Gần như bang phái nào cũng đứng ngoài

vòng pháp luật, kể cả chùa Thiếu Lâm ! Họ có cách thực hiện công lý riêng của họ : dùng võ công để tế khốn phò nguy, giải quyết việc đời, thực hiện công bằng xã hội trước làn dao mũi kiếm. Họ không hề tôn trọng chính quyền phong kiến. Trên cái nhìn này, ta có thể thấy được truyện Kim Dung như là một bản điều tra xã hội học về xã hội Trung Quốc cũ. Có thể nói chính những bất công của cuộc đời đã “đặt hàng” cho võ học phát triển, cho những bang phái ra đời để thực hiện một thứ “luật” khác : luật giang hồ.

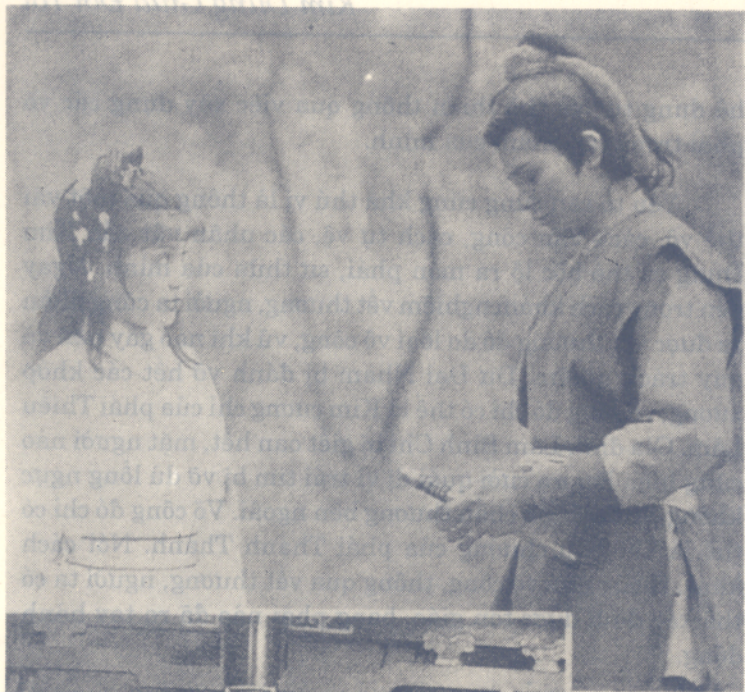
Khi nghiên cứu về những tư tưởng trong triết học Đông phương, người ta mới chỉ ngừng lại ở phạm trù lý thuyết. Và chẳng tư tưởng triết học là cái gì hết sức trừu tượng. Nhưng khi đọc tác phẩm võ hiệp, thông qua các tôn giáo được đề cập đến, người ta rất dễ nhận ra các lý thuyết trừu tượng đó đã đã được cụ thể hóa qua phạm trù thực hành. Nói chuyện *Kim Cương Kinh* chưa chắc ta đã tâm đắc. Nhưng từ *Kim Cương Kinh*, đã được các nhà sư Thiếu Lâm luyện thành *Kim cương chỉ*, có kinh lực tan bia vỡ đá, có thể dùng ngón tay viết chữ và vẽ bàn cờ lên đá được thì người ta vẫn dễ lý hội khái niệm “kim cương” hơn. Cũng thế, thật khó hình dung ra khái niệm “Tiêu Dao Du” trong tác phẩm *Nam Hoa Kinh* đã được hình tượng hóa thành nhân vật Vô Nhai Tử, chương môn phái Tiêu Dao, giỏi đánh cờ, đánh đàn, võ nghệ, y thuật địa lý, lại có thuật “trụ nhan” làm khuôn mặt tươi vui trẻ mãi không già, sống giữa đời hiện thực với một trái tim lãng mạn, lấy chuyện vui chơi năm hồ, bốn biển làm vui, không hề lụy đến cuộc đời thì người ta biết ngay “Tiêu dao” là gì. Nói cách khác, Kim Dung đã chuyển một hệ thống tư tưởng triết học lý thuyết sang hệ thống triết học thực hành, một dạng triết học Đông phương gần gũi với mọi người, mọi trình độ nhưng không

hề dung tục và thô thiển thông qua việc xây dựng các võ phái trong tác phẩm của mình.

Yếu tố sau cùng cũng khá thú vị là thông qua một vài thể võ, cách vận công, cách tự vệ, các nhân vật của Kim Dung có thể bộc lộ ra môn phái, sư thừa của mình. Ngay đến trong cách khám nghiệm vết thương, người ta cũng nhận ra được vết thương đó do loại võ công, vũ khí nào gây nên và quy trách nhiệm. Dư Đại Nham bị đánh vỡ hết các khớp xương; võ công đó chỉ có thể là Kim cương chỉ của phái Thiếu Lâm. Gia đình Lâm Bình Chi bị giết oan hết, mặt người nào cũng hiện lên nụ cười quái dị vì trái tim bị vỡ dù lồng ngực không có dấu hiệu chấn thương bên ngoài. Võ công đó chỉ có thể là Tội tâm chương của phái Thanh Thành. Nói cách khác, thông qua võ công, thông qua vết thương, người ta có thể xác định được tôn giáo, bang phái nào đã ra tay hành động.

Chính trên những chi tiết thú vị như thế mà truyện kiếm hiệp của Kim Dung vượt xa các tác giả đương đại về mặt trí thức. Và cũng chính nhờ những chi tiết đó, người đọc kiếm hiệp có thể phân biệt được chính tác của Kim Dung với một ngụỵ tác của một người nào đó, cũng ký tên là Kim Dung !





Xạ Diêu Anh Hùng Truyện, 1984

Hoàng Nhật Hoa vai Quách Tĩnh

Ông Mỹ Linh vai Hoàng Dung

Chương 17

***“Thời trang”
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung***

Thời trang là khái niệm xuất hiện trong thời đại của chúng ta. Trong xã hội phong kiến Trung Quốc ngày xưa không thể có khái niệm thời trang, đơn giản là vì thời ấy chưa hề có người mẫu với những kiểu áo quần mẫu được đưa lên sân khấu biểu diễn cho đông đảo quần chúng mô phỏng theo đó mà may mặc. Tuy nhiên, “ăn theo thuở, ở theo thời”, từ ngàn xưa, nhân loại đã biết cách ăn mặc để thích nghi môi trường sống; việc ăn mặc trở thành một nhu cầu phổ quát ở mọi nơi và vào mọi thời đối với mọi dân tộc. Tác phẩm tiểu thuyết Kim Dung cũng không thoát ra khỏi quy luật phổ quát đó. Căn cứ vào cách ông miêu tả cách ăn mặc của những nhân vật trong 11 bộ tiểu thuyết võ hiệp, ta có thể nhận định về khái niệm “thời trang” như là một thực tế có thật trong các tác phẩm đó.

Có những hình thái thời trang tập thể được nhà văn Kim Dung miêu tả sát với thực tế vì nó bắt nguồn từ những quy luật của các bang hội, tôn giáo, bang phái của võ lâm Trung Quốc. Đó là những hình thái thời trang mang tính bó buộc và tuyệt đối.

Trong ***Ỗ Thiên Đồ Long Ký***, Kim Dung miêu tả giáo chúng Minh giáo (Bái hỏa giáo - Pyrolatrie) luôn luôn mặc bộ áo dài trắng, ngực áo trái và tà áo bên phải có thêu một ngọn lửa đỏ. Ngọn lửa đỏ chính là Thánh hỏa, biểu tượng có từ Bái hỏa giáo Ba Tư. Khi đem đạo truyền sang đất Trung Quốc, Hốt Đa Đan đổi tên Bái hỏa giáo thành ra Minh giáo, gọi tên các chùa là Đại Vân Quang Minh Tự. Trong Hán văn, chữ Minh, gồm chữ Nhật kết hợp với chữ Nguyệt. Minh có nghĩa là sáng như mặt trời, mặt trăng và sáng là yếu tính của ngọn lửa. Chính vì thế mà một đệ tử của Minh giáo là Chu Nguyên Chương khởi nghĩa chống quân Nguyên thành công, lên ngôi lấy đế hiệu là Minh Thành Tổ, gọi triều đại của mình là nhà Minh.

Trong 11 bộ tiểu thuyết của Kim Dung thì đã có 10 bộ ông nhắc đến các vị sư chùa Thiếu Lâm, thuộc ngọn Tung Sơn, tỉnh Hồ Nam. “Thời trang” của các nhà sư rất dễ nhận ra : ngày lễ các vị đại sư tiên bối mặc tăng y đại hồng; ngày thường mặc cả sa màu vàng, những lớp đệ tử nhỏ hơn mặc tăng y màu xám hoặc nâu. Trong ***Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký***, có những đoạn Kim Dung đề cập đến phái Thanh Thành ở vùng Tứ Xuyên xuống Phúc Châu hoạt động. Họ mặc một màu áo xanh, và đặc biệt nhất là luôn luôn đội khăn trắng trên đầu. Kim Dung thật tinh tế khi đưa ra chiếc khăn trắng ở đây. Đất Tứ Xuyên nguyên thuộc về đất Thục của Lưu Bị thời Tam Quốc. Khổng Minh là quân sư của nhà Tây Hán, được nhân dân Ba Thục kính trọng như thần minh. Khi ông chết đi, cả một giải Ba Thục đều để tang. Tục lệ ấy kéo dài qua 17 thế kỷ và cho đến nay, người Tứ Xuyên ra đường vẫn còn quần khăn trắng !

Trong ***Lục Mạch Thần Kiếm Truyện***, Kim Dung nhắc tới quần nữ cung Linh Thứu, núi Phiêu Diêu. Đây là

vùng giáp giới sa mạc Qua Bích (Gobi). Họ mặc áo trường màu xanh lục, cười lạc đà. Lối trang phục đó giúp họ dễ nhận ra nhau trên sa mạc chỉ có một màu cát vàng mênh mông. Trong **Lộc Đình Kỳ**, ta lại gặp Thần long giáo. Một tà giáo vùng vịnh Cao Ly. Thần long giáo chia làm Ngũ kỳ (5 sắc cờ); mỗi kỳ có một màu áo riêng : Thanh long mặc áo xanh, Hắc long mặc áo đen, Xích long mặc áo đỏ, Bạch long mặc áo trắng và Hoàng long mặc áo vàng.

Nếu thời trang tập thể mang tính bó buộc, quy luật thì thời trang cá nhân lại hết sức linh hoạt, tự do, đặc biệt là ở những nhân vật nữ. Nhân vật nữ trung hảo kiệt của Kim Dung luôn luôn có nhu cầu làm đẹp và thậm chí, nhu cầu đó rất cao.

Có những nhân vật nữ chỉ thích một màu áo quần và màu sắc ấy làm nên tính cách độc đáo của từng người, khiến ta không thể lẫn người này với người khác. Trong **Thần Điêu Hiệp Lữ**, Tiểu Long Nữ chỉ mặc một màu toàn trắng. Võ công của cô học được từ phái Cổ Mộ là Ngọc nữ kiếm pháp, thuần về âm nhu. Cô lâm trận, đối địch với những kẻ thù hung bạo mà người ta cứ ngỡ là cô đang múa bởi màu áo trắng và những tư thức võ công nhuần nhuyễn, dịu dàng, mỹ lệ. Ngược lại Mộc Uyển Thanh trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyền** lại chỉ mặc một màu quần áo đen tuyền và bịt mặt cũng bằng khăn đen. Người cô tiết ra một mùi hương tự nhiên man mác như hoa mai cô (hoa hồng) nên giang hồ tôn xưng cô là Hương được xoa. Tuy gọi “được xoa” (xấu như quỷ sứ) nhưng thực sự, Mộc Uyển Thanh là một người đẹp trong những người đẹp nhất của **Lục Mạch Thần Kiếm Truyền**.

Khá nhiều trường hợp, màu áo quần của các nhân vật nữ làm thành tên gọi của nhân vật ấy. Trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**, Đoàn A Châu chỉ mặc một màu đỏ, Đoàn A Tử chỉ mặc một màu tía, A Bích chỉ mặc một màu xanh biếc, màu xanh của vùng sông nước Giang Nam. Trong **Lãnh Nguyệt Bảo Dao**, tiểu anh hùng Hồ Phi có một cô bạn gái 16 tuổi cực kỳ thông minh. Cô mặc màu áo tía, tự xưng họ Viên và Hồ Phi cứ gọi cô là Viên Tử Y (cô Viên áo tía). A Châu, A Tử, A Bích, Viên Tử Y từ màu sắc áo quần đã trở thành tên nhân vật.

Thời trang làm nên chức vụ, vai vế của nhân vật. Trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, có nhân vật Đại Ý Ty, cô gái Ba Tư xinh đẹp. Cô gia nhập Minh giáo Trung Quốc, lập được công lớn, đứng đầu tứ đại hộ giáo pháp vương của Minh giáo. Cô mặc áo tía nên được tôn xưng là Tử sam long vương (vua rồng áo tía). Lần lượt đứng sau cô là Thanh dục phúc vương (vua dơi cánh xanh), Bạch mi ưng vương (vua ó mây bạc) và Kim mao sư vương (vua sư tử lông vàng). Như vậy thứ tự ở đây là Tử, Thanh, Bạch, Kim. Chiếc áo tím của nàng Đại Ý Ty đã làm nên chức vụ.

Các nhân vật nữ của Kim Dung rất chú trọng việc chăm chút vẻ đẹp. Minh Minh Đặc Mục Nhĩ, cô gái Mông Cổ, nhập cư vào nước Tống, đổi Tống danh là Triệu Minh, luôn luôn xuất hiện trước người tình Trương Vô Kỵ với áo khoác ngoài cổ da điều, phía trong là trường bào bằng gấm. Triệu Minh là một kiểu mẫu phụ nữ lý tưởng với nhan sắc đẹp như hoa nở, trí thông minh mẫn tuệ cực kỳ và ứng xử mọi tình huống một cách nhanh nhạy. Đọc **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, không một độc giả nào có thể chê trách được Triệu Minh. Trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**, Kim Dung xây dựng một nhân vật nữ cực kỳ “hiện đại” so với cả ngàn nhân vật

nữ khác. Đó là Lam Phượng Hoàng, người dân tộc Miêu Cương vùng Vân Nam, giáo chủ của Ngũ độc giáo. Nghe tiếng chàng Lệnh Hồ Xung là người trai phong lưu, cô đã vượt mấy ngàn dặm từ Vân Nam về Hoàng Hà để tương kiến. Lam Phượng Hoàng mặc chiếc áo hoa sắc sỡ, mùi hương sực nức, dám ôm cổ Lệnh Hồ Xung hôn lên má trước mặt mọi người, dám vén váy mình lên đặt con đĩa vào hút máu mình để truyền máu vào cho Lệnh Hồ Xung. Hành động tự nhiên đó đã làm cho khách Giang Phi Hồng buồn tình mà tự vận.

Những người đẹp trong truyện võ hiệp Kim Dung không hề muốn lên sân khấu, chưa hề biết biểu diễn thời trang. Cá biệt, có một người muốn biểu diễn thời trang mà người đi dự không thêm để mắt đến, giận đời nên đã gây thành một vụ huyết án động trời. Đó là nàng Ôn Khang trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**. Ôn Khang là vợ của Mã Đại Nguyên. Mã Đại Nguyên là một anh hùng hảo hán, Phó bang chúa Cái bang của Kiều Phong. Trong vụ Bách hoa đại hội, Ôn Khang mặc bộ đồ lụa đẹp nhất, đứng bên cạnh châu thược dược. Người già, người trẻ đi ngang đó đều nhìn nàng, tim đập rộn ràng vì không ngờ có một phụ nữ đẹp như thế. Duy chỉ có một người không nhìn đến nàng. Đó là Kiều Phong. Giận vì nhan sắc của mình không được hâm mộ, Ôn Khang xúi chồng tố cáo Kiều Phong là người Khất Đan. Mã Đại Nguyên không nghe lời, Ôn Khang âm mưu cùng Bạch Thế Kinh giết chồng bằng một thế Tỏa hầu cầm nã thủ rồi vu cáo cho Kiều Phong đã giết chồng mình để bịt miệng. Quả nhiên, Kiều Phong mất ngôi Bang chúa Cái bang Trung Quốc. Sự trả thù của siêu người mẫu Ôn Khang quả thật siêu việt !

May mắn thay, đó chỉ là một trường hợp cá biệt. Nhan sắc của người đẹp trong truyện võ hiệp Kim Dung không bị đem ra bán đứng, tên tuổi của họ không bị đem ra kinh doanh, nhân phẩm của họ được tác giả bảo vệ cẩn mật. Trí thông minh, lòng tự trọng và nhan sắc trời ban cho họ đã giúp họ gặp được những chàng trai như ý, những mối tình tươi đẹp, trong sáng và chung thủy. Viên Tử Y với Hồ Phi, Hân Tố Tố với Trương Thúy Sơn, Trương Vô Kỵ với Triệu Minh, Lệnh Hồ Xung với Doanh Doanh, Tiểu Long Nữ với Dương Qua, Vương Ngọc Yến với Đoàn Dự ... là những lứa đôi thật đẹp. Ở một nghĩa hết sức biểu tượng, những lứa đôi đó góp phần làm nên khái niệm anh hùng và giai nhân, giấc mơ lý tưởng của văn học nghệ thuật ngày xưa và cả hôm nay.



Máy ảnh chụp đôi nam nữ này là một trường hợp cá biệt. Nhân



Quách Tĩnh (*Trương Trí Lâm*),

Hoàng Dung (*Chu Nhân*)

trong bộ *Xạ Địch Anh Hùng Truyện*

Chương 18

***Những
nhân vật quái dị
trong
tiểu thuyết võ hiệp
Kim Dung***

Khái niệm nhân vật quái dị không phải là khái niệm do chúng tôi tạo ra mà là một khái niệm nằm trong văn chương tiểu thuyết của Kim Dung tiên sinh. Văn chương của ông thường có các cụm từ “trông lão thật là quái dị” hoặc “khuôn mặt của gã thật là quái dị”. Tuy viết như thế nhưng khái niệm quái dị không ngừng lại ở chỗ mô tả ngoại hình, động tác. Khái niệm quái dị đi vào chiều sâu nhân cách của các nhân vật, chủ yếu đưa ra những cách sống, cách tư duy khác đời và lắm khi, đi ngược lại cái lẽ thường của cuộc sống.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ*, ta bắt gặp nhân vật quái dị tiêu biểu là Tiêu Tương dạ vũ Mạc Đại tiên sinh. Thân danh là chương môn của phái Hành Sơn, Mạc Đại luôn luôn ăn mặc rách rưới như một gã Cái bang, chơi một cây dao cầm (hồ cầm) cũ kỹ và miệng luôn hát bài *Tiểu Tương Dạ Vũ* (mưa đêm trên bến Tiêu Tương). Thế nhưng, trong đáy cây dao cầm của tiên sinh có dấu một cây kiếm

lưỡi mỏng như lá lúa, rất lợi hại. Mạc Đại được xưng tụng là “cầm trung tàng kiếm, kiếm phát cầm âm” (trong đàn có giấu một cây kiếm, và khi múa kiếm thì lại phát ra tiếng đàn). Khi tiên sinh rút kiếm ra khỏi cây đàn, vận công vào thân cây kiếm khiến kiếm khí phóng ra veo veo nơi đầu mũi. Với “Hành Sơn vân tụ thập tam thức”, chưa có một địch thủ nào thoát khỏi tay Mạc Đại tiên sinh. Trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**, Mạc Đại chỉ xuất hiện ra ba đoạn, cộng lại không quá mười trang sách nhưng đã gây được ấn tượng mạnh mẽ và chiếm được cảm tình nồng thắm nơi người đọc. Đoạn thứ nhất, Mạc Đại hiện ra đúng lúc, múa kiếm giết chết Đại tung dương thủ Phí Bân của phái Thái Sơn để cứu sư đệ của mình là Lưu Chính Phong cùng Khúc Dương (trưởng lão Ma giáo), Khúc Phi Yên (con gái của Khúc Dương), Lệnh Hồ Xung (đệ tử Hoa Sơn) và Nghi Lâm (đệ tử Hằng Sơn). Giết xong Phí Bân, tiên sinh dứt kiếm vào đàn, ung dung ra đi, giọng đàn dao cầm lại ngân lên khúc tình tang **Tiểu Tương Dạ Vũ**. Đoạn thứ hai, tiên sinh bất ngờ xuất hiện trong tửu quán dưới chân núi Hành Sơn, bất ngờ rút kiếm chém đứt tiện 9 chiếc chén chung trên bàn nhậu mà những giang hồ hảo thủ ngồi quanh không thể hiểu được tiên sinh đã rút kiếm ra và thu kiếm về lúc nào. Đoạn thứ ba, Mạc Đại hiện ra giữa đêm khuya bên bến sông Trường Giang, trách cứ Lệnh Hồ Xung là gã vong tình, không lo đi lên chùa Thiếu Lâm cứu người yêu mình là Nhậm Doanh Doanh mà cứ bo bo đi theo bảy nữ đệ tử của phái Hằng Sơn. Lời trách cứ của tiên sinh làm Lệnh Hồ Xung toát mồ hôi. Mạc Đại đã khoát tay hời Lệnh Hồ Xung ra đi và chính tiên sinh nhận nhiệm vụ bảo toàn cho bọn nữ ni Hằng Sơn về núi.

Con người quái dị ấy thoát ẩn thoát hiện, mang phong cách của một đạo gia Lão Trang, ung dung tiêu sái giữa

cuộc đời. Duy có tiếng đàn và điệu ca *Tiểu Tương Dạ Vũ* của tiên sinh luôn luôn trĩu nặng nỗi u buồn, chưa thoát khỏi vòng hệ lụy của cuộc sống, như dòng nước có đi mà không bao giờ có lại. Mạc Đại là hình ảnh tiêu biểu của một thứ trịch thiên bị đọa.

Tuy nhiên, trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, không phải chỉ có duy nhất nhân vật Mạc Đại là quái dị. Người ta còn tìm thấy được một gã Tổ Thiên Thu, con người đầy mình mưu kế, văn võ song toàn nhưng lại ăn mặc như một anh đồ nghèo kiết xác, đã ăn cắp Tục mệnh bát hoàn của người bạn thân là Lão Đầu Tử nhằm pha rượu cứu mạng Lệnh Hồ Xung. Người ta còn tìm thấy một gã Lão Đầu Tử lùn tịt như trái dưa, võ công cao cường, khi cười khi khóc, hợp cùng Tổ Thiên Thu thành ra cặp nhân vật Hoàng Hà Lão Tổ. Chính lão Đầu Tử rất căm hận Lệnh Hồ Xung đã “nuốt” mất 8 viên thuốc bửu bối nhằm cứu mạng con gái mình nhưng khi biết được Lệnh Hồ Xung là người tình của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh, lão đã tự vả má mình ra cho vệt máu vỡ da. Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, một nhân vật quái dị khác cũng gây ấn tượng không kém là Bình Nhứt Chỉ đại phu, nổi danh Sát nhân danh y, chuyên chẩn bệnh bằng một ngón tay (nhứt chỉ) và hề cứu một người là giết một người. Không cứu được Lệnh Hồ Xung, lão đã tự vận kinh mạch cho đứt tuyệt để bảo vệ ngoại hiệu Sát nhân danh y. Nhe đến bốn chữ Đông Phương Bất Bại (không bao giờ thua), người đọc cứ ngỡ đây là một vị anh hùng hảo hán. Không, gã giáo chủ này chỉ là một người lại cái, đã tự thiên bộ phận sinh dục của mình để luyện Quỷ Hoa Bảo Điển, đã quan hệ đồng tính luyện ái với một thủ hạ lân cận là Dương Liên Đình. Tuy nhiên, võ công của Đông Phương Bất Bại cực kỳ cao cường. Gã đã chống trả lại 4 kẻ đại địch là Nhậm Ngã

Hành, Nhậm Doanh Doanh, Lệnh Hồ Xung và Hường Vân Thiên chỉ với một mũi kim thêu ! Nhậm Doanh Doanh đã dùng đến một đòn phép tề hại nhất : hành hạ “người tình” Dương Liên Đình để phân tâm Đông Phương Bất Bại, giúp cha mình giết chết Đông Phương Bất Bại. Nhưng nhân vật quái dị được người đọc yêu mến nhất trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** vẫn là Phong Thanh Dương, sư thúc của Nhạc Bất Quần, phái Hoa Sơn. Phong Thanh Dương là đại biểu của phe kiếm tông (lấy kiếm làm chủ) trong khi Nhạc Bất Quần là đại biểu của phe khí tông (lấy nội công làm chủ). Chính Phong Thanh Dương đã mắng Nhạc Bất Quần là kẻ xuẩn tài (có tài mà ngu), biến những kẻ tài năng như đệ tử Lệnh Hồ Xung thành ra ngựa gỗ, trâu đá. Phong Thanh Dương truyền thụ cho Lệnh Hồ Xung 9 thế kiếm của Độc Cô Cầu Bại với một câu quyết duy nhất “sử kiếm liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trôi, nghĩ đến đâu là kiếm tới đó để chiếm tiên cơ, đẩy kẻ địch vào thế phải thủ”. Toàn bộ lý thuyết của Phong Thanh Dương là “lấy vô chiêu thắng hữu chiêu và lấy công làm thủ”. Lệnh Hồ Xung đã học được bài học quý giá đó từ thái sư thúc tổ, trở thành kẻ đối nghịch với sư phụ Nhạc Bất Quần, hạ Nhạc Bất Quần và môn *Tịch Tà Kiếm Phổ* của họ Nhạc, trở thành kiếm sĩ đệ nhất giang hồ. Phong Thanh Dương mình gầy như con hạc, sắc mặt điều linh tiêu tụy, chỉ xuất hiện hai lần mà danh tiếng của Phong đã làm quần hùng chấn động.

Nhân vật quái dị đến đâu cũng là con người nên vẫn mang theo những đặc điểm, yếu tính của con người. Thế nhưng, khác hơn con người nói chung, nhân vật quái dị suy nghĩ, sống và động theo ý mình và thông thường sự suy nghĩ, sống và hành động đó lại vượt ra những khuôn sáo bó buộc của lương tâm, luật pháp, đạo đức. Nó gây ra một sự

kinh ngạc và thậm chí, là sự kinh sợ cho người đọc. Một hình tượng tiêu biểu cho motif này là nàng Ôn thị, vợ của Phó bang chúa Cái bang Mã Đại Nguyên trong **Lục Mịch Thần Kiếm Truyện**. Tác giả Kim Dung chỉ để cho Ôn thị xuất hiện hai lần trong **Lục Mịch Thần Kiếm Truyện**. Lần thứ nhất với vẻ nhu mì và đau thương của một vị vong nhân (đàn bà mới góa chồng), lần thứ hai với toàn bộ phong cách dâm dăng và man rợ của một người mắc chứng cuồng dâm. Hai hình tượng đối lập trong một con người có nhan sắc tuyệt vời thật khiến cho người ta kinh sợ đến cả dựng tóc gáy lên.

Mọi chuyện bắt đầu từ Bách hoa đại hội, Ôn thị theo chồng là Mã Đại Nguyên, Phó bang chúa Cái bang, đi dự hội hoa xuân này. Nhan sắc tươi đẹp của người phụ nữ này đã làm cho hàng ngàn anh hùng hảo hán kinh ngạc, thán phục. Nhưng có một người không để ý tới tấm nhan sắc đó. Người đó là Bang chúa Cái bang Kiều Phong. Thật ra, Kiều Phong không hề coi thường vẻ đẹp phụ nữ; ông chỉ nghĩ rằng Ôn thị là vợ của thuộc hạ mình, cần phải giữ đúng lễ. Thế nhưng điều đó đã làm Ôn thị căm thù và lập tâm sẽ hại Kiều Phong để ông thân bại danh liệt. Nàng ta dựng lên một nghi án, cáo giác rằng chồng nàng biết Kiều Phong là giống giống man rợ Khiết Đan nên Kiều Phong đã giết chồng nàng để bịt miệng. Trong rừng hạnh ngoài thành Vô Tích, Ôn thị đã xuất hiện trong tư thế một người đàn bà đang chịu tang chồng, tiết lộ thân thế Khất Đan của Kiều Phong đã làm quân hùng Cái bang kinh tâm. Họ trở mặt khinh miệt ông, coi ông là kẻ thù. Kiều Phong phải đau đớn rồi bỏ chức vụ, ra đi.

Kiều Phong sẽ không bao giờ hiểu được động cơ nào đã đưa Ôn thị đến việc vu cáo mình giết Mã Đại Nguyên, người bạn mà ông rất yêu mến, nếu không có một đêm ông rượt theo dấu vết Đoàn Chính Thuần và tận mắt chứng kiến tấn kịch man rợ tại nhà Ôn thị. Hóa ra, Ôn thị là người tình cũ của Đoàn Chính Thuần; họ đã quan hệ thân xác với nhau và trong cơn say đắm Đoàn Chính Thuần đã thề rằng nếu ông phụ Ôn thị, thân thể sẽ bị lóc thành từng miếng thịt. Gặp lại Đoàn Chính Thuần, Ôn thị vui vẻ mở tiệc rượu cùng Đoàn Chính Thuần ăn uống đùa giỡn rồi bỏ thuốc mê vào rượu đầu độc Đoàn Chính Thuần. Ôn thị trối Đoàn Chính Thuần lại, nhắc lại lời thề xưa và há miệng cắn từng miếng thịt của tình lang ! Chính trong dịp này, Ôn thị đã tiết lộ cho Đoàn Chính Thuần biết rằng mẹ đã hãm hại Kiều Phong; rằng người giết Mã Đại Nguyên - chồng mẹ - không ai khác hơn là Bạch Thế Kinh, chấp pháp trưởng lão Cái bang và là một tình lang khác của mẹ; và rằng Bạch Thế Kinh đã nhại theo chiêu thức Tỏa hâu cầm nã thủ của Kiều Phong để bóp nát yết hầu Mã Đại Nguyên, dễ dàng thực hiện âm mưu vu cáo !

Ôn thị là một nhân vật nữ vô cùng quái dị trong suốt 11 bộ kiếm hiệp tiểu thuyết Kim Dung. Trong văn học thế giới, chưa thấy có một nhân vật nữ nào đáng nể như nàng Ôn thị. Phải chăng, đó chỉ là sản phẩm thuần túy hư cấu của trí tưởng tượng, trên đời này không hề có một phụ nữ như vậy ?

Nhưng **Lục Mạch Thần Kiếm Truyền** không chỉ có Ôn thị mà còn có Trấn Nam vương phi Thư Bạch Phụng, vợ chánh thất của Đoàn Chính Thuần, cũng quái dị không kém. Thân danh là Vương phi của nước Đại Lý, Thư Bạch Phụng

đã khám phá ra chồng mình ngoại tình với nhiều phụ nữ khác. Vậy là bà ta trả thù và cách trả thù cũng khá độc đáo : cho một gã ăn xin rách rưới, hôi hám ăn nằm với mình. Lần ăn nằm đó đã sinh ra một anh thể tử bảnh trai, một nhà nho trẻ lãng mạn, si tình. Đó là Đoàn Dự. Gã ăn mày dơ bẩn đó là ai ? Chính là Đoàn Diên Khánh, nhân vật đại biểu của hoàng gia nước Đại Lý, tranh chấp ngai vàng không được, đã để quyền lực cầm đầu nước Đại Lý lọt vào tay Đoàn Chính Minh, anh ruột của Đoàn Chính Thuần. Kim Dung để cho Đoàn Dự lưu lạc giang hồ, yêu một lúc ba cô gái Mộc Uyển Thanh, Chung Linh, Vương Ngọc Yến; toàn là những người con tư sinh của Đoàn Chính Thuần. Cho đến khi chàng trai tuyệt vọng vì khám phá ra rằng mình đang yêu những cô em cùng cha khác mẹ thì Trần Nam Vương phi mới kể tai con mà tiết lộ rằng chàng không phải là con của Đoàn Chính Thuần mà là con của Đoàn Diên Khánh ! Một bà vương phi có ngoại hiệu là Ngọc diện Quan Âm mà lãng mạn và liều mạng đến thế thì thôi !

Nhân vật quái dị tuy sống rất khác đời nhưng lại sống rất người. Đối với họ, cái vô luân lý, đạo đức của đạo Nho không cứng lắm, có thể phá vỡ để thoát ra được để sống đúng như lòng mình muốn sống. Trong **Xạ Đâu Anh Hùng Truyện**, bất kỳ người anh hùng hào kiệt nào cũng lên án mối tình Tiểu Long Nữ - Dương Qua vì nàng Tiểu Long Nữ là sư phụ mà chàng Dương Qua là đồ đệ. Nho học và cả vô học Trung Quốc chưa hề cho phép một đứa học trò trai được yêu và lấy cô giáo của mình. Kim Dung lãng mạn và cách mạng hơn : ông cho phép họ thương yêu nhau và vượt xa hơn một chút, ông cứ để cho Tiểu Long Nữ mất trinh vì một gã đệ tử hạng bét của phái Toàn Chân. Mất trinh thì mất, Dương Qua chỉ biết yêu cô giáo của mình là Tiểu Long Nữ

và ngược lại, trong đôi mắt của Tiểu Long Nữ chỉ có chàng Dương Qua mà thôi. Họ dắt tay nhau đi đâu khi thành Tương Dương bị quân Mông Cổ bao vây ? Chính tác giả cũng không biết điều đó. Tình yêu đã đưa họ đi thật xa, xa loài người, xa cuộc đời. Tiểu Long Nữ bỏ đi và Dương Qua tìm kiếm. Và rồi cô bé Quách Tương cũng bỏ đi tìm Dương Qua.

Có thể kể ra hàng trăm nhân vật quái dị trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Họ tạo ra đặc điểm riêng cho tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, tạo nên “phong cách quái dị” độc đáo đến nỗi, khi cầm lên một tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp in bằng tiếng Quan thoại cũng ký tên tác giả Kim Dung mà chẳng có “phong cách quái dị” này, ta có thể nói ngay đó là tác phẩm ngụy tạo (ngụy tác).

Vấn là người. Tư Mã Thiên đau niềm đau của kẻ sĩ bị cung hình, ráng sống để viết nên bộ *Sử Ký* đồ sộ, trở thành viên pháp quan toàn quyền phê phán lịch sử một cách nghiêm khắc và nghiêm túc. Khuất Bình đau niềm đau của kẻ cô trung bị phụ bạc mà viết lên *Ly Tao* rồi tìm cái chết trên dòng sông Mịch La, để lại cho đời những câu phú ngậm ngùi khôn tả. Lỗ Tấn sinh ra và lớn lên trong giai đoạn lịch sử đau thương nhất của Trung Quốc, không thể khóc nổi nữa đành phải đi tìm nụ cười ra nước mắt trong *A. Q. Chính Truyện*. Kim Dung xuất thân từ một gia đình có ông nội làm quan dưới triều vua Quang Tự, đã lớn lên và từ bỏ Hoa lục ra đảo Đài Loan, đã chứng kiến được những tác hại của tư duy giáo điều và chủ nghĩa công thức sơ lược nên ông đã làm người lợi ngược dòng nước. Phương pháp luận của triết học là đưa ra một chính đề, phản biện lại thành một phản đề để đi đến một hợp đề khả dĩ chấp nhận. Qua những nhân vật quái dị, Kim Dung đã đưa ra những phản đề và phản

hợp đề được ông giao lại cho người đọc, để người đọc tự nhận ra.

Rõ ràng là anh hùng - tiểu nhân, chính phái - tà phái, trình tiết - bất trình, kiếm tông - khí tông; vương đạo - bá đạo, cao quý - đê tiện, ôn nhu - thâm dăng ... là những mặt đối lập khốc liệt. Nào ai đúng, nào ai sai ? Người đọc hãy tự lý giải. Kim Dung chỉ dẫn dò chúng ta : thấy như vậy nhưng không hẳn là như vậy. Thế thôi.



Chương 19

***Bọn hào sĩ
giang hồ ăn tết***

Khái niệm “hào sĩ giang hồ” là một khái niệm khá đặc biệt mà người ta chỉ tìm thấy trong những tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung. *Hán - Việt Từ Điển* của Đào Duy Anh định nghĩa hào sĩ là “những người có thể mạnh hơn người”. Trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung, từ “giang hồ” (sông hồ) mang một ý nghĩa hết sức tượng trưng để chỉ những cuộc đời lênh đênh, trôi giạt; những con người chuyên sống bằng đường đao mũi kiếm, đứng trên và đứng ngoài quy định vương pháp của các triều đại phong kiến Trung Quốc. Họ hình thành một *giới* : giới võ lâm. Tính theo âm lịch, người Trung Quốc ăn 12 cái tết (tiết) trong năm : Nguyên đán (1 tháng giêng), Khai hạ (7 tháng giêng), Nguyên tiêu (15 tháng giêng), Hàn thực (3 tháng ba, Thanh minh tháng ba), Đoan ngũ (5 tháng năm), Trung nguyên (15 tháng bảy), Trung thu (15 tháng tám), Trùng cửu (Trùng dương - 9 tháng chín), Trùng thập (10 tháng mười), Hạ nguyên (15 tháng mười), Táo quân (23 tháng chạp). Bọn hào sĩ giang hồ vốn là những hán tử thô hào, bông bột, lãng mạn - nói theo ngôn ngữ Kim Dung, cũng “ăn tết” quanh năm.

"Gió xuân đầm ấm
Ngân liễu xanh tươi
Hoa phở sắc thắm
Hương nức lòng người

Tiết trời vào buổi *đương xuân*, ánh dương quang sáng *lặn khắp miền Nam*". Đoạn văn ngắn trên đây của Kim Dung, bản dịch của Hàn Giang Nhân, mở đầu cho tác phẩm **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**, với những nét phác rất đơn giản, giới thiệu cho chúng ta thấy khung cảnh mùa xuân ở Phúc Châu, tỉnh Phúc Kiến, miền Nam Trung Quốc. Trong khung cảnh đó, chàng trai Lâm Bình Chi của Phước Oai tiêu cực cao hứng dẫn một bọn tiêu sư đi sẵn rồi vào quán bên đường uống rượu, gây ra cuộc ẩu đả với bọn phái Thanh Thành để rồi vướng vào những cuộc đấu tranh đẫm máu trong suốt chiều dài cuốn truyện.

Ăn tết không gì vui bằng rượu. Rượu của Trung Quốc vốn rất phong phú về nguyên vật liệu, về cách chưng cất và về tên gọi : Thiệu Hưng Trạng nguyên hồng, Thiệu Hưng Nữ nhi hồng, Trúc điệp thanh, Mai quế lộ, Bách thảo mỹ tửu, Hân nhi tửu, Bồ đào tửu, Cao lương tửu, Ngũ tiên tửu, Phần Dương tửu... kể cả Phục đặc gia tửu (rượu Vodka). Bọn hào sĩ giang hồ cứ thế mà uống, uống xong rồi tuốt kiếm giương đao nói chuyện phải quấy với nhau. Lệnh Hồ Xung và Điền Bá Quang trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**, đấu với nhau trí mạng trên Túy tiên lâu ngoại thành Hành Sơn để rồi trở thành bạn của nhau cũng là qua chén rượu. Biết Lệnh Hồ Xung quý rượu hơn tính mạng, bọn hào sĩ giang hồ các bang, các đảo, các động tổ chức cuộc họp mặt ăn tết trên gò Ngũ Bá Cương để lấy lòng chàng và lấy lòng Nhậm Doanh Doanh, ý trung nhân của chàng. Ngũ Bá Cương thuộc về hạ lưu sông Hoàng Hà, giáp giới Hạ Trạch,

Định Đào; phía Tây tới địa giới tỉnh Hà Nam, là nơi thuận tiện cho quân hùng 4 châu Tề, Lê, Dự, Ngạc tụ hội. Bọn hào sĩ giang hồ 4 châu ăn cắp thuốc và bắt thầy thuốc về chữa bệnh cho Lệnh Hồ Xung; mang theo những bò khô, bò quay (?), đùi gà và cả chục loại rượu đủ cho 3000 người ăn để tiếp đãi chàng. Tất cả chỉ nhằm một mục đích : được bái yết tôn dung Lệnh Hồ Xung. Họ “*ăn mặc kỳ dị, mặt mày dữ tợn*”, chuyên ăn những miếng thịt to, uống những bát rượu lớn, tương đầu chẳng biết sợ trời sợ đất là gì. Thế nhưng, nghe tiếng đàn tinh tang của Thánh cô Nhậm Doanh Doanh nổi lên, cả 3000 con người vứt chén bỏ tô hề nhau trốn sạch !

Gần như cuộc sống của giới võ lâm trong tác phẩm tiểu thuyết Kim Dung chẳng thấy ai làm nghề nghiệp gì, nhưng họ lại có vàng, có bạc quanh năm ăn uống no say. Khi Doanh Doanh ban lệnh buộc bọn hào sĩ giang hồ phải tìm cách giết Lệnh Hồ Xung thì bọn Lão Đầu Tử, Tổ Thiên Thu và Kê Vô Khả Thi vẫn tuân lệnh. Nhưng vốn đầu kiếm không lại Lệnh Hồ Xung, cả bọn 40 người nguyện dùng rượu ngon đổ cho Lệnh Hồ Xung say đến chết ! Họ lý luận : “*Cái đó kêu bằng dùng sức không được thì dùng trí*” (?). Rồi từ 40 người, họ về bè kết phái lên đến 2000 người, bầu Lệnh Hồ Xung làm Minh chủ, trống rong cờ mở tiến lên chùa Thiếu Lâm vào rằm tháng chạp để giải cứu Nhậm Doanh Doanh. Đi đến bất kỳ nơi đây, bọn hào sĩ giang hồ cũng “*ăn tết*” thủng nỗi trôi rề tới đó.

Có lẽ căn bệnh ăn nhiều uống lắm là căn bệnh phổ quát của con người. Biết làm sao được ? Cuộc sống ngắn ngủi có 100 năm, lại sẵn rượu ngon nhắm tốt, không uống không ăn hóa ra cô phụ tấm lòng của cuộc đời dành cho mình lắm sao ? Bọn hào sĩ giang hồ của Kim Dung lại là những nhân vật tự nhiên chủ nghĩa, hề có là ăn là uống ý

xèo như ngày tết, không cần biết thức đó do ai làm ra và làm cho ai. Trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyền**, có một đoạn tao ngộ khá vui : bọn Tần gia trại ở Hà Sóc vô tình chạm mặt bọn phái Thanh Thành ở Tứ Xuyên trong Thính hương tịnh xá của Đoàn A Châu tại Giang Nam. Mục đích chung của họ là tìm Mộ Dung Phục để trả thù. Trong khi, bọn đệ tử Thanh Thành ăn chay, ngồi tro như gỗ đá thì bọn Tần gia trại lại nhậu nhẹt tưng bừng. Chúng lấy hết những rượu hoa nhài, Mai quế lộ, Mai hoa lộ do A Châu chưng cất ra uống; lại buộc lão Cổ - đầu bếp của A Châu phải xào nấu thức nhắm cho chúng thưởng thức. Để trả thù, lão Cổ vừa nấu nướng vừa xi mũi, khạc nhổ đờm rãi vào thức ăn, “phục vụ” cho chúng vị anh hùng Tần gia trại !

Nếu hình thái ăn tết tập thể có vẻ lúi xùi, lộn xộn thì hình thái ăn tết cá nhân lại có vẻ dàng hoàng, trật tự hơn. Chúng ta có thể tìm gặp trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyền** hình ảnh của một người ngồi nhậu trên Tùng hạc lâu, thành Vô Tích, đất Giang Nam : “*Một đại hán ngồi đầu mề tây, hai mắt sáng như điện, thân thể cao lớn, trạc ngoài 30 tuổi, phục sức có vẻ sơ sài mộc mạc, mặt vuông chữ điền, tướng mạo không tuấn tú nhưng oai phong lẫm liệt*”. Đó là Kiều Phong, bang chúa Cái bang Trung Quốc. Anh ta mời Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý đối ẩm với một mâm thịt bò chín, một bát canh lớn và ba hồ rượu to, mỗi hồ mười cân, mỗi cân tương đương 600 gram, vị chỉ khoảng 18 lít. Cả hai chia đôi số rượu đó, tính ra mỗi người uống được 40 bát, tương đương 9 lít. Chắc chắn là tác giả có thói phồng con số này để khắc họa đậm nét thêm 2 hình tượng anh hùng của giới võ lâm thời nhà Tống.

Ở chừng mực nào đó, việc đối ẩm của giới võ lâm thể hiện được những nét văn hóa nhất định, không phi văn hóa

và tự nhiên chủ nghĩa như việc loạn âm của quần hào. Ta có thể tìm ra được những biểu hiện văn hóa như vậy trong cuộc gặp gỡ giữa Kiều Phong và Công Dã Càn, trang chủ Huyền sương trang trên Vọng giang lâu ở thành Giang Âm, thượng lưu sông Trường Giang. Kiều Phong và Công Dã Càn, mỗi người bưng một bát rượu đầy, thách đấu với nhau 3 chương. Qua 2 chương đầu, Công Dã Càn còn giữ được bát rượu trong tay. Qua chương thứ 3, anh ta không chịu nổi được sức mạnh của Kiều Phong, đành để rơi bát rượu. Không thẹn vì mình thua Kiều Phong, Công Dã Càn chỉ than : *"Tiệc quá, thực uống bát rượu ngon"*. Qua câu nói đó, Kiều Phong đánh giá Công Dã Càn là một anh hùng chân chính, một hào hán tử.

Trong 5 cách uống rượu (âm) : độc âm, đối âm, cộng âm, quần âm và loạn âm thì cách loạn âm là lộn xộn, lãng xãng nhất. Bọn hào sĩ giang hồ vốn là những người ít học, lại văn vô độ nhất, võ vô độ nhì, ai cũng tự cảm thấy mình là bậc anh hùng, là con người siêu việt. Khi cả bọn họp mặt nhau lại, khó khăn lắm mới bầu ra được người thống lĩnh. Khó thay, người thống lĩnh đó tài trí và võ công chưa chắc đã hơn ai, lại không qua một trường huấn luyện chỉ huy nào nên đội ngũ được thống lĩnh vốn đã ô hợp lại càng thêm xộc xệch. Trường hợp của Ô Lão Đại thống lĩnh bọn quần tiên 36 động, 72 đảo gồm mấy ngàn người, tấn công lên núi Phiêu Diêu, cung Linh Thửu chống Thiên Sơn Đồng Mô trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện* là như vậy. Bọn hào sĩ giang hồ này tự xưng là "tiên" nhưng thực ra chỉ là một đám ăn hại đái nát, vô nghệ đã tào lao mà đầu óc lại nông choèn. "Quần tiên" lên được tới cung Linh Thửu không thu được thắng lợi gì ngoài việc ăn uống thả dãn và phóng uế bừa bãi. Vụ "ăn tết" đó khiến cho cung Linh Thửu xú khí ngất trời xanh.

Gần như ai cũng công nhận rằng người Trung Quốc có kỹ thuật chế biến món ăn tinh vi, khoa học, xảo diệu và cầu kỳ nhất. Đọc **Lộc Đình Kỳ**, chúng ta biết được có trên 100 món hạt dưa, trên 100 món bánh mứt ăn chơi và ca ngàn món thức ăn mặn. Nhân vật được quyền ăn ngon nhất trong **Lộc Đình Kỳ** là nhà vua Khang Hy. Tuy nhiên, đúng như định đề Kim Dung đã rút ra : *“Ở trên đời, hoàng cung và kỹ viện là hai nơi trá ngụy nhất”* cho nên trong cái ăn vẫn có những điều trá ngụy buồn cười. Trên nguyên tắc, đồ ăn thức uống nào ngon nhất, bổ nhất thì được dâng lên vua. Bọn trù phòng (đầu bếp) và bọn thái giám thường hợp đồng mua thực phẩm từ nhà thầu bên ngoài đưa vào hoàng cung để chế biến. Tuy nhiên, cũng như muôn đời, cuộc sống vốn tồn tại cái gọi là tham nhũng mà trong kỹ thuật tham nhũng, bọn thái giám chính là tổ sư bồ đề. Cho nên, bất kỳ món thực phẩm nào đưa vào hoàng cung đều có ơn thúی đi nữa mà kèm theo được chút tiền lót tay thì món ấy mới xứng để dâng lên nhà vua và các hậu, phi; món nào dù có tươi ngon đến mấy mà thiếu tiền lót tay cũng trở thành ơn thôi. Con heo được nuôi bằng những được vật trân quý như đậu hoàng, nhân sâm, hoa điều, phục linh, có tên là Đậu hoàng nhân sâm trư, Hoa điều phục linh trư được bọn quần hùng Thiên địa hội làm sẵn, nhét người vào trong đó để đưa đến cho tổng thái giám Vi Tiểu Bảo (người của Thiên địa hội làm nội tuyến trong hoàng cung). Bọn chúng giả vờ quên đưa tiền lót tay để Vi Tiểu Bảo chửi toáng lên, buộc đưa heo về phòng mình khám nghiệm và cứu người ra. Những món thịt heo trân quý như vậy ít khi đến miệng Khang Hy. Nó dùng làm thức đưa cay cho quý vị thái giám, trù phòng và thị vệ dưới quyền Vi Tiểu Bảo. Ngay cả quần hùng Thiên địa hội cũng được “ăn theo” nhiều món khoái khẩu mà chỉ có trong hoàng cung mới nấu nướng được. Cho nên, quanh năm suốt tháng,

những ai đi theo Vi Tiểu Bảo đều được ăn tết. Họ “ăn tết” từ hoàng cung ra đến quanh thành Bắc kinh, từ Bắc Kinh đến Vân Nam, từ Vân Nam đến Dương Châu, từ Dương Châu đến biên giới Trung - Nga ở vùng Hắc Long Giang. Kiến thức về văn hóa thì Vi Tiểu Bảo không có lấy một xu nhưng kiến thức về đánh bạc bịp, làm tiền và nhất là ăn uống thì Vi Tiểu Bảo là nhân vật siêu hạng.

Trong 11 bộ tiểu thuyết võ hiệp của mình, Kim Dung đã dành nhiều trang nói về các đồ ăn thức uống, cách chế biến, cách dùng. Có lẽ chủ nghĩa dân tộc cũng hằn sâu vào những trang sách này của ông : ông không che giấu được niềm tự hào khi nói về nghệ thuật ăn uống của người Trung Quốc, và đối với những đồ ăn thức uống của các dân tộc khác, ông thường chê là hủ lậu. Và cũng có lẽ do âm vang lịch sử về nổi thống khổ của dân tộc trong những năm Bát quốc liên quân tấn công triều Thanh, cuộc xâm lược của phát-xít Nhật vào vùng Đông Bắc, những tao loạn trong quá trình đấu tranh Quốc - Cộng đã khiến cho hàng triệu người Trung Quốc đói rét lắm than nên Kim Dung đã hào phóng để cho bọn hào sĩ giang hồ trong tác phẩm võ hiệp của mình ăn tết thoải mái, không nhằm ngày tết vẫn tiểu yển, đại yển như thường. Họ đi đến đâu là được ăn nhậu no say tới đó mặc dầu hiếm thấy họ có nghề nghiệp, tiền bạc. Bọn hào sĩ giang hồ chỉ có được cái miệng rộng và cái dạ dày to. Hoặc giả đó cũng có thể là một mơ ước nhân bản của Kim Dung : mơ ước về một nền văn minh phồn thực tự nhiên. Ông mong đồng bào của mình suốt đời được ăn ngon mặc đẹp. Mà suy cho cùng, nếu được thành thói ăn tết quanh năm thì loài người quả là hạnh phúc.

Chương 20

***Kiều Phong -
Khát vọng của tự do***

Trong 12 bộ võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, tôi yêu nhất bộ *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*. Trong 795 nhân vật của *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, tôi yêu nhất nhân vật Tiêu Phong (tức Kiều Phong), người anh hùng Khiết Đan. Và trong cả chục ngàn nhân vật do Kim Dung dựng lên, tôi chọn Kiều Phong như một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng.

Văn chương tiểu thuyết không phải là văn chương báo chí. Một tác phẩm tiểu thuyết ra đời là nhằm gọi đến người đọc một thông điệp. Cái thông điệp ấy có thể hiện ra trong ngôn ngữ văn chương. Cái thông điệp ấy đôi khi ẩn tàng đâu đó trong tác phẩm đến nỗi một người đọc với thái độ lơ là của khách qua đường không thể nhận ra nó. “Ý tại ngôn ngoại” luôn luôn là một thực tế trong sáng tạo văn học. Tôi yêu tác phẩm Kim Dung vì yếu tố “Ý tại ngôn ngoại” phong phú. Tất cả tư duy của những nhân vật lớn trong tác phẩm Kim Dung đều tập trung vào 3 định đề : cuộc sống, tình yêu và cái chết. Kiều Phong là một nhân vật lớn như vậy.

Tác giả Kim Dung không vội vàng đẩy Kiều Phong ra đầu truyện. Không. Trong 5 cuốn đầu của **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện**, ta chỉ gặp hình ảnh của một anh nho sinh trẻ Đoàn Dự, vương tử nước Đại Lý, một tay đại gái si tình bị bắt cóc đưa từ Đại Lý xuống Giang Nam. Phải đợi đến cuốn thứ 6, theo gót chân du tử của Đoàn Dự, ta mới bắt gặp một *“Hán tử thô hào, mặt vuông tai lớn”*, tuổi trạc 30, đôi mắt sắc như dao, ngồi uống rượu chịu trên tư lâu bên thành Vô Tích. Thoáng nhìn nhân vật đó, Đoàn Dự đã nhận định: *“Hán tử này nhất định là tráng sĩ của đất Yên, Triệu. Miệt Giang Nam quyết không thể có được nhân vật như thế này”*. Nhận định ban đầu của nho sinh trẻ thật chuẩn xác. Con người thô hào ấy chính là Kiều Phong, bang chúa của Cái bang.

Kiều Phong đang độ 30 tuổi, cái tuổi phát triển rực rỡ nhất của đời người; lại làm bang chúa Cái bang, một bang hội lớn nhất võ lâm Trung quốc. Với cương vị đó, gã hán tử mặt vuông tai lớn phải hành động rất cẩn trọng, rất chín chắn vì một quyết định, nhận định vội vàng của ông sẽ dẫn đến sai lầm, liên hệ đến mối nguy vong của hàng triệu hào khách võ lâm Trung Quốc. Ngay đến khi ra đòn đánh nhau với kẻ địch, Kiều Phong cũng tính toán sao cho chỉ đánh một đòn mà không chế được ngay đối thủ. Phía trong con người thô hào ấy ẩn tàng một bộ óc thông minh và những tính toán chuẩn xác.

Người anh hùng Kiều Phong luôn luôn tự hào mình thuộc dòng dõi Hán tộc. Làm bang chúa Cái bang, ông chỉ có một mơ ước: tiêu diệt quân xâm lăng Khiết Đan mà ông thường gọi bằng cái tên khinh bỉ “bọn Liêu cầu”, chống lại quân Tây Hạ, giữ gìn hòa bình cho người Hán, bảo vệ sự trồn vẹn của võ lâm Trung Hoa. Và chính niềm mơ ước đó ă

trở thành bi kịch trong đời Kiều Phong.

Một nhóm đệ tử Cái bang, dưới sự chỉ huy của Thập phương tú tài Toàn Quang Thanh và Ôn thị, vợ của phó bang chúa Mã Đại Nguyên (đã chết), nổi lên chống lại Kiều Phong. Toàn Quang Thanh chống Kiều Phong chỉ để leo lên cái ghế quyền lực. Ôn thị chống Kiều Phong chỉ để trả thù. Vốn mẹ là một phụ nữ lăng lơ, lại bị chứng bạo dâm. Mẹ đã có chồng nhưng vẫn quan hệ tình dục với Đoàn Chính Thuần, em ruột vua nước Đại Lý rồi lại quan hệ tình dục với Bạch Thế Kinh, chấp pháp trưởng lão của Cái bang. Trong một lần đi dự Bách hoa đại hội, ai cũng dòm ngó đến tám nhan sắc tươi đẹp của Ôn thị. Duy chỉ có Kiều Phong nghĩ rằng Ôn thị là vợ của thuộc hạ mình, phải giữ lễ nghi. Ông chỉ ngó sơ Ôn thị một cái rồi thôi. Thái độ hững hờ đó làm cho Ôn thị nổi giận và thề sẽ trả thù. Mẹ quan hệ tình dục với Bạch Thế Kinh và chính Bạch Thế Kinh đã xuống tay giết phó bang chúa Mã Đại Nguyên bằng một thế Tỏa hâu cầm nã thủ (thế võ bóp vỡ yết hầu). Và mẹ vu cáo chính Kiều Phong đã giết Mã Đại Nguyên vì Mã Đại Nguyên biết rõ Kiều Phong không phải thuộc dòng Hán tộc mà chính là người Khất Đan.

Sự thật, Kiều Phong đúng là người Khất Đan nhưng câu chuyện ấy đã trôi qua 30 năm, chẳng ai muốn nhắc đến nữa, bởi Kiều Phong đã được Hán - hóa từ thể chất đến tâm hồn. Ban đầu thì Kiều Phong cho rằng đó chỉ là lời vu cáo thiếu bằng chứng. Nhưng khi nhân chứng chính - nhà sư Trí Quan - xuất hiện và xác nhận, ông đành phải rời bỏ chức vụ bang chúa Cái bang ra đi và cảm thấy nhục nhã vì mình mang dòng máu Khất Đan. Cuộc sống đầy đau khiến ông làm quen và kết bạn với A Châu, một cô gái Trung Quốc dịu dàng. A Châu trở thành tình yêu, lẽ sống, người bạn tri

âm của Kiều Phong. Khi ra Nhận Môn Quan xác định lại lai lịch của mình, Kiều Phong mới biết được rằng mình vốn họ Tiêu - Tiêu Phong, rằng mình đã từng chống lại tổ tiên, dân tộc mình. Tuy nhiên, cái mặc cảm dòng máu Khất Đan thấp hèn và gian ác chưa phai trong con người Tiêu Phong. A Châu phải khuyên ông : *"Làm người Khất Đan thì có gì là xấu xa ? Làm người Trung Quốc thì có gì là cao quý ? Người Khất Đan hay người Trung Quốc thì vẫn có kẻ tốt, người xấu, đại gia buồn phiền làm chi"*. Chính lời nói đó giúp Tiêu Phong nhận ra quan điểm dân tộc hẹp hòi của mình bấy lâu nay. Và sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Tiêu Phong chính là sự tiến bộ trong quan điểm dân tộc của Kim Dung.

Như ta đã biết, người Trung Quốc ngày xưa coi những dân tộc các nơi là bốn loại rợ (tứ di). Cái nhìn của họ đối với Mông, Tạng, Hồi, Mãn, Khất Đan, Tây Hạ rất khinh bỉ. Trong *Độc Bá Quân Hùng* hay trong *Liên Thành Quyết*, Kim Dung đã không dấu được cái nhìn khinh bỉ đó. Chỉ có trong *Lục Mạch Thần Kiếm Truyện*, ông mới xác nhận rằng người Khất Đan, người Nữ Chân, người Tây Hạ là những giống loài bình đẳng như bao giống loài khác. Khát vọng tự do của Kiều Phong thể hiện rất rõ khi ông bàn với A Châu rằng làm xong vài việc ở Trung Quốc, ông sẽ đưa nàng về bên kia Nhận Môn Quan săn chồn đuôi thỏ, sống đời ung dung khoái hoạt. Thế nhưng, một bi kịch khác xảy ra với đời ông làm tiêu tan khát vọng ấy : ông lỡ xuống tay đánh chết A Châu, đánh chết tình yêu và nguồn sống của chính mình. A Châu có một cô em cực kỳ gian ngoan ác độc là A Tử, đệ tử của Tinh Tú lão ma Đinh Xuân Thu. Khi A Châu chết, nàng nhờ ông chăm sóc, bảo hộ cho A Tử. Từ đó, bên cạnh một Tiêu Phong thẳng thắn anh hùng lại có thêm một A Tử lưu manh giảo hoạt; cả hai đi kèm nhau như bóng với hình. Cuộc đời thật lắm nỗi hoạt kê !

Đúng là Kiều Phong đã đưa A Tử về bên kia Nhận Môn Quan, săn chồn đuổi thỏ và chữa bệnh cho cô. Ông kết bạn với Hoàn Nhan A Cốt Đả, thuộc bộ lạc Nữ Chân, miền Đông Bắc Trung Quốc, người dân tộc Mãn Châu. Trong một chuyến đi dã ngoại, Kiều Phong cứu được một nhân vật đặc biệt. Nhân vật ấy là Đại Liêu hoàng đế Gia Luật Hồng Cơ. Hoàng đế thật sự hạnh phúc khi khám phá ra được một con người Khất Đan anh hùng lâm liệt như Tiêu Phong. Ông nhận Tiêu Phong làm anh em kết nghĩa và phong cho Tiêu Phong chức Nam viện đại vương, cai quản toàn bộ binh lực Đại Liêu. Thế là từ một hán tử thô hào, một tên Liêu cầu man rợ, Tiêu Phong thoát trở thành nguyên soái, nắm trong tay sức mạnh quân sự của một vương quốc khá dĩ đối địch với triều Tống.

Hơn ai hết, A Tử là người đầu tiên khuyên Tiêu Phong đưa quân qua Nhận Môn Quan, làm cỏ hết bọn Cái bang cùng bọn quân hạo Trung Quốc. Tiêu Phong đã cảnh cáo A Tử về suy nghĩ tàn bạo đó. Ông vẫn nhớ ơn người Trung Quốc, nơi ông đã lớn lên, được học hành, trở thành con người. Và ông chủ trương không gây hấn với Trung Quốc, sống hòa bình cho trăm họ an cư lạc nghiệp. Ông nghiêm cấm thuộc hạ không được cướp bóc tài vật, bắt gái tơ từ đất Trung Quốc đưa về.

Nhưng Gia Luật Hồng Cơ thì không nghĩ thế. Gia Luật Hồng Cơ tin rằng binh lực nước Liêu đủ sức vượt qua Nhận Môn Quan, đánh vào Lạc Dương để bắt sống tên hôn quân Triệu Hú (Tống Thần Tôn). Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Tiêu Phong tiến đánh Trung Quốc.

Nhận lệnh hành quân, Tiêu Phong quyết đoán thật nhanh: không thể lấy nỗi đau của hai nước Tống - Liêu,

không thể lấy sinh mạng của hàng triệu quân sĩ để làm nấc thang hạnh phúc cho mình và để thoả mãn khát vọng trả thù của Gia Luật Hồng Cơ. Và chẳng, ông là người khát vọng tự do, không hề thiết tha đến quyền lực. Cách từ chối hay nhất của ông là treo ấn trả lại cho Đại Liêu hoàng đế và cùng A Tử trốn đi. Mưu kế ấy của Tiêu Phong bị Gia Luật Hồng Cơ khám phá được. Hồng Cơ ra lệnh bắt Tiêu Phong giam giữ. Nguồn tin Tiêu Phong bị bắt giữ vì chống lệnh hành quân, mưu cầu hòa bình cho trăm họ đã khiến quân hùng Trung Quốc nhận ra được bản chất thật thà, trung hậu, tốt đẹp của Tiêu Phong. Họ huy động lực lượng Cái bang, cung Linh Thụ núi Phiêu Diêu và nước Đại Lý vượt qua Nhạn Môn Quan để giải thoát cho Tiêu Phong. Họ đưa ông về đến Nhạn Môn Quan thì cửa thành không mở vì truy binh Khất Đan đã áp sát chân thành. Hư Trúc và Đoàn Dự bắt sống Gia Luật Hồng Cơ trước trận và buộc Hồng Cơ chuộc mạng bằng một lời hứa vĩnh viễn không bao giờ đưa quân Liêu qua xâm lăng Trung Quốc. Hồng Cơ đã long trọng hứa lời hứa đó. Nhận được lời hứa của nhà vua, Kiều Phong coi là một hạnh phúc. Ông đã sử dụng quyền tự do cuối cùng của mình : tự tử trước Nhạn Môn Quan để tạ tội với Gia Luật Hồng Cơ.

Cuộc sống bao la, đất đai vạn dặm nhưng Tiêu Phong không tìm ra được chỗ để quay về. Về với Trung Quốc ư ? Ông chỉ là một tên chó Liêu mọi rợ. Về với Liêu Quốc ư ? Ông chỉ là bề tôi bất trung, đã chống lệnh vua lại làm cho nhà vua mất mặt trước ba quân. Về mặt tinh thần, A Châu chết rồi, tâm hồn ông không còn nơi nương tựa nữa. Đoàn Dự có thể yêu một lúc năm, sáu người thiếu nữ nhưng Kiều Phong chỉ yêu có mỗi một A Châu. Còn quyền lực, chức vụ, danh vọng không phải là nơi nương tựa. Kiều Phong đi tìm tự do. Ông đành chọn giải pháp cuối cùng - tự tử - để hoàn

thành khát vọng tự-do của chính mình. Ở chừng mực nào đó, cái chết của Kiều Phong là biểu hiện của chủ nghĩa hư vô cực đoan nhưng nếu ta đi cùng với ông trong suốt **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện** của Kim Dung thì ta mới thấy được giải pháp đó là con đường tất yếu.

A Tử dui mù đã dành bông lầy Kiều Phong và cùng với ông rớt xuống vực sâu muôn trượng. Mấy mươi năm trước, cha ông đã bông mẹ ông nhảy xuống nơi ấy. Mấy mươi năm sau, một cô bé gọi ông là tỷ phu (anh rể) bông ông nhảy xuống. Sự trùng hợp của lịch sử sao mà bi thương đến vậy !

Tiêu Phong tức Kiều Phong là một nhân vật sống nhất trong những nhân vật sống, là một nhân vật có vấn đề nhất trong những nhân vật có vấn đề của Kim Dung .Có thể nói Kim Dung rất thành công khi xây dựng nhân vật Tiêu Phong - người anh hùng Khất Đan trong sáng, tiêu biểu cho những cái đẹp của con người. Và rõ ràng, Kim Dung nói với chúng ta rằng cái đẹp nhất khó có thể tồn tại giữa đời lằng xằng bát nháo này. Cái đẹp nhất phải chết. Chỉ còn lại trên đời cái tầm thường vớ vẩn, những loài cò đuôi chó, những điều không đẹp mấy.

Hoặc giả, giải quyết cho cái đẹp nhất chết đi cũng là một cách hướng con người luôn nuôi khát vọng đi tìm cái đẹp ?



Chương 21

***Khóc lên,
hỡi Nghi Lâm !***

Nghi Lâm là pháp danh của một nhân vật nữ, một nữ ni nhỏ tuổi thuộc phái Hằng Sơn trong tác phẩm *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* của Kim Dung. Nhân vật ấy là hình tượng biểu tượng của những bi kịch cuộc đời và bởi vì cô quá trẻ, quá trong sáng cho nên bi kịch càng tăng thêm chất ngậm ngùi, đau đớn.

Cho đến năm 18 tuổi, Nghi Lâm trở thành một nữ ni xinh đẹp nhất của phái Hằng Sơn. Trong lớp áo nâu sồng của đời nữ ni, cô vẫn có một khuôn mặt sáng như trăng rằm, một đôi mắt xanh như nước hồ thu. Nghi Lâm chỉ biết cha mình là một hòa thượng - Bất Giới đại sư; còn mẹ mình là ai thì đó là điều cô không hề biết. Thật sự, mẹ cô vẫn hằng ngày sống bên cạnh cô. Giận cha cô khen một người phụ nữ khác xinh đẹp, mẹ cô lặng lẽ bỏ đi, vào chùa Hằng Sơn làm một Á bà bà (bà già cầm điếu), chuyên lau tượng, quét chùa. Bà vẫn theo dõi những bước tiến của Nghi Lâm trên con đường Phật học cũng như đời sống nhưng bà không hề mở miệng nói với Nghi Lâm một lời. Nghi Lâm lớn lên trong chùa Hằng Sơn, thuộc lầu kinh điển, học được một

chút kiềm pháp. Trong lòng cô chỉ biết có Đức Bồ Tát, thanh quy giới luật nhà Phật. Lớn lên đến 18 tuổi, cô chưa hề gặp mặt một người đàn ông nào ngoài cha cô; chưa biết mùi phấn son, chưa nhìn thấy một màu áo đẹp; chưa có một nụ cười ...

Cả tai họa và hạnh phúc đến với cô nữ ni xinh đẹp ấy trong một lần cô xuống núi Hằng Sơn, cùng sư phụ và các ban đồng môn đi dự lễ rửa tay gác kiếm của Lưu Chính Phong phái Hành Sơn. Sau một lần trượt chân vì đường trơn, Nghi Lâm ngừng lại bên suối và rửa tay. Cô đã bị tên dâm tặc Điền Bá Quang bắt giữ và đưa vào hang động định giở trò cưỡng bức. Không nỡ để cho một nữ ni trong sáng như ngọc bị phá hoại danh tiết, tác giả Kim Dung đã để cho Lệnh Hồ Xung, đại sư huynh của phái Hoa Sơn, xuất hiện cứu Nghi Lâm. Kiếm pháp của Lệnh Hồ Xung hoàn toàn không địch nổi phép khoái đao của Điền Bá Quang. Lệnh Hồ Xung bị đâm cả trăm vết thương, người không còn một chút huyết sắc. Nhưng vốn là người mau chân lẹ miệng, hắn đã đánh võ miệng với Điền Bá Quang và cuối cùng đạt được chiến thắng, buộc Điền Bá Quang làm đệ tử của Nghi Lâm. Điền Bá Quang nhục nhã bỏ đi; Lệnh Hồ Xung bị bọn La Nhân Kiệt phái Thanh Thành đâm một nhát kiếm chí mạng. Nghi Lâm lạc mất Lệnh Hồ Xung từ đó.

Để cứu Nghi Lâm, Lệnh Hồ Xung đã đặt chuyện nói những điều vu khống : gặp ni cô là xúi quẩy, đánh bạc tất phải thua, uống rượu cũng chẳng thú vị gì. Cô bé nhẹ dạ vốn tin những điều vớ vẩn đó nhưng tự thâm tâm, cô đã mơ hồ nhận ra một điều : trên đời này, người mà cô mong gặp lại nhất vẫn là gã lãng tử Lệnh Hồ Xung của phái Hoa Sơn. Cô mắc nợ anh một món ơn cứu tử và giá như cô có thể chết đi để Lệnh Hồ Xung sống sót trở về, cô cũng sẵn sàng xả

thân. Cho nên, khi Khúc Phi Yên báo tin Lệnh Hồ Xung còn sống và đưa Nghi Lâm vào một động điểm dưới núi Hành Sơn thì cô nữ ni trong như ngọc đỏ đã sẵn sàng vứt bỏ mọi thứ môn quy, cùng đi với Khúc Phi Yên.

Cuộc sống oái oăm đã đưa một cô nữ ni dần thân vào động điểm, nằm trên chiếc giường xa hoa tráng lệ mà khách làng chơi vẫn hay đến nằm với các cô kỹ nữ. Nhưng cũng chính nhờ vậy mà Nghi Lâm đã cứu mạng được ân nhân Lệnh Hồ Xung, công anh ra giữa vùng hoang sơn dã lĩnh không có một vết chân người, chăm sóc cho anh chữa lành vết thương. Qua câu chuyện của Lệnh Hồ Xung, Nghi Lâm biết rằng anh ta đang quyến luyến cô tiểu sư muội Nhạc Linh San. Thế nhưng, trong tâm hồn cô nữ ni 18 tuổi đã nảy ra một tình cảm mới lạ, vừa có vẻ tội lỗi trước Đức Bồ Tát, lại vừa gây cho cô những xúc động dịu dàng. Nghi Lâm hoảng sợ trước tình cảm mới lạ ấy. Trong đêm sao sáng, nhìn những ánh sao băng, cô đã cởi dải áo ra và cột dải áo lại để mong hoàn thành ước nguyện để rồi sợ hãi ngay chính với ước nguyện của mình. Trọn đời Nghi Lâm chưa hề ăn cắp của ai một vật gì. Thế nhưng, vì tính mạng của Lệnh Hồ Xung, cô đã hai lần đi ăn cắp dưa và mỗi lần như vậy, trong cô lại nổi lên một trận bão lòng dữ dội. Cô biết rằng vì Lệnh Hồ Xung, cô có thể làm tất cả mọi sự trên đời. Vâng, cô đã yêu chàng Lệnh Hồ Xung, một tình yêu ban đầu nồng nàn đau đớn, một tình yêu không nói được nên lời vì lời khấn trọn đời hiến dâng cho đường tu, một tình yêu vô vọng vì Lệnh Hồ Xung đã có Nhạc Linh San.

Họ xa nhau từ đó. Nghi Lâm trở về Hằng Sơn, ngày đêm tụng kinh niệm Phật, mong sao Phật pháp có thể hóa giải được ma chướng trong lòng mình. Nhưng càng tu niệm, thể xác cô càng vô vản. Bất Giới hòa thượng nhận ra tám

lòng đau khổ của con gái. Ông buộc Điền Bá Quang bằng mọi cách phải lên núi Hoa Sơn bắt cho được Lệnh Hồ Xung về thành hôn với Nghi Lâm. Điền Bá Quang làm không được điều ấy, ông đích thân ra đi, cũng không được nốt.

Lệnh Hồ Xung bị Nhạc Linh San phụ bạc, bỏ đi lưu lạc giang hồ. Trong ngộ trúc thành Lạc Dương, anh tình cờ kể cho Nhậm Doanh Doanh nghe hết về mối tình si của mình và những đau thương, oan ức mà anh phải gánh chịu vì những người hẹp hòi, ích kỷ. Nhậm Doanh Doanh chính là Thánh cô của Triều dương thần giáo. Cô nhận ra nơi chàng trai một tình yêu mãnh liệt. Và cô si tình chàng trai Lệnh Hồ Xung bởi dưới mắt cô, một chàng trai không chung tình với quá khứ thì cũng chẳng có thể chung tình với hiện tại và tương lai. Họ trở thành một đôi bạn bên tầu giang hồ, thương yêu nhau say đắm và đã trao nhau những lời hẹn thề kết tóc se tơ. Ở một nơi lặng lẽ trong chùa Hằng Sơn, Nghi Lâm nhận được những thông tin đó. Nàng vừa mừng cho Lệnh Hồ Xung có được một tình yêu mới, vừa tự đau khổ cho mối tình hão huyền của mình. Nàng thường dắt tay Á bà bà dẫn ra chỗ kín đáo của Hằng Sơn biệt viện tâm sự ; và, mỗi lần như thế, nàng thường khẽ gọi tên Lệnh Hồ Xung. Nàng chẳng hay đâu Á bà bà là mẹ ruột của mình.

Lệnh Hồ Xung trở về Hằng Sơn và nhận trách nhiệm lên làm chủ môn phái Hằng Sơn. Nghi Lâm trở thành đệ tử của anh. Anh lấy làm lạ vì cô thường ít nhìn mặt anh, thường tỏ ra lạnh nhạt khi anh hỏi han đến. Anh có biết đâu trong cái vỏ lạnh nhạt kia là cả một trời yêu say đắm; mà tiếng kinh cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn cho anh ngấy xưa do Nghi Lâm niệm lên cầu nguyện cho anh thoát qua những cơn nguy hiểm chính là biểu hiện của tình yêu ấy. Anh nhận ra về tiêu tụy vô văn của cô tiểu

sư muội Nghi Lâm. Nhưng trước Nghi Lâm, anh có Nhạc Linh San; sau Nhạc Linh San, anh có Nhậm Doanh Doanh. Anh chỉ xem Nghi Lâm như người bạn, người em bé nhỏ mà anh phải có bốn phận bảo vệ, che chở, dạy dỗ. Nhưng chẳng có nghĩa gì khi tình yêu không nói được thành lời. Tác giả Kim Dung đã tạo cơ hội cho Lệnh Hồ Xung nghe được tiếng lòng trung thực của Nghi Lâm. Một lần, anh hóa trang làm Á bà bà và Nghi Lâm đến nắm tay anh, kéo anh đi lên Hằng Sơn biệt viện. Nơi đây, cô nhắc lại những hình bóng cũ, những kỷ niệm xưa giữa cô và Lệnh Hồ Xung cho "Á bà bà" nghe và cuối cùng, cô khe khẽ gọi tên anh. Mỗi tình cảm của cô tiểu sư muội khiến Lệnh Hồ Xung vừa choáng váng, vừa thương cảm, vừa hồ thẹn. Trong đêm thanh vắng, anh nhận ra tất cả sự thật; lòng đau thương vì thấy Nghi Lâm vô vàn, tiểu tụy trong mối tình si hoàn toàn không có đoạn kết.

Nghi Lâm đi đâu, về đâu ? Trong khúc cuối của **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký**, chính tác giả Kim Dung cũng chẳng dám nói đến kết thúc của mối tình si ấy. Ông bỏ lửng số phận của Nghi Lâm, giả vờ như không biết đến nữa khi để cho Lệnh Hồ Xung và Nhậm Doanh Doanh cưới nhau, cùng hợp tấu cầm - tiêu khúc nhạc **Tiểu Ngạo Giang Hồ**. Tiểu sư muội Nghi Lâm với mối tình đơn phương rạt rào như sóng Trường Giang chẳng được ai nhắc đến nữa. Nhưng tôi biết những giọt nước mắt lặng lẽ ấy của người ni cô thánh thiện đêm đêm vẫn rơi trên gối trong căn phòng nhỏ ở chùa Hằng Sơn.

Ôi, giá như Nghi Lâm bé bỏng được nắm tay Lệnh Hồ Xung một lần, được khóc với anh một lần để bày tỏ tình yêu của mình và lòng kính sợ Đức Bồ Tát đã không cho phép cô được nói gì với anh; giá như cô được nói với anh một lời chia tay, một câu chúc hạnh phúc thì tâm hồn cô đã khá hơn một

chút. Đàng này, suốt đời cô mang nặng mối tình cảm và tàn uả dung nhan xuân thì lặng lẽ trong chùa Hằng Sơn !

Khi xây dựng nhân vật Nghi Lâm, Kim Dung đã xây dựng một nhân vật bi kịch ấy nằm ngay trong tuổi trẻ, tuổi mới biết yêu. Ông có bất công không khi đem toàn bộ bi kịch trút lên đôi vai nhỏ bé và tâm hồn trong sáng của Nghi Lâm tiểu sư muội ? Có đấy. Có người cho Nghi Lâm là vang bóng của Ha Mộng, một mối tình u ẩn trong đời Kim Dung. Điều đó đơn giản là một suy luận. Tôi chỉ mong một điều : nếu có những Nghi Lâm đích thực trên đời thì hãy để cho họ được khóc lên, khóc to một lần. Hạnh phúc, ở một chừng mực nào đó, nằm trong tiếng khóc, trong giọt nước mắt tuôn rơi.





Một cảnh trong *Tuyệt Sơn Phi Hồ*

Lương Triều Vĩ vai tiểu anh hùng Hồ Phi

Chương 22

Kiểm luận

Trong chiến tranh cổ điển, kiếm (gươm) là một vũ khí tiện lợi nhất. Tuy không cùng học một loại binh thư nhưng các dân tộc đã biết chung một kinh nghiệm chiến tranh : dùng kiếm để đánh gần và dùng cung để bắn xa. Lịch sử chiến tranh của nhân loại cho biết kiếm được rèn ở thành Bagdad (lúc bấy giờ thuộc Ba Tư - Perse) là loại kiếm danh tiếng nhất, có kỹ thuật rèn cao cường nhất. Và đây là những lưỡi đa kiếm, có hình cong hình lưỡi liềm. Kiếm trong truyện võ hiệp Kim Dung cũng không đi ra khỏi kinh nghiệm ấy. Kiếm quan trọng đến nỗi nhiều khi, những tác phẩm võ hiệp của ông được người đời gọi là truyện kiếm hiệp - truyện về những người hành hiệp cứu đời bằng lưỡi kiếm.

Có những tác phẩm của ông đã khắc họa vai trò cao cả của lưỡi kiếm. Đó là trường hợp bộ *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*. Trong 5 chữ, thì đã có hai chữ Ỗ thiên là tên gọi của một thanh kiếm báu mà theo tác giả, được đúc bằng thép nguyên chất pha lẫn platin và trong thân kiếm có cất dấu một pho bảo lục : bộ *Cửu Âm Chân Kinh*. *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký* cũng là một tác phẩm đồ sộ nói về cây kiếm với những phái

sử dụng kiếm gọi là Ngũ nhạc kiếm phái : Thái Sơn, Hành Sơn, Tung Sơn, Hoa Sơn, Hằng Sơn. Bộ **Liên Thành Quyết** là một bộ tiểu thuyết viết về một pho kiếm pháp mà bài kiếm quyết là một bài thơ; thầy đã cố dạy sai cho học trò để che dấu lời hướng dẫn đi tìm một kho báu lớn có giá trị liên thành. Ngoài ra, trong 11 bộ tiểu thuyết, luôn luôn xuất hiện người sử kiếm (kiếm sĩ) và kiếm sĩ luôn luôn nhiều hơn những bọn hào sĩ giang hồ sử dụng những loại vũ khí khác.

Về mặt chất liệu làm kiếm, Kim Dung nói đến loại kiếm sắt, kiếm gỗ, kiếm vàng và kiếm pha hợp kim. Kiếm thông thường là kiếm sắt nhưng Kim Dung lại thường đề cập đến một loại sắt thép đặc biệt rất bền, chém sắt như chém bùn. Trương Tam Phong, tức Trương Quân Bào, dùng một cây kiếm gỗ hành hiệp gọi là Chân võ, thành danh và trở thành tổ sư phái Võ Đang. Bọn thầy thuốc như Hồ Thanh Ngưu, Bình Nhứt Chỉ có cây đoản kiếm bằng vàng, chắc là để dùng trong khi mổ xẻ. Đặc biệt, kiếm Ý thiên như đã nói là một hợp kim gồm thép và platin và phải dùng đến đao Đồ Long chém thì cả đao với kiếm mới cùng gãy. Bọn đệ tử Minh giáo kiếm được thanh kiếm Ý thiên gãy, đã dùng kỹ thuật luyện kim đặc biệt của Ba Tư để ráp kiếm lại và trong động tác ráp nối quyết định, còn thêm cả máu người vào. Chi tiết này thật hoang đường nhưng cực kỳ thú vị, không khỏi khiến bạn đọc nghĩ đến huyền thoại hai thanh kiếm thời Chiến quốc : Can tương và Mạc gia (còn gọi là Mạc Tà).

Về tính chất, truyện võ hiệp Kim Dung đề cập đến hai loại kiếm : cương kiếm (kiếm rắn) và nhu kiếm (kiếm mềm). Trong **Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ**, Tiêu Tương dạy vũ Mạc Đại tiên sinh, chương môn Hành Sơn, có cây kiếm mỏng như lá lúa, rút ra, cầm tay thì mềm oặt nhưng khi vận công

vào thì lưỡi kiếm giương thẳng ra và khi chiến đấu thì kiếm khi phát ra đầu mũi kiếm. Về hình thể, Kim Dung phân ra trường kiếm (kiếm dài) và đoản kiếm (kiếm ngắn). Những nhân vật sử dụng đoản kiếm trong tác phẩm của ông thường là những người có gia số võ công đặc biệt, chuyên đánh cận chiến, chân tay rất linh hoạt. Kiếm binh thường thì thân thẳng. Cá biệt, trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung mô tả nhân vật Tái Bắc minh đã Mộc Cao Phong, một người gù như lạc đà (minh đà) vì có bướu trên lưng; y sử một cây đà kiếm cong cong hình lưỡi liềm. Đúng là đà nhân đà kiếm! Thanh kiếm đặc biệt của Mộc Cao Phong nhắc chúng ta nhớ lại hình ảnh những lưỡi kiếm cong của các đội quân Ả Rập trên sa mạc trong những phim nói về khu vực châu Phi.

Kiếm là một loại vũ khí cá nhân nên thường thường bọn hào sĩ sử đơn kiếm. Tuy nhiên, cũng có những người chuyên đánh song kiếm. Lại có những cặp anh em, vợ chồng, bạn bè đồng môn sử đơn kiếm nhưng chuyên đánh đôi thành song kiếm hợp bích. Có lối đánh kiếm tập thể kết làm kiếm trận. Triết học Đông phương đã đi vào bài bản kiếm pháp với Lương nghi kiếm pháp, trong đó hai người cùng đánh : một người theo chính Lương nghi, một người theo phản Lương nghi. Có chính có phản mới thành hợp bích chẳng khác nào có thèse, có antithèse mới ra được synthèse trong triết học Hy Lạp.

Về nguyên tắc sử kiếm, Kim Dung đưa ra kiếm tông và khí tông. Kiếm tông chú trọng kiếm chiêu, ra đòn liên miên bất tuyệt để thủ thắng. Khí tông chú trọng nội công, cho rằng nội công cao cường là chỉ đánh một vài chiêu là có thể triệt hạ địch thủ. Đây chính là sự mâu thuẫn trong nội bộ phái Hoa Sơn, khiến phái này tương tranh đến nỗi gần

tuyệt diệt. Để có thể sử kiếm, người ta phải học kiếm pháp. Kiếm pháp được hiểu là nguyên tắc hướng dẫn sử một đường kiếm chuyên môn của một phái hay một nhà (gia). Kiếm pháp được cụ thể hóa thành một bài ca và người kiếm sĩ phải học thuộc lòng từng câu, từng chữ. Những câu ca ấy được chép lại trên lụa, trên vải, trên giấy, trên da dê thì được gọi là kiếm phổ. Kiếm phổ chia ra từng chiêu, từng thức; mỗi chiêu thức có nhiều cách biến hóa linh động. Kim Dung đã thực sự đưa người đọc đi vào một thế giới mộng mơ thú vị khi ông đề cập đến những Thái Sơn thập bát bản, Hành Sơn thập tam thức và lý giải Lương nghi kiếm pháp có 64 thể. Tại sao lại 64 ? Ấy là vì Thái cực sinh Lương nghi, Lương nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát quái(quẻ); trong mỗi quái có 8 lần biến hóa, 8 lần 8 thành 64 thể. Đó là chính Lương. Thế còn phản Lương nghi ? Phản Lương nghi là đánh ngược lại những qui tắc của chính Lương nghi, tạo ra một âm một dương, một trên một dưới, một trái một phải, một trước một sau... Thử tưởng tượng một đối thủ phải đấu với một cặp song kiếm Lương nghi ! Kim Dung chỉ đặt vấn đề và chúng ta tưởng tượng.

Trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung nói đến một thứ kiếm pháp lãng mạn hơn : Độc Cô cửu kiếm do Phong Thanh Dương truyền lại cho Lệnh Hồ Xung. Đây vốn là kiếm pháp của Độc Cô Cầu Bại, chỉ gồm có 9 thức : Tổng quyết thức, Phá kiếm thức, Phá khí thức, Phá thương thức, Phá chưởng thức, Phá tiên thức, Phá đao thức, Phá tiên thức và Phá côn thức. Với 9 thức đó, Độc Cô Cầu Bại đánh thắng tất cả các địch thủ khiến cho không ai còn dám đến đánh kiếm với ông. Ông rơi vào cô đơn (Độc Cô), chỉ mong được thua một lần (Cầu Bại) mà không ai có thể khiến ông thua được, cuối cùng chết đi trong lặng lẽ! Phong Thanh

Dương cát nghĩa : Độc Cô cửu kiếm đánh theo kiếm ý, nghĩ đến đâu là đánh đến đó, muốn đánh thế nào cũng được, chỉ có công chứ không bao giờ quay về thủ. Hễ địch đánh 100 chiêu, ta đánh 101 chiêu; địch đánh 1000 chiêu, ta đánh 1001 chiêu; liên miên bất tuyệt như nước chảy mây trôi. Lệnh Hồ Xung nghe được thứ kiếm pháp như vậy, anh ta mừng như điên vì tâm tính anh ta vốn lãng mạn. Và trận ra oai đầu tiên của Độc Cô cửu kiếm vừa khiến Lệnh hồ Xung, vừa khiến chúng ta kinh hãi : Lệnh Hồ Xung mất hết công lực, chỉ sử một chiêu Phá khí thức, đã đâm mù mắt 15 tên ác đồ của phái Tung Sơn !

Kiểm nằm trong võ là biểu hiện của hòa bình; kiếm rút ra khỏi vỏ là biểu hiện của đấu tranh. Thậm chí với Diệt Tuyệt sư thái, chương môn phái Nga Mi trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, mỗi khi rút kiếm Ỗ thiên ra, kiếm không dính máu là chưa đủ vào vỏ. Rút kiếm ra khỏi vỏ, người ta thường bắt kiếm quyết : mũi kiếm hướng lên trời, mũi kiếm chỉ xuống đất, mũi kiếm chỉ ra phía trước, thân kiếm hoành ngang người ... Chiêu đầu tiên của những người nhỏ tuổi khi đấu với người trưởng thành phải là chiêu thi lễ: hai tay đưa thẳng kiếm lên khỏi đầu là Vạn nhạc triều tôn; hai tay nắm lấy đốc kiếm, cả người và kiếm cùng cúi tới trước là Đồng tử bái Quan Âm.

Sử kiếm là cả một nghệ thuật. Dương Qua và Tiểu Long Nữ trong **Xạ Diêu Anh Hùng Truyện** sử Ngọc nữ kiếm pháp một cách uyển chuyển, mỹ lệ như một cặp múa đôi. Tả Tử Mục, chương môn phái Vô Lượng trong **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện** sử kiếm chém con rắn đang cuốn lấy người học trò, rắn đứt đôi mà da học trò vẫn không xây xát. Ninh Trung Tắc của phái Hoa Sơn sử thế kiếm quyết định

đâm vào người học trò là Lệnh Hồ Xung, kiếm vừa chạm đến da, đã chuyển kinh lực đâm thẳng thành kinh lực bẻ ngang, khiến thanh kiếm gãy thành chín mảnh rơi xuống choang choảng. Trong đường kiếm còn có cả tình yêu đôi lứa. Nhạc Linh San cùng Lệnh Hồ Xung thâm yêu nhau, đã lên cha mẹ luyện môn Xung - Lệnh kiếm pháp, khi múa lên đôi mắt mơ màng, đôi lòng ấm áp. Vì họ còn rất trẻ nên nghịch ngợm, chế ra chiêu nhĩ tử ngã hoạt (người chết ta sống), tính toán kỹ lưỡng lực đạo, bộ vị, phương hướng sao cho đâm ra một lần hai đầu mũi kiếm phải dính vào nhau, hai thân kiếm nối thành một đường thẳng.

Những kiếm chiêu trong truyện võ hiệp Kim Dung được ông đặt tên rất hay: Thuận thủy trôi chu (theo nước chảy thuyền), Lãng tử hồi đầu (người trai ra đi đã quay đầu lại), Thương từng nghênh khách (từng xanh đón khách), Trường Giang tam điệp lãng (ba đợt sóng trên sông Trường Giang)... Đôi khi, có những chiêu kiếm phát quá nhanh, máu không kịp chảy. Trong **Lộc Đình Kỳ** có nhân vật Phùng Tích Phạm mang ngoại hiệu Nhất kiếm vô huyết (một đường kiếm không chảy máu). Nói thì vậy nhưng khi Phùng Tích Phạm đánh Song Nhi, người hầu của Vi Tiểu Bảo, đâm cô một kiếm, máu vẫn chảy ra như thường. Cho nên Vi Tiểu Bảo gọi giễu Phùng Tích Phạm là Bán kiếm hữu huyết (nửa chiêu kiếm đã có máu). Có những chiêu phi kiếm, phóng kiếm bay trong không gian để giết địch thủ. Có những chiêu hoá thủ kiếm: kiếm đang cầm tay phải, đột ngột đổi qua cầm tay trái.

Người ý có kiếm trong tay chưa chắc đã thủ thắng. Tiêu anh hùng Hồ Phi trong **Lãnh Nguyệt Bảo Dao** học được phép Không thủ đoạt bạch nhận, chuyên dùng tay

không đoạt kiếm kẻ khác. Lệnh Hồ Xung có chiêu dùng ngón tay búng vào sóng kiếm đối phương cho kiếm văng đi. Nhậm Ngã Hành phát Phách không chuông, chuông lực đủ sức đánh oằn thanh kiếm của địch thủ. Những kiểu mô tả vừa có cơ sở thực tế, vừa không tương khiến chúng ta cảm thấy thú vị.

Nhưng thú vị nhất có lẽ vẫn là những trận đấu kiếm mà không có kiếm, không dùng kiếm. Vương tử Đại Lý Đoàn Dự đã học được Lục mạch thần kiếm của chùa Thiên Long, nước Đại Lý, dùng kinh lực của nội công phát ra 6 ngón tay theo 6 đường thiếu dương, thiếu âm, thiếu xung, trung xung, thiếu trạch. Kiếm khí của anh ta đã đánh cho Mộ Dung Phục tới tả, hoảng hốt trước hàng vạn đôi mắt quân hùng tụ tập tại chùa Thiếu Lâm. Hai trận đấu kiếm kỳ lạ nhất là hai trận đấu giữa Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đạo trưởng, chương môn phái Võ Đang. Lần thứ nhất, dưới chân núi Võ Đang, Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đứng cách nhau cả chục bước, chỉ lấy mắt mà nhìn huyết đạo của nhau. Ấy vậy mà Xung Hư chịu thua. Lần thứ hai, trong chùa Thiếu Lâm, Lệnh Hồ Xung và Xung Hư đã rút kiếm ra nhưng Xung Hư chỉ đứng xa Lệnh Hồ Xung và nghỉ ngơi, cuối cùng chịu thua. Ấy là vì cả hai chỉ đấu kiếm ý chứ không đấu kiếm chiêu.

Kiếm là vũ khí nhưng những kiếm sĩ không lạm dụng kiếm chiêu để giết người. Đọc văn Kim Dung, ta thường thấy những cụm từ “điểm tới là thôi”, “đủ phân thắng bại”. Người ta dùng kiếm để hợp bạn và những lần gặp gỡ như vậy được gọi là “luận kiếm”. Người lỡ tay dùng kiếm giết người không khỏi có điều hối hận, đau khổ. Cho nên, đã có những kiếm sĩ của Kim Dung bẻ kiếm bèn trời (thiên nhai

chiết kiếm), đã có những người “rửa tay gác kiếm”. Lại có những người treo kiếm lên không dùng tới, dấu kiếm trong cây đàn, để kiếm hoài trong vỏ không rút ra được nữa. Hà Túc Đạo trong **Ỗ Thiên Đồ Long Ký** tự xưng là tam thánh : Cẩm thánh, Kỳ thánh, Kiếm thánh nhưng cuối cuộc đời, anh ta quay về định Kinh Thần Phong ngoài núi Côn Luân xa xôi vắng vẻ, treo cây kiếm lên và lặng lẽ nhớ đến cô bé Quách Tường 16 tuổi. Đã có một lần, Hà Túc Đạo vừa đấu kiếm chống ba kẻ địch, vừa phóng chỉ vào cây đàn để dưới đất, đàn cho Quách Tường nghe một cầm tấu khúc mới nhất. Quách Tường nghe tiếng đàn và đỏ mặt lên, biết Hà Túc Đạo viết khúc cầm phổ này để tặng cho mình. Họ chỉ gặp nhau một lần ngắn ngủi trong rừng chùa Thiếu Lâm và xa nhau một đời. Làm sao mà cuộc đấu kiếm hung hiểm lại có thể cùng diễn ra một lúc với cung đàn thanh thoát, trữ tình ? Mặc kệ, Kim Dung cứ viết. Ông đúng là nhà văn lãng mạn, lãng mạn ngay trong đường đao mũi kiếm. Và vì vậy trong tác phẩm võ hiệp của ông, ngay những loại kiếm pháp, kiếm trận hung hãn nhất vẫn luôn luôn lấp lánh những khúc tình ca.





Cảnh trong *Liên Thành Quyết*

Chương 23

Đao luận

Cũng như kiếm, đao là vũ khí chiến tranh cổ điển. Tuy nhiên, đao đứng đầu trong 4 thứ vũ khí : đao, thương, kiếm, kích .

Có trường hợp, đao hình thành nên tác phẩm tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung. Trong ký ức của tôi, vẫn còn in đậm nét người thiếu niên tiểu anh hùng Hồ Phi, cưỡi con ngựa trắng, cầm cây đơn đao với sở học bài Hồ gia đao pháp từ đất Sơn Đông đi về Trung Nguyên tìm cho ra kẻ thù đã giết cha mình. Đó là nội dung bộ **Lãnh Nguyệt Bảo Đao**, còn gọi là **Thần Đao Hồ Đại Đòm**. Câu truyện về Hồ Phi như một huyền thoại thật đẹp : tìm thấy kẻ thù rồi, Hồ Phi vẫn giơ cao lưỡi bảo đao lóng lánh dưới bóng trăng lặn, không nỡ chém xuống. Bởi anh nhận ra kẻ thù của mình là một người chính nhân quân tử - Đả biến thiên hạ vô địch thủ kim diện Phật Miêu Nhân Phượng. Bởi anh nhận ra kẻ thù của mình có lý do để giết cha mình ngày trước. **Lãnh Nguyệt Bảo Đao** kết thúc một cách đột ngột, lơ lửng; mệnh mang tình nhân ái, đức bao dung; trở thành bài ca thật đẹp của chủ nghĩa nhân đạo phương Đông. Trong bộ **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, hai chữ Đồ long là tên gọi của lưỡi bảo đao mà

mọi bang hội, vô phái giang hồ đời Nguyên thèm khát. Tại sao thế ? Ngoài kha năng chém sắt như chém bùn, bảo đao Đồ long còn mang trong thân nó một pho binh thư tương truyền là của Nhạc Phi - danh tướng chống quân Kim đời Tống - để lại. Đó là bộ *Vũ Mục Di Thư*. Chính quân hùng Minh giáo đã tìm thấy pho di thư này, và với những bài bản chiến tranh của Nhạc Vũ Mục, họ đã tìm được lối thoát khi quân hùng Trung Nguyên bị quân Mông Cổ vây hãm, tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc Trung Hoa thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của nhà Nguyên. Đồ long (giết rồng) thực sự không nói về tính năng của lưỡi đao. Rõ ràng đây chính là Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Người làm ra cây đao Đồ long có khát vọng cao xa : mong người yêu nước đời sau lấy được binh thư, đẩy được quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi, giết được vua nhà Nguyên để trả hờn cho trăm họ Hán tộc. Lưỡi đao Đồ long chính là biểu tượng của bài ca yêu nước mà mọi dân tộc bị áp bức, bóc lột đều mong có được.

Lưỡi đao còn khá phổ biến trong 9 bộ tiểu thuyết võ hiệp khác của Kim Dung. Có 3 cách đánh đao: đơn đao, song đao và phi đao. Đơn đao là phép đánh đao của một người. Song đao hay song đao hợp bích là phép đánh đao của hai người cùng học một thầy, một sách liên kết để chống địch thủ. Phi đao là loại đao cực ngắn, không dùng để đánh mà để phóng vào địch thủ. Để phóng được phi đao, khách giang hồ phải đeo bao tay bằng sắt, gọi là thiết sam hay thiết bố sam. Những nhân vật sử đao trong tác phẩm Kim Dung thường là nhân vật tay chân linh hoạt, cơ trí hơn người. **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** xây dựng nhân vật Điền Bá Quang, tay cầm ngọn đơn đao, ngày chân đi ngàn dặm, nổi danh vạn lý độc hành với 13 đường khoái đao linh hoạt như gió táp, mưa sa. Chính Lệnh Hồ Xung đã có dịp đánh và nhớ lại phương pháp khoái đao của Điền Bá Quang. Chi

trong một hơi thở, hắn đã đánh ra 13 thế khoái đao gồm đông, tây, nam, bắc, tiền, hậu, tả, hữu, thượng, hạ, tung, hoành rồi đà đao dừng lại, vững như núi Thái Sơn. Hắn đánh nhanh đến nỗi Lệnh Hồ Xung nín thở và khi sư nương của Lệnh Hồ Xung là Ninh Trung Tắc cố gắng biểu hiện lại đường khoái đao đó. Lệnh Hồ Xung chỉ lắc đầu. Bà dùng kiếm, kiếm nhẹ hơn đao, đáng lẽ là đánh nhanh hơn đao. Nhưng đường kiếm mô phỏng phép khoái đao của bà còn chậm nhiều so với đao pháp của Điền Bá Quang. Về sau này, Lệnh Hồ Xung học được phép Độc Cô cửu kiếm do Phong Thanh Dương truyền cho. Anh đem kiếm pháp này dùng vào cách đánh đao; cây đao của anh là vũ khí đoạt được từ tay cầu quan Ngô Thiên Đức. Anh đã cứu phái Hằng Sơn bằng cây đao đánh theo kiếm pháp, nội công mạnh đến nỗi chưa kịp rút vỏ đao ra khỏi lưỡi, phóng đao tới, đao khí đủ giết chết kẻ thù. Cây đao của Ngô Thiên Đức là một cây đao cán dài (vì tướng quân thì phải đi ngựa). Lệnh Hồ Xung kẹp đao trong nách, chìa cán ra phía sau, lấy cán đao làm vũ khí điểm huyết. Trận chiến cứu phái Hằng Sơn trong hang Long Tuyền chú kiếm cốt là trận chiến mà thắng lợi thuộc về lưỡi đao rỉ sét của tham tướng Ngô Thiên Đức.

Cũng trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký*, Kim Dung giới thiệu cho độc giả một lưỡi đao rờm đời. Đó là đao Vương Nguyên Bá, ông ngoại của Lâm Bình Chi, một nhà giàu bạc nhất thành Lạc Dương, lấy biểu trưng là lưỡi đao bằng vàng. Lệnh Hồ Xung mất hết công lực, theo chân phái Hoa Sơn đến nhà này ăn báo cô mấy bữa. Các con của Vương Nguyên Bá vu cáo Lệnh Hồ Xung ăn cắp *Tịch Tà Kiếm Phổ* của dòng họ Lâm, dùng cầm nã thủ bẻ trật hai khớp tay của Lệnh Hồ Xung, lục trong người anh lấy ra bản cầm phổ *Tiểu Ngạo Giang Hồ* mà chúng cho là kiếm pháp. Trước nỗi

oan của học trò, bà Ninh Trung Tắc đã đề nghị nhà họ Vương cùng đi đến ngõ Lục trúc, thành Lạc Dương nhờ Lục Trúc Ông xem thử đây là cầm phổ hay kiếm phổ. Và cơ duyên này đã run rủi Lệnh Hồ Xung gặp được Thánh cô Nhậm Doanh Doanh. Chính hôm tiễn Lệnh Hồ Xung ra đi, Lục Trúc Ông cũng ra một chiêu cầm nã thủ bẻ trật 4 khớp xương tay của hai người con Kim đao Vương Nguyên Bá, trừng trị tội hỗn láo với Lệnh Hồ Xung ngày trước.

Trong **Hiệp Khách Hành**, lưới đao lại nhuộm một màu hải hươc thú vị và màu hải hươc đó được Kim Dung diễn đạt một cách điềm tĩnh lạ lùng. Đó là lưới đao của Thạch Phá Thiên. Sử bà bà giận chồng là Bạch công, chương môn phái Tuyết Sơn, và cậu con trai Bạch Vạn Kiếm. Bà bỏ nhà ra đi, dẫn theo cô cháu nội A Tú mới 14 tuổi. A Tú gặp Thạch Phá Thiên, cả hai kết làm đôi bạn nhỏ. Để trừng trị chồng, Sử bà bà lập ra một phái - phái Thái Dương; sáng tạo ra đường đao pháp mới - Thái Dương đao pháp. Thử hỏi, phái Tuyết Sơn (núi tuyết) mà gặp phải Thái Dương (mặt trời) thì số phận Tuyết Sơn sẽ ra sao ? Trong khi con ruột của bà tên là Bạch Vạn Kiếm (đánh ra 10.000 thế kiếm) thì bà nhận Thạch Phá Thiên làm đệ tử truyền nhân, đặt tên là Sử Úc Đao (đánh ra 100.000 thế đao) và dạy cho Thạch Phá Thiên những chiêu thức đao pháp hoàn toàn là khắc tinh của Tuyết Sơn kiếm pháp. Chàng thiếu niên 15 tuổi chăm chỉ học hành, càng học càng giỏi nhưng chẳng hề hiểu rõ ý đồ của sư phụ. Riêng Bạch A Tú thì hiểu tất cả. Cô biết bà nội mình đang muốn triệt hạ ông nội và cha của mình. Thử hỏi, 10.000 thế kiếm mà phải chống đỡ với 100.000 thế đao thì số phận Bạch Vạn Kiếm sẽ ra sao ? Cho nên, A Tú đã quỳ xuống trước mặt Thạch Phá Thiên, xin chàng thiếu niên ngày sau nhiều dung cho ông nội và cha. Giữa cô bé và Thạch Phá

Thiên đã có một chút tình cảm nhẹ nhàng vượt qua tình bạn đơn thuần. Thạch Phá Thiên quý người bạn nhỏ, hứa với cô sẽ không bao giờ sử dụng dao của Thái Dương đao pháp để phá bạch vạn kiếm của Tuyết Sơn kiếm pháp; rằng anh sẽ không bao giờ làm hại ông nội và ba cô. Và về sau, anh đã nối kết được những tâm hồn lạc lõng của phái Tuyết sơn, đem hạnh phúc đoàn tụ về cho họ. Lưỡi dao của anh chẳng giết ai cả, chỉ nhằm cứu người, giúp đời.

Dao gắn liền với triết lý phương Đông. Trong võ hiệp Kim Dung, có Lương nghi đao pháp, Lục hợp đao pháp, Ngũ hồ đoạn môn đao, Ngũ hành bát quái đao, Âm dương đao... Những khái niệm triết học gắn liền với đường đao cụ thể, buộc con người sử dụng dao ít nhất cũng phải có một vũ trụ quan, một nhân sinh quan để hiểu mình đang làm gì, phục vụ lợi ích nào.

Dao gắn liền với tình yêu đôi lứa. Hồ Phi cầm đơn đao đi từ đất Sơn Đông sang Trung Nguyên, gặp gỡ Viên Tử Y. Cả hai đang tuổi vào đời, tình bạn cực kỳ thâm thiết, tình yêu chỉ mới chớm nụ. Họ cùng đi, cùng ăn, cùng ở gần nhau trong ngôi cổ miếu, trong quán lương đình nhưng vẫn giữ lòng trong sạch, không gợn chút bần nhơ. Trong **Lộc Đình Ký**, Mỹ đao vương Hồ Dật Chi là một nhân vật nức tiếng giang hồ, đao pháp tinh kỳ, khuôn mặt đàn ông đẹp như ngọc. Hồ Dật Chi say mê một người phụ nữ: Trần Viên Viên. Trần Viên Viên là hoa hậu trong làng kỹ nữ, từng là thứ thiếp của vua Sùng Trinh cuối đời Minh mạt. Lý Sấm nổi loạn đánh Sùng Trinh, cướp được Trần Viên Viên. Ngô Tam Quế phản Sùng Trinh, ép Sùng Trinh tự tử, đánh đuổi được Lý Sấm, Trần Viên Viên thành vợ hờ của Ngô Tam Quế. Khi sang Văn Nam nhận chức Bình Tây vương của Khang Hy ban tặng, Ngô Tam Quế đã đưa Trần Viên Viên đi theo,

cho Viên Viên ở và tu hành trong một ngôi chùa nhỏ ngoại ô thành Côn Minh. Viên Viên dốc hết cả lòng, hát *Viên Viên Khúc* giải bày tâm trạng hồng nhan trôi nổi của mình. Mỹ dao vương Hồ Dật Chi say mê nhan sắc đó, tình nguyện bỏ lưỡi dao giang hồ, trở về nơi Trần Viên Viên tu hành, làm một người quét rác trồng hoa để được nghe Viên Viên hát. Tron cuộc đời phục thị cho người đẹp, Mỹ dao vương nghe được chừng ba, bốn chục câu. Lòng say đắm nhan sắc cỡ Hồ Dật Chi đã mấy ai trên đời có được.

Lưỡi dao gắn liền với tâm lòng nhân ái, tha thứ cho con người. **Lục Mạch Thần Kiếm Truyền** thuật chuyện bang chúng Cái bang tự tập chống lại bang chúa Kiều Phong, phạm tội khi sư diệt tổ, phải lấy pháp đao ra hành hình. Nhưng bang qui của Cái Bang cũng có điều luật qui định bang chúa có quyền tự đồ máu mình để chuộc tội cho thuộc hạ. Kiều Phong đã làm việc đó vì ông vốn thương yêu thuộc hạ. Ông tự lấy dao đâm vào da thịt mình, xóa hết tội lỗi cho những kẻ đã mưu phản ông. Câu chuyện làm ta nhớ đến tích Phật tổ tự cắt thịt mình cho chim ó ăn để cứu lấy con thỏ vô tội.

Đao gắn liền với những cuộc chiến tranh giữ nước. **Lộc Đình Ký** thuật lại chuyện quân dân đảo Đài Loan tiến hành cuộc chiến tranh chống sự xâm lược của liên quân Hà Lan và Bồ Đào Nha - tiếng Trung Quốc gọi chung là Hồng mao quỷ. Trước hòa khí cực kỳ lợi hại của người Tây dương, người Trung Quốc đã tổ chức những đội đẳng bài quân : toán trước dùng ván gỗ dầu quấn rơm che khít để chấn sủng đạn, toán sau chuyên sử đoản đao và đánh theo Địa đường đao pháp, chém vào hạ bàn (chân cẳng) của địch. Kết quả là người Đài Loan đã đẩy lui được những đợt tấn công của liên quân Tây dương. Học được kinh nghiệm đó, khi sang biên giới Trung

- Nga đánh nhau với quân Nga - mà người Trung Quốc gọi là quân La Sát - tư lệnh Vi Tiểu Bao đã tổ chức những toán Thanh binh chuyên đánh Địa đường đao, tấn công chém chân ngựa của kỵ binh Kha Tát Khắc (Cosaque). Vi Tiểu Bao bảo cáo : “chém được mấy ngàn cặp chân lông lá” để ai hiểu sao thì hiểu vì chân ngựa có lông mà chân của chiến sĩ kỵ binh Cosaque cũng có lông !

Đao là vũ khí để đấu tranh, để giết người. Nhưng trong truyện võ hiệp Kim Dung, ít có ai bị giết, bị thương bằng đao. Kim Dung nhiều lần nhắc lại câu trong kinh Phật : “Buông lưỡi đao đồ tể xuống sẽ thành Phật”. Nhiều nhân vật đã ngộ ra câu nói ấy, trong đó có cả Kim mao sư vương Tạ Tốn, một nhân vật tàn độc trong bộ *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*.

Trong tâm hồn tôi vẫn lấp lánh lưỡi đao nhân ái của tiểu anh hùng Hồ Phi. Anh không nỡ chém lưỡi đao của mình xuống thân thể của kẻ thù Miêu Nhân Phụng. Dưới bóng trăng lạnh, lưỡi đao lấp lánh và dừng lại ở khoảng không. Người đọc thở phào nhẹ nhõm, nhận ra được sự thắng lợi của lòng nhân ái, của đức bao dung. *Lãnh Nguyệt Bảo Đao* đúng là một tác phẩm tiểu thuyết lạ lùng, khắc họa hình tượng lưỡi đao vừa đẹp, vừa thơ mộng. Hồ Phi - con trai của Hồ Nhứt Đao - đã làm một việc mà cha mình chưa làm được : tha thứ cho kẻ thù và biểu dương chính nghĩa của đường đao hành hiệp, cứu người.



Chương 24

Vi Tiểu Bảo ở đâu ?

Cẩn nhâm lười là một chuyên mục tương đối mới trên tờ TTC. Mấy anh nghịch ngợm trong tòa soạn thấy tôi ham giỡn, giao chuyên mục này cho tôi rồi buộc tôi “cẩn” lung tung mặc dầu tôi chưa hề được cẩn lười ai. Cái đó kêu bằng vì nhân dân mà cẩn (?). Năm hết, Tết đến; tôi xin “cẩn” anh chàng Vi Tiểu Bảo, một nhân vật hài hước ngộ nghĩnh, dễ thương trong *Lộc Đình Ký* của Kim Dung. Cái này kêu bằng “cẩn” đỡ buồn, mua vui cho bạn đọc, như mình cẩn hạt dưa vậy.

Vi Tiểu Bảo sinh ra trong viện Lệ Xuân, một động điểm ở thành Dương Châu, Trung Hoa, vào cuối đời Thuận Trị, đầu đời Khang Hy nhà Thanh. Mẹ của Vi Tiểu Bảo - bà Vi Xuân Phương - bang giao rộng rãi trên mức tình cảm với anh em Hán, Mông, Mãn, Tạng, Hồi; chẳng nhớ rõ bố thằng bé là ai, đành lấy họ mẹ làm họ cho con. Vi Tiểu Bảo không học nên không biết chữ. Khả năng văn hóa của ngài là nhận ra được chữ Nhất (1 nét), chữ Nhị (2 nét), chữ Tam (3 nét),

chữ Tiểu (trong tên của ngài - 3 nét) và chữ thập (1 nét ngang, 1 nét sổ). Ngài có được các sở trường : chữ tục lưu loát, hát thuộc lòng bài *Thập Bát Mô* “Một ta sờ...Hai ta sờ...Ba ta sờ...Sờ đúng cái đùi của nàng” và nhớ được một mớ tuồng tích, cổ sự trong *Anh Liệt Truyện*.

Cuộc sống chọn rộn, ngài theo tráng sĩ Mao Thập Bát trốn lên Bắc Kinh, lọt được vào cung nhà Thanh. Nơi đây, ngài giết thái giám Tiểu Quế Tử rồi tự xưng là Tiểu Quế Tử, hóa thành tên thái giám giả hiệu. Ngài trốn vào trù phòng án vụng, tình cờ làm quen và kết bạn với vua Khang Hy (hơn ngài 2 tuổi). Lên 15 tuổi, ngài tăng tị với em gái nhà vua là công chúa Kiến Ninh, dám chửi nàng là “con đười non”, chửi thái hậu (giả) là “mụ diêm già”. Trên cơ sở những kiến thức lưu manh đặc thủ được tại thành Dương Châu cộng với những kiến thức tu nghiệp được về ngành trá ngục học trong hoàng cung, ngài xứng đáng là nhân vật đệ nhất trá ngục. Nhờ ném tàn hương giết được quyền thần Ngao Bái, ngài được vua phong phó đô thống hoàng kỳ, tước hiệu Ba Đồ Lỗ. Cơ duyên đưa đẩy, ngài may mắn gặp được tổng đàn chúa Thiên địa hội Trần Cận Nam, được ông thu làm đệ tử và được phong chức hương chủ thanh mộc đường. Đây là một tổ chức chống nhà Thanh, khôi phục nhà Minh. Vì Tiểu Bảo trở thành gián điệp hai mang, hoạt động gián điệp một cách xuất sắc, phục vụ cho cả Thanh triều và Thiên địa hội !

Vua Khang Hy đã nhìn thấy chiều sâu văn hóa của Vi Tiểu Bảo : không bao giờ nói đúng 4 chữ Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang; không bao giờ nhớ được câu thành ngữ “*thủ khẩu như bình*”. Tuy nhiên, vừa ghét bọn quan lại cầu an xôi thịt,

vừa mền thẳng bé ngổ nghĩnh, miệng trơn như mỡ; nhà vua lần lượt phong cho ngài các chức chánh đô thống hoàng kỳ, tổng quân thái giám, khâm sai đại thần công cán Văn Nam, tứ hôn sứ, phó trụ trì chùa Thiếu Lâm (tỉnh Hồ Nam), chánh trụ trì chùa Thanh Lương (Ngũ Đài Sơn), khâm sai xây dựng Trung liệt tử Dương Châu, tư lệnh mặt trận thủy chiến đánh Thân long giáo, Lộc Đình công, tư lệnh mặt trận đánh quân La Sát (người Nga) ở biên giới Trung-Nga, đại sứ đặc nhiệm toàn quyền đàm phán Trung - Nga. Đàm nhiệm những chức vụ cao cả đó, ngài hoàn thành được một số công việc, có khi nghiêm chỉnh, có khi tào lao : ép buộc Ngô Tam Quế tạo phản, cứu mạng được nhiều anh hùng Thiên địa hội, bắt phò mã Ngô Ứng Hùng, gia nhập Thân long giáo, ngủ được với 7 phụ nữ Trung Quốc và 1 phụ nữ Nga, bảo vệ sinh mạng cựu hoàng Thuận Trị, khám phá âm mưu nằm vùng của giả thái hậu thuộc Thân long giáo, bình trị những âm mưu tạo phản của Mông Cổ và Tây Tạng, bắt được cầu quan Hán gian Ngô Chí Vinh, hòa giải mối xung đột Trung - Nga, đánh gần chết Trịnh Khắc Sấn - lãnh đạo của thầy mình... Công lao của Vi Tiểu Bảo lớn hơn bất kỳ công lao nào của các vị cổ mệnh đại thần Mãn Châu.

Nghệ thuật làm quan của Vi Tiểu Bảo rất đơn giản : chửi tục luôn mồm, dùng tiền mua chuộc lòng trung thành của kẻ dưới, tặng quà hậu hỷ cho đồng僚 và sẵn sàng đòi kẻ khác đưa tiền. Qua thăm Ngô Tam Quế, ngài nói một câu là kiếm được ba trăm vạn lạng vàng. Trịnh Khắc Sấn dám yêu A Kha của ngài; ngài bắt đánh cho một trận té đái vãi phân, bắt lấy máu viết lên vải vắn tự thiếu một trăm vạn lạng. Ngài là nhân vật đầu tiên dùng nữ vệ sĩ; là nhà tu

(già) làm phó trụ trì một chùa danh tiếng mà dám đánh bạc, chọc gãi; là viên tướng duy nhất đi tiểu và bảo quân thụt nước đó vào thành trì của người Nga. Tuy ngài không biết chữ nhưng vẫn nói khoác rằng mình học được văn tự cổ nòng nọc, vẽ vẽ một vài tiếng Nga như “Tứ mạn cơ” là giết chết đi, “Phục đặc gia tửu” là rượu Vodka. “Hà thư ni khắc” là món thịt nướng, nhưng vẫn tự hào là mình tinh thông tiếng La Sát (?). Khi đại sứ Nga qua Bắc Kinh trình quốc thư, ngài nhận nhiệm vụ phiên dịch. Đại sứ đọc, ngài dịch lưu loát: “Văn thành vô đức, nhân nghĩa anh minh, thương sinh trạch bị, thọ dữ thiên tề”... Hóa ra, đó là những câu nịnh bợ của Thần long giáo mà ngài lỡ thuộc, không dính dáng gì đến quốc thư của Sa hoàng. Thế nhưng, vua Khang Hy vẫn mặt rùng rợn hơn hờ, cười nói mê ly! Bọn quan triều Thanh bãi phục Vi đại soái không biết đâu mà kể! Cuối cùng, dù có đùa giỡn đến mấy, Kim Dung cũng phải cho nhân vật Vi Tiểu Bảo của mình đi trốn cùng với 7 mụ vợ hương trời sắc nước Tô Thuyên, A Kha, Mộc Kiếm Bình, Phương Di, Tăng Nhu, Song Nhi và Kiến Ninh công chúa. Trước đây bọn họ đã về Dương Châu, bà Vi Xuân Phương nhìn đàn cháu tươi tốt, thâm khen con có mắt tinh đời; nếu già lập nên một viện thì toàn thể các viện ở Dương Châu sẽ sụp tiệm. Nay, chắc Vi Tiểu Bảo không dám về Dương Châu vì sợ vua Khang Hy truy nã. Ngay đến trùm cười Kim Dung cũng chẳng biết nhân vật của mình trốn đi đâu. Viết truyện cười như vậy quả thật thế gian đệ nhất, bọn hậu sinh ở TTC xin ngã nón kính chào cụ. Ba trăm năm đã trôi qua, tất nhiên ta cũng chẳng nắm rõ hậu duệ của Vi lão gia. Thế nhưng, ở đâu có bia ôm, động điểm; ở đâu có tham những,

có dùng tiền mua chuộc kẻ dưới người trên; ở đâu có chữ tục “con mẹ nó, tổ bà mười tám đời quân rùa đen, phường chó đẻ”; ở đâu có nịnh bợ; ở đâu có kẻ thú nhận “chữ nghĩa biết ta nhưng ta chẳng biết nó” thì ở đó có tinh thần Vi Tiểu Bảo được lưu truyền.



Phụ lục 1

***Giã Biệt
Cõi Giang Hồ***

Trích : Liên Thành Quyết

Liên Thành Quyết tức **Tổ Tâm Kiếm** là 1 trong 11 bộ võ hiệp tiểu thuyết của Kim Dung, ít người Việt Nam biết đến.

Chuyện kể về chàng **Địch Vân**, một thanh niên trong sáng, sống giữa một đời nhiều trá ngụy nhưng vẫn giữ được phẩm chất của một khách giang hồ nghĩa hiệp. Sau khi khám phá ra bộ mặt thật của sư phụ mình là **Thích Trường Phát** và của những người đồng môn với sư phụ mình, chàng đã không bị giết bởi lòng tham như bao người khác. Hoàn thành tâm nguyện của **Đình Điện**, một người anh em kết nghĩa đã qua đời hằng mong được chôn chung một nơi với người tình cũ là tiểu thư **Lãng Sương Hoa**. **Địch Vân** đã trọn lời hứa rồi bỗng một cháu bé mồ côi - con của **Thích Phương**, đi về núi **Nga My**, vùng **Quan Ngoại**, định ẩn cư. Ở đây, một cô gái trong trắng hết lòng thương yêu anh đã đến trước, chờ anh. Chương cuối cùng là một chương thể hiện rất cao kỹ thuật tiểu thuyết của Kim Dung vì nó khái quát hóa được toàn bộ sự kiện đã xảy ra ở 8 quyển trước của bộ **Liên Thành Quyết**, đồng thời mở ra cho chúng ta một chân trời mới : cái hậu ngọt ngào và lãng mạn trong tiểu thuyết phương Đông.

Địch Vân nhảy qua tường vào đến thư phòng nhà họ **Vạn**. Lúc đó, trời đã gần sáng; dưới ánh sáng của vầng trăng sắp lặn, chàng thấy một người nằm dưới đất, hình như là **Thích Phương**. **Địch Vân** hoảng hốt, vội lấy đá lửa đánh lên. Mây sao, trên ghé vẫn còn một cây bạch lạp. Dưới ánh đèn sáng, chàng thấy người **Thích Phương** đầm đìa những máu, bụng hầy còn cắm một cây đoản đao.

Trên thân Thích Phương còn đầy gạch đá, vách tường bị khoét một lỗ lớn. Cha con họ Vạn đã khuất bóng rồi.

Địch Vân khẽ nâng Thích Phương, ôm vào lòng và gọi :

- Sư muội, sư muội ơi !

Chàng nổi giận đến toàn thân run rẩy, âm thanh như cơ hồ lạc hẳn đi. Đưa tay sờ mặt Thích Phương, chàng cảm thấy còn chút hơi ấm và mũi nàng còn chút hơi thở dù rất nhẹ. Tâm thần chàng ổn định lại được một chút :

- Sư muội ơi !

Nghe tiếng Địch Vân gọi, Thích Phương từ từ mở mắt ra, miệng nở nụ cười khô héo :

- Sư ca... Tiểu muội... xin lỗi sư ca.

Địch Vân ngăn lại :

- Sư muội đừng nói nữa. Ta đến cứu sư muội đây.

Rồi chàng nhẹ nhàng đặt Không Tâm Thái, con của Thích Phương và Vạn Khuê, sang một bên; tay trái ôm lấy người Thích Phương; tay phải nắm cán cây đoản đao toan rút ra. Nhưng chàng liếc nhìn xuống phía dưới, thấy lưỡi đoản đao cắm quá sâu vào bụng nàng, nếu rút đao ra nàng sẽ chết ngay nên chàng đành dừng tay lại. Nhất thời, chẳng biết phải làm sao, Địch Vân hỏi :

- Sư muội ! Tại sao ? Tại sao ? Ai đã hại sư muội ra nông nỗi này ?

Thích Phương gương cười đáp :

- Sư ca... Người đời nói là một đêm vợ chồng... Chao ôi... Thôi, tiểu muội không nói nữa... Xin sư ca đừng trách... Tiểu muội không nở nhân tâm, đã để Vạn Khuê đi rồi. Hân... Hân...

Dịch Vân nghiêng răng nói :

- Chính gã... Gã quay lại đâm hiên muội một đao phải không ?

Thích Phương cười đau khổ, không nói.

Dịch Vân lòng đau như cắt, bất lực nhìn sinh mạng của Thích Phương chỉ còn trong giây lát. Vạn Khuê đã đâm nàng một đao hiểm ác như thế, vô luận thế nào cũng không thể cứu nàng được rồi. Lòng căm thù Vạn Khuê đột nhiên trôi dạt :

- Muội tử... cuối cùng chỉ yêu chồng mà thôi. Than ôi, muội tử tha chịu nhận cái chết để cứu gã.

Thích Phương nói :

- Sư ca ơi, sư ca trách như vậy là không đúng đâu. Tiểu muội chỉ vì Không Tâm Thái... Bọn phụ nữ đều như nhau thôi.

Dịch Vân yên lặng, một lúc sau mới lên tiếng nói :

- Tên tặc tử ấy... hân đi đâu vậy ?

Ánh mắt Thích Phương đã bắn loạn, lời nói của nàng trở nên hồ đồ :

- Trong sơn động có một đôi bướm bay qua bay lại. Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài. Sư ca ơi, nhìn đi, hãy nhìn đi ! Một con là sư ca, còn một con là tiểu muội. Chúng ta như đôi bướm ấy, vĩnh viễn không bao giờ chia lìa nhau. Sư ca nghĩ xem có tốt không nào ?

Hơi thở nàng yếu dần, yếu dần rồi tắt hẳn.

Địch Vân một tay ẩm Không Tâm Thái, một tay ôm thi thể Thích Phương, từ trong nhà họ Vạn bước ra. Chàng định tâm sẽ dùng lửa đốt sạch cái sào huyết chó má này nhưng lại đổi ý :

- Dầu ngôi nhà này có cháy đi nữa, cha con họ Vạn chắc chắn cũng không quay lại. Ta muốn phục thù cho sư muội, cứ để ngôi nhà lại đó.

Địch Vân chạy đến một khu vườn hoang mà năm nào Đình Điển đã chết ở đó. Dưới gốc mai, chàng đào một cái huyệt rồi đặt xác Thích Phương vào và lấp lại. Chàng giữ lại thanh đoản đao mà Vạn Khuê dùng để giết Thích Phương, thề nhất định sẽ dùng nó để lấy mạng cha con nhà họ Vạn. Chàng đau lòng quá đến nỗi khóc không ra nước mắt, tự trách mình :

- Vì sao trước đây ta không đánh chết cha con quân ác tặc này để bây giờ chúng giết hại sư muội của ta ?

Không Tâm Thái kêu khóc luôn miệng, khiến chàng thêm phiền não. Rảo bước ra phía ngoài thành Giang Lăng, chàng tìm được một nhà nông phu, đưa ra mười nén bạc, nhờ người nông phu chăm sóc dùm Không Tâm Thái. Mọi

chuyện xong xuôi, chàng bỏ công đèn phục trước nhà họ Vạn, nửa tháng trôi qua mà vẫn không thấy tông tích của bọn chúng. Thật kỳ lạ, đến cả bọn đồ đệ của Vạn gia trang như Bốc Giáp, Lô Pháp, Phùng Thân, Trầm Thành cũng chẳng thấy có ma nào xuất hiện. Tỳ tộc nhà họ Vạn đã tan tác cả rồi !

Trong thành Giang Lăng bỗng có nhiều nhân vật võ lâm từ khắp nơi tụ tập về. Một đêm nọ, Dịch Vân nghe được mấy gã nói chuyện :

- Liên Thành Quyết Kiếm nguyên là có trong bộ *Đường Thi Tuyển Tập*. Hình như đầu tiên là bốn chữ “Giang Lăng thành nam” thì phải.

- Đúng rồi ! Mấy hôm nay, ngọn gió tìm báu vật thổi người đến đây không ít. Chỉ tiếc là không biết 4 chữ sau là gì thôi.

- Thế thì là 4 chữ gì ? Bọn ta cũng chỉ biết được 4 chữ “Giang Lăng thành nam” mà thôi.

- Ha ha ! Hèn chi mấy ngày hôm nay, trong tiệm sách người đến mua *Đường Thi Tuyển Tập* nườm nượp. Sáng nay, tiệm sách không mở cửa nữa, có lẽ là sách đã bán hết sạch rồi. Nghe nói mỗi quyển giá 5 nén bạc cũ cũng có người đòi mua cho bằng được.

- Người biết giá sách như vậy, chắc là người mua được rồi ?

Dịch Vân trầm nghĩ :

- Liên Thành Quyết Kiếm có thể đã truyền ra ngoài.

Nhưng ai truyền đi ? Đúng là cha con nhà họ Vạn rồi. Vạn Chấn Sơn biết trước, muốn đi tìm kho báu, bọn đồ đệ của hắn nghe lỏm được, cũng bỏ đi sạch. Chính vì vậy, người biết càng lúc càng nhiều.

Chàng nghĩ đến năm nào, khi nằm trong nhà lao ở phủ Giang Lăng cùng đại ca Đinh Diễm, nhiều nhà hảo sĩ giang hồ cũng phong thanh mà đến, nhất thiết đòi đánh chết Đinh Diễm mới nghe. Ôi, việc của Đinh đại ca ta chưa làm xong mà việc ấy so với mối thù của ta thì

Cha của Lăng tiểu thư hiện là Giang Lăng tri phủ. Chàng tìm đến tiệm bán mộ bia lớn nhất thành Giang Lăng dò hỏi mới hay mộ phần của Lăng tiểu thư nằm ở phía đông Giang Lăng, trên một sơn đảo cách thành 12 dặm. Dịch Vân mua nhang đèn, vàng mã rồi đi ra cửa đông, không bao lâu đã tìm thấy mộ phần. Bia mộ viết 7 chữ : “Ái nữ Lăng Sương Hoa chi mộ”. Dịch Vân đọc thấy 7 chữ đó thì bật cười :

- Ha ha. Ái nữ, ái nữ ! Người đã thương yêu con gái đến như vậy sao ?

Trước mộ không hoa, cũng chẳng có cây. Nhưng sinh thời, Lăng tiểu thư thích nhất là hoa tươi mà lão Giang Lăng tri phủ kia lại không trồng được một cụm hoa ở đây. Dịch Vân lại nghĩ đến Thích Phương và Đinh Diễm, không cầm được nước mắt. Áo của chàng trước đã ướt đầm dòng lệ khóc Thích Phương thì bây giờ lại đầm giòng lệ mới khi đứng trước mộ Lăng Sương Hoa. Vùng phụ cận của sơn đảo không có nhà cửa, cũng chẳng có ai qua lại. Nhưng ban ngày, Dịch Vân không tiện dạo mã, phải chờ đến ban đêm. Đã từng trải qua những năm tháng đau thương, Dịch Vân không phải là người dễ dàng đau lòng, dễ dàng rơi lệ. Nhưng

dưới ánh trăng âm đạm, khi đào đến lớp áo quan, sức nhớ đến Đinh đại ca cũng vì cổ quan tài này trúng độc mà chết, chàng không cầm được nước mắt.

Tri phủ Lăng Thoái Tư đã từng bôi chất Kim phá tuần hoa kích độc ở phía ngoài quan tài để đầu độc Đinh đại ca. Tuy ngày đó đã lâu lắm rồi nhưng Dịch Vân không dám mạo hiểm dùng tay không. Chàng bèn rút thanh huyết đao, nhẹ nhẹ nạy nắp áo quan ra.

Nắp áo quan được đẩy ra, Dịch Vân kêu lên một tiếng kinh ngạc. Chàng nhìn thấy hai xương cẳng tay của Lăng tiểu thư đưa lên cao. Có lẽ nào khi xác của Lăng tiểu thư được nhập quan, hai tay lại đưa lên cao như vậy ? Thật là kỳ lạ. Trong quan tài không có áo liệm, Lăng tiểu thư chỉ được mặc một chiếc áo mỏng.

Dịch Vân trầm khấn nguyện :

- Đinh đại ca ! Lăng tiểu thư ! Khi hai vị còn sống không thể kết thành phu phụ thì tâm nguyện sau khi chết được đồng táng cuối cùng cũng đã hoàn thành. Đại ca và tiểu thư có linh thiêng chắc cũng ngậm cười nơi chín suối.

Nguyện xong, chàng cởi cái bọc đeo trên lưng xuống, mở ra rồi lấy tro xương của Đinh Diễm rải đều lên hải cốt của Lăng tiểu thư. Chàng quỳ xuống, cung kính lạy bốn lạy rồi nâng nắp quan tài lên, định đặt lại. Hốt nhiên, dưới ánh trăng tà, Dịch Vân thấy bên trong nắp áo quan có mấy chữ viết mờ mờ, bèn ghé mắt tới gần để xem. Đó là mấy chữ viết xiêu vẹo : "Đinh lang ! Đinh lang ! Nguyện xin kiếp sau, đôi ta được làm vợ chồng". Dịch Vân lạnh cả người, ngồi phệt

xuống đất. Mấy chữ nầy hình như được khắc bằng móng tay. Chàng nghĩ ngợi một lát rồi chợt hiểu : Lãng tiều thư bị phụ thân chôn sống, lúc đặt vào quan tài, nàng hoàn toàn chưa chết. Mấy chữ nầy do chính móng tay của nàng khắc lên. Vì vậy, đến lúc chết, tay nàng mới giờ cao như thế. Trong thiên hạ lại có thể có một người cha lòng lang dạ thú như Lãng Thoái Tử tri phủ như vậy sao ? Đinh đại ca của ta cuối cùng cũng không khuất phục mà Lãng tiều thư cuối cùng cũng không phụ đại ca. Phụ thân nàng càng đợi chờ càng thêm hận nên mới hạ độc như thế.

Chàng lại nghĩ :

- Lãng tri phủ phát giác ra chuyện Đinh đại ca vượt ngục, biết rằng nhất định đại ca sẽ tìm lão để thanh toán. Cho nên lão mới bơi lên quan tài Lãng tiều thư chất kịch độc Kim phá tuần hoa để đầu độc đại ca. Lòng dạ lão càng độc gấp trăm lần Kim phá tuần hoa vậy.

Nhìn kỹ nắp áo quan, chàng lại thấy mỗi bên có hai hàng chữ : “Năm mươi một, ba mươi ba, hai mươi sáu ...”, Dịch Vân nghĩ :

- Phải rồi, cho đến khi chết, Lãng tiều thư vẫn tâm nguyện được cùng Đinh đại ca hợp táng. Nàng đem bí mật của Liên Thành Kiếm Quyết tặng cho người nào giúp cho họ được chôn chung một mộ nên đã ghi lại như thế này đây. Sư phụ Thích Trường Phát của ta vốn dĩ đã bị kiếm phổ mà làm cho sư muội đau khổ, khiến cho cha con Vạn Chấn Sơn đánh mất bước tương lai. Ta chỉ biết bí mật của kiếm phổ do vậy mà thân danh cũng phải mai một. Nào hay, Lãng tiều thư ghi lại nơi này.

Chàng lặng lẽ chúc cáo :

- Lãng cô nương, cô thật là người giữ chữ tín. Đa tạ tấm lòng của cô. Dịch Vân dù có bị đốt cháy thành tro cũng phải giúp hai người được bên nhau vĩnh viễn. Nay chỉ còn mối thù lớn phải trả là phải giết cho được cha con nhà họ Vạn và phụ thân của cô, vàng bạc châu báu đối với tại hạ chỉ là cát bụi.

Cáo xong, chàng nâng nắp quan tài lên nhưng lại nãy ra ý nghĩ :

- Đúng quá ! Cha con họ Vạn không biết lúc này trốn tránh nơi nào, chỉ sợ suốt đời này ta cũng khó tìm ra chúng. Chỉ bằng ta đem bí mật này của kho báu viết trước mắt mọi người ; bọn Vạn Chấn Sơn thế nào cũng mò tới xem. Cha con hắn dù có thận trọng đến đâu cũng không thoát khỏi sự quyền rũ của kho báu.

Chàng mở nắp áo quan ra, học lại thật kỹ những chữ mà Lãng tiểu thư đã viết rồi mới đóng nắp lại như cũ và lấp đất lên mộ phần. Như vậy, tâm nguyện của Đinh đại ca và Lãng cô nương đã hoàn thành. Dịch Vân dự định phục thù xong, sẽ đến lại nơi này trồng mấy trăm cây hoa cúc - loại hoa mà cả hai người thích nhất. Tốt nhất là để tìm được loại cúc nổi tiếng Xuân thủy bích phá mới trồng.

Hai ngày sau, khi trời vừa sáng, trên bức tường thành phía nam thành Giang Lăng, đột nhiên xuất hiện 3 hàng chữ, mỗi chữ lớn hơn một thước, đứng từ xa vẫn có thể đọc được : “Tứ ngũ thập nhất, tam thập tam, nhị thập bát, ...” Điều kỳ lạ nhất là những chữ này cao hơn mặt đất trên hai

trượng, trong thành Giang Lăng e rằng chưa có cây nào cao đến như vậy để có thể treo lên viết chữ, trừ phi kẻ nào đó buông dây từ trên cao xuống mà viết.

Cách chân tường thành hơn 10 trượng, Dịch Vân giả làm một gã khiêu hóa, ngồi lặng lẽ quan sát. Người ra kẻ vào cửa nam thành nhộn nhịp nên chỉ vài giờ sau, trên các đường phố, trong các quán trà, đã thấy có nhiều nhóm to nhỏ bàn luận, cũng có những người đến tận thành để xem. Nhưng ngoại trừ cách viết khác thường còn mấy chữ này chẳng có gì lạ nên mọi người xôn xao một lúc rồi cũng bỏ đi. Bọn họ đều cầm trên tay cuốn *Đường Thi Tuyển Tập* và sao chép lại mấy chữ đó, mặt đắm chiêu suy nghĩ.

Dịch Vân thấy họ quả là một bọn mê muội. Khi đã không biết thứ tự các chiêu thức của Liên Thành Kiếm Quyết thì dấu trong tay có *Đường Thi Tuyển Tập* và đọc được những chữ trên tường cũng vô dụng mà thôi. Trên đời này chỉ có 3 người biết được các bí mật đó : Vạn Chấn Sơn, Ngôn Đạt Bình và Thích Trường Phát.

Đang mãi suy nghĩ, một lát sau, chàng thấy Lỗ Giáp đến, cùng với 3 người khác nhỏ to bàn bạc. Từ xa, Dịch Vân không nghe bọn chúng nói gì, chỉ thấy 3 người nói xong, quay vào thành. Một lúc sau, chúng trở ra lại, đều đã cải trang. Một gã giả làm người bán trái cây, một gã giả làm người bán rau, một gã giả làm phu khuân vác. Cả 3 ngồi dưới chân tường thành, chăm chú nhìn các khách qua lại.

Dịch Vân biết được bụng dạ chúng : chúng đang chờ Vạn Chấn Sơn đến. Chúng không thấu hiểu hết những bí mật nhưng chỉ cần bám theo Vạn Chấn Sơn là có thể tìm ra

được kho tàng. Đương nhiên, gặp lại sư phụ là một điều nguy hiểm nhưng bọn chúng muốn phát tài, còn có coi nguy hiểm ra chi.

Bốn chữ đầu của Liên Thành Kiếm Phổ đã truyền đi :
“Bốn - năm mươi một, ba mươi ba, hai mươi tám” là Giang Lăng thành nam.

Song phía sau đó còn tiếp theo một dãy chữ số, kẻ xuân ngốc nhất cũng phải hiểu được còn nhiều bí mật trong kiếm phổ.

Người đến ngồi dưới chân thành càng lúc càng đông, có người hỏa trang, có người không. Dịch Vân đếm được tất cả 78 người. Chẳng bao lâu, Bốc Viên và Phùng Thần cũng đến. Hai sư huynh đệ không hiểu tại sao cha con họ Vạn chưa xuất hiện nhưng sau cùng cũng ngồi xuống.

Đợi đến trưa, vẫn không thấy cha con Vạn Chấn Sơn. Đợi đến gần tối cũng chẳng thấy. Nhiều người nóng tính, ngoác miệng ra mà thổng mạ cha con họ Vạn.

Trời đã khuya, một bóng người dáng vẻ như thầy đồ, tay cầm nghiên mực, giấy, bút, nghiêng đầu đứng chép những chữ trên tường thành. Một gã đại hán đang bực mình mà không có chỗ phát tiết, nắm lấy người đồ quá lớn :

- Tại sao ngươi chép những chữ đó ?

Vị tiên sinh ấy đáp :

- Ta có việc dùng đến, ngươi hỏi làm chi ?

Đại hán kia quát tiếp :

- Người chịu nói hay không ? Ta phải đánh cho người
mấy quyền ...

Tiên sinh sơ hãi, lắp bắp :

- Người ta..., người ta.... bao tôi làm.

- Ai ?

- Là một lão tiên sinh. Vạn Chấn Sơn, Vạn lão tiên
sinh.

Vạn Chấn Sơn ! Ba tiếng này vừa thốt ra, đám đông
cùng ồ lên một lượt. Dịch Vân thực sự vui mừng, trong cái
vui có pha một chút thù hận và đau đớn. Vị tiên sinh kia cả
sợ, chân cao chân thấp chạy về hướng đông. Hơn 100 người
chạy theo sau. Vạn Chấn Sơn không đến, tất nhiên phải đi
tìm vì chỉ có lão mới hiểu rõ bí mật bên trong. Mọi người
cùng ý vào người đông thể mạnh chắc chắn sẽ buộc được lão
chỉ ra chỗ dấu kho báu.

Dịch Vân cũng có mặt trong đám đông, nghĩ thầm :

- Vạn Chấn Sơn là một tên giặc già cực kỳ xảo hoạt,
quyết không dễ dàng lộ diện cho người khác nhận ra được.
Chắc chắn màn kịch này có âm mưu gì đây.

Lúc này, những người rời cửa nam thành đã khá xa.
Chàng quay lại nhìn về hướng tường thành, chợt thấy bóng
một người trên tường thành lướt qua, nhắm hướng tây mà
chạy.

Dịch Vân nghĩ bụng :

- Cả một đoàn người đuổi theo, nhất định lão đồ gàn kia không thoát đâu được. Nếu họ tìm được Vạn Chấn Sơn thì tuyệt nhiên không thể rời xa lão tặc ấy. Giang Lăng thành rộng lớn thế này, tìm ra cha con họ Vạn quả thật khó khăn. Nếu cứ chạy loạn lên như thế này cũng chẳng được việc gì. Hà tất ta phải theo bọn họ.

Chàng dừng lại, ẩn mình sau một gốc cây rồi đại triển khinh công, xoay người chạy theo hướng tây, trong chớp lát đã đuổi kịp theo bóng người kia. Khinh công của gã cũng thuộc loại thượng thừa nhưng so với chàng hầy còn kém xa. Hắn không phát giác ra có người đuổi theo phía sau nên cứ cắm đầu cắm cổ chạy. Chạy đến trước một gian phòng nhỏ, hắn đẩy cửa bước vào. Dịch Vân đứng đợi ở bên ngoài, giây lát đã thấy ánh đèn hắt ra từ cửa sổ.

Chàng nép mình ngoài cửa sổ, nhìn qua rèm, chỉ thấy trong phòng có một lão già đang ngồi quay lưng ra ngoài. Lão đang mở một cuốn sách, chỉ thoáng nhìn qua Dịch Vân cũng đã biết đó là *Đường Thi Tuyển Tập*. Những ngày gần đây, quyển sách này được lưu hành rộng rãi tại thành Giang Lăng. Có lẽ lão chưa thoát khỏi vòng trần lụy nên cũng có một quyển như vậy. Chàng thấy lão cầm cây bút cùn, viết lên một tờ giấy vàng ệch mấy chữ "Giang Lăng thành nam" và lẩm bầm :

- 1, 5; 1, 6; 1,5; 1,6 ... chữ thứ 18.

Rồi lão viết lên giấy chữ "Thiên".

Dịch Vân hết sức kinh ngạc, nghĩ thầm :

- Lão này có thể tìm ra chữ "Thiên" trong Đường thi, đủ biết lão cũng rõ về Liên Thành Kiếm Pháp.

Cứ theo dáng ngồi thì lão không phải là Vạn Chấn Sơn. Lão mặc một chiếc áo màu xám, cũng chẳng rõ là thân phận gì trong nhà. Lão lục lọi một lúc, bấm đốt ngón tay tính toán lại viết ra một chữ, tất cả được 26 chữ. Dịch Vân ráp từng chữ lại, đọc tâm thành câu : “Tây thiên Ninh tự, đại diện Phật tượng hướng di kiến thành mô bái thông linh chúc cáo Như Lai tứ phúc vãng sinh cực lạc”.

Lão già giận dữ, vứt bút xuống ghế, nói :

- Nào là hướng chi kiến thành mô bái thông linh chúc cáo, lại cái gì là Như Lai tứ phúc vãng sinh cực lạc. Chẳng lẽ xúi lão gia đi gặp Thập điện Diêm vương ?

Dịch Vân nghe giọng nói rất quen, đang nghĩ xem đó là ai, khi người lão quay mặt lại, Dịch Vân suýt kêu lên thành tiếng. Hóa ra đó là nhị sư bá Ngôn Đạt Bình. Hèn gì mà lão biết được các kiếm chiêu. Đây lại là bí mật gì nữa ? Lão vốn là người hý lộng mà. Trong lòng chàng nổi lên một trận cười thâm :

- Chỉ vì câu nói của người thích đùa giỡn mà có biết bao nhiêu người hao tâm tổn trí, có kẻ còn giết sư phụ, hại đồng môn.

Ngôn Đạt Bình lại cười lớn :

- Ha ha ! Bảo ta hướng chi kiến thành mô bái thông linh chúc cáo Như Lai. Tổ mẹ nó, thứ tượng bùn đắp gỗ tạc. Tứ phúc hay chẳng tứ phúc vốn ở ta. Ha ha, con bà nó. Còn bảo lão tử vãng sinh cực lạc ư ? Bọn ta đã hợp đao giết sư phụ, sư huynh với ta người tranh kẻ đoạt chẳng qua là để vãng sinh cực lạc ư ? Trong thành Giang Lăng này, mấy

trăm anh hùng hào hán tranh qua, giành lại cũng vì câu vãng sinh cực lạc. Ha ha, quả là nực cười !

Tiếng cười của gã cực kỳ thô lương, ảm đạm. Ngôn Đạt Bình cầm tờ giấy xé tan từng mảnh. Dịch Vân nghĩ đến số phận mình từng hứng chịu biết bao đau thương. Thích Phương chết cũng chính vì bí mật của Liên Thành Quyết Kiếm mà bí mật ấy lại nằm trong mấy lời nói đùa. Chẳng muốn mở miệng cười theo sư bá.

Ngôn Đạt Bình hướng mặt nhìn ra cửa sổ, tựa hồ như đang nhìn thấy được cái gì. Lão lẩm bầm :

- Đến nước này, ta cũng nên tới Thiên Ninh tự xem sao. Phía tây thành Giang Lăng đúng là có ngôi cổ tự.

Nói xong, lão tắt đèn, bước ra, vận khinh công đi về hướng tây.

Dịch Vân nghĩ :

- Ta đi tìm Vạn Chấn Sơn, sao lại theo chân sư bá ? Nhưng sư bá vốn dĩ đang đi tìm kho báu, vậy trước cứ theo sư bá đã.

Đi chưa đầy nửa giờ, Ngôn Đạt Bình đã đi đến chùa Thiên Ninh. Lão đứng bên ngoài nghe ngóng một lúc, lại đảo quanh một vòng rồi mới đẩy cửa bước vào.

Thiên Ninh tự hoang phế đã lâu. Ngôn Đạt Bình tiến vào, trên tay cầm một cây đuốc, nhìn thấy cây bạch lạp trên thềm đàn như vừa có ai mới đốt, lão đưa tay sờ thử. Quả nhiên có người vừa ở đây. Ngôn Đạt Bình sinh nghi, ném

đuốc, bước ra ngoài kiểm soát. Đột nhiên, lão cảm thấy sau lưng đau đớn kịch liệt. Thì ra, lão đã bị một lưỡi dao bén ngót cắm vào lưng, chỉ kịp kêu lên một tiếng rồi ngã vật xuống.

Địch Vân núp sau cánh cửa, thấy Ngôn Đạt Bình bị ám toán mà không kịp ra tay cứu giúp. Kẻ sát nhân là ai ? Trong bóng tối, chàng chỉ nghe được tiếng cười lạnh lùng, âm thanh thật đáng sợ nhưng cũng rất quen thuộc. Bỗng nhiên, trong miếu sáng hẳn lên rồi một người cầm bạch lạp đi vào. Hóa ra là sư phụ Thích Trường Phát. Địch Vân muốn kêu lên một tiếng.

Thích Trường Phát đá một cước vào thi thể Ngôn Đạt Bình, rút trường kiếm ra khỏi người lão rồi chém liên tiếp nhiều nhất nữa. Thi hành xong thủ đoạn, lão cười lạnh lùng, nói :

- Nhị sư ca ! Sư ca cũng tìm được bí mật của kiếm phổ phải không ? Ha ha ! Giang Lăng thành nam biên tây, Thiên Ninh tự đại điện Phật tượng hướng chi thành mô bái, thông linh chúc cáo. Sư ca, trong kiếm phổ có nói : “Như Lai tứ phúc vãng sinh cực lạc”. Sư ca chẳng phải là đang vãng sinh cực lạc sao ?

Lão quay sang ngắm nghía khuôn mặt tử bi của tượng Phật Như Lai. Mặt lão đầy nét tàn bạo, nói tiếp :

- Xú Phật. Con bà nó ! Dám đùa làm lão tử uống phỉ cả đời, đau khổ đến vậy !

Lão tung người nhảy lên thân đàn, gươm trường kiếm chém 3 nhát vào bụng tượng. Tượng Phật đắp bằng đất mà

khi chém vào lại phát ra tiếng loảng xoảng. Thích Trường Phát nghe được âm thanh đó, chém thêm mấy nhát rồi cần đèn tiến lại gần để xem. Ở những chỗ bị kiếm chém sâu vào hiện ra ánh kim quang chói lọi. Thích Trường Phát đưa tay moi những chỗ bị kiếm chém thì thấy bên trong tượng đầy cả vàng. Không nén nổi, lão sung sướng reo lên :

- Đại kim Phật. Toàn là vàng ! Toàn là vàng !

Tượng Phật cao khoảng 3 trượng, nếu như toàn thân bằng vàng ít ra cũng đến 5, 6 vạn cân. Đó chẳng phải là đại bảo tàng ư ?

Lão mừng đến phát điên. Nghĩ ngợi một chút, lão đi ra phía sau lưng tượng Phật, gờ kiếm đâm vào, cảm thấy như có một cái cửa bí mật. Lão ra sức chém mạnh, đất xung quanh cửa bí mật rơi xuống ào ào. Thì ra, cách cửa cũng bằng vàng. Thích Trường Phát đưa mũi kiếm vào kẽ hở, nạy cánh cửa ấy mãi tìm lão đập thành thịch. Cất một cái, thanh kiếm gãy ngang, lão tiếp tục dùng nửa thanh còn lại để nạy. Cánh cửa từ từ bật ra. Thích Trường Phát vứt kiếm, đưa tay vào cửa bí mật mò thử, vừa gờ đèn lên xem, thấy trong lòng pho tượng chứa không biết bao nhiêu là châu báu sáng ngời. Lão nuốt nước bọt, định thò tay vào lấy châu ngọc ra, đột nhiên thấy đàn khê rung động. Biết có điều khác lạ, lão lập tức nhảy xuống nhưng khi chân vừa chạm đất đã thấy bụng đau nhói. Thì ra lão đã bị điểm huyết đạo rồi. Lão rên lên một tiếng và ngã lăn ra đất.

Dưới thân đàn hiện ra một người, ngoẹo đầu cười nhạt :

- Thích sư đệ, người tìm được nơi này, lão nhị cũng tìm

được nơi này. Tại sao không nghỉ đại sư huynh cũng tìm được ?

Người nói đó chính là Vạn Chấn Sơn.

Thích Trường Phát tìm ra được bảo tàng là do lão tinh tế hơn người, không thể ngờ khi gặp được châu báu như thế này lại có thêm Vạn Chấn Sơn. Lão uất ức nói :

- Lần thứ nhất người giết ta mà ta không chết. Không ngờ cuối cùng ta cũng chết về tay người.

Vạn Chấn Sơn vô cùng đắc ý :

- Ta cũng lấy làm lạ. Thích sư đệ, người bị bao kín trong giáp tường, làm sao có thể sống lại được ?

Thích Trường Phát nhắm mắt không đáp.

Vạn Chấn Sơn tiếp :

- Người không nói, tưởng ta không đoán ra được sao ?

Thích Trường Phát nhỏ một bãi nước miếng vào mặt Vạn Chấn Sơn. Vạn Chấn Sơn nghiêng người tránh được, cười nói :

- Lão tam, người muốn chết ư ?

Trên mặt Thích Trường Phát lộ vẻ hoảng sợ :

- Tốt. Ta hôm nay cũng nói rõ cho người biết. Con gái ta trộm kiếm phổ của ta giấu trong hang động. Người đã biết nó là người tốt, đã là người nhà của họ Vạn sao cha con người nữ hạ độc thủ ? Người đem lại cho ta niềm hạnh phúc

như vậy sao ?

Vạn Chấn Sơn cười độc ác :

- Ủ phải, ta sẽ cho người hạnh phúc đó. Nhưng không thể cho người chết một cách dễ dàng. Hảo sư đệ ! Người ra đi nhẹ nhàng nhé !

Lão đưa thanh trường kiếm lên nhắm vào đầu Thích Trường Phát mà bổ xuống. Đột nhiên, một luồng hồng quang lóe lên, cánh tay phải của Vạn Chấn Sơn rơi xuống đất. Chính Dịch Vân đã dùng huyết đao cứu mạng Thích Trường Phát.

Chàng đỡ Thích Trường Phát dậy, gọi :

- Sư phụ ! Sư phụ ! Sư phụ có sao không ?

Thích Trường Phát ngây dại một lúc mới nhận ra Dịch Vân :

- Vân Vân nhi đây ư ?

Dịch Vân cách biệt sư phụ đã lâu, mới nghe lại được hai tiếng Vân nhi đã không cảm được bi thương.

- Thưa sư phụ, đúng là Vân nhi.

Thích Trường Phát hỏi :

- Con đã thấy hết mọi chuyện ở nơi này ?

Dịch Vân gật đầu đáp :

- Sư phụ ơi ! Sư muội ... sư muội đã ...

Vạn Chấn Sơn bị chặt đứt một cánh tay, toan tìm đường chạy ra khỏi miếu. Thích Trường Phát chặn lão lại, đâm một nhát. Vạn Chấn Sơn kêu lên một tiếng, chết ngay tại chỗ.

Thích Trường Phát nhìn hai thi thể của hai sư huynh, từ tốn nói :

- Vân nhi, con đã đến kịp thời, cứu được sư phụ. Ủa, bên đó có ai vậy ? Phương nhi phải không ?

Nghe đến hai tiếng "Phương nhi", tâm thần Dịch Vân chấn động, quay đầu nhìn lại nhưng không thấy ai. Trong lúc chàng đang kinh ngạc thì bất ngờ cảm thấy sau lưng đau nhức bèn xoay tay lại, chụp lấy cổ tay người tập kích. Chàng thấy mình chụp đúng cổ tay sư phụ. Dịch Vân rất chán nản :

- Sư phụ ... Đệ tử đã phạm tội gì mà sư phụ lại muốn ra tay ?

Đến lúc đó, chàng mới nhớ ra sư phụ vừa dùng kiếm đâm mình, nếu không có bảo y hộ thân, chắc hẳn đã mất mạng rồi.

Thích Trường Phát bị nắm cổ tay, không xuất chiêu được nữa, nổi giận nói :

- Người... Người học được võ công cao minh, còn coi sư phụ ra gì nữa. Hãy giết ta đi ! Giết ta đi !

Dịch Vân lập tức buông tay :

- Con làm sao dám giết sư phụ ?

Thích Trường Phát nói tiếp :

- Đây là một pho tượng chứa đầy vàng. Người không muốn chiếm lấy làm của riêng sao ? Ta không giết người, người cũng sẽ giết ta.

Giọng nói lão ô ô, đầy tham vọng, nghe không ra tiếng người.

Địch Văn nghiêng đầu, lùi vài bước, bụng nghĩ :

- Sư phụ muốn giết ta chỉ để độc chiếm tượng Phật vàng ?

Trong nhất thời, chàng làm sao biết được chính Thích Trường Phát vì của cải có thể giết sư phụ, giết sư huynh, hoài nghi con gái của mình. Thế thì tại sao lão không dám giết đồ đệ. Chàng nhớ đến lời dặn của Đình Điển : “Sư phụ của người có ngoại hiệu là Thiết tọa hoành giang (sợi xích giăng ngang sông) khiến người ta lên không được, xuống chẳng cho. Thế thì việc gì lão không dám làm ?”. Nghĩ đến đó, chàng lùi thêm một bước, nói :

- Sư phụ. Con không muốn chia tượng Phật vàng của sư phụ đâu. Sư phụ cứ thụ hưởng một mình đi.

Chàng không thể hiểu được một người không còn thân nhân, đến con gái cũng không màng thì thừa hưởng một kho báu lớn có giá trị để làm gì ?

Thích Trường Phát không tin vào lỗ tai của mình, nghĩ bụng :

- Trên đời này có người nào thấy nhiều vàng bạc châu

bầu như vậy mà chẳng động lòng ? Gã tiểu tử Dịch Vân này nhất định có quỷ kê gì đây.

Lão chịu hết nổi, nói lớn :

- Người lấy bao nhiêu khối ? Đây là một pho Hoàng kim đại Phật, trong bụng tượng toàn là châu báu. Người có quỷ kê gì ? Tại sao người lại không muốn lấy ?

Dịch Vân không trả lời, định bước ra khỏi miếu bỗng nghe tiếng bước chân nhiều người đang đi tới. Chàng nhảy vọt lên nóc nhà, nghe ngóng, chỉ thấy hơn 100 người cầm đuốc, í ới gọi nhau chạy vào tòa cổ miếu. Dịch Vân đã định bỏ đi, bỗng dừng nghe có tiếng gọi tên Vạn Khuê, vội dừng bước. Chàng phải phục thù cho Thích Phương.

Đám người ồn ào tranh nhau vào miếu. Dịch Vân nhìn thấy rõ ràng Vạn Khuê bị mấy gã đại hán khác dẫn đi nhưng trên người hán lại mặc y phục của một tên tú tài nghèo. Nguyên lại, hán đã cải trang thành một anh thầy đồ, cố ý nhử cho bọn hào sĩ giang hồ ở bên tường thành bắt để Vạn Chấn Sơn được ung dung đến Thiên Ninh tự tìm kho báu. Nhưng dưới sự tra cứu của đám đông, cuối cùng hán đành phải lộ thân phận. Bọn người này buộc hán phải đưa họ đến Thiên Ninh tự.

Thích Trường Phát nghe tiếng người vào, vội vàng nhảy lên thân đàn, định chụp lấy mó châu báu lộ ra nơi vết chém của tượng Phật giấu đi. Song đã chậm rồi, bọn mới vào đã nhìn thấy lão đứng trên thân đàn. Dưới ánh sáng của mấy chục cây đuốc, ngôi miếu sáng như ban ngày. Mọi người nhìn thấy châu ngọc, cùng ồ lên một tiếng rồi tranh nhau

cướp. Cùng lúc đó, mọi người đều nhìn ra cánh cửa bị mật sau lưng tượng, bèn thò tay vào lấy vô số châu báu khác. Châu báu từng đồng, từng đồng, người nầy tranh cướp trên tay kẻ khác.

Đột nhiên, ngoài cửa miếu có tiếng hô lớn; rồi cửa miếu mở rộng ra. Bọn binh lính tiến vào :

- Tri phủ đại nhân đến. Các người không được loạn động.

Theo sau bọn lính là một người mặc quan phục, ngang nhiên bước vào. Lão chính là Giang Lăng tri phủ Lăng Thoái Tư. Lão có tai mất trong thành, ngoài thành rất đông. Trong đám giang hồ hào sĩ đến đây cũng có bọn tay chân của lão. Nghe được tin đã tìm ra kho báu, lão vội đưa quân tới. Nhưng bọn giang hồ hào sĩ đã nhìn thấy châu báu thì còn lý gì đến tri phủ với tri huyện. Đối với chúng, châu báu mới chính là sinh mạng.

Dưới đất đầy châu ngọc, bảo thạch, bạch ngọc, san hô, phi thúy. Thuộc hạ Lăng Thoái Tư sao lại không biết cướp giết ? Đường đường là tri phủ đại nhân, Lăng Thoái Tư cũng chịu không nổi, ôm một đồng vào lòng. Ai cũng muốn đoạt được báu vật nên đã có người đánh nhau chảy máu, có người chết.

Nhưng trong số người giành được nhiều châu báu đột nhiên có một gã ngà trên tượng Phật ôm lấy thân tượng mà kêu la. Lại thêm một người khác đập mạnh đầu mình vào tượng.

Địch Vân cảm thấy hết sức kỳ quái :

- Tại sao lại như vậy ? Chả lẽ của cải làm cho thần trí bọn này mê muội ? Nếu vậy cũng không nên hồ đồ như thế.

Quả nhiên là bọn chúng đã phát điên, mặt đỏ ngầu, cắn xé lưng tung như dã thú, miệng ngậm đầy châu báu.

Địch Vân bỗng nhiên hiểu ra : số châu báu này đã được tẩm độc được cực mạnh. Năm đó, hoàng đế sợ kho tàng của mình bị bọn ngụy binh chiếm đoạt, vì vậy đã lấy thuốc độc tẩm vào châu báu. Chàng nghĩ đến chuyện cứu sư phụ rồi tự trách mình không kịp ra tay ...

*

* *

Địch Vân trông trước mộ Đình Diên và Lăng Tiểu thư mấy trăm cùm hoa cúc. Chàng không muốn thuê người, cứ tự tay làm lấy. Chàng vốn dĩ đã làm ruộng, đâu có lạ chi chuyện đất đai, giống má. Có điều, trước đây chàng chỉ trồng bầu bí, rau quả, ít khi trồng hoa... Chàng quyết tâm rời bỏ chốn giang hồ gió tanh mưa máu đầy những trá ngụy.

Rời xa đất Kinh Châu, Địch Vân ẩm Không Tâm Thái, để cho ngựa đi thông thả. Chàng sẽ không bao giờ quay trở lại chốn giang hồ hỗn tạp. Chàng muốn đi tìm lại người xưa dưới chân núi Nga My hoang vu tịch mịch. Không Tâm Thái cần có người nuôi dưỡng. Mùa đông. Tuyết ở núi Nga My đã bắt đầu rơi nhiều rồi. Sắp tới sơn động này trước, từ

xa xa, Dịch Vân đã nhìn thấy một cô gái đứng đó. Người ấy chính là Thủy Sinh.

Nàng cười rạng rỡ, chạy như bay về phía Dịch Vân miệng gọi riu rít :

- Đại ca, tiểu muội đợi đại ca lâu biết bao nhiêu. Tiểu muội biết rằng thế nào đại ca cũng trở lại.

Nguyên tác : Liên Thành Quyết

Người dịch : Phạm Hoàng Oanh



Phụ lục 2

***Nhạn Môn Quan
Bi Tráng***

Trong Lục Mạch Thần Kiếm Truyền, có lẽ không chương nào cảm động và đầy những tình tiết bất ngờ như chương Nhan Môn Quan Bi Tráng sau đây. Tiêu Phong, người nước Khất Đan, bỏ chức vu bang chúa Cái bang ra đi. Ông cứu được hoàng đế Khất Đan là Gia Luật Hồng Cơ, kết nghĩa huynh đệ với nhà vua và được phong làm Nam viện đại vương. Ông còn có hai người em kết nghĩa khác là Đoàn Dự (hoàng đế Đại Lý) và Hu Trú (cung chủ cung Linh Thủ, núi Phiêu Diêu).

Gia Luật Hồng Cơ ra lệnh cho Tiêu Phong đem quân tấn công nhà Đại Tống. Nghĩ đến cảnh trăm họ hai nước Tống - Liêu lâm than, Tiêu Phong đã chống lệnh hành quân, bị bắt nhốt. Đoàn Dự, Hu Trú và những quân hùng Trung Quốc đã cứu được ông, đưa về đến ải Nhan Môn Quan nhưng người Tống không chịu mở cửa ải khi trủy binh của nước Liêu đã áp sát chân thành.

Gia Luật Hồng Cơ giờ cây bảo đao cao lên làm hiệu. Quân sĩ bên Liêu trận ngừng tung hô, im lặng như tờ. Hồng Cơ hạ bảo đao nói :

– Tiêu Phong hiền đệ ! Hiền đệ đã hứa dẫn quân ta qua ải mà sao chẳng thấy mở cửa ải ra ?

Nhà vua vừa mới nói xong, trên cửa ải đã có người thông dịch lại tiếng Hán cho quan chỉ huy Trương tướng quân nghe. Quân Tống rất tức tối, chỉ xuống mặt Tiêu Phong mà thóa mạ ầm ỹ. Tiêu Phong biết Gia Luật Hồng Cơ muốn

ly gián mình với người Tống. Bản tâm nhà vua chỉ muốn cho quân Tống không mở cửa ải.

Ông xuống ngựa, khom lưng nói :

– Tàu bệ hạ ! Tiêu Phong này đã chịu ơn dày, lại khiến cho bệ hạ nhọc lòng đến đây. Tội của thân thật đáng muôn thác !

Đột nhiên, có hai bóng người nhảy đến chỗ Gia Luật Hồng Cơ nhanh như chớp. Đó chính là Hư Trúc và Đoàn Dự. Cả hai nhận thấy trong hoàn cảnh này, chỉ còn cách bắt cóc Liêu để đề ra điều kiện uy hiếp thì mới giữ cho mọi người còn được may mắn sống sót. Bỗng, một tiếng quát vang lên. Ba trăm quân Liêu cầm mộc đưa lên tạo ra một bức tường che chắn cho Gia Luật Hồng Cơ. Đội trưởng mâu, đội đao thủ đứng chen trước đội cầm mộc. Hư Trúc đã học hết chân truyền của Thiên Sơn Đồng Mộc và Lý Thu Thủy, lại học được võ công kỳ ảo trong thạch thất cung Linh Thứu. Võ công của chàng đã đưa đến chỗ tùy tâm như ý. Còn Đoàn Dự đã hút được hết nội lực của Cưu Ma Trí. Ngoài ra, chàng còn có phép Lăng Ba vi bộ thì bọn Liêu binh làm sao ngăn chặn chàng cho nổi.

Liêu binh vùng binh khí lên, đâm chém loạn xạ. Hư Trúc giở Cẩm nã thủ pháp, nắm từng tên ném ngược vào phía quân Liêu. Chàng tiến gần đến chỗ Gia Luật Hồng Cơ. Thốt nhiên, có hai tướng Liêu võ ngựa xông ra, vùng thương đâm vào Hư Trúc. Hư Trúc đề khí nhảy lên cao rồi hạ xuống ngay chỗ Gia Luật Hồng Cơ. Hồng Cơ vùng bảo đao, chém vào chân chàng. Hư Trúc vươn tay nắm sống đao rồi chụp ngay vào huyết Mạch môn bên cổ tay mặt của Hồng Cơ. Đoàn Dự đã lượn qua khỏi đám quân binh, chụp được cánh

tay trái của nhà vua. Hai chàng kéo Hồng Cơ rơi xuống khỏi ngựa, hô to một tiếng rồi lôi Hồng Cơ chạy về phía trước.

Liêu binh kinh hãi, la hét vang dậy nhưng thấy nhà vua đã bị khống chế đều không biết làm sao để giải cứu. Vài tên liều mạng xông vào nhưng đều bị Hư Trúc và Đoàn Dự vung cước đá văng đi.

Hư Trúc, Đoàn Dự bắt cóc được Liêu đế bèn cả mừng. Thế nhưng, bỗng dưng Tiêu Phong nhảy bổ tới, vung chưởng đánh vào hai người. Cả hai hoảng hốt, phải buông Hồng Cơ, vung tay lên đón đỡ kinh lực mãnh lực của hai phát chưởng. Bốn chưởng giao nhau, kinh phong rất rạt. Tiêu Phong thừa thế, cứu được Gia Luật Hồng Cơ.

Mọi người ở hai bên mặt trận Tống - Liêu đều ào ào nhào tới. Bên Liêu định cướp lại hoàng đế, bên Tống định cứu ứng cho ba anh em Hư Trúc, Đoàn Dự, Tiêu Phong. Tiêu Phong vận trung khí đầy rẫy, nói lớn :

– Xin liệt vị im lặng. Tại hạ có một chút chuyện trình cùng Đại Liêu hoàng đế.

Mọi người lập tức đứng im tại chỗ. Sau phút ngỡ ngàng, Hư Trúc cùng Đoàn Dự bèn vòng ra đứng sau lưng Gia Luật Hồng Cơ, phòng y chạy trốn đồng thời ngăn cản những tên Liêu binh liều mạng cứu vua.

Sắc mặt Gia Luật Hồng Cơ tái nhợt. Y nghĩ bụng :

– Tỉnh trưởng cha Tiêu Phong nãy vốn nóng nảy. Hắn đã bị mình giam trong cũi nhốt sư tử, bây giờ chắc chắn hắn sẽ báo thù, khó có thể dung tha cho mình.

Bỗng nghe Tiêu Phong nói :

– Tâu bệ hạ ! Hai người này là anh em kết nghĩa của tiểu thần. Cúi xin bệ hạ bình tâm. Nhị đệ là Hư Trúc, chủ nhân Linh Thử cùng. Tam đệ là Đoàn Dự, người nước Đại Lý. Tiểu thần đã trình tâu chuyện này lên bệ hạ rồi.

Gia Luật Hồng Cơ đang hắng một tiếng rồi nói :

– Tiếng đồn quả danh bất hư truyền.

Tiêu Phong nói :

– Tiểu thần xin để bệ hạ trở về bản tận. Kính mong bệ hạ khoan thứ cho.

Hồng Cơ hỏi :

– Các người muốn gì ?

Tiêu Phong nói :

– Hai vị hiền đệ của tiểu thần đã bắt được bệ hạ. Bệ hạ phải theo tập tục người Khất Đan chúng ta, đem đồ chuộc mới xong.

Hồng Cơ nhăn-tít, hỏi :

– Các người đòi chuộc thứ gì ?

Tiêu Phong đáp :

– Tiểu thần thay mặt hai hiền đệ, dám mong bệ hạ hứa cho một lời.

Hồng Cơ hỏi :

- Lời gì ?

Tiêu Phong đáp :

- Kính mong bệ hạ lập tức ra lệnh triệt binh và không cho một tên Liêu binh nào vượt biên giới, xâm phạm vào đất Tống nữa.

Đoàn Dự nghe đại ca nói, mừng rỡ nghĩ bụng :

- Quân Liêu đã không qua được đất Đại Tống thì tất nhiên không thể xâm phạm vào đất Đại Lý của ta được nữa.

Chàng lên tiếng :

- Nếu hoàng đế thuận tình hứa cho như vậy thì bọn tiểu đệ thả ra ngay.

Rồi quay sang hỏi Hư Trúc :

- Nhị ca ơi ! Nhị ca muốn hoàng đế Liêu quốc chuộc mạng bằng cái gì ?

Hư Trúc đáp :

- Tiểu huynh cũng chỉ mong ngài hứa cho một lời như vậy.

Gia Luật Hồng Cơ xám xanh cả mặt :

- Các người dám bức bách trăm ư ? Nếu trăm không thuận thì sao ?

Tiêu Phong nói :

- Thì thưa bệ hạ, ngọc đá cũng hóa ra tro bụi. Ngay

trước khi kết giao nghĩa kim lan, tiểu thần đã nguyện cùng chết với bộ hạ một ngày.

Hồng Cơ kinh hãi nghĩ thầm :

– Thằng cha Tiêu Phong này rất lớn mật, ăn nói như đinh đóng cột. Mình mà không theo ý hắn, chắc chết như chơi.

Nhà vua nổi lên một tràng cười rộ :

– Cái mạng của trẫm có thể đem đổi mấy chục năm hòa bình cho cả hai nước. Thế thì chắc chắn là quý lắm ?

Tiêu Phong đáp :

– Bộ hạ là thiên tử Đại Liêu. Thế gian này còn có cái gì quý hơn ?

Gia Luật Hồng Cơ quay đầu nhìn về bàn trận, thấy tướng sĩ của mình đứng quá xa, không sao giải cứu được cho mình. Nhà vua tính toán nặng nhẹ, liền rút ra một mũi Lang nha tiễn (tên chó sói), bẻ đôi rồi liệng xuống đất :

– Ta chấp thuận.

Tiêu Phong nói :

– Xin đa tạ bộ hạ.

Gia Luật Hồng Cơ giơ cao cây bảo đao, đồng thanh nói :

– Tam quân Đại Liêu hãy lắng nghe trẫm ra chỉ dụ. Từ nay, hai nước Liêu - Tống giao hảo huynh đệ, ta lập tức thu binh bãi chiến. Trong suốt đời trẫm còn trị vì, cấm không

cho một anh em nào vượt biên qua xâm phạm đất nhà Đại Tổng.

Tiêu Phong kinh cần nghiêng mình :

– Tiểu thần xin tiên bệ hạ về bản trận.

Hồng Cơ vừa phẫn hận, vừa xấu hổ. Nhưng nhà vua không thể tỏ ra khiếp nhược trước mặt Tiêu Phong. Ngài trấn tĩnh, từ từ quay về bản trận. Mấy chục tên thân binh chạy đến đón tiếp. Đôi chân nhà vua loạng choạng chỉ muốn ngã ngối ra đất, hai tay run rẩy, mồ hôi đầm đìa. Liều binh thấy hoàng đế trở về bình yên, tung hô vạn tuế.

Quân Tổng đứng trên ải Nhạn Môn Quan và quần hào Trung Nguyên nghe Liều đế hạ lệnh bãi binh đều reo hò. Mọi người biết rằng người Khất Đan rất giữ chữ tín, khi hai nước đã giao ước, họ không bao giờ vi phạm. Gia Luật Hồng Cơ nhìn vào mặt tướng sĩ của mình, thấy mắt họ long lanh nổi mừng vui, bất giác nghĩ bụng :

– Hóa ra, quân sĩ của ta cũng chẳng thích Nam chinh. Nếu mình đánh, chưa chắc đã thủ thắng được.

Nhà vua quay lại nhìn Tiêu Phong, thấy ông vẫn đứng ngay như tượng gỗ. Ngài nói :

– Tiêu đại vương ! Người đã lập được công to với nhà Đại Tổng, chắc chắn sẽ được phong tặng hậu hi thời.

Tiêu Phong đồng dạ trả lời :

– Tâu bệ hạ, tiểu thần là người Khất Đan, lại mang tội lớn là đã bức bách bệ hạ. Tiểu thần không còn mặt mũi nào

sống trên cuộc đời này nữa, chỉ biết lấy cái chết để đền ơn và xin bề hạ tha thứ cho.

Ông cúi xuống lượm hai khúc Láng nha tiền gãy lên, vận hết công lực đâm mạnh vào trái tim mình.

Gia Luật Hồng Cơ kinh hãi la lên :

- Chao ôi !

Hư Trúc và Đoàn Dự cũng đồng thanh kêu lên :

- Đại ca ! Đại ca !

Nhưng hai đoạn tên đã cắm đứng vào trái tim, Tiêu Phong đã chết rồi. Hư Trúc và Đoàn Dự nằm xuống, khóc rống ! Bang chúng Cái bang và quần hào Trung Nguyên cũng quỳ xuống, vái lạy.

Trên trời xanh, tiếng chim chợt riu rít. Một đàn hồng nhạn từ phương Bắc bay về phương Nam, vượt qua giữa hai bức tường thành Nhạn Môn Quan rồi xa hút. Vó ngựa vang lên, hàng vạn binh lính Liêu quốc vừa đi vừa ngoảnh lại nhìn thi thể Tiêu Phong. Quân Liêu đi xa dần, tiếng vó ngựa như tiếng sấm, vang vọng sau những dãy núi xanh xanh.

A Tử quỳ xuống, ôm lấy thi thể Tiêu Phong nói nhẹ nhàng :

- Tỷ phu ơi ! Từ nay, tiểu muội vĩnh viễn ở bên tỷ phu. Tâm nguyện của tiểu muội như vậy là trọn rồi.

Nàng ôm lấy xác Tiêu Phong, băng băng chạy về phía trước. Bỗng nhiên, nàng cảm thấy hong chân rồi thân hình nàng và Tiêu Phong cùng rơi xuống khoảng sâu vô tận. Đáy hang mây phủ mờ mịt.

Dàn hồng nhan vẫn tự do bay qua bức tường thành Nhạn Môn Quan.

*Nguyên tác : **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện***

Người dịch : Vũ Đức Sao Biển

(Nguyệt san Lao Động Xã Hội - 1995)

Phụ lục 3

Thánh Sứ Nữ

Trích : Ý Thiên Đồ Long Ký

Tóm lược những chương trước : Đại Ý Ty, thánh sư nữ của Minh giáo (Bái hòa giáo) Ba Tư, sang Trung Quốc vào cuối thời Nguyên, lấy một người Trung Quốc và sinh ra con gái là Tiểu Siêu. Tiểu Siêu được mẹ đưa vào "nằm vùng" trong nội bộ Minh giáo Trung Quốc để đánh cắp bộ chân kinh. Nhưng Tiểu Siêu đã đem lòng yêu thương Trương Vô Kỵ. Minh giáo Ba Tư đưa người sang Trung Quốc bắt Đại Ý Ty vì bà đã phản bội lời thề, không còn là thánh sư nữ nữa. Tiểu Siêu phải nhận lời về Ba Tư lên ngôi giáo chủ để cứu mẹ. Cô dành chia biệt mỗi tình đầu với Trương Vô Kỵ.

Trương Vô Kỵ vừa lau khô mình mấy thì cửa khoang thuyền sịch mở và một cô gái bước vào. Nàng chính là Tiểu Siêu. Tiểu Siêu cầm một bộ quần áo ngắn và một chiếc áo dài :

– Thừa Trương công tử, tiểu nữ xin được phục thị thay áo.

Vô Kỵ nghe lòng xúc động tràn trề :

– Tiểu Siêu cô nương ! Bây giờ, cô đã trở thành giáo chủ của Minh giáo Ba Tư rồi. Ta chỉ là hàng bộ thuộc của cô nương mà thôi. Sao cô còn vào đây phục thị ta làm gì nữa.

Tiểu Siêu năn nỉ :

– Công tử ơi, đây là lần sau cùng, xin cho tiểu nữ được hầu hạ công tử. Ngày mai, tiểu nữ về Ba Tư rồi, công tử ở lại

Trung Quốc, xa cách ngàn trùng biết làm sao còn được thấy nhau. Lúc ấy, tiểu nữ có mơ ước được hầu hạ công tử một lần thôi cũng chả được nào.

Giọng Tiểu Siêu run run. Vô Kỵ cảm động, đành phải để yên cho nàng thay áo như mọi khi. Thay áo xong, nàng lại chải tóc Vô Kỵ, nước mắt tuôn rơi từng giọt. Vô Kỵ dang tay ra ôm lấy nàng. Tiểu Siêu khẽ kêu lên một tiếng, người run run bần bật. Vô Kỵ hôn lên má nàng, thì thầm :

– Tiểu Siêu muội tử ! Trước đây, ta thăm trách muội tử định lừa ta nhưng không ngờ tấm lòng muội tử lại dịu dàng như vậy.

Tiểu Siêu úp mặt vào ngực chàng :

– Công tử ơi, tiểu nữ đã có lừa dối công tử thật. Má má của tiểu nữ nguyên là thánh sứ nữ của tông giáo Ba Tư, nhận lệnh giáo chủ sang Trung Quốc để làm việc thiện rồi mới quay về Ba Tư lên ngôi giáo chủ. Thật không ngờ má má lại thương yêu gia gia, kết hôn với gia gia và phản lại lời thề với tông giáo. Má má tự biết mình nặng tội nên đã truyền thiết chỉ lại cho tiểu nữ và ra lệnh cho tiểu nữ thâm nhập vào Quang Minh Đình để đánh cắp chân kinh. Lòng tiểu nữ lúc nào cũng hổ thẹn nhưng tiểu nữ đã nguyện không bao giờ trở về Ba Tư để lên ngôi giáo chủ Minh giáo nữa. Tiểu nữ chỉ mong được phục thị cho công tử, suốt đời ... không xa công tử, có phải tiểu nữ đã từng nói như vậy không ?

Vô Kỵ lặng gật đầu, ôm nàng lên và hôn nàng say đắm. Tiểu Siêu vẫn dịu dàng để cho chàng hôn. Hạnh phúc trộn lẫn với niềm đau khiến nước mắt nàng tuôn chảy. Nàng thỏ thẻ :

– Tiểu nữ đã thuộc lòng Cẩn khôn dại nã di tâm pháp nhưng xin hứa không khi nào dùng nó để chống lại công tử đâu. Thực ra, trong lần cuối cùng hôm nay, tiểu nữ mới dám thổ lộ điều này.

– Ta biết rồi, muội muội đừng nói nữa.

– Không, hãy cho tiểu nữ nói. Ngay từ lúc còn là con bé, tiểu nữ đã nhận ra hình như má má có điều gì lo buồn, bất an. Sau đó, má má cải trang thành một bà già xấu xí để che lấp cái vẻ yếu kiều xinh đẹp đi. Má má lại cấm không cho tiểu nữ được thân cận với chàng trai nào. Bà đưa tiểu nữ đi xa nhờ một gia đình khác nuôi nấng, vài năm mới ghé thăm một lần. Tiểu nữ không hiểu được mãnh lực nào đã khiến má má kết hôn với gia gia. Nhưng công tử ơi, bây giờ thì tiểu nữ đã hiểu. Nếu đôi ta không được sống bên nhau thì đừng nói làm giáo chủ, dẫu cho tiểu nữ có lên ngôi vị nữ hoàng Ba Tư đi nữa thì cuộc đời vẫn vô vị.

Má nàng ửng hồng như hoa đào. Nàng khóc nức nở, nước mắt ướt đầm cả ngực áo Vô Kỵ. Bỗng nhiên bên ngoài có tiếng gọi lớn của Đại Ý Ty :

– Siêu nhi, nếu con không chế ngự nổi tình yêu thì rất có hại cho Trương công tử đó.

Tiểu Siêu giật mình, buông Vô Kỵ ra, đứng dậy :

– Xin công tử quên tiểu nữ đi, đừng nhớ thương gì nữa. Hân Ly cô nương mới đáng là người cho công tử thương nhớ, đáng kết duyên với công tử.

Vô Ky khẽ nói :

- Muội tử, hay là chúng ta cứ liều xông ra bắt một số bọn Bảo Thu Vương rồi uy hiếp chúng đưa mình trở lại đảo ?

Tiểu Siêu lắc đầu :

- Không được. Họ biết hết cả rồi. Tà Tôn đại hiệp và Hân Ly cô nương đã bị họ khống chế. Chúng ta làm khác, họ sẽ giết các vị ấy ngay.

Nàng mở cửa khoang ra. Vô ky nhìn thấy hai người Ba Tư cầm kiếm chĩa vào lưng Đại Ý Ty. Hai người khác cúi chào Tiểu Siêu. Còn những người khác thì uy hiếp Tà Tôn. Tiểu Siêu quay lại :

- Thừa công tử. Cao chữa thương của Ba Tư rất tốt. Xin hãy lấy thuốc chữa ngay cho Hân Ly cô nương.

Nàng đổi giọng nói một tràng tiếng Ba Tư. Công Đức Vương vội lấy lọ thuốc, cung kính đưa cho Vô Ky. Tiểu Siêu lại nói :

- Tiểu nữ xin được tiễn chư vị về Trung Quốc. Xin hãy tin rằng, dù ở Ba Tư, lòng tiểu nữ vẫn ngày đêm mong cầu cho công tử bình an.

Nàng càng nói, càng ghen lời. Vô Ky an ủi :

- Muội tử sống nơi đầm rồng hang cọp, cũng nên đề phòng.

Tiểu Siêu gật đầu rồi ra lệnh cho bọn thuộc hạ nhỏ neo, kéo buồm. Vô Ky đứng ngẩn ngơ dưới thuyền của mình.

Tiếng tù và bên thuyền Tiểu Siêu rúc lên từng hồi nghe buồn mênh mông. Buồm căng gió, thuyền nòng đi càng lúc càng nhanh. Tiểu Siêu đứng ở đầu thuyền, mắt ngoái nhìn về hướng thuyền Vô Kỵ.

Vô Kỵ ngẩn ngơ nhìn cho đến lúc thuyền của Tiểu Siêu chỉ còn là một chấm đen trên mặt biển. Trong tiếng gió thổi, chàng vẫn tưởng như tiếng khóc của nàng còn vang vọng đâu đây.

Nguyên tác : Ý Thiên Đồ Long Ký

Bản dịch : Vũ Đức Sao Biển



Phụ lục 4

***Vụ văn tự ngục
lớn nhất lịch sử
Trung Hoa***

Trước hết, khái niệm văn tự ngục là khái niệm để chỉ một vụ án mà trong đó, yếu tố văn chương và tác phẩm trở thành vật chứng. Nó bày tỏ quan điểm chính trị và lập trường tư tưởng của những tác giả viết ra nó. Trong lịch sử phong kiến Trung Quốc, đã có một vụ văn tự ngục như vậy xảy ra dưới triều vua Khang Hy (1662 - 1722) nhà Thanh. Vụ án đã được tái hiện trong tác phẩm tiểu thuyết của Kim Dung - bộ **Lộc Đình Ký**. Kim Dung gọi đó là vụ án **Minh Thư Tập Lục** và căn cứ vào chính sử của triều Thanh, ông đã dựng lại vụ án như tiền đề tạo ra tác phẩm **Lộc Đình Ký**. Nhưng tại sao Kim Dung lại chọn vụ **Minh Thư Tập Lục**?

Kim Dung tên thật là Tra Lương Dung. Chữ Dung trong họ tên ông có nghĩa là quả chuông lớn. Ông tách chữ Dung ra làm hai phần : bộ Kim có nghĩa là thanh thép và âm Dung có nghĩa là tâm thường, tạo ra bút danh Kim Dung (thanh thép bình thường). Kim Dung vốn người họ Tra, quê

ở Hải Ninh, Triết Giang. Ông nội của ông đã từng làm tri phủ Hải Ninh dưới triều vua Quang Tự (1871 - 1908). Tổ tiên họ Tra - gồm Tra Y Hoàng, Tra Kế Tá, Tra Thân Hành - là những nạn nhân trực tiếp của vụ *Minh Sử* dưới triều Khang Hy. Chọn vụ *Minh Thu Tập Lục* để làm chìa khóa cho tác phẩm tiểu thuyết *Lộc Đình Kỳ*. Kim Dung đã muốn thuật lại lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh chống xâm lược nhà Thanh của tổ tiên mình và những nỗi đau mà họ Tra 3 thế kỷ trước đã phải gánh chịu.

Năm 1637, tám đạo cờ của quân Mãn Châu từ miền Đông Bắc kéo quân vào đất Trung Quốc, đánh tan đội quân phòng thủ Sơn Hải Quan của Ngô Tam Quế, thôn tính đất Trung Quốc. Vị vua cuối cùng của triều Minh là Sùng Trinh hoàng đế, một hôn quân nhu nhược, phải bỏ ngai vàng mà chạy. Ngô Tam Quế là một tên Hán gian, nhanh chóng đầu hàng quân nhà Thanh, dẫn quân truy kích và bức tử Sùng Trinh hoàng đế năm 1643. Vị vua đầu tiên của nhà Thanh lên ngôi tại Trung Quốc là Thuận Trị hoàng đế. Làm vua được 9 năm, Thuận Trị nhường ngôi cho con là Khang Hy, bỏ lên Ngũ Đài Sơn đi tu.

Là một tập đoàn xâm lược, tám đạo cờ quân Mãn Châu đã mở cuộc tàn sát rất dã man với người Hán. Tại Dương Châu, họ đã cướp bóc, hãm hiếp đúng 10 ngày; tại Gia Định, họ đã 3 lần giết chóc những người Trung Quốc vô tội. Cho nên, câu chuyện Dương Châu thập nhật, Gia Định tam đồ là câu chuyện truyền miệng trong dân gian nói về tội ác của quân xâm lược Mãn Châu không bao giờ phai mờ trong tâm trí những người Trung Quốc.

Vua Khang Hy lên ngôi năm 1662, khi hầy còn là một đứa trẻ thơ; triều Thanh lọt hết vào tay gã quyền thần Ngao Bái. Ngao Bái được xưng tụng là Đệ nhất dũng sĩ Mãn Châu, tinh tinh khắc bạc và khát máu. Những người Trung Quốc yêu nước đã tìm mọi cách để chống lại nhà Thanh. Bọn vô biên tập hợp dưới trướng của Trần Vinh Hoa tức Trần Cận Nam, lập ra Thiên địa hội với tôn chỉ phản Thanh phục Minh (chống nhà Thanh, khôi phục nhà Minh). Các nhà văn co đầu óc như Trang Kiến Long, Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng, Tra Kế Tá, Tra Thận Hành hợp nhau soạn bộ *Minh Thư Tập Lục*. Ngay khi triều Thanh đang cai trị, một bộ sách ra đời có tựa đề *Minh Thư Tập Lục* đã là đại phản nghịch huông chỉ các niên hiệu được sử dụng trong bộ *Minh Thư Tập Lục* lại toàn là niên hiệu triều Minh ! Một gã nho sĩ người Hán tên là Ngô Chí Vinh tình cờ mua được bộ *Minh Thư Tập Lục* và hẩn làm một bản tấu chương phân tích những chi tiết “đại nghịch vô đạo” của những tác giả viết bộ sách, tâu lên vua Khang Hy để tâng công. Biểu tấu chương đến tay Ngao Bái. Ngao Bái lập tức bắt hạ ngục Trang Kiến Long. Bọn Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng trốn được về Dương Châu, mai danh ẩn tích, Ngao Bái điều tra vụ văn tự ngục, hạ lệnh giết toàn thể đàn ông họ Trang.

Ngô Chí Vinh được phong tri phủ Dương Châu. Khang Hy trừ xong Ngao Bái, tin dùng một gã thiếu niên là Vi Tiểu Bảo (nhân vật hư cấu của Kim Dung). Vi Tiểu Bảo là người của Thiên địa hội; y được bổ về Dương Châu công cán, lại gặp ... Ngô Chí Vinh. Ngô Chí Vinh lại làm một biểu tấu chương thứ hai dâng Vi Tiểu Bảo, hải tội bọn Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng, Tra Thận Hành, Tra Kế Tá ... Tương kế tựu kế, Vi Tiểu Bảo cứu bọn Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng; đề nghị bọn Tra, Cố nhại theo thủ bút Ngô Chí Vinh, viết một lá thư

liên hệ bọn Ngô Tam Quê, lúc bấy giờ đang nổi lên chống lại Khang Hy tại vùng Vân Nam. Chính từ bức thư giả đó, Vi Tiểu Bảo đã bắt giữ Ngô Chí Vinh vì tội “tư thông Phiên tặc” giao Ngô Chí Vinh cho vợ Trang Kiến Long giết để tể vong hồn chồng.

Vụ án văn tự ngục triều Khang Hy do Ngao Bái trực tiếp điều tra và xử lý đã giết mất trên 2.000 nhà nho, phần lớn là đàn ông họ Trang. Nó được coi là vụ văn tự ngục lớn nhất lịch sử phong kiến Trung Quốc vì ngay đến vụ án phân thư khanh nho đời Tần, Tần Thủy Hoàng cũng chỉ giết có 460 nhà nho tại Hàm Dương. Ngao Bái giết nhiều nhà nho như vậy cũng chỉ vì một lý do đơn giản : triều Thanh mới định hình, vua Khang Hy còn nhỏ, y có tham vọng tiềm quyền Khang Hy để lên ngôi vua và việc đàn áp các nhà nho người Hán, tiêu diệt lớp tinh hoa ưu tú đó nằm trong ý đồ thực hiện tiềm ngôi của Ngao Bái. Rất may mắn cho các nhà nho Trung Quốc là Khang Hy đã kịp thời bắt giữ Ngao Bái, thi hành một chính sách khoan hòa với người Hán, sửa sai những tội lỗi của tổ tiên trước đây. Ông được người Hán xưng tụng là một minh quân nhân từ và mặc cảm Hán - Mãn đã được giải tỏa. 60 năm ở ngôi của Khang Hy thực sự là 60 năm thái bình thịnh trị trong lịch sử phong kiến Trung Quốc.

Điều tuyệt vời nhất trong **Lộc Đình Ký** là Kim Dung đã đặt tiểu thuyết của mình vào bối cảnh lịch sử có thật với nhân vật có thực (Khang Hy, Ngao Bái, Trang Kiến Long, Cố Viêm Võ, Tra Y Hoàng, Ngô Chí Vinh ...) kết hợp với nhân vật hoàn toàn hư cấu (Vi Tiểu Bảo); biến chính sử trở thành bộ tiểu thuyết lôi cuốn, hấp dẫn. Trong **Lộc Đình Ký**, Kim Dung đã thể hiện lập trường khá rõ ràng : khinh bỉ

bọn Hán gian Ngô Tam Quế, Ngô Chí Vinh, ca ngợi Thiên địa hội, Trang Kiến Long, Cô Viêm Vô, Khang Hy. Và dĩ nhiên, Tra Y Hoang, Tra Thận Hành, Tra Kế Tá cũng là những nhà nho được ông ca ngợi bởi vì họ là tổ tiên của ông - Tra Lương Dung tức Kim Dung.

Vũ Đức Sao Biển

(Nguyệt san Pháp Luật - 1996)

Phụ lục 5

***Kim Dung
giữa
đại học Bắc Kinh***

Tiểu thuyết gia võ hiệp Đài Loan - tiến sĩ Kim Dung đã được mời về đại học Bắc Kinh để trao hàm giáo sư danh dự. Ông được công nhận như một nhà văn kỳ tài của Trung Hoa. Và ông đã “trở về”.

Trong văn học Trung Quốc, tiểu thuyết võ hiệp thường được cho là thuộc dòng văn học thông tục và không ít người quan niệm rằng nhả và tục như nước với lửa, khó mà dung nạp với nhau. Song mới đây, đại học Bắc Kinh (Bắc Đại) đã tìm được điểm chung giữa hai dòng văn học ấy. Tác phẩm của Kim Dung. Và trường đại học nổi tiếng là “đại nhả chi đường” này quyết định phong hàm giáo sư danh dự cho nhà tiểu thuyết võ hiệp trứ danh Kim Dung.

Kim Dung tên thật là Tra Lương Dung, người Hải Ninh, Triết Giang. Năm 1948, sau khi tốt nghiệp Đông Ngô pháp học viện ở Thượng Hải, ông sang HongKong làm việc cho tờ *Đại Công Báo*. Về sau, ông sáng lập ra tờ *Minh Báo*.

Thực ra, Kim Dung là người rất nhã. Ông Ngô Thu Thanh - hiệu trưởng Bắc Đại - nhận xét như thế bởi lẽ “Kim Dung không chỉ là nhà văn mà còn là nhà báo, nhà chính luận, học giả tài hoa”.

Tin Kim Dung đến Bắc Đại nhận hàm đã khuấy động bầu không khí ở Bắc Đại. Ngoài vườn trường, ở thư đình đâu đâu cũng thấy tiêu thuyết của Kim Dung. Hôm cử hành nghi thức, sinh viên không có giấy mời đã tụ tập bên ngoài rất đông, chờ đợi để được nhìn thấy Kim Dung. Trong hội trường càng sôi động hơn. Các nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng như Viên Hành Bái, Nghiêm Gia Viêm ... đều đến tham dự. Giáo sư Nghiêm Gia Viêm, qua một bản báo cáo rất dài, ca ngợi : “Kim Dung đã đưa tiểu thuyết võ hiệp lên ngang hàng với văn học cung đình. Thông qua thế giới của các nhân vật võ lâm, ông đã vẽ lên bức tranh muôn màu muôn vẻ của lịch sử, của đời sống xã hội bằng tri thức lịch sử uyên thâm cùng với một văn phong làm người đọc say mê. Kim Dung đã mượn võ thuật để thể hiện sức mạnh tinh thần nội tại của văn hóa dân tộc. Lại mượn văn hóa truyền thống để giải thích quan điểm về võ học của mình : võ công giúp con người tu tâm dưỡng tính, để thể hiện triết lý, nhân sinh ...”. Đánh giá của giáo sư Nghiêm Gia Viêm cho thấy giới văn học chính thống của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã nghiên cứu tình huống những tác phẩm của Kim Dung.

Đại học Bắc Kinh yêu mến Kim Dung và Kim Dung cũng ngưỡng mộ nơi đây. Trong phần diễn thuyết, ông kể : “Đại học Bắc Kinh là nơi tôi ngưỡng mộ đã lâu. Thời kháng chiến, khi thi vào đại học, nguyện vọng của tôi là trường đại học Tây Nam liên đại (lúc đó gồm ba trường Bắc Đại, Thanh Hoa, Nam Khai hợp thành). Nhưng thi đậu rồi lại không có

tiên đề đi học. Giờ đây, trở thành người một nhà, tôi cảm thấy vô cùng sung sướng. Vâng, tôi đã trở về". Trái với sự mong đợi của mọi người, Kim Dung không bàn về vô hiệp, ông nói: "Hôm nay xin được miễn bàn về vô hiệp. Nói về vô hiệp không trang nghiêm nên sẽ làm bẩn đến lịch sử". Theo Kim Dung, dân tộc Trung Hoa trải qua bao biến đổi, thăng trầm vẫn không diệt vong mà ngày càng lớn mạnh bởi nền văn hóa Trung Hoa mang tinh bao dung và khai phóng. Với những dẫn chứng uyên bác và lời khôi hài tinh tế, Kim Dung đã nhận được tán thưởng nhiệt liệt của mọi người. Kim Dung còn chinh phục được cảm tình của người Bắc Đại bằng hai câu đối:

*Thảo Đường phú thi
Bắc Đại giảng học.*

Thật là khiêm tốn! Ông đã cho việc mình được thuyết giảng học thuật tại Bắc Đại là điều vinh dự và hạnh phúc như được làm thơ nơi Thảo Đường của đại thi hào Đỗ Phủ.

Nhiều cuộc tọa đàm giữa giáo sư, sinh viên của trường đại học Bắc Kinh và Kim Dung được tổ chức với mục đích khám phá "bí mật" sáng tác của Kim Dung. Hy vọng rằng những người "mê Kim Dung" sẽ hài lòng phần nào.

— Tiểu thuyết của ông đã đem lại cho văn học Trung Quốc của chúng ta một vấn đề nan giải đó là không nên xếp nó vào loại nào? Là tiểu thuyết thông tục ư? Dường như chưa chính xác bởi vì ông đã kết hợp văn học cũ - mới; nhà - tục với nhau. Nếu như dùng văn học hiện hữu để bình luận, khái niệm thì e rằng đã vô tình hạ thấp giá trị tác phẩm của ông chăng?

– Sở dĩ tiểu thuyết của tôi được hoan nghênh là do ngoài tình tiết ly kỳ còn có một nguyên nhân quan trọng khác : tôi luôn sử dụng thủ pháp sáng tác truyền thống của dân tộc. Trên thực tế, văn học mới không phải là truyền thống của văn hóa Trung Quốc. Một số người cho rằng đó là loại văn chương sâu sắc, khó mà tiếp nhận, không phải là những thứ mà Trung Quốc đã có. Văn học mới, văn thể mới dành cho thành phần trí thức đọc chứ không phải cho mọi người xem. Người ta xem tiểu thuyết đâu chỉ để đọc “truyện” mà còn thích xem văn thể Trung Quốc. Cho nên tôi mong rằng các tác giả sáng tác bằng văn thể Trung Quốc không nên dùng văn tự Âu hóa.

– Khi viết tiểu thuyết, ông đặt mình ở vị trí nào ?

– Trước khi viết, bao giờ tôi cũng xác định mình là người đứng ngoài cuộc, người quan sát nhưng rồi lại bị cuốn hút vào đó. Tôi là người đa cảm, viết đến chuyện buồn bã lại không cảm được nước mắt.

– Tiểu thuyết của ông liên quan đến rất nhiều nội dung như lịch sử, Phật học, Đạo giáo, trà đạo, tửu đạo, vi kỳ, hoa ... Nhiều độc giả cho rằng ông hình như đã từng thực hành qua. Có phải ông rất tinh thông các lĩnh vực đó ?

– Quả thực có một số thứ tôi đã làm qua. Tôi biết vi kỳ, tuy tính toán không bằng chuyên gia nhưng cũng hạ được nhiều người. Thủ pháp biết một ít song viết không đẹp lắm; cổ cầm thì không biết đánh và chỉ là người thích âm nhạc; họa cũng thích xem và hiểu, nhưng không biết vẽ. Như thế, không thể nói cũng tinh thông tất cả được.

- Trong tiểu thuyết của ông thường đề cập đến Phật học, vậy có thể khẳng định ông có nghiên cứu không ?

- Hứng thú của tôi rất nhiều, chủ yếu là những gì thuộc về văn hóa, lịch sử Trung Quốc. Đối với Phật học, tôi tương đối thích Phật giáo tiểu thừa nhưng chỉ là tư tưởng nguyên thủy của Thích Ca Mâu Ni.

- Ông sẽ "tái xuất giang hồ" chứ ?

- Tuổi tôi bây giờ cũng đã cao, tôi muốn được tiêu dao. Già như tiếp tục viết, sợ rằng không đủ minh mẫn và sức lực. Trong các bộ tiểu thuyết mà tôi đã viết còn chưa có nhân vật và tình tiết trùng lặp, nếu viết nữa sẽ không giữ được chuẩn mực ấy. Tôi không muốn để độc giả thất vọng.

*Bản dịch : Phạm Hoàng Oanh
Theo Nhân Dân Nhật Báo
(Thanh Niên Bán Nguyệt San Xuân 1996)*



Phụ lục 6

***Từ nỗi oan
của Hòa Sinh
đến
Liên Thành Quyết***

***Nguyên tác : Hậu Ký Liên Thành Quyết
của Kim Dung***

Bộ Liên Thành Quyết của nhà văn Kim Dung in lần đầu tiên năm 1963. Đến năm 1977, ông cho chỉnh lý lại bộ sách và tái bản. Đặc biệt, trong lần tái bản này, ông đã bổ sung thêm phần Hậu Kỳ, giải thích trường hợp viết Liên Thành Quyết.

Tôi đã trải qua những ngày thơ ấu tại Hải Ninh, Triết Giang. Đạo ấy, nhà tôi có một trưởng công tên gọi Hòa Sinh. Ông là một người tàn phế, một người gù. Tuy chỉ bị bấu ở một bên lưng nhưng hình dáng của ông trông thật cổ quái. Nói là trưởng công chứ thật ra công việc của Hòa Sinh chỉ là quét sân, lau bụi và đưa rước bọn trẻ đi học. Mỗi khi gặp ông, các bạn học của tôi lại vỗ tay, hát ghẹo :

*Lưng gù là bác Hòa Sinh
Than đào la vắt trên mình ra đi*

Than đào la, tiếng quê tôi, có nghĩa là cái rá vo gạo bằng tre.

Những lúc ấy, tôi thường nắm tay Hòa Sinh và bảo các bạn đừng hát nữa. Có lần, tôi ngăn họ không được, tức quá, bật khóc. Vì thế, Hòa Sinh hết sức thương yêu tôi. Cả những ngày mưa gió và những ngày có tuyết rơi, ông đều ấm tôi

đến lớp. Ắm chứ không phải công bởi vì ông bị gù mà ! Cha mẹ tôi thấy Hòa Sinh tuổi đã cao, khuyên ông đừng ắm tôi nữa, lỡ cả hai cùng té thì nguy. Song, Hòa Sinh nào có nghe, vẫn nhất định ắm.

Cho đến một hôm, Hòa Sinh bị bệnh nặng. Tôi mang ít điểm tâm đến thăm ông. Và tại gian phòng đó, ông đã mang chuyện đời mình kể cho tôi nghe.

Hòa Sinh là người Đơn Dương, Giang Tô. Nhà ông có mở một tiệm bán đậu hũ. Cha mẹ Hòa Sinh đã dạm hỏi một cô láng giềng xinh đẹp cho ông. Sau mấy năm cố gắng làm việc, Hòa Sinh kiếm đủ tiền và chuẩn bị cưới vợ. Tháng 12 năm đó, một nhà giàu thuê Hòa Sinh đến xay lúa để làm bánh ăn Tết.

Để cho kịp, Hòa Sinh miệt mài làm việc suốt mấy ngày trong hậu sảnh. Khi công việc hoàn tất, Hòa Sinh nhận được tiền công thì đêm đã khuya. Hòa Sinh đang định về nhà, bỗng nghe trong nhà chủ có tiếng tri hô : “Trộm, có trộm”. Có người báo Hòa Sinh chạy đến hoa viên tiếp ứng. Thế nhưng, khi ông đến nơi thì bị mấy người ở đây đánh túi bụi, vu cáo ông là đầu đảng bọn trộm. Lưng ông bị gãy và thành tật là do vậy. Sau khi tỉnh dậy, Hòa Sinh thấy bên mình có rất nhiều vàng bạc. Người nhà của tên nhà giàu còn tìm được nhiều tiền giấu ở cối xay bột. Dấu chân của Hòa Sinh còn rành rành ra đó. Vì vậy, người ta giải Hòa Sinh lên quan. Tang chứng đầy đủ, Hòa Sinh thanh minh không được đành phải nhận tội. Ông cứ nghĩ tội trộm không có gì lớn lao, nào ngờ bị đánh mấy chục trượng và tống giam hơn hai năm mới thả. Trong khoảng thời gian ấy, cha mẹ ông đã qua đời, còn vị hôn thê xinh đẹp ngày nào đã trở thành vợ lẽ của con trai lão nhà giàu kia.

Sau khi ra khỏi nhà lao, biết tất cả mọi chuyện đều do con trai lão nhà giàu dựng nên để hãm hại mình, Hòa Sinh thề sẽ trả thù. Ông giấu một con dao nhọn trong người, phục nơi tên này thường lui tới và thừa cơ đâm hấn mấy nhát,, rồi không thèm chạy trốn, điềm nhiên đợi sai nha đến bắt. Con trai lão nhà giàu không chết, chỉ bị trọng thương nhưng cha gã không ngừng hối lộ quan tri huyện, cai ngục ... Lão muốn Hòa Sinh bị giam trong ngục cho đến mãn đời, không còn cơ hội phục thù.

Hòa Sinh chép miệng : “Thật là Bỏ Tát giúp đỡ. Chưa đến một năm sau, lão phụ đến làm Đồn Dương huyện chính đường. Người đã cứu mạng tôi”. Lão phụ mà Hòa Sinh nói chính là ông nội của tôi.

Ông nội tôi tên là Văn Thanh, tự Thương San, được người có tuổi ở quê tôi xưng tụng là Thương San tiên sinh, đậu Tiến sĩ năm Mậu Tuất (1898), dưới triều vua Quang Tự. Về sau, trên phái ông tôi đến Đồn Dương làm tri huyện. Chẳng bao lâu, ông càng nổi tiếng với cái tên “Đồn Dương giáo án”.

Trong quyển 5 của bộ *Hai Ngàn Năm Lịch Sử Trung Hoa* do Đặng Chí Thành biên soạn có đề cập đến việc triều đình có dụ buộc ông nội tôi chém đầu hai người đốt giáo đường để thị chúng. Ông nội tôi vẫn thông tri về việc lấy đầu hai người nọ nhưng không truy nã. Và ông quyết định cáo quan, về quê nhân cư, lấy sách vở làm vui. Ông đã biên soạn bộ *Hải Ninh Sát Thị Sao Thi* gồm hơn mấy trăm bài thơ. Tiếc rằng, ông không được nhìn thấy ấn bản của bộ sách này thì đã qua đời.

Hòa Sinh kể rằng sau khi ông tôi nhậm chức, đã cho thăm tra lại tất cả phạm nhân ở trong ngục. Ông biết rõ nỗi oan khuất của Hòa Sinh nhưng Hòa Sinh thật sự đã gây thương tích cho người khác nên không thể chuyển quyền mà phóng thích được. Khi từ quan, ông lẳng lặng mang Hòa Sinh theo và nuôi trong gia đình.

Cho đến ngày Hòa Sinh qua đời - vào những năm toàn quốc kháng chiến - cha mẹ tôi vẫn không hề để lộ thân thế của ông cho ai biết. Chính tôi cũng sẽ không biết nếu như hôm đó Hòa Sinh không bệnh nặng và nghĩ mình không qua khỏi. Những kỷ niệm về Hòa Sinh đối với tôi thật thân thiết. Tôi còn nhớ có khi suốt hai, ba ngày ông không nói một câu. Cha mẹ tôi đối với Hòa Sinh rất tôn trọng, chưa bao giờ sai bảo Hòa Sinh là điều gì. Hòa Sinh không biết võ công và Hòa Sinh cũng không phải là tên thật.

Liên Thành Quyết được phát triển từ câu chuyện chôn sâu trong lòng tôi. Bộ tiểu thuyết này viết vào năm 1963, lúc ấy *Minh Báo* và *Nam Dương Thương Báo* (Singapore) hợp tác xuất bản ở *Đông Nam Á Chu San*. ***Liên Thành Quyết*** được đăng lần đầu tiên trên tuần báo này. Tên cũ của sách vốn là ***Tổ Tâm Kiếm***.

4.1977

Bản dịch : Hoàng Oanh





Bộ phim **Tiểu Ngạo Giang Hồ** (mới) sản xuất năm 1996.

Lữ Tụng Hiền (vai Lệnh Hồ Xung); Lương Bội Linh (vai Doanh Doanh); Trần Thiều Hà (vai Nhạc Linh San)

Phụ lục 7

***Từ
tiểu thuyết võ hiệp
đến
điện ảnh***

Có lẽ khi viết đoản thiên ***Độc Bá Quân Hùng***, cuốn tiểu thuyết võ hiệp đầu tay của đời mình, Kim Dung không ngờ những tác phẩm của ông cuốn hút độc giả đến thế và được hãng TVB Hong Kong chuyển thể thành những tác phẩm điện thị (video) lớn lao đến như thế. Trên 10 năm trước đây, những tác phẩm điện thị đó đã đến với đông đảo khán giả Việt Nam. Trong bước đầu, có lời khen tiếng chê nhưng cho đến bây giờ, sự hiện diện của những tác phẩm điện thị này được chấp nhận như một thực thể và thực tế. Và rõ ràng, nếu chưa đạt được trọn vẹn những giá trị khác, thì những tác phẩm điện thị này đã đạt được giá trị giải trí cho đông đảo người thưởng ngoạn, không phải chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia khác.

Tiểu thuyết vốn chỉ khắc họa những hình tượng. Khi đọc tiểu thuyết, người ta để cho trí tưởng tượng cá nhân bay bổng và trí tưởng tượng ấy gợi ra những hình ảnh nhân vật, những tình huống riêng cho mình. Ngược lại, trong tác phẩm điện ảnh, tính hình tượng ấy mất hẳn : hình tượng đã hóa thành nhân vật và đó là những nhân vật cụ thể, cố định, được mọi khán giả cảm nhận như nhau. Cũng cần phải nhắc

lại rằng để có những tác phẩm điện ảnh, người ta phải có những kịch bản chuyên thể từ tiểu thuyết. Kịch bản điện ảnh có tính khoa học, tính hợp lý hóa hơn tiểu thuyết bởi vì những tình huống, những phân đoạn diễn ra phải theo một thời gian nhất định trong một không gian nhất định.

Đếm lại số phim bộ đã được lưu hành, ta thấy Kim Dung là nhà văn đoạt giải quán quân về tác phẩm tiểu thuyết được xây dựng thành tác phẩm điện ảnh. Những bậc tiền bối như Tào Tuyết Cẩn, La Quán Trung, Thi Nai Am, Ngô Thừa Ân; những người đương đại như Lâm Ngữ Đường, Lỗ Tấn, Tào Ngưu ... có số lượng tác phẩm được dựng thành điện ảnh không bằng ông. Những **Thần Điêu Hiệp Lữ**, **Xạ Điều Anh Hùng Truyện**, **Ỗ Thiên Đồ Long Ký**, **Thần Dao Hồ Đại Đồn** (dựng thành phim gọi là **Tuyết Sơn Phi Hồ**), **Hiệp Khách Hành**, **Lộc Đình Kỳ**, **Tiểu Ngạo Giang Hồ Kỳ**, **Liên Thành Quyết**, **Lục Mạch Thần Kiếm Truyện** ... đều đã được thực hiện hóa thành phim bộ, với những thể hệ tài tử khác nhau.

Bộ phim **Xạ Điều Anh Hùng Truyện** ra đời năm 1984 với Hoàng Nhật Hoa đóng vai Quách Tĩnh và Ông Mỹ Linh đóng vai Hoàng Dung. Bộ phim **Thần Điêu Hiệp Lữ** ra đời năm 1985 với Lưu Đức Hoa đóng vai Dương Qua và Trần Ngọc Liên đóng vai Tiểu Long Nữ. Lữ Lương Vĩ đóng vai tiểu anh hùng Hồ Phi trong bộ **Tuyết Sơn Phi Hồ** ... Tên tuổi của các tài tử điện ảnh Hong Kong nổi bật lên nhờ tên tuổi của các nhân vật và các nhân vật của Kim Dung được biết đến nhờ tình cảm người yêu phim dành cho các tài tử điện ảnh Hong Kong.

Mười năm sau, những bộ phim ấy lại được dựng lại với dàn diễn viên mới hơn, cách dàn dựng công phu hơn, mức

đầu tư cao hơn. Kim Dung đã được mời đến để tham khảo, góp ý bản bạc kịch bản, ra mắt đoàn làm phim và chứng kiến những cảnh quay đầu tiên cho từng bộ. Bộ **Xạ Diêu Anh Hùng Truyện** (mới) được sản xuất năm 1994 với Trương Trí Lâm đóng vai Quách Tĩnh và Chu Nhân đóng vai Hoàng Dung. Bộ **Thần Điêu Hiệp Lữ** (mới) được thực hiện 1995 với Lý Ý Hồng đóng vai Quách Tường, Cổ Thiên Lạc vai Dương Qua và Lý Nhược Đồng vai Tiểu Long Nữ. Năm 1996, bộ **Tiểu Ngạo Giang Hồ Ký** (mới) ra đời với Lữ Tụng Hiền đóng vai Lệnh Hồ Xung, Lương Bội Linh đóng vai Nhậm Doanh Doanh, Trần Thiều Hà đóng vai Nhạc Linh San ...



Mục lục

□ Chương 1 - Dẫn nhập	Trang
Kim Dung giữa đời tôi	7
□ Chương 2	
Khái quát về phong cách xây dựng nhân cách	15
□ Chương 3	
Võ công trong tiểu thuyết Kim Dung	25
□ Chương 4	
Rượu trong truyện võ hiệp Kim Dung	33
□ Chương 5	
Âm nhạc trong truyện võ hiệp Kim Dung I	47
□ Chương 6	
Hoa trong truyện võ hiệp Kim Dung	61
□ Chương 7	
Y học trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	73
□ Chương 8	
Tình yêu trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	87
□ Chương 9	
Tình dục trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	95
□ Chương 10	
Chất hài trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	101
□ Chương 11	
Ghen trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	115
□ Chương 12	
Chất thơ trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	121
□ Chương 13	
Ngôn ngữ bình dân trong văn chương Kim Dung	131
□ Chương 14	
Những vụ án tình báo gián điệp	
trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	137
□ Chương 15	
Số phận những bộ sách	
trong tác phẩm võ hiệp Kim Dung	155

□ Chương 16	
Lược khảo về các tôn giáo, bang hội trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	165
□ Chương 17	
"Thời trang" trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	179
□ Chương 18	
Những nhân vật quái dị trong tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung	187
□ Chương 19	
Bọn hào sĩ giang hồ ăn tết	197
□ Chương 20	
Kiều Phong - Khát vọng của tự do	205
□ Chương 21	
Khóc lên, hỡi Nghi Lâm	213
□ Chương 22	
Kiểm luận	221
□ Chương 23	
Đạo luận	231
□ Chương 24	
Vì Tiểu Bảo ở đâu ?	239
□ Phụ lục 1	
Giã Biệt Cối Giang Hồ (trích Liên Thành Quyết)	245
□ Phụ lục 2	
Nhận Môn Quan Bì Trắng (trích Lục Mạch Thần Kiếm Truyện)	271
□ Phụ lục 3	
Thánh Sư Nữ (trích Ý Thiên Đồ Long Ký)	281
□ Phụ lục 4	
Vụ văn tự ngục lớn nhất lịch sử Trung Hoa	287
□ Phụ lục 5	
Kim Dung giữa đại học Bắc Kinh	293
□ Phụ lục 6	
Từ nỗi oan của Hòa Sinh đến Liên Thành Quyết	299
□ Phụ lục 7	
Từ tiểu thuyết võ hiệp đến điện ảnh	305

KHẢO LUẬN VĂN HỌC

Kim Dung
GIỮA ĐỜI TÔI

VŨ ĐỨC SAO BIÊN

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Hoàng Văn Bón

Biên tập :

Đặng Tấn Hướng

Tân Hoài Dạ Vũ

Bìa :

Nguyễn Hạo

Trình bày :

Thư Nguyên

Sửa bản in :

Lam Điền

In 1.000 bản, khổ 13x19cm Tại Xí nghiệp In số 9 - 22A Trương Định, Q.3, TP. Hồ Chí Minh. Số đăng ký Kế hoạch Xuất bản 121VH-886 CXB do Cục Xuất bản cấp ngày 20/12/1996. Quyết định xuất bản số 01/QĐXB do Nhà xuất bản Đồng Nai cấp ngày 27/12/1996. In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 1997.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI, Số 04 Nguyễn Trãi, Biên Hòa - Đồng Nai

Điện thoại : (061) 822613 - Ban Biên tập : (061) 825292

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Tác phẩm:

Biển Động. Thơ. NXB Đại học Sư phạm, 1969
Một ngày cho tình yêu. Ca khúc. NXB Trẻ Sài Gòn, 1971
Bì ca nguồn sông Pak. Truyện. NXB Long An, 1989
Hoa hồng trên cát. Truyện. NXB Đồng Nai, 1990
Bản báo cáo biết bay. Tiểu phẩm hài hước. NXB Trẻ, 1989
Ảo ảnh sương khói. Tiểu thuyết. NXB Long An, 1992
Vạn tuế đàn ông. Tiểu phẩm hài hước. NXB Long An, 1993
Vĩnh biệt Thốt Nốt. Tiểu phẩm hài hước. NXB Trẻ, 1996
Kim Dung giữa đời tôi. Nhận định và chú giải tác phẩm
Kim Dung. NXB Đồng Nai, 1997.

Sẽ in:

Thu hát cho người. 15 tình khúc
Ngôn ngữ từ những miếng cẩm thạch. Bút ký

Giá : 22.000đồng



VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Bút danh khác: Đồ Bì - Mạc Đại

*Sinh 12.02.1948 tại Duy Vinh, Duy Xuyên,
Quảng Nam - Đà Nẵng*

Tốt nghiệp: Ban Việt-Hán, Đại học Sư phạm Sài Gòn, 1970

Cử nhân Triết Đông, Đại học Văn khoa Sài Gòn, 1970

Dạy học tại Bạc Liêu 1970-1975

*1978-1988: Dạy học tại Nhà Bè. Cán bộ ngành giáo dục
Nhà Bè*

1988-1993: Làm báo (Báo Công An TP.HCM)

1993 đến nay: Làm báo (Báo Thanh Niên)